

THÍCH NHẤT HẠNH



Kết một
trăng hoa



NHÀ XUẤT BẢN
PHƯƠNG ĐÔNG

Nguồn: Làng Mai, langmai.org

Hiệu đính: Binh Anson, Perth, Western Australia

Phiên bản: 25/04/2020 6:41:00 AM

Kết một tràng hoa

Kinh Pháp Cú Hán tạng

Bài tựa – Kết một tràng hoa	5
Bài tựa Kinh Pháp Cú	19
1. Kinh Quán Chiếu Vô Thường	23
2. Kinh Học Hỏi và Thực Tập	33
3. Kinh Mở Rộng Tâm Hiểu Biết	44
4. Kinh Bồi Đắp Niềm Tin	52
5. Kinh Nghiêm Trì Giới Luật	59
6. Kinh Thực Tập Quán Niệm	66
7. Kinh Nuôi Lớn Tình Thương	72
8. Kinh Thực Tập Ái Ngũ	79
9. Kinh Đối Chiếu	84
10. Kinh Tinh Chuyên	93
11. Kinh Điều Phục Tâm Ý	102
12. Kinh Hoa Hương	107
13. Kinh Người Ngu Muội	114
14. Kinh Bạc Minh Triết	122
15. Kinh Vị La Hán	129
16. Kinh Vượt Thắng	134
17. Kinh Quả Báo	141
18. Kinh Bất Hại	149
19. Kinh Tuổi Già	155
20. Kinh Thương Thân	160
21. Kinh Thoát Tục	166
22. Kinh Phật Bảo	172

23. Kinh An Lạc	180
24. Kinh Luyến Ái	186
25. Kinh Chế Ngự Phần Nô.....	191
26. Kinh Thanh Lọc Tâm Ý.....	201
27. Kinh Phụng Trì	209
28. Kinh Con Đường.....	216
29. Kinh Tuyết Trên Đỉnh Núi	227
30. Kinh Địa Ngục	233
31. Kinh Điều Phục Chính Minh.....	239
32. Kinh Chiếc Lưới Ái Ân	246
33. Kinh Lợi Dưỡng	258
34. Kinh Người Xuất Sĩ.....	266
35. Kinh Vị Phạm Chí.....	278
36. Kinh Rong Chơi Trời Phương Ngoại.....	292
37. Kinh Thoát Vòng Sinh Tử.....	306
38. Kinh Đời Sống Đạo Lý.....	313
39. Kinh Điềm Lành Lớn Nhất	322



Bài tựa – Kết một tràng hoa

BBT: Sư Ông Làng Mai mới dịch xong 39 bài kinh từ kinh Pháp Cú Hán tạng sang tiếng quốc ngữ. Chúng tôi xin trân trọng lần lượt giới thiệu tới bạn đọc những bài kinh đó để chúng ta cùng học hỏi và hành trì theo. Trước hết chúng tôi kính mời bạn đọc lời tựa do Sư Ông Làng Mai viết về kinh Pháp Cú Hán tạng để chúng ta có cơ hội hiểu thêm về hoàn cảnh ra đời của những bài kinh này.

Kết một tràng hoa

Viết về Kinh Pháp Cú Hán tạng

Thiền sư Thích Nhất Hạnh

Ở Ấn Độ, ngày xưa cũng như ngày nay, và ở nhiều nước khác nữa, có tục đi mua những tràng hoa kết sẵn để dâng cúng hay để hiến tặng.

Chúng ta hãy hình dung một người kết tràng hoa và bán tràng hoa chuyên nghiệp. Người ấy đi hái nhiều thứ hoa, đem về, để riêng từng loại hoa trước mặt. Người ấy nâng một vài đóa hoa hay chùm hoa lên, ví dụ hoa nhài, rũ một cái, cho những cánh hoa này lộ ra tất cả cái tươi đẹp còn lại của chúng, trước khi khâu kết thành một tràng hoa. Công việc của người biên tập kinh Pháp Cú cũng giống như công việc của người chuyên môn khâu kết tràng hoa. Trước hết người ấy phải đi hái hoa, nghĩa là đọc hết các kinh điển, và chọn ra những ý kinh, những bài kệ mang tính chất cốt tủy của Phật pháp. Rồi người ấy tập hợp các bài kệ này dưới những chủ đề khác nhau, cũng như hoa nhài để riêng, hoa huệ để riêng, hoa vạn thọ để riêng. Người ấy bỏ những bài kệ mà nghĩa lý

còn mù mờ, chỉ chọn những bài kệ nghĩa lý thật sáng tỏ, cũng như cầm hoa mà rũ, làm rơi rụng những cánh hoa không còn tươi thắm, để chỉ còn những đóa hoa thật tươi, trước khi xâu kết thành tràng hoa.

Tôn giả Pháp Cứu (Dharmatràta), một trong những vị luận sư nổi tiếng của bộ phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ ở Kashmir, được coi như là người đã biên tập thành kinh Pháp Cú mà chúng ta có một bản dịch ở Hán Tạng. Đó là kinh thứ 210 trong Đại Tạng Tân Tu. Đầu kinh có ghi là kinh do tôn giả Pháp Cứu tuyển chọn.

Nếu sự ghi chép đó đúng với sự thực, thì tôn giả Pháp Cứu là một trong những nhà tuyển chọn và biên tập các kinh Pháp Cú. Bởi vì không phải chỉ có một người làm việc ấy. Có những kinh Pháp Cú chỉ có 500 bài kệ tụng, có những kinh có 700 bài, có kinh có 900 bài, v.v...

Kinh Pháp Cú trong Hán Tạng có tới 39 phẩm với 39 đề tài. Phẩm đầu là phẩm Vô Thường, và cố nhiên chủ đề chung của tất cả các bài kệ tụng trong ấy là tính vô thường của vạn vật. Phẩm này có hai mươi một bài kệ tụng.

Phẩm thứ 12 có đề tài là Hoa Hương. Ta hãy đọc hai bài kệ đầu của phẩm này, bởi vì hai bài ấy nói về chuyện xâu kết tràng hoa và biên tập Pháp Cú:

1. “Ai là người tuyển chọn được các cỗi, bỏ đi các vùng tù ngục mà chỉ giữ lại các tầng trời? Ai là người có thể tuyển chọn được Pháp Cú như một kẻ chuyên nghiệp có tài chọn hoa và kết lại thành tràng hoa?”
2. “Một người đang thực tập tu học thì có thể tuyển chọn được các cỗi, bỏ đi các vùng tù ngục mà chỉ giữ lại các tầng trời, có thể nói Pháp Cú, có thể hái được những đóa hoa đức hạnh.”

Đi vào kinh tạng cũng như đi thám hiểm các tầng trời: biết bao nhiêu đóa hoa tuyệt vời của diệu pháp mà ta có thể khám phá trong kho tàng của thế giới ấy. Phải có tu có học thật sự thì ta mới có khả năng khám phá và nhận diện được những châu báu ấy, để thu nhặt, đúc kết và hiến tặng cho thế gian. Ta không cần có phép thần thông mới đi vào được các cõi trời kia để làm công việc giám sát và chọn lọc. Ta chỉ cần là người có thật tu thật học. Tôn giả Pháp Cú tin rằng mình làm được công việc tuyển chọn Pháp Cú tại vì mình có thật tu thật học. Và nếu ai có thật tu thật học cũng đều làm được việc ấy, nghĩa là có khả năng giảng dạy Pháp Cú và gặt hái được những đóa hoa tuệ giác và đức hạnh để kết lại thành những tràng hoa.

Đọc hai bài kệ đầu này của phẩm Hoa Hương ta thấy được đức khiêm cung của tôn giả Pháp Cú. Nhiều người nói là muốn đọc Đại Tạng Kinh, đang đọc Đại Tạng Kinh hay đã đọc Đại Tạng Kinh. Nhưng đã có mấy người đi vào trong Đại Tạng mà không lạc đường, mà không biết mình đang ở vị trí nào trong cái đại dương mông mênh ấy?

Kinh Pháp Cú được lưu hành rộng rãi ở Việt Nam ngày nay là kinh Pháp Cú của tạng Pāli. Kinh này chỉ có 26 phẩm mang 26 đề tài, chứ không phải có tới 39 phẩm như kinh Pháp Cú trong tạng Hán. Nhưng nội dung của 26 phẩm gần giống nhau quá, kể cả tên các phẩm, cho đến nỗi có nhiều học giả cho rằng kinh Pháp Cú trong tạng Hán đã được dịch từ kinh Pháp Cú trong tạng Pāli. Nhưng tìm hiểu chi tiết, ta có thể nói rằng cả hai kinh đều có thể đã được phát xuất từ một nguyên bản Prakrit. Có thể là nguyên bản này thuộc về Hữu Bộ hay Ca Diếp Di Bộ, hoặc một bộ phái khác có mặt ở miền Bắc Ấn Độ.

Kinh Pháp Cú tạng Hán có một bài tựa có thể cung cấp cho

chúng ta một ít thông tin rất quý báu. Nhờ bài tựa này mà ta biết người dịch kinh tên là Trúc Tương Diễm, tiếng Phạn thì rất giỏi nhưng vốn liếng tiếng Hán thì còn ít. Vị này đã cùng với một vị khác, tên là Duy Kỳ Nan, từ Ấn Độ qua tới Vũ Xương vào năm thứ ba của niên hiệu Hoàng Vũ, tức là năm 224 của kỷ nguyên Tây Lịch. Họ có đem theo một nguyên bản tiếng Phạn của kinh Pháp Cú có 500 bài kệ tụng.

Người viết bài tựa này là cư sĩ Chi Khiêm, vị đã từng là giáo sư dạy kèm cho hoàng thái tử Tôn Lượng nước Đông Ngô cho đến năm 252, khi phụ hoàng là Ngô Tôn Quyền băng. Chi Khiêm trước đó đã dịch được rất nhiều kinh từ tiếng Phạn ra tiếng Hán. Sách Cao Tăng Truyện nói ông đã dịch được 49 bộ kinh, trong khi sách Lịch Đại Tam Bảo Ký nói ông đã dịch được tới 129 bộ. Công trình phiên dịch này chắc hẳn đã được ông thực hiện một phần nhỏ ở Vũ Xương và một phần lớn ở Kiến Nghiệp, thủ đô nước Đông Ngô, trong khi ông được vua Ngô Tôn Quyền mời dạy cho thái tử. Trước đó, nghĩa là khi nhà Hậu Hán chưa sụp đổ, ông cư trú ở Hà Nam. Ông là người nước Nhục Chi (Indo-Scythae) cùng với thân tộc di cư qua nước Hán hồi còn rất trẻ, có thể hồi mới mười tuổi, hiểu tới sáu thứ tiếng. Ông đã được theo học với thầy Chi Lương, thầy này là đệ tử của thầy Chi Lưu Ca Sấm (Locasema), một dịch giả kinh Phật nổi tiếng ở đất Hán. Chi Lưu Ca Sấm, Chi Lương và Chi Khiêm đều là những nhà trí thức thượng thặng có gốc gác nước Nhục Chi, và được người đương thời ca ngợi là Tam Chi (ba vị học giả uyên thâm gốc nước Nhục Chi). Chi Khiêm còn được ca tụng là Trí Nang, có nghĩa là một cái túi kiến thức. Sau ngày sụp đổ của nhà Hán, Chi Khiêm đã chạy loạn về Vũ Xương, sau đó mới được vua Tôn Quyền mời dạy thái tử.

Bài tựa Kinh Pháp Cú do Chi Khiêm viết cho biết rằng hai vị Duy Kỳ Nan và Trúc Tương Diễm đã từ Ấn Độ tới Vũ Xương

với nguyên bản kinh Pháp Cú bằng tiếng Phạn và ông được gặp hai vị này ở đây. Các vị này đã tới Lạc Dương trước, nhưng vì thời thế loạn lạc, nhà Hán sụp đổ cho nên mới di tản vào Vũ Xương. Hồi đó Ngô Tôn Quyền chưa xưng đế, nhưng miền Giang Đông do ông kiểm soát tương đối có an ninh. Chi Khiêm cũng đang tỵ nạn ở đấy và hai bên đã có cơ hội gặp nhau. Năm các vị gặp nhau là năm 224, hai năm sau ngày nhà Hán chính thức sụp đổ. Nhà Hán sụp đổ thì có ba nước được thành lập: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô. Bài tựa cho biết là chính cư sĩ Chi Khiêm đã đề nghị thầy Trúc Tương Diễm dịch kinh Pháp Cú từ tiếng Phạn ra tiếng Hán và thầy Tương Diễm đã nhận lời.

Bài tựa cho biết rằng tuy thầy Tương Diễm rất giỏi về tiếng Phạn nhưng tiếng Hán còn kém. Nếu Chi Khiêm lúc đó đã là một dịch giả xuất sắc từng dịch được nhiều kinh từ Phạn ra Hán thì tại sao không tự nguyện dịch lấy mà phải nhờ thầy Tương Diễm dịch? Chỉ có một câu trả lời: hồi đó, tiếng Phạn của Chi Khiêm còn yếu, và Chi Khiêm chưa bắt đầu sự nghiệp dịch thuật của mình. Bài tựa còn cho biết có nhiều chỗ khó dịch, cho nên bản dịch không có được những đoạn khó dịch ấy, và do đó đã có những rơi rụng đáng tiếc.

Hồi ấy, cư sĩ Chi Khiêm suýt soát 30 tuổi, và đã nổi tiếng là văn hay chữ tốt. Ngồi trong hội đồng phiên dịch, ông có nói lên sự không hài lòng của ông, nhưng các vị trong ban phiên dịch, trong đó có Duy Kỳ Nan và Trúc Tương Diễm nói rằng không cần văn hay, chỉ cần lột được ý chính của Kinh là được rồi. Cư sĩ Chi Khiêm ngồi đó trong ban dịch thuật, ghi xuống những câu đã được thầy Tương Diễm đọc ra bằng tiếng Hán, và hứa sẽ để nguyên như vậy mà không trau chuốt. Duy Kỳ Nan cũng có ngồi đó, hạ lap tuy lớn hơn thầy Tương Diễm, nhưng vốn liếng tiếng Hán còn quá ít nên cũng chỉ đóng góp bằng sự có mặt của mình.

Có thể vì lý do ấy mà cư sĩ Chi Khiêm từ đó đã bắt đầu nỗ lực học tiếng Phạn cho giỏi để tự mình trực tiếp dịch kinh. Ông là người thông minh và có khiếu văn chương ngôn ngữ, biết được tới sáu thứ tiếng, thành ra học rất nhanh. Sau đó ông mới bắt đầu sự nghiệp dịch kinh của mình. Trước khi vào Vũ Xương, ông cũng đã từng được học tiếng Phạn và kinh điển từ thầy Chi Lương, đệ tử của dịch giả lừng danh Chi Lưu Ca Sấm.

Theo bài tựa, Chi Khiêm đã có dịp gặp lại thầy Tương Diễm một lần thứ hai để chất vấn về những điểm chưa rõ ở trong bản dịch Pháp Cú, và được thầy này trao thêm cho nhiều tài liệu tiếng Phạn, cũng cùng một đề tài Pháp Cú. Với những tài liệu này, Chi Khiêm đã dựng thêm được 13 chương mới nữa của Kinh Pháp Cú, và những chương này, một số được đặt trước các chương có sẵn, một số được đặt sau các chương có sẵn. Những chương đặt phía trước có tính chất của văn học Phật giáo Hữu Bộ miền Bắc, và những chương đặt phía sau lại có tính chất của văn học Phật giáo Thượng Tọa Bộ miền Nam.

Mười ba chương mới này không có mặt trong kinh bản Pháp Cú tiếng Pāli. Chắc chắn rằng sau này khi vốn liếng tiếng Phạn đã vững chắc, cư sĩ Chi Khiêm đã trùng tu lại bản dịch của Tương Diễm, và vì vậy ta thấy văn chương của Kinh Pháp Cú tạng Hán khá điển nhã, không phải thứ văn chương của người mới học tiếng Hán vài ba năm. Hai vị Duy Kỳ Nan và Tương Diễm tới Vũ Xương năm 224 và có lẽ ba bốn năm sau thầy Tương Diễm mới có tạm đủ tiếng Hán để nhận lời Chi Khiêm khởi sự dịch kinh Pháp Cú.

Kinh Pháp Cú trong Hán tạng có ghi dòng chữ: *Kinh này do các vị Duy Kỳ Nan v.v... phiên dịch*. Theo tinh thần của bài tựa thì chính Tương Diễm cầm bản tiếng Phạn đọc ra tiếng

Hán và Chi Khiêm ghi chép xuống. Duy Kỳ Nan chỉ ngồi đó yểm trợ và chứng minh, bởi vì ông là bậc trưởng thượng. Chữ *vân vân* (đằng) có nghĩa là cùng với Duy Kỳ Nan có những vị khác đóng góp vào việc phiên dịch, trong đó có Tương Diễm và có cư sĩ Chi Khiêm. Chắc chắn là cư sĩ Chi Khiêm, sau khi giới thiệu Phan, đã dày công duyệt lại bản dịch và cho nó trở thành một dịch bản có giá trị về cả hai mặt văn chương và nghĩa lý. Bài tựa này không được đặt ở đầu kinh mà được đặt ở giữa quyển thượng và quyển hạ, và không mang chữ ký của Chi Khiêm: sự kiện này cũng nói lên được đức khiêm cung của vị cư sĩ bác học này.

Loạn lạc gây nên do sự sụp đổ của nhà Hán xảy ra vào khoảng năm 220. Chi Khiêm cũng như nhiều nhà trí thức khác ở Lạc Dương đã chạy về miền Nam tỵ nạn. Có nhiều nhà trí thức chạy loạn và vào tận đất Giao Châu, trong đó có Mâu Tử, sau này là tác giả của Lý Hoặc Luận, tác phẩm về Phật giáo đầu tiên viết bằng tiếng Hán và sáng tác tại Giao Châu. Những cộng sự viên của thiền sư An Thế Cao như Bì Nghiệp và Trần Tuệ cũng đã chạy nạn về tận Giao Châu và đã tham dự vào trong ban phiên dịch kinh điển của thầy Tăng Hội hồi đó đang chủ trì trung tâm Phật giáo Luy Lâu ở Giao Châu.

Cư sĩ Chi Khiêm đã chỉ chạy vào tới Vũ Xương. Và đã gặp hai vị Duy Kỳ Nan và Tương Diễm ở đây. Mãi tới năm 229 Ngô Tôn Quyền mới xưng đế, trước hết ở Vũ Xương, lấy quốc hiệu là Ngô, và mãi tới năm 238 mới dời về Kiến Nghiệp. Vũ Xương tức là thành Kinh Châu ở tỉnh Hồ Bắc, còn Kiến Nghiệp là tên mới của thành Mạt Lăng ở Dương Châu, tỉnh Giang Tô. Tên Kiến Nghiệp là do vua Tôn Quyền đặt. Có lẽ Chi Khiêm đã được vua Tôn Quyền mời dạy cho thái tử là Tôn Lượng ngay từ lúc kinh đô nước Ngô còn đặt ở Vũ Xương. Kèm cho hoàng thái tử học lại có nhiều nhà trí thức

khác trong đó có học giả Vi Diệu, tên tự là Vi Chiếu. Vi Chi Khiêm là người nước ngoài nên không được chính thức ghi tên trong Ngô Sử.

Trong số các kinh điển do Chi Khiêm phiên dịch có những kinh điển Đại Thừa như kinh Duy Ma Cật, kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh Bát Nhã (Đại Minh Độ Kinh), cũng có những kinh nguyên thủy như kinh Pháp Cú và kinh Nghĩa Túc. Điều cần ghi nhớ là hồi ấy tư liệu của cả hai truyền thống đều có mặt.

Sách Cao Tăng Truyện của thiền sư Huệ Hạo cho biết là thầy Tăng Hội đã từ Giao Châu tới kinh đô Kiến Nghiệp của nước Đông Ngô vào năm 247, năm thứ mười của niên hiệu Xích Ô. Lúc đó vua Tôn Quyền đã ở ngôi được 18 năm, và chắc rằng trong mười tám năm này cư sĩ Chi Khiêm đã có cơ hội dịch được nhiều kinh điển tại Kiến Nghiệp. Sách Cao Tăng Truyện cũng cho biết là khi thiền sư Tăng Hội bước chân đến Đông Ngô (“miền Giang Tả”) thì đó là lần đầu tiên vương quốc Đông Ngô thấy được hình dáng một vị sa môn. Như vậy cũng có nghĩa là lúc bấy giờ các vị Duy Kỳ Nan và Tương Diễm chưa đến đó, hoặc chưa có mặt ở đó. Có thể hai vị này chỉ đến Vũ Châu và ở lại Vũ Châu. Cũng có thể hai vị này không phải là người xuất gia, mà chỉ là những vị cư sĩ như Chi Khiêm. Hai cái tên Duy Kỳ Nan (Vighna) và Tương Diễm (sách Cao Tăng Truyện nói Tương Diễm còn có tên khác là Luật Diễm) cũng không có dáng dấp của những pháp danh của người xuất gia.

Cao Tăng Truyện cho biết rằng Chi Khiêm (hiệu Cung Minh) là người học rộng, biết nhiều, nói được sáu thứ tiếng, người cao, gầy mà hơi đen. Trong hai mắt, tròng trắng thì lớn mà con ngươi thì màu vàng. Tuy người mảnh khảnh nhưng đó là một cái túi hiểu biết, người đương thời hay nói như thế. Vua Tôn Quyền nghe tiếng mới mời đến kèm dạy cho thái

tử. Thái tử tên là Tôn Lượng.

Sách Cao Tăng Truyện nói rằng khi Tăng Hội tới Kiến Nghiệp, việc đầu tiên mà thiền sư làm là dựng một mái lá, đặt lên một tượng Bụt và bắt đầu thực tập thiền hành. “Đây là lần đầu tiên ở nước Ngô xuất hiện một vị sa môn”, sách Cao Tăng Truyện viết. Vua Tôn Quyền nghe nói, vui đến, đặt ra nhiều thử thách và cuối cùng tuân phục, giúp thầy Tăng Hội lập nên ngôi chùa đầu tiên ở nước Ngô, gọi là chùa Kiến Sơ, và cho xây bảo tháp bên cạnh. Khu xây cất ấy được gọi là Trung Tâm Phật giáo (Phật Đà Lý).

Chắc chắn là cư sĩ Chi Khiêm đã đóng góp một phần quan trọng vào việc yểm trợ xây dựng Trung Tâm Phật Giáo này, bởi vì ông đang được vua Tôn Quyền tin tưởng, giao cho công việc dạy dỗ thái tử. Và từ năm 247 trở đi cho đến khi vua Tôn Quyền băng (252), thầy Tăng Hội và cư sĩ Chi Khiêm đã có cơ hội làm việc dịch thuật với nhau trong một khung cảnh rất thuận lợi là chùa Kiến Sơ, là Trung Tâm Phật Giáo Phật Đà Lý.

Các học giả ai cũng công nhận là văn phong của cả hai vị này đều rất điển nhã. Họ đã có can đảm sử dụng các danh từ Khổng giáo và Lão giáo có sẵn để dịch những danh từ Phật học, đã tìm cách dịch nghĩa chứ không chịu chỉ chấp nhận phiên âm, trừ những danh từ khó dịch nhất. Nước Ngô chỉ cường thịnh trong thời gian vua Tôn Quyền trị vì. Sau khi vua băng (252) thì quyền thần chống đối lẫn nhau làm cho nội bộ suy yếu. Thái tử Tôn Lượng lên ngôi, không đủ sức trị vì. Cư sĩ Chi Khiêm bỏ vào núi Khung Ai (Long Sơn) để tĩnh tu. Tôn Hưu (Cảnh Đế) lên ngôi cho đến năm 264 thì băng và Tôn Hạo lên kế vị. Vua Tôn Hạo tính tình nóng nảy, bạo động, đã giết hại nhiều vị trung thần. Nghe lời dèm pha, Tôn Hạo muốn đàn áp Phật giáo và triệt tiêu chùa Kiến Sơ.

Nhưng với đức độ và phong thái bất bạo động của mình, thầy Tăng Hội đã cảm hóa được vua Tôn Hạo và cuối cùng vua này chịu quy y và thọ trì năm giới. Trong khi cư sĩ Chi Khiêm bỏ vào núi ẩn tu thì thiền sư Tăng Hội vẫn tiếp tục chủ trì Trung tâm Phật giáo Kiến Sơ, tổ chức đại giới đàn thu nhận đệ tử người Ngô xuất gia, và làm cho đạo Bụt trở nên hưng thịnh ở miền Giang Tả. Để tổ chức những giới đàn truyền giới như thế, chắc hẳn thiền sư đã cho mời các vị cao tăng ở Giao Châu tới để thành lập hội đồng truyền giới có đủ tam sư và thất chứng.

Cả hai vị Tăng Hội và Chi Khiêm đã đóng góp đáng kể về mặt nghi thức hành trì và tán tụng. Chi Khiêm đã soạn được *Phạm Bối Tam Khế* và *Tán Bồ Tát Liên Cú* căn cứ trên Vô Lượng Thọ Kinh và Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi Kinh. Tăng Hội cũng soạn được những điệu tán tụng rất trong sáng đẹp đẽ và cảm động được lòng người gọi là *Nê Hoàn Phạm Bối*.

Ta biết bài tựa kinh An Ban Thủ Ý đã được thiền sư Tăng Hội viết tại Luy Lâu, nhưng ta không biết Lục Độ Tập Kinh được dịch ở Luy Lâu hay ở Kiến Nghiệp. Có một kinh do Chi Khiêm dịch đã được đưa vào phần cuối của Lục Độ Tập Kinh, đó là kinh Kinh Diện Vương. Điều đó cho ta thấy cái giao tình mật thiết giữa hai vị học giả. Chắc chắn là thầy Tăng Hội đã sử dụng kinh Pháp Cú và các kinh khác do cư sĩ Chi Khiêm dịch để giảng dạy cho đồ chúng tại chùa Kiến Sơ.

Hồi đó bốn bộ kinh A Hàm còn chưa được dịch ra tiếng Hán. Những từ ngữ mà các vị Chi Khiêm và Tăng Hội sử dụng đã đóng góp rất nhiều cho công trình phiên dịch các kinh A Hàm trong những thế kỷ kế tiếp.

Năm 280, vào tháng tư, vua Tôn Hạo ra đầu hàng nhà Tấn. Tháng chín năm ấy thiền sư Tăng Hội viên tịch. Vậy là vị thiền sư gốc Việt này đã hành hóa tất cả được 31 năm ở nước

Đông Ngô.

Đầu năm nay khi phiên dịch xong kinh Nghĩa Túc, tôi bắt đầu dịch kinh Pháp Cú và khám phá ra rằng cư sĩ Chi Khiêm cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cầm bút và biên tập trong ấy. Như đã nói ở đầu bài này, kinh Pháp Cú chữ Hán có tới mười ba phẩm mà kinh Pháp Cú chữ Pāli không có. Đó là do công trình của cư sĩ Chi Khiêm. Những phẩm như phẩm Vô Thường hay Niết Bàn đều không có trong kinh Pháp Cú tiếng Pāli, trong khi các đề tài ấy rất quan trọng. Các phẩm không có trong bản Pāli là: Vô Thường, Giáo Học, Đa Văn, Mã Tín, Phá Giới, Duy Niệm, Từ Nhân, Ngôn Ngữ, Lợi Dưỡng, Nê Hoàn, Sinh Tử, Đạo Lợi và Cát Tường. Cát Tường, phẩm chót, là một kinh rất phổ biến ở các nước Phật giáo Nam phương, thường được các Phật tử tại gia học thuộc lòng. So với bản tiếng Pāli, thì trong bản tiếng Hán, tám phẩm đầu trong số mười ba phẩm vừa nêu tên được để lên đầu, và năm phẩm còn lại được đặt ở cuối. Những tư liệu mà cư sĩ Chi Khiêm sử dụng để làm ra mười ba phẩm ấy được thầy Tương Diễm cung cấp mà cũng có thể đã được thầy Tăng Hội cung cấp. Trong bài tựa kinh Pháp Cú Hán Tạng, tuy không có tên người đề tựa ở đầu bài hay cuối bài, nhưng căn cứ trên nội dung ta biết cư sĩ Chi Khiêm là tác giả. Đọc câu: *“Khi nghe Khiêm tôi nói rằng lời dịch còn chưa được thuần nhĩ thì thấy Duy Kỳ Nan nói rằng Bụt chỉ cần nương vào nghĩa chứ không cần để ý tới tô điểm văn hoa”* (Sơ Khiêm kỳ vi từ bất nhĩ Duy Kỳ Nan viết Phật ngôn y kỳ nghĩa bất dụng tiết), ta biết người viết tựa là Chi Khiêm. Đoạn sau ông lại viết: *“Hội tương viêm lai, cánh từng nặc vấn tạo thử kệ bối, phục đắc thập tam phẩm.”* Chữ Viêm ở đây chắc là do chữ Diễm viết lầm, cho nên ai cũng đọc là Diễm, và ai cũng dịch là “gặp Tương Diễm tới” (Gặp Tương Diễm tới, tôi lại có dịp chất vấn thêm. Nhân cơ hội ấy tôi lại nhận được thêm một số các bài kệ nữa cho

nên góp được thêm mười ba phẩm mới vào). Tôi thấy dịch “hội tương diễm lai” là “gặp Tương Diễm tới” thì có cái gì không ổn. Trước đã nói khi Tương Diễm tới Vũ Xương, mình đã được gặp và đã yêu cầu Tương Diễm dịch Kinh Pháp Cú rồi mà. Nếu lần này gặp nữa thì không phải là lần gặp đầu. Cho nên chữ *lai* không thể dịch là *tới* mà phải dịch là *trở lại*. Theo tôi thì chữ Hội đây có nghĩa là Tăng Hội, cũng như chữ Khiêm phía trên có nghĩa là Chi Khiêm. Và tôi nghĩ rằng mình có thể dịch ‘hội tương diễm lai’ là “khi thầy Tăng Hội đưa ông Diễm tới lại” (chữ *tương* cũng có nghĩa là *đem*). Điều này có nghĩa là thầy Tăng Hội đã có cơ hội gặp hai vị Duy Kỳ Nan và Tương Diễm ở Kiến Nghiệp trong thời gian sau khi chùa Kiến Sơ đã được kiến lập, và tư liệu đưa ra kỳ này là do cả hai thầy Tương Diễm và Tăng Hội cung cấp. Rất có thể thầy Tăng Hội đã mời hai vị tham dự vào hội đồng truyền giới đầu tiên tổ chức tại chùa Kiến Sơ cho người Ngô được xuất gia, bởi vì vào đời Hán, người Hán tộc chưa ai được phép cắt tóc làm sa môn.

Tôi có thật nhiều hạnh phúc trong khi dịch kinh Pháp Cú chữ Hán, tuy đôi khi cũng vấp phải một vài khó khăn. Dịch kinh Pháp Cú cho tôi nhiều cảm hứng. Ví dụ khi dịch đến bài kệ thứ 17 trong phẩm Phóng Dật, tức là phẩm thứ 10:

“Xuất gia từ khi còn trẻ tuổi mà tu tập theo giáo pháp của Bụt một cách đầy đủ thì sẽ chiếu sáng được cho thế gian như một mặt trăng trong bầu trời không mây.”

Nguyên văn chữ Hán:

*Thiếu tráng xả gia
Thịnh tu Phật giáo
Thị chiếu thế gian
Như nguyệt vân tiêu*

Trong chương thứ 34, phẩm Sa Môn, ở bài kệ thứ 23 cũng có hình ảnh của một vầng mặt trời:

“Người xuất gia dù còn trẻ nhưng hết lòng thực tập Phật pháp thì cũng giống như một vầng thái dương soi sáng thế gian trong khung trời không có mây ám.”

Nguyên văn chữ Hán:

*Thắng hữu thiếu hành
Ứng Phật giáo giới
Thử chiếu thế gian
Như nhật vô ế*

Phía bên kinh bản tiếng Pāli, ta có một bài kệ, cũng trong phẩm Sa Môn, cũng bài thứ 23, mà thay vì mặt trời, ta lại thấy mặt trăng:

*Yo have daharo bhikkhu
yuñjati buddhasāsane
So imam lokam pabhāseti
abbhā mutto' va candimā*

Tôi nhớ lại hồi Bụt mới thành đạo, đại đa số người xuất gia theo Ngài là người trẻ. Lấy cảm hứng ở bài kệ trên, bắt đầu từ năm 2010 tôi đã đặt pháp tự cho những người xuất gia bằng chữ *trăng* và *trời*. Các sư cô trẻ có những tên như Chân Trăng Mười Sáu, Chân Trăng Phương Nam, Chân Trăng Chùa Xưa, v.v... và các sư chú trẻ có những tên như Chân Trời Phương Bối, Chân Trời Thân Hữu, Chân Trời Huyền Thoại, v.v... để nhớ là dù mình còn trẻ tuổi, nếu mình tu học cho tinh chuyên thì cũng sẽ như mặt trời hay mặt trăng, chiếu sáng được cho thế gian.

Tôi đã cố ý dịch các bài kệ thành văn xuôi để cho dễ hiểu. Ngày xưa văn học Phật giáo, trong những thế kỷ đầu, là văn học truyền khẩu; thi kệ là phần dễ nhớ để thuộc cho nên

trùng tụng (già đà, gathà, thi kệ) là thể tài được ưa chuộng nhất. Nó cũng như ca dao, dễ nhớ, dễ thuộc. Nhưng bây giờ ta đã viết xuống được rồi thì ta cũng có thể cất giữ lâu dài mà không sợ quên, do đó ta không hẳn phải dịch thành thi kệ. Tuy nhiên, nếu có dịp, tôi cũng sẽ lấy ý của văn xuôi để dịch lại thành thi kệ.

Tôi viết bài tựa này cũng để ghi nhớ công ơn chư tổ đã làm mọi cách để cho Phật pháp được truyền bá rộng rãi và lâu dài về sau, và cũng để nhớ về thiền sư Tăng Hội và cư sĩ Chi Khiêm ...

Tôi đã có cơ hội giảng được ba phẩm trong kinh này, đó là phẩm Nê Hoàn (phẩm thứ 36), được tôi đặt tên là *Kinh Rong Chơi Trời Phương Ngoại*, phẩm Ái Dục (phẩm thứ 32), được tôi đặt tên là *Kinh Chiếu Lưới Ái Ân*, và phẩm Cát Tường (phẩm thứ 39) mà tôi đặt tên là *Kinh Điềm Lành Lớn Nhất*. Có dịp tôi sẽ bình giải tiếp. Xin mời các vị đã từng đọc và thực tập kinh Pháp Cú dịch từ tiếng Pāli thượng thức kinh văn này dịch từ tiếng Hán. Sẽ có những cái bất ngờ ...



Bài tựa Kinh Pháp Cú trong tạng kinh chữ Hán

*Cư sĩ Chi Khiêm (thế kỷ thứ III)
Thích Nhất Hạnh dịch*

Dhammapada là giáo nghĩa thiết yếu của các kinh. Dhamma là pháp, Pada là câu, là cú, là kệ. Pháp Cú có nhiều bộ khác nhau: có bộ có 900 câu kệ, có bộ 700 câu, và có bộ 500 câu. Kệ là những lời ngắn gọn, như bài thơ, bài tụng. Những câu ấy do Bụt nói ra, không phải một lần tất cả các câu, mà chỉ khi nào xúc sự thì mới nói lên một câu. Tất cả các câu ấy đều có gốc gác rải rác trong các kinh.

Bụt là bậc có Nhất Thiết Trí, bản chất của Người là đại nhân từ, vì thương xót nhân gian cho nên mới xuất hiện trên cuộc đời này để mở bày đạo nghĩa, giải cứu cho con người. Mười hai thế tài kinh điển nói lên được một cách tổng quát những gì thiết yếu nhất của đạo nghĩa ấy để được phân thành một số kinh bộ. Bốn bộ kinh A Hàm được lưu truyền lại sau khi Bụt qua đời là do công phu của thầy A Nan tụng đọc lại. Các kinh dù lớn hay nhỏ đều bắt đầu bằng câu “Đây là những gì tôi đã được nghe khi Bụt đang cư trú ở miền...v.v.” Về sau các vị sa môn trong năm bộ phái Phật giáo đã nghiên cứu thông suốt về giáo nghĩa trong các bộ kinh ấy, sưu tầm và chép ra thành những bài kệ bốn câu hoặc sáu câu, xét theo ý nghĩa mà xếp riêng thành từng phẩm. Đối với mười hai thế tài giáo lý, không cần phải châm chú, không cần phải gọi bằng một cái tên riêng, cho nên mới gọi là Pháp Cú. Các kinh điển đều là do sự tập hợp của các câu nói về chánh pháp mà

có. Pháp Cú cũng là sự tập hợp của các câu nói về chánh pháp.

Cận đại có nhà họ Cát lưu truyền một bộ kinh Pháp Cú có 700 bài kệ. Nghĩa lý của các bài kệ rất sâu, những người dịch chưa thật sự lột được hết nghĩa lý ấy. Được gặp Bụt đó là một việc hiếm có, được nghe lời dạy của Bụt cũng là một chuyện hiếm có. Với lại các vị Bụt lại hay xuất hiện ở miền Tây Trúc. Mà ngôn ngữ Tây Trúc rất khác với văn Hán. Sách là sách Ấn Độ, chữ cũng là chữ Ấn Độ, tên người và tiếng gọi sự vật không giống nhau, cho nên phổ biến được kinh điển là chuyện khó.

Ngày xưa có các thầy An Thế Cao và Phật Điều đã từng dịch kinh tiếng Phạn ra tiếng Tân, lột được ý, bây giờ ít ai nối tiếp được công việc ấy. Những người dịch kinh sau đó tuy không làm được cẩn mật như thế nhưng ít nhất cũng đã truyền đạt được phần đại ý, tuy còn thô thiển nhưng cũng đã là quý hóa lắm rồi. Trước hết là thầy Duy Kỳ Nan, từ Ấn Độ tới Vũ Xương vào năm thứ ba của niên hiệu Hoàng Vũ. Chính tôi đã được thầy ấy trao cho bản Pháp Cú có 500 bài kệ. Tôi mới mời vị đồng đạo của thầy ấy là ông Trúc Tương Diễm dịch ra chữ Hán. Ông Diễm tuy giỏi tiếng Phạn nhưng vốn liếng chữ Hán vẫn chưa đủ. Những lời dịch của ông ta còn mang rất nhiều tiếng phiên âm và ngữ pháp phạm ngữ, còn có vẻ chất phác quá. Khi nghe Chi Khiêm tôi nói rằng lời dịch còn chưa được thuần nhã, thì thầy Duy Kỳ Nan nói rằng Bụt chỉ cần nương vào nghĩa chứ không cần để ý tới tô điểm văn hoa. Chỉ cần chủ yếu lấy được cái pháp thôi chứ không cần đẹp. Những người truyền dịch kinh điển chỉ cần làm cho lời kinh dễ hiểu, đừng làm cho thất thoát cái nghĩa chính, đó là tốt rồi. Ngồi trong ban phiên dịch, có người nói: Ngày xưa Lão Tử đã từng nói, “Lời nói hay thì khó tin, lời nói tin thì khó hay.” Đức Khổng Tử cũng từng nói, “Sách không thể nói hết

lời, lời không thể nói hết ý.” Những lời nói như thế cho ta thấy rõ rằng ý của các bậc thánh nhân rất sâu sắc vô cùng. Bây giờ dịch từ tiếng Phạn ra thì phải thật sự lột được ý kinh. Cho nên người dịch phải tự xem bài kệ bằng tiếng Phạn và đọc lên tiếng Hán bằng chính miệng của mình. Do đó phải cố gắng nói ra cho được cái ý chỉ trong bản gốc mà không cần phải thêm thắt văn hoa. Những chỗ nào người dịch không hiểu thì thà rằng đừng dịch. Cũng vì lẽ đó mà trong công việc dịch thuật thế nào cũng đã có những thất thoát, và có nhiều cái bị bỏ lại.

Tuy nhiên, dù lời còn chất phác nhưng ý chỉ rất thâm uyên, câu văn còn giản ước nhưng nghĩa lý rộng sâu và các sự việc nhắc tới đều có liên hệ mật thiết với các kinh. Chương nào cũng có gốc rễ của chương ấy và bài kệ nào cũng có nghĩa lý của bài kệ ấy.

Bên Ấn Độ, những người mới tu mà không chịu học kinh Pháp Cú là những người được gọi là ưa học nhảy lớp, không theo trình tự. Kinh Pháp Cú là đối tượng nghiên cứu quan trọng của người mới học mà cũng là kho tàng uyên áo cho những người đã đi sâu vào Phật học. Kinh này có khả năng chỉ bày cho những kẻ mê mờ, làm sáng tỏ cho những người còn nhiều nghi hoặc và giúp cho người ta tự học được một mình. Nhờ kinh này mà kẻ học giả tuy công phu bỏ ra còn ít nhưng kết quả thu hoạch được thì rất lớn. Cho nên ta có thể nói rằng kinh này là cốt tủy của giáo pháp vi diệu.

Lúc trước, khi tiếp nhận kinh này tôi thấy có nhiều chỗ tôi không hiểu được. Khi thầy Tăng Hội đem ông Diễm tới tôi lại có cơ hội chất vấn thêm. Nhân cơ hội ấy tôi lại nhận được thêm (từ các vị ấy) một số các bài kệ nữa, cho nên góp được thêm mười ba phẩm mới vào. Tham cứu các văn bản xưa và làm công việc hiệu đính thì kết quả là sau khi thêm mười ba

phẩm mới vào, kinh này có được tất cả 39 phẩm và 752 bài kệ. Điều này đã đem lại nhiều bổ ích và giúp cho sự học vấn của chúng ta rộng rãi thêm nhiều.



Kinh Quán Chiếu Vô Thường

Ngày nay đã qua
 Đời sống ngăn lại
 Hãy nhìn cho kỹ
 Ta đã làm gì?
 Đại chúng hãy cùng tinh tấn
 Thực tập hết hồng
 Sống cho sâu sắc và thanh thoi
 Hãy nhớ vô thường
 Đừng để tháng ngày trôi qua oan uổng.

Vô thường phẩm Pháp Cú kinh đệ nhất

無常品法句經第一

Kinh Quán Chiếu Vô Thường

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 1

Vô thường là một phép quán, giúp cho ta thấy được tính cách biến đổi thành hoại mau chóng của hình hài cũng như của mọi vật, trong đó có cả tâm ý. Quán vô thường giúp ta trân quý những gì đang có mặt và sống được sâu sắc mỗi giây phút của sự sống hằng ngày. Quán vô thường ta sẽ buông bỏ được những gì phù hoa, không thật, không đem lại bình an thật sự cho ta sau này. Vô thường cũng là một phép thiền định. Cái thấy vô thường đưa tới cái thấy vô ngã và tháo gỡ được cho ta tất cả các phiền não như tham, giận, kiêu căng...

Tôi rất thích bài kệ đầu: Ý thức là mình vừa mới ngủ dậy thì nên mở tâm vui mừng. Ngày xưa tôi đã viết bài hát “Thức dậy hôm nay tôi thấy trời xanh, chấp tay tôi cảm ơn đời mầu nhiệm...”. Tôi cũng đã viết bài kệ:

*“Thức dậy mỉm miệng cười
 Hăm bốn giờ tỉnh khô
 Xin nguyện sống trọn vẹn
 Mắt thương nhìn cuộc đời”.*

Bài kệ thứ hai tóm thu được toàn bộ giáo lý đạo Bụt: đó là bài kệ nổi tiếng:

*“Chư hành vô thường
 Thị sinh diệt pháp
 Sinh diệt diệt dĩ
 Tịch diệt vi lạc”*

Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, có sinh rồi thì phải có diệt. Nếu vượt được ý niệm sinh diệt thì tiếp xúc được với cái vui của Niết Bàn. Hai câu đầu nói về thế giới hiện tượng hữu vi, hai câu sau nói về thế giới bản thể vô vi. Niết Bàn và Sinh Diệt không phải là hai thực tại tách rời nhau.

Bài kệ thứ 13 đã được đưa vào Thiền Môn Nhật Tụng để xướng trong buổi công phu chiều: “Thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tứ hữu hà lạc...”. Tại Làng Mai bài kệ vô thường đã được dựng lại như sau:

*“Ngày nay đã qua
 Đời sống ngắn lại
 Hãy nhìn cho kỹ
 Ta đã làm gì?
 Đại chúng hãy cùng tỉnh tấn thực tập hết lòng
 Sống cho sâu sắc và thanh thoi
 Hãy nhớ vô thường
 Đừng để tháng ngày trôi đi oan uổng.”*

Bài kệ 1

Thụy miên giải ngủ

睡眠解寤

Nghỉ hoan hỉ tư

宜歡喜思

Thính ngã sở thuyết

聽我所說

Soạn kí Phật ngôn

撰記佛言

Ý thức là mình vừa ngủ dậy thì nên mở tâm vui mừng. Hãy lắng nghe những lời sau đây ghi chép lại giáo lý của Bụt.

Bài kệ 2

Sở hạnh phi thường

所行非常

Vị hưng suy Pháp

謂興衰法

Phu sanh triếp tử

夫生輒死

Thử diệt vi lạc

此滅為樂

Tất cả các hành đều vô thường, tất cả đều là những cái đã được hình thành và đều sẽ phải suy yếu. Để có sinh là phải có diệt. Vượt thoát được cái sinh cái diệt ấy là hạnh phúc lớn.

Bài kệ 3

Thí như đào gia

譬如陶家

Duyên thực tác khí

埴埴作器

Nhất thiết yếu hoại

一切要壞

Nhân mạng diệc nhiên

人命亦然

Như người thợ gốm sử dụng khuôn và đất sét để nặn ra các vật dụng, tất cả những gì được tạo tác ra cuối cùng cũng đều phải bị hư hoại. Mạng sống con người cũng thế.

Bài kệ 4

Như hà sử lưu	如河駛流
Vãng nhi bất phản	往而不返
Nhân mạng như thị	人命如是
Thệ giả bất hoàn	逝者不還

Như con sông chảy xiết, đi mà không trở lại, mạng sống con người cũng như thế, một khi đi qua thì không trở về, già đi thì không trẻ trở lại.

Bài kệ 5

Thí nhân thao trượng	譬人操杖
Hành mục thực ngư	行牧食牛
Lão tử do nhiên	老死猶然
Diệc dưỡng mạng khứ	亦養命去

Như kẻ mục đồng cầm gậy lừa bò đi ăn cỏ, cái già và cái chết cũng lừa mạng sống của chúng ta đi về nẻo chết.

Bài kệ 6

Thiên bách phi nhất	千百非一
Tộc tính nam nữ	族姓男女
Trữ tụ tài sản	貯聚財產
Vô bất suy tang	無不衰喪

Bất cứ ai, bất cứ là nam hay là nữ, bất cứ thuộc dòng họ nào, trăm ngàn như một, dù có chất chứa tài sản nhiều cách mấy cũng không ai thoát khỏi sự suy tàn.

Bài kệ 7

Sanh giả nhật dạ	生者日夜
Mạng tự công tước	命自攻削
Thọ chi tiêu tận	壽之消盡
Như huỳnh xuyên thủy	如熒穿水

Mỗi ngày mỗi đêm, sinh mạng tự giảm xuống, tuổi thọ cứ tiêu hao dần dần cho đến hết, như nước cạn trong hồ.

Bài kệ 8

Thường giả giai tận	常者皆盡
Cao giả diệc đọa	高者亦墮
Hợp hội hữu ly	合會有離
Sanh giả hữu tử	生者有死

Cái còn dù có dài lâu cách mấy cuối cùng cũng phải trở thành cái hết, cái cao trở thành cái thấp, cái phối hợp đi tới cái ly tan, cái sinh đưa tới cái tử.

Bài kệ 9

Chúng sanh tương khắc	眾生相剋
Di tang kỳ mạng	以喪其命
Tùy hành sở đọa	隨行所墮
Tự thọ ương phước	自受殃福

Các loài chúng sanh thường xung đột với nhau, do đó mà mạng sống bị tan vỡ, tùy theo hành động của mình mà bị sa đọa hoặc nhận chịu tai ương hoặc thừa hưởng phúc báo.

Bài kệ 10

Lão kiến khổ thống
 Tử tức ý khứ
 Lạc gia phược ngục
 Tham thế bất đoạn

老見苦痛
 死則意去
 樂家縛獄
 貪世不斷

Tuổi già phải gánh chịu đau nhức, khi chết, trước khi tâm thức lìa bỏ thân xác thì lại bị sự tham tiếc gia đình ràng buộc như nơi chốn tù ngục, như vậy thì không thể chấm dứt được luân hồi trong thế gian.

Bài kệ 11

Đốt ta lão chí
 Sắc biến tác mạo
 Thiếu thời như ý
 Lão kiến đạo tạ

咄嗟老至
 色變作耄
 少時如意
 老見蹈藉

Thương biết bao nhiêu! Khi tuổi già đến, nhan sắc biến đổi, suy tàn, ít có điều như ý, tuổi già chỉ thấy dẫm chân tại chỗ.

Bài kệ 12

Tuy thọ bách tuế
 Diệc tử quá khứ
 Vi lão sở yếm
 Bệnh điều chí tế

雖壽百歲
 亦死過去
 為老所厭
 病條至際

Dù có sống tới một trăm tuổi rồi cũng phải chết, tuổi già hay trở nên ngắn ngủn, bệnh tật liên miên cho đến hết đời.

Bài kệ 13

Thị nhật dĩ quá
Mạng tức tùy giảm
Như thiếu thủy ngư
Tư hữu hà lạc

是日已過
命則隨減
如少水魚
斯有何樂

Ngày hôm nay đã qua, mạng sống theo đó mà rút ngắn lại, tình trạng giống tình trạng con cá thiếu nước, còn có cái vui gì?

Bài kệ 14

Lão tác sắc suy
Sở bệnh tự hoại
Hình bại hủ hủ
Mạng chung tự nhiên

老則色衰
所病自壞
形敗腐朽
命終自然

Tuổi già thì nhan sắc tàn phai, bệnh tật hủy hoại cơ thể, hình hài suy yếu hư nát, tất nhiên phải chết.

Bài kệ 15

Thị thân hà dụng
Hằng lậu xú xứ
Vi bệnh sở khốn
Hữu lão tử hoạn

是身何用
恒漏臭處
為病所困
有老死患

Thân này cần được sử dụng như thế nào? Từ đó chảy ra những chất bất tịnh, bị bệnh tật đưa vào tình trạng khốn đốn. Cái nạn già và chết luôn luôn có đó.

Bài kệ 16

Thị dục tự tứ	嗜欲自恣
Phi pháp thị tăng	非法是增
Bất kiến văn biến	不見聞變
Thọ mạng vô thường	壽命無常

Cứ mặc ý phóng túng trong vòng tham dục thì những điều trái với đạo lý càng ngày càng dồn chứa thêm. Chưa từng thấy cái nghe về sự vô thường biến thiên của vạn pháp cho nên người ta không biết là thọ mạng cũng vô thường.

Bài kệ 17

Phi hữu tử thị	非有子恃
Diệc phi phụ huynh	亦非父兄
Vì tử sở bách	為死所迫
Vô thân khả hỗ	無親可怙

Dù có con cháu, dù có cha anh ở đấy đi nữa thì khi thân chết đến rồi, không người thân nào có thể nương tựa giúp giữ mình ở lại.

Bài kệ 18

Trú dạ mạn nọa	晝夜慢惰
Lão bất chỉ dâm	老不止姪
Hữu tài bất thí	有財不施
Bất thọ Phật ngôn	不受佛言
Hữu thử tứ tệ	有此四弊
Vì tự xâm khi	為自侵欺

Đêm ngày kiêu mạn, lười biếng, cho đến già rồi vẫn còn giữ thói dâm dật, có của mà không chịu chia sẻ cho kẻ thiếu thốn, chẳng biết vâng làm theo lời Phật dạy, chính những cái thói xấu ác này

sẽ làm hại chính mình.

Bài kệ 19

Phi không phi hải trung	非 空 非 海 中
Phi nhập sơn thạch gian	非 入 山 石 間
Vô hữu địa phương sở	無 有 地 方 所
Thoát chi bất thọ tử	脫 之 不 受 死

Dù có đi trốn tới một địa phương nào đi nữa, trên không trung, dưới đáy biển hay trong hốc núi cũng không thể nào thoát được cái chết.

Bài kệ 20

Thị vụ thị ngô tác	是 務 是 吾 作
Đương tác lệnh trí thị	當 作 令 致 是
Nhân vi thử táo nhiễu	人 為 此 燥 擾
Lý tiền lão tử ưu	履 踐 老 死 憂

Sự việc xảy ra như đã xảy ra trong hiện tại, là do tự ta gây ra, sự việc sẽ xảy ra trong tương lai cũng thế, là do tự ta cả. Con người lâm vào tình trạng nhiễu loạn thâm thương như thế cho nên cứ phải mãi mãi đi tới với nỗi lo âu về cái già và cái chết.

Bài kệ 21

Tri thử năng tự tịnh	知 此 能 自 淨
Như thị kiến sanh tận	如 是 見 生 盡
Tỳ-kheo yếm ma binh	比 丘 厭 魔 兵
Tùng sanh tử đắc độ	從 生 死 得 度

Biết được như thế ta phải cương quyết tự thanh tịnh hóa thân tâm và làm khô cạn chất liệu luân hồi. Vị khát si làm được như

vậy mới mong thoát được vòng vây của binh đội ma vương và vượt thoát được lưới sinh tử.



Kinh Học Hỏi và Thực Tập

Tuệ giác là thứ lương được có thể trị được mọi chất độc (tam độc). Nhờ tuệ giác mà bậc trượng phu vượt thoát vòng sinh tử, như con rắn lột được xác cũ của nó.

Giáo học phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị

教學品法句經第

Kinh Học Hỏi và Thực Tập

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 2

Phẩm này có 29 bài kệ, bài nào cũng đưa ra những nguyên tắc và phương cách thực tiễn để giúp hành giả thực sự được đi tới.

Bài kệ thứ 9 dạy ta tìm tới những nơi có điều kiện thuận lợi để có cơ hội dừng chân đi tới. Các bài thứ 13 và 14 khuyên ta không nên đàn đúm với các giới ngu phu; chưa có bạn hiền thì thà rằng cứ tu học một mình, không lo lắng gì, như một con voi có thể sống vui thú một mình nơi miền hoang dã.

Bài kệ thứ 26 khuyên ta buông bỏ ái dục để thực sự có tiến bộ trên con đường học hỏi. Hình ảnh rất đẹp: “Cỏ làm hại lúa. Ham muốn về ái dục gây trở ngại cho sự tu học”.

Kinh này dạy ta tu thì phải có học và trì giới. Bài kệ nào cũng là những lời khuyên dạy quý báu. Đúng là những lời vàng.

Bài kệ 1

Đốt tai hà vi mị
 Ông loa bạng đố loại
 Ẩn tệ dĩ bất tịnh
 Mê hoặc kế vi thân

咄哉何為寐
 螞蟻蜂蠹類
 隱弊以不淨
 迷惑計為身

*Dậy đi, đừng ngủ nữa, đừng làm như các loài ốc, ong và một
 đang chui rúc trong những cái vỏ nhỏ bé của mình, cứ mê muội
 tưởng rằng những cái vô thường bất tịnh đó là chính tự thân của
 chúng.*

Bài kệ 2

Yên hữu bị chúc sang
 Tâm như anh tật thống
 Cấu vu chúng ách nạn
 Nhi phản vi dụng miên

焉有被斫創
 心如嬰疾痛
 邁于眾厄難
 而反為用眠

*Như một kẻ đang bị trọng thương, như một em bé đang ốm nặng,
 ách nạn đang xảy ra nhiều mặt như thế, làm sao còn tiếp tục
 nằm ngủ được?*

Bài kệ 3

Tư nhi bất phóng dật
 Vi nhân học nhân tích
 Tùng thị vô hữu ưu
 Thường niệm tự diệt ý

思而不放逸
 為仁學仁迹
 從是無有憂
 常念自滅意

*Phải suy nghĩ lại, phải bỏ thói biếng lười. Mình đã nguyện học
 theo bậc năng nhân thì phải thật sự đi theo gót bậc năng nhân.
 Có như thế thì mới chấm dứt được lo âu và mới thường xuyên
 thực tập được chánh niệm để hướng tới quả vị Niết Bàn.*

Bài kệ 4

Chánh kiến học vụ tăng
 Thị vi thế gian minh
 Sở sanh phước thiên bội
 Chung bất đoạ ác đạo

正見學務增
 是為世間明
 所生福千倍
 終不墮惡道

Thực tập theo chánh kiến thì tuệ giác càng lúc càng tăng, để trở thành ngọn đèn chiếu sáng cho thế gian, ngay trong đời này đã có nhiều phước đức và khi chết sẽ không sa vào các nẻo xấu.

Bài kệ 5

Mạc học tiểu đạo
 Di tín tà kiến
 Mạc tập phóng dăng
 Lệnh tăng dục ý

莫學小道
 以信邪見
 莫習放蕩
 令增欲意

Đừng đi theo những con đường nhỏ, đừng tin tưởng nơi những chủ thuyết sai lạc, đừng tập theo thói phóng dăng, đừng để cho dục ý tăng trưởng.

Bài kệ 6

Thiện tu pháp hành
 Học tụng mạc phạm
 Hành đạo vô ưu
 Thế thế thường an

善修法行
 學誦莫犯
 行道無憂
 世世常安

Tu tập cho khéo léo, hành trì cho đúng với chánh pháp, học hỏi và trì tụng cho chuyên cần, không phạm vào các giới pháp đã tiếp nhận, cứ một đường đạo hạnh mà đi, không cần phải lo lắng gì thì sẽ được an vui đời đời.

Bài kệ 7

Mẫn học nhiếp thân	敏學攝身
Thường thận tư ngôn	常慎思言
Thị đáo bất tử	是到不死
Hành diệt đắc an	行滅得安

Cần mẫn trong việc tu học, nhiếp phục được bản thân, cẩn thận trong lúc suy nghĩ và nói năng thì sẽ đạt tới cõi Niết Bàn an vui không còn sinh tử.

Bài kệ 8

Phi vụ vật học	非務勿學
Thị vụ nghi hành	是務宜行
Dĩ tri khả niệm	已知可念
Tắc lậu đắc diệt	則漏得滅

Đừng học theo những gì trái với chánh pháp, chỉ hành trì đúng với chánh pháp. Đã biết cách tu tập chánh niệm thì sẽ đạt được tịch tĩnh vô lậu.

Bài kệ 9

Kiến pháp lợi thân	見法利身
Phu đáo thiện phương	夫到善方
Tri lợi kiện hành	知利健行
Thị vị hiền minh	是謂賢明

Thấy được chánh pháp, muốn làm lợi ích cho bản thân thì hãy tìm đến được những nơi có điều kiện thuận lợi để dưỡng mãnh đi tới, đó là cách hành xử của các bậc hiền minh.

Bài kệ 10

Khởi giác nghĩa giả
 Học diệt dĩ cố
 Khán diệt tự tứ
 Tổn nhi bất hưng

起覺義者
 學滅以固
 着滅自恣
 損而不興

Kẻ nào làm phát khởi được giáo nghĩa về đạo lý giác ngộ thì trên con đường tu tập thực chứng Niết Bàn sẽ bước được những bước vững chãi. Kẻ nào bị kẹt vào ý niệm diệt độ, tự mình phóng túng, sẽ thấy sự hành trì của mình bị thụt lùi và không khá lên được.

Bài kệ 11

Thị hướng dĩ cường
 Thị học đắc trung
 Tùng thị giải nghĩa
 Nghi ức niệm hành

是向以強
 是學得中
 從是解義
 宜憶念行

Hướng đi đã chính xác vững mạnh, cái học hỏi và cái thực tập lại giúp mình đi được vào con đường trung đạo, thì kẻ hành giả liễu giải được giáo nghĩa và có khả năng ghi nhớ và thực hành.

Bài kệ 12

Học tiên đoạn mẫu
 Suất quân nhị thần
 Phế chư doanh tùng
 Thị thượng đạo nhân

學先斷母
 率君二臣
 廢諸營從
 是上道人

Thực tập vượt thắng được dục (mẹ) và mạn (cha), cùng các tà kiến thường và đoạn (hai vị đại thần của vua), phá hủy tan tành các doanh trại của những thế lực ấy, đó mới là vị đạo nhân thượng sĩ.

Bài kệ 13

Học vô bằng loại
 Bất đắc thiện hữu
 Ninh độc thủ thiện
 Bất dữ ngu giai

學無朋類
 不得善友
 寧獨守善
 不與愚偕

Tu tập mà không có bạn tốt, không có thiện tri thức thì thà rằng tu một mình chứ không nên đàn đúm với những giới ngu phu.

Bài kệ 14

Lạc giới học hành
 Hề dụng bạn vi
 Độc thiện vô ưu
 Như không dã tượng

樂戒學行
 奚用伴為
 獨善無憂
 如空野象

Thích học hỏi và hành trì giới luật, thì dù chưa có bạn hiền, nhưng cũng có sự vui thú một mình, không lo lắng gì, như con voi sống một mình nơi miền hoang dã.

Bài kệ 15

Giới văn câu thiện
 Nhị giả thực hiền
 Phương giới xưng văn
 Nghi để học hành

戒聞俱善
 二者孰賢
 方戒稱聞
 宜諦學行

Giữ cho hai mặt giới luật và học vấn đều được tốt đẹp, đó mới gọi là người hiền giả thuần thực. Giới hạnh phải đi đôi với học vấn, ta phải tuân thủ vào bốn sự thật để học hỏi và thực tập.

Bài kệ 16

Học tiên hộ giới
 Khai bế tất cố
 Thí nhi vô thọ
 Lực hành vật ngoạ

學先護戒
 開閉必固
 施而無受
 力行勿臥

Cái thiết yếu ban đầu của sự tu học là hộ trì giới luật. Phải nắm vững nguyên tắc khai và giá, cho nhiều hơn nhận, nỗ lực tu tập, đừng ngủ quá nhiều.

Bài kệ 17

Nhược nhân thọ bách tuế
 Tà học chí bất thiện
 Bất như sanh nhất nhật
 Tinh tấn thọ chánh pháp

若人壽百歲
 邪學志不善
 不如生一日
 精進受正法

Dù có sống lâu trăm tuổi mà đi theo những chủ thuyết sai lạc và tâm chí không lành thì cũng không bằng sống một ngày mà tinh tấn tu theo chánh pháp.

Bài kệ 18

Nhược nhân thọ bách tuế
 Phụng hỏa tu dị thuật
 Bất như tu du khoảnh
 Sự giới giả phước xưng

若人壽百歲
 奉火修異術
 不如須臾頃
 事戒者福稱

Dù có sống lâu trăm tuổi để thờ thần lửa và thực tập mê tín thì cũng không bằng chỉ sống trong khoảnh khắc mà nghiêm trì giới luật để có phước đức thù thắng.

Bài kệ 19

Năng hành thuyết chi khả	能行說之可
Bất năng vật không ngữ	不能勿空語
Hư ngụy vô thành tín	虛偽無誠信
Trí giả sở bình khí	智者所屏棄

Cái mình làm được thì mình mới đem dạy người ta, cái mình không làm được thì không nên đem dạy người khác. Người có trí tuệ thường không chấp nhận được những kẻ giả dối không thành tín.

Bài kệ 20

Học đương tiên cầu giải	學當先求解
Quan sát biệt thị phi	觀察別是非
Thọ đế ứng hồi bỉ	受諦應誨彼
Tuệ nhiên bất phục hoặc	慧然不復惑

Học hỏi trước hết là tìm hiểu, nhờ khả năng quán sát mà phân biệt được cái này đúng và cái kia sai. Có tuệ giác rồi mới dạy được người khác. Một khi đã có tuệ giác rồi thì không còn bị ai mê hoặc nữa.

Bài kệ 21

Bị phát học tà đạo	被髮學邪道
Thảo y nội tham trọc	草衣內貪濁
Mông mông bất thức chân	矇矇不識真
Như lung thính ngũ âm	如聾聽五音

Búi tóc nhưng thực tập theo tà đạo, mặc áo cỏ mà tâm ý còn đục ngầu, tham dục thì vẫn còn là kẻ mê mờ chẳng thông được sự thật, chẳng khác gì người điếc nghe đàn ngũ âm.

Bài kệ 22

Học năng xả tam ác
 Dĩ dược tiêu chúng độc
 Kiên phu độ sanh tử
 Như xà thoát cố bì

學能捨三惡
 以藥消眾毒
 健夫度生死
 如蛇脫故皮

Tuệ giác có công năng giúp ta buông bỏ được tham dục, sân hận và u mê. Đó là thứ lương dược có thể trị được mọi chất độc (tam độc). Nhờ tuệ giác mà bậc trượng phu vượt khỏi vòng sinh tử, như con rắn lột được xác cũ của nó.

Bài kệ 23

Học nhi đa văn
 Trì giới bất thất
 Lương thể kiến dự
 Sở nguyện giả đắc

學而多聞
 持戒不失
 兩世見譽
 所願者得

Tu mà có học hỏi và trì giới thì trong đời này và đời sau sẽ được khen ngợi và cuối cùng sẽ đạt được sở nguyện.

Bài kệ 24

Học nhi quả văn
 Trì giới bất hoàn
 Lương thể thọ thống
 Tang kỳ bản nguyện

學而寡聞
 持戒不完
 兩世受痛
 喪其本願

Tu mà ít học, trì giới cũng không nghiêm chỉnh thì trong đời này cũng như trong đời sau sẽ gánh chịu khổ đau và đánh mất bản nguyện của mình.

Bài kệ 25

Phu học hữu nhị
 Thường thân đa văn
 An để giải nghĩa
 Tuy khốn bất tà

夫學有二
 常親多聞
 安諦解義
 雖困不邪

Người tu nên nương tựa vào một người thứ hai. Phải biết thường xuyên gần gũi với những người có học thức khá. Phải biết căn cứ vào tứ diệu để tìm cách hiểu được những gì mình đang học. Dù cho còn gặp khó khăn nhưng ít nhất mình biết là mình đang đi trên đường chánh.

Bài kệ 26

Đề bại hại hòa
 Đa dục phương học
 Vân trừ chúng ác
 Thành thu tất đa

稊稗害禾
 多欲妨學
 耘除眾惡
 成收必多

Cỏ lúa làm hại lúa. Ham muốn và ái dục gây trở ngại cho sự tu học. Diệt cỏ, trừ cho sạch các tật xấu, thì hoa trái tu học sẽ thu hoạch được rất nhiều.

Bài kệ 27

Lự nhi hậu ngôn
 Từ bất cường lương
 Pháp thuyết nghĩa thuyết
 Ngôn nhi mạc vi

慮而後言
 辭不強梁
 法說義說
 言而莫違

Phải suy nghĩ cho chín chắn trước khi mở lời, không nên nói lời thô bạo, khi nói pháp phải giảng giải cho tường tận, cứ diễn bày giáo nghĩa mà không cần chỉ trích ai.

Bài kệ 28

Thiện học vô phạm
 Ủy pháp hiểu kị
 Kiến vi tri giả
 Giới vô hậu hoạn

善學無犯
 畏法曉忌
 見微知者
 誠無後患

Tu học cho thành công, không phạm giới luật, biết sợ những điều sai lầm, biết tránh những điều cấm kỵ, dù là những điều nhỏ nhặt cũng ý thức được, giữ gìn như thế thì sau này sẽ không gặp tai nạn.

Bài kệ 29

Viễn xả tội phước
 Vực thành phạm hạnh
 Chung thân tự nhiếp
 Thị danh thiện học

遠捨罪福
 務成梵行
 終身自攝
 是名善學

Vượt được ý niệm tội phước, thành tựu được nếp sống phạm hạnh, suốt đời làm chủ được bản thân, đó gọi là người học tập thành công.



Kinh Mở Rộng Tâm Hiểu Biết

Người mù nhờ cái học mà có con mắt, cái học giúp cho ta dẫn đường được cho thế gian, như những người có mắt dẫn đường được cho những người không có mắt.

Đa Văn Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam

多聞品法句經第三十

Kinh Mở Rộng Tâm Hiểu Biết

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 3

Phẩm này có 19 bài kệ, nối tiếp chủ đề học hỏi và thực tập của phẩm trước và nhấn mạnh đến cái cần thiết của sự học hỏi. Tu thì phải học. Học hỏi đem tới ánh sáng của trí tuệ, có thể giải phóng cho ta ra khỏi lo lắng và u mê (bài kệ thứ 17). Bài thứ 19 nói rõ: phải quyết tâm buông bỏ cái si ám, cái kiêu mạn và cái thích thú muốn làm giàu. Tư lương của ta phải là trí tuệ, sự nghiệp của ta là tuệ giác, không phải là cơ sở và tiền bạc. Đây là tuệ giác “Duy tuệ thị nghiệp” của kinh Bát Đại Nhân Giác.

Bài kệ 1

Đa văn năng trì cố	多聞能持固
Phụng pháp vi viên tường	奉法為垣牆
Tinh tấn nan du hủy	精進難踰毀
Tùng thị giới tuệ thành	從是戒慧成

Bền chí trong sự học hỏi thì có thể xây dựng được một bức tường thành vững chãi để phụng trì Phật pháp. Có được sự siêng năng

ấy thì những vi phạm giới luật sẽ không xen vào được, và do đó mình thành tựu được giới và tuệ.

Bài kệ 2

Đa văn lệnh chí minh	多聞令志明
Di minh trí tuệ tăng	已明智慧增
Trí tắc bác giải nghĩa	智則博解義
Kiến nghĩa hành pháp an	見義行法安

Học rộng thì tâm trí khai minh. Tâm trí khai minh thì tuệ giác tăng trưởng. Có trí tuệ thì sự học hỏi nghĩa lý sẽ trở nên rộng rãi. Hiểu được giáo nghĩa thì sự thực tập giáo pháp sẽ đi đúng con đường và mang tới bình an.

Bài kệ 3

Đa văn năng trừ ưu	多聞能除憂
Năng dĩ định vi hoan	能以定為歡
Thiện thuyết cam lộ pháp	善說甘露法
Tự trí đắc nê hoàn	自致得泥洹

Học rộng có thể giúp ta diệt trừ được lo lắng, sống hoan lạc trong định, thuyết giảng pháp cam lộ và tới được Niết Bàn.

Bài kệ 4

Văn vi tri pháp luật	聞為知法律
Giải nghi diệt kiến chánh	解疑亦見正
Tùng văn xả phi pháp	從聞捨非法
Hành đạo bất tử xứ	行到不死處

Nhờ học mà biết rõ được giáo pháp và luật nghi, giải trừ được nghi ngờ, đạt tới chánh kiến, nhờ học mà bỏ được những điều phi pháp và biết cách hành trì để đi tới cõi bất tử.

Bài kệ 5

Vi năng sư hiện đạo	為能師現道
Giải nghi lệnh học minh	解疑令學明
Diệc hưng thanh tịnh bổn	亦興清淨本
Năng phụng trì pháp tạng	能奉持法藏

Nhờ học mà làm được bậc thầy, thấy được đạo, hóa giải được nghi ngờ, làm cho tam học sáng chói. Cái học làm cho gốc rễ thanh tịnh được hưng khởi và giúp ta phụng trì được kho tàng chánh pháp.

Bài kệ 6

Năng nhiếp vi giải nghĩa	能攝為解義
Giải tắc nghĩa bất xuyên	解則義不穿
Thọ pháp ý pháp giả	受法猗法者
Tùng thị tật đắc an	從是疾得安

Nhờ có khả năng tập hợp kiến thức nên có thể giải bày được nghĩa lý của giáo pháp. Giải bày được thì nghĩa lý ấy không bị xuyên tạc, nhờ thế mà những người đang học hỏi giáo pháp với mình mau đạt tới chỗ an lạc.

Bài kệ 7

Nhược đa thiếu hữu văn	若多少有聞
Tự đại di kiêu nhân	自大以憍人
Thị như manh chấp chúc	是如盲執燭
Chiếu bỉ bất tự minh	照彼不自明

Có những kẻ vừa thu lượm được một mớ kiến thức mà đã tự kiêu tự đại. Họ cũng giống như người mù cầm đuốc, đuốc soi cho người khác nhưng chính mình lại không thấy đường.

Bài kệ 8

Phu cầu tước vị tài	夫求爵位財
Tôn quý thăng thiên phúc	尊貴升天福
Biện tuệ thế gian hân	辯慧世間悍
Tư văn vi đệ nhất	斯聞為第一

Ở đời, nhờ sức học mà người ta tìm cầu được chức tước, địa vị, sự giàu sang, sự tôn kính của kẻ khác và cả những phúc đức được siêu sinh lên cõi trời. Bởi vì cái học hỏi có khả năng đưa tới trí huệ, biện tài và thế lực trong nhân gian.

Bài kệ 9

Đế vương sinh lễ văn	帝王聘禮聞
Thiên thượng thiên diệc nhiên	天上天亦然
Văn vi đệ nhất tạng	聞為第一藏
Tối phú lực cường	最富旅力強

Chính vua chúa cũng kính trọng người học rộng, chư thiên ở cõi trời cũng thế. Kiến thức là kho tàng quý giá bậc nhất. Đó là một kho tàng, một sức mạnh.

Bài kệ 10

Trí giả vi văn khuất	智者為聞屈
Hảo đạo giả diệc lạc	好道者亦樂
Vương giả tận tâm sự	王者盡心事
Tuy Thích Phạm diệc nhiên	雖釋梵亦然

Các bậc trí giả cũng kính nể người có học. Kẻ mê đạo cũng ưa thích người có học. Các bậc vương giả cũng hết lòng giúp đỡ kẻ có học. Những bậc Thích tử và Phạm Chí cũng thế.

Bài kệ 11

Tiên nhân thường kính văn	仙人常敬聞
Huống quý cự phú nhân	況貴巨富人
Thị dĩ tuệ vi quý	是以慧為貴
Khả lễ vô quá thị	可禮無過是

Cả hai giới thiên và nhân đều kính nể người có học huống là giới cự phú. Do đó ta biết kiến thức là cái quý giá và cung kính người có học không phải là một cái gì quá đáng.

Bài kệ 12

Sự nhật vi minh cố	事日為明故
Sự phụ vi ân cố	事父為恩故
Sự quân dĩ lực cố	事君以力故
Văn cố sự đạo nhân	聞故事道人

Thờ mặt trời tại vì mặt trời cho ánh sáng, thờ vua vì vua có quyền lực, thờ cha vì cha có ân sinh thành và nuôi dưỡng, quy kính bậc đạo nhân vì bậc đạo nhân có học.

Bài kệ 13

Nhân vi mạng sự y	人為命事醫
Dục thắng y hào cường	欲勝依豪強
Pháp tại trí tuệ xứ	法在智慧處
Phước hạnh thế thế minh	福行世世明

Vì mạng sống mà người ta phải cầu khẩn lương y, vì muốn thắng cho nên người ta phải dựa vào kẻ mạnh, giáo pháp có mặt nơi nào tuệ giác có mặt, nhờ thế mà phước đức đời đời chiếu sáng.

Bài kệ 14

Sát hữu tại vi mưu	察友在為謀
Biệt bạn tại cấp thời	別伴在急時
Quán thê tại phòng lạc	觀妻在房樂
Dục tri trí tại thuyết	欲知智在說

Tìm hiểu bằng hữu bằng cách nhận diện mưu trí của họ, phân biệt được bạn hay thù là nhờ ở những lúc nguy cấp, xem mặt vợ tương lai là ở những lúc đang xảy ra sự vui chơi, biết được ai là kẻ trí là do khi nghe họ nói.

Bài kệ 15

Văn vi kim thế lợi	聞為今世利
Thê tử côn đệ hữu	妻子昆弟友
Diệc trí hậu thế phước	亦致後世福
Tích văn thành thánh trí	積聞成聖智

Học hỏi là có lợi ích cho kiếp sống hiện tại, nhờ đó mà tìm được vợ hiền, có được con khôn, anh em và bè bạn tốt. Học hỏi cũng để lại phước đức cho đời sau. Nhờ học hỏi liên tục mà người ta đạt tới thánh trí.

Bài kệ 16

Thị năng tán ưu khuể	是能散憂患
Diệc trừ bất tường suy	亦除不祥衰
Dục đắc an ổn cát	欲得安隱吉
Đương sự đa văn giả	當事多聞者

Nếu muốn vượt lo lắng và hoạn nạn, nếu muốn tránh những điều rủi ro, suy nhược, nếu muốn được an lành và may mắn thì phải biết thân cận người có học.

Bài kệ 17

Chước sang vô quá ưu
Xạ tiễn vô quá ngu
Thị tráng mạc năng bạt
Duy tùng đa văn trừ

斫創無過憂
射箭無過愚
是壯莫能拔
唯從多聞除

Không có thương tích nào đau nhức bằng sự lo lắng, không có mũi tên nào cắm sâu bằng cái u mê. Nếu không có sức mạnh của kiến thức học hỏi thì không thể nhổ được những cái ấy ra khỏi cơ thể.

Bài kệ 18

Manh tùng thị đắc nhãn
Ám giả tùng đắc chúc
Diệc đạo thế gian nhân
Như mục tương vô mục

盲從是得眼
闇者從得燭
亦導世間人
如目將無目

Người mù nhờ cái học mà có con mắt, sự tối ám nhờ cái học mà có ngọn đuốc, cái học giúp cho ta dẫn đường được cho thế gian như người có mắt đưa đường được cho những người không có mắt.

Bài kệ 19

Thị cố khả xả si
Ly mạn hào phú lạc
Vụ học sự văn giả
Thị danh tích tụ đức

是故可捨癡
離慢豪富樂
務學事聞者
是名積聚德

Vì vậy cho nên ta phải quyết tâm buông bỏ cái si ám, cái kiêu mạn và cái thích thú muốn làm giàu, hết lòng học hỏi và thân cận các bậc tri thức. Đây mới thật là công việc tu nhân tích đức.



Kinh Bồi Đáp Niềm Tin

Tuệ giác và niềm tin là những báu vật sáng chói nhất. Đó là những châu báu, tài sản cao cấp, trong khi đó thì tất cả các tài lợi, gia sản của thế gian đều vô thường.

Đốc Tín Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tứ

篤信品法句經第四

Kinh Bồi Đáp Niềm Tin

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 4

Đốc, có nghĩa là trung hậu và thành thực. Phẩm này có 18 bài kệ. Bài thứ 9 cho ta biết đức tin và tuệ giác là những bảo vật sáng chói nhất. Bài thứ 5 cho ta biết đức tin làm phát triển niệm, định, tinh tấn và đưa tới tuệ giác. Bài này cho ta thấy đức tin là một trong năm nguồn năng lượng giúp ta thành công trên đường tu tập giác ngộ, đó là tín, tấn, niệm, định và tuệ (ngũ lực). Những bài kệ 16, 17 và 18 đều nói tới đức tin như một tài sản: có đức tin sẽ không bao giờ nghèo đói về phương diện đời sống tâm linh. Mà đức tin ở đây luôn luôn được bồi đắp bởi trí tuệ, kinh nghiệm, chứ không phải là những tín ngưỡng vu vơ bám víu vào những thế lực bên ngoài.

Bài kệ 1

Tín tâm giới ý tài

信 慚 戒 意 財

Thị pháp nhã sĩ dự

是 法 雅 士 譽

Tư đạo minh trí thuyết

斯 道 明 智 說

Như thị thăng thiên thế

如 是 昇 天 世

Đức tin, sự hổ thẹn và giới luật là gia tài của tâm ý. Đó là những cái được các bậc cao sĩ khen ngợi. Các bậc minh trí đều dạy về con đường này. Đó là con đường đi lên các cõi trời.

Bài kệ 2

Ngu bất tu thiên hạnh	愚不修天行
Diệc bất dự bố thí	亦不譽布施
Tín thí trợ thiện giả	信施助善者
Tùng thị đáo bỉ an	從是到彼安

Những kẻ u mê không tu tập để cầu sinh lên cõi thiên, cũng không biết ca ngợi hạnh bố thí. Niềm tin nơi hạnh bố thí cũng đường giúp cho người có tâm lành đi tới được chỗ bình an.

Bài kệ 3

Tín giả chân nhân trưởng	信者真人長
Niệm pháp sở trụ an	念法所住安
Cận giả ý đắc thượng	近者意得上
Trí thọ thọ trung hiền	智壽壽中賢

Người có đức tin là người đứng vào bậc đàn anh trong các vị chân nhân. Nhờ đức tin mà ta đạt được an lạc khi thực tập, sống ý thức trong giây phút hiện tại. Gần những người có đức tin thì tâm ý ta được đi lên vững chãi, và ta được sống chung với các bậc hiền giả có tuổi thọ cao.

Bài kệ 4

Tín năng đắc đạo	信能得道
Pháp trí diệt độ	法致滅度
Tùng văn đắc trí	從聞得智
Sở đáo hữu minh	所到有明

Đức tin giúp người đạt đạo, cũng như giáo pháp đưa người tới Niết Bàn. Nhờ học hỏi mà có trí tuệ và nơi nào mình đến cũng có ánh sáng chiếu soi.

Bài kệ 5

Tín năng độ duyên	信 能 度 淵
Nhiếp vi thuyền sư	攝 為 船 師
Tinh tấn trừ khổ	精 進 除 苦
Tuệ đáo bỉ ngạn	慧 到 彼 岸

Đức tin giúp mình vượt qua được vực sâu, nhiếp tâm vào niệm và định, giúp mình làm công việc của một người thuyền trưởng, tinh tấn giúp mình diệt trừ khổ nạn và trí tuệ giúp mình đi qua bờ bên kia.

Bài kệ 6

Sĩ hữu tín hành	士 有 信 行
Vì thánh sở dự	為 聖 所 譽
Lạc vô vi giả	樂 無 為 者
Nhất thiết phược giải	一 切 縛 解

Kẻ sĩ đã có đức tin lại có được sự thực hành thì sẽ được các bậc thánh nhân khen ngợi. Những ai biết vui cái vui Niết Bàn thì có khả năng tháo gỡ được tất cả mọi ràng buộc hệ lụy.

Bài kệ 7

Tín chi dữ giới	信 之 與 戒
Tuệ ý năng hành	慧 意 能 行
Kiên phu độ nộ	健 夫 度 恚
Tùng thị thoát duyên	從 是 脫 淵

Niềm tin khiến cho sự hành trì giới luật có được nội dung vững chãi và giúp cho hành giả đạt được tuệ giác. Nhờ vậy mà có sức mạnh vượt qua được hận thù, vượt qua được những cơn lũ lụt.

Bài kệ 8

Tín sử giới thành	信使戒誠
Diệc thọ trí tuệ	亦受智慧
Tại tại năng hành	在在能行
Xứ xứ kiến dưỡng	處處見養

Đức tin giúp cho sự thực tập giới luật có thực chất, đức tin cũng giúp mình tiếp thu tuệ giác. Nơi nào có sự hành trì là nơi ấy có sự nuôi dưỡng.

Bài kệ 9

Bì phương thế lợi	比方世利
Tuệ tín vi minh	慧信為明
Thị tài thượng bảo	是財上寶
Gia sản phi thường	家產非常

So với những tài lợi trong cuộc đời thì tuệ giác và niềm tin là những báu vật sáng chói nhất. Đó là những châu báu tài sản thuộc loại cao cấp, trong khi đó thì tất cả những của cải gia sản của thế gian đều là vô thường.

Bài kệ 10

Dục kiến chư chân	欲見諸真
Lạc thính giảng pháp	樂聽講法
Năng xả xan cấu	能捨慳垢
Thử chi vi tín	此之為信

Có ước ao tìm thấy sự thật, ưa nghe giảng dạy Phật pháp, có khả năng buông bỏ xan tham và trần cấu, cái đó gọi là đức tin.

Bài kệ 11

Tín năng độ hà	信 能 度 河
Kỳ phước nan đoạt	其 福 難 奪
Năng cấm chỉ đạo	能 禁 止 盜
Dã sa môn lạc	野 沙 門 樂

Đức tin có khả năng giúp ta qua sông, phúc đức ấy không ai có thể chiếm đoạt được, không ai có thể đánh cắp được. Đó là niềm vui của một vị sa môn sống ở miền đồng nội.

Bài kệ 12

Vô tín bất tập	無 信 不 習
Hảo bác chánh ngôn	好 剝 正 言
Như chuyết thủ thủy	如 拙 取 水
Quật tuyên dương nê	掘 泉 揚 泥

Không có đức tin thì không có sự thực tập, ưa bác bỏ những lời dạy chân chính, giống như múc nước dưới suối một cách vụng về và làm quấy cả bùn lên.

Bài kệ 13

Hiền phu tập trí	賢 夫 習 智
Lạc ngưỡng thanh lưu	樂 仰 清 流
Như thiện thủ thủy	如 善 取 水
Tư lệnh bất nhiễu	思 令 不 擾

Người hiền tu tập theo trí tuệ, biết thưởng thức và chiêm ngưỡng những gì đẹp đẽ và trong sáng, cũng như kẻ khéo múc nước, có ý tứ mà không quấy đục dòng nước.

Bài kệ 14

Tín bất nhiễm tha
 Duy hiền dữ nhân
 Khả hảo tắc học
 Phi hảo tắc viễn

信不染他
 唯賢與人
 可好則學
 非好則遠

Có đức tin thì không làm nhiễm ô kẻ khác, chỉ hiến tặng cho kẻ khác những gì hiền đức. Cái gì tốt đẹp thì học theo, cái gì không tốt đẹp thì xa lánh.

Bài kệ 15

Tín vi ngã dư
 Mạc tri tư tái
 Như đại tượng điều
 Tự điều tối thắng

信為我與
 莫知斯載
 如大象調
 自調最勝

Đức tin cũng như một cỗ xe, ta phải biết cách sử dụng để tự chuyên chở lấy mình, như con voi lớn đã được điều phục. Tự điều phục lấy mình, đó là điều hay nhất.

Bài kệ 16

Tín tài giới tài
 Tàm quý diệc tài
 Văn tài thí tài
 Tuệ vi thất tài

信財戒財
 慚愧亦財
 聞財施財
 慧為七財

Đức tin là tài sản. Giới luật là tài sản. Tàm và quý cũng là tài sản. Cùng với ba thứ tài sản khác là học hỏi, bố thí và trí tuệ làm thành bảy thứ tài sản gọi là thất tài.

Bài kệ 17

Tùng tín thủ giới	從信守戒
Thường tịnh quán pháp	常淨觀法
Tuệ nhi lợi hành	慧而利行
Phụng kính bất vong	奉敬不忘

Từ đức tin mà có sự trì giới, do đó quán chiếu để thanh tịnh hóa các pháp, sử dụng tuệ giác đạt được để thực tập làm ích lợi cho đời và không bao giờ quên lãng lý tưởng phụng sự của mình.

Bài kệ 18

Sanh hữu thử tài	生有此財
Bất vấn nam nữ	不問男女
Chung dĩ bất bần	終以不貧
Hiên giả thức chân	賢者識真

Sinh ra trong cuộc đời này mà có được thứ tài sản ấy thì dù là nam hay nữ cũng sẽ không bao giờ bị nghèo đói. Bậc hiền giả bao giờ cũng có cơ hội lĩnh hội được sự thật.



Kinh Nghiêm Trì Giới Luật

Giới là cái tốt lành an ổn nhất cho một đời người. Giới có khả năng đem lại sự yên vui và lắng dịu thật sự. Tuệ giác là vật quý giá nhất của một con người. Phước đức là thứ tài sản mà kẻ khác không thể nào đánh cắp được.

Giới Thận Phẩm Pháp Cú Kinh đệ ngũ
戒慎品法句經第五

Kinh Nghiêm Trì Giới Luật

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 5

Thận, có nghĩa là thận trọng, giữ gìn cho kỹ lưỡng. Phẩm này có 16 bài kệ. Bài kệ thứ 4 nói lên được đầy đủ cái hạnh phúc của người trì giới: trì giới đem lại sự an ổn, làm cho thân tâm không bị nhiễu loạn, ban đêm có được giấc ngủ an lành, thức dậy thì cảm thấy tươi vui. Giới luật và uy nghi là sự biểu hiện cụ thể của sự thực tập chánh niệm. Bài kệ thứ 3 nêu rõ điều ấy: muốn luôn luôn nhận diện được đối tượng tâm ý (quán thọ và quán tâm) thì phải bảo hộ giới luật, lấy giới luật làm cho tâm ý sáng tỏ: làm như thế thì sẽ thành tựu được chánh kiến. Như vậy có nghĩa: giới là gốc của niệm, định và tuệ.

Bài kệ 1

Nhân nhi thường thanh
Phụng luật chí chung
Tịnh tu thiện hành
Như thị giới thành

人而常清
奉律至終
淨修善行
如是戒成

Những ai biết giữ cho bản thân thường xuyên được thanh tịnh, biết suốt đời hành trì giới luật, biết sống đời phạm hạnh và làm những việc lành, những người ấy sẽ thành tựu được sự hành trì giới pháp.

Bài kệ 2

Tuệ nhân hộ giới

慧人護戒

Phước trí Tam Bảo

福致三寶

Danh văn đắc lợi

名聞得利

Hậu thượng thiên lạc

後上天樂

Những ai có tuệ giác, biết hộ trì giới luật là những người đã có phúc đức cho nên mới có duyên tới được với ba ngôi báu. Trong hiện tại họ được hưởng nhiều lợi lạc và được ngợi khen, sau này họ cũng sẽ được sinh lên các cõi trời và hưởng hạnh phúc ở các cõi ấy.

Bài kệ 3

Thường kiến pháp xứ

常見法處

Hộ giới vi minh

護戒為明

Đắc thành chân kiến

得成真見

Bối trung cát tường

輩中吉祥

Muốn luôn luôn nhận diện được đối tượng của tâm ý thì phải bảo hộ giới luật, lấy giới luật làm cho tâm ý sáng tỏ. Làm như thế thì sẽ thành tựu được chánh kiến và suốt đời được sống trong cảnh an lành may mắn.

Bài kệ 4

Trì giới giả an	持戒者安
Lệnh thân vô não	令身無惱
Dạ ngọa diêm đàm	夜臥恬淡
Ngự tắc thường hoan	寤則常歡

Trì giới đem lại sự an ổn, làm cho thân tâm không bị nhiễu loạn, ban đêm có được giấc ngủ an lành, thức dậy thì cảm thấy tươi vui.

Bài kệ 5

Tu giới bố thí	修戒布施
Tác phước vi phước	作福為福
Tùng thị thích bĩ	從是適彼
Thường đáo an xứ	常到安處

Hành trì giới luật và bố thí là tạo tác và vun trồng phước đức, do đó mình có thể thích nghi và thoải mái với những kẻ khác và đi đến đâu cũng được bình an.

Bài kệ 6

Hà chung vi thiện	何終為善
Hà thiện an chỉ	何善安止
Hà vi nhân bảo	何為人寶
Hà đạo bất thủ	何盜不取

Cái gì là cái tốt lành nhất cho cả một đời người? Cái gì là cái có khả năng đưa tới sự an ổn và lắng dịu thật sự? Cái gì là vật quý giá nhất của con người? Cái gì là cái mà kẻ khác không thể đánh cắp được?

Bài kệ 7

Giới chung lão an
 Giới thiện an chỉ
 Tuệ vi nhân bảo
 Phước đạo bất thủ

戒終老安
 戒善安止
 慧為人寶
 福盜不取

Giới là cái tốt lành an ổn nhất cho cả một đời người. Giới là cái có khả năng đem lại sự yên vui và lắng dịu thật sự. Tuệ giác là vật quý giá nhất của con người. Phước đức là cái mà kẻ khác không thể nào đánh cắp được.

Bài kệ 8

Tỳ-kheo lập giới
 Thủ nhiếp chư căn
 Thực tri tự tiết
 Ngộ ý lệnh ưng

比丘立戒
 守攝諸根
 食知自節
 悟意令應

Vị tỳ khưu trì giới, nhiếp thủ sáu căn, biết tiết chế trong sự ăn uống tiêu thụ, lúc nào cũng biết ứng xử có ý thức.

Bài kệ 9

Di giới hàng tâm
 Thủ ý chánh định
 Nội học chánh quán
 Vô vong chánh trí

以戒降心
 守意正定
 內學正觀
 無忘正智

Lấy sự hành trì giới luật để hàng phục tâm mình, thực tập chánh niệm và chánh định, trong nội tâm luôn luôn duy trì chánh quán không để gián đoạn.

Bài kệ 10

Minh triết thủ giới

明哲守戒

Nội tư chánh trí

內思正智

Hành đạo như ứng

行道如應

Tự thanh trừ khổ

自清除苦

Bậc minh triết nghiêm trì tịnh giới, bên trong duy trì chánh trí và nhờ hành trì được như thế cho nên tự thanh lọc được thân tâm và diệt trừ được khổ nạn.

Bài kệ 11

Quyên trừ chư cấu

蠲除諸垢

Tận mạn vật sanh

盡慢勿生

Chung thân cầu pháp

終身求法

Vật tạm ly thánh

勿暫離聖

Muốn diệt trừ được ô nhiễm, dứt hết mọi mặc cảm, khiến cho không mặc cảm nào phát hiện trở lại thì suốt đời phải cầu học Phật pháp, đừng có giây phút nào xa lìa con đường thánh đạo.

Bài kệ 12

Giới định tuệ giải

戒定慧解

Thị đương thiện duy

是當善惟

Đô di ly cấu

都已離垢

Vô họa trừ hữu

無禍除有

Muốn liễu giải được trình tự tam học là giới, định và tuệ thì phải thực tập chánh tư duy. Chánh tư duy giúp ta dứt trừ phiền não ô nhiễm, tránh được tai họa và chấm dứt được luân hồi.

Bài kệ 13

Khán giải tức độ	着解則度
Dư bất phục sanh	餘不復生
Việt chư ma giới	越諸魔界
Như nhật thanh minh	如日清明

Nhờ liễu giải được như thế mà hành giả qua được bờ bên kia, không còn sinh trở lại trong cõi luân hồi, vượt thoát được mọi cảnh giới của ma vương, sáng trong như một vầng mặt trời.

Bài kệ 14

Cuồng hoặc tự tứ	狂惑自恣
Di thường ngoại tị	已常外避
Giới định tuệ hành	戒定慧行
Cầu mãn vật ly	求滿勿離

Nên tránh xa những kẻ ngông cuồng, phóng dăng. Phải hành trì giới, định và tuệ cho đến nơi đến chốn, đừng bỏ nửa chừng.

Bài kệ 15

Trì giới thanh tịnh	持戒清淨
Tâm bất tự tứ	心不自恣
Chánh trí dĩ giải	正智已解
Bất đồ tà bộ	不覩邪部

Giữ cho giới thể luôn luôn nghiêm mật, tâm không buông lung. Một khi chánh trí đã đạt được thì những điều sai trái sẽ không còn xuất hiện.

Bài kệ 16

Thị vãng cát xử
 Vi vô thượng đạo
 Diệt xả phi đạo
 Ly chư ma giới

是往吉處
 為無上道
 亦捨非道
 離諸魔界

Như thế là ta đang hướng về chỗ an lành, đi trên con đường vô thượng, vứt bỏ những gì trái chống với đạo lý và xa lìa cảnh giới của các loài ma.



Kinh Thực Tập Quán Niệm

Công phu thực tập chỉ và quán trong khi đi và đứng, khi ngồi cũng như nằm, không lúc nào bỏ quên, sẽ làm phát sinh ra ánh sáng chiếu rọi trong thế gian, như mây tan trăng hiện.

Duy Niệm Phẩm Pháp Cú Kinh đệ lục

惟念品法句經第六

Kinh Thực Tập Quán Niệm

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 6

Phẩm này tuy ghi là có 12 bài kệ, nhưng thật ra là có tới 13 bài. Bài thứ 1 nói về phép quán niệm hơi thở. Bài thứ 2 nói về hai yếu tố của sự thực tập thiền định, đó là chỉ và quán. Chỉ là dừng lại, là làm cho lắng dịu, là tập trung tâm ý. Quán là nhìn sâu vào đối tượng mình đang quán chiếu: đó có thể là hơi thở, là hình hài, là cảm thọ, là tâm ý, hoặc là các pháp đối tượng của tâm ý. Bài thứ 4 nói về quán thân, bài thứ 7 nói về quán tâm, bài 11, 12 và 13 nói về các phép tùy niệm: niệm Bụt, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Vô Thường và niệm Bồ Thí. Ta để ý thì không có niệm Thiên. Bài thứ 13 cũng nói tới ba phép niệm căn bản để đi tới giải thoát (tam giải thoát môn) là quán Không, quán Vô tướng và quán Vô nguyện, tức là Vô tác. Bài kệ thứ 7 lấy lại hai câu chốt của bài kệ thứ 6 (Nhược năng ngộ ý niệm, tri giải nhất tâm lạc) và thêm vào hai câu nữa (ưng thời đẳng hành pháp, thị độ sinh tử não). Vì vậy cho nên trong khi sao chép, người sao chép đã bỏ mất hai câu lặp lại, tưởng đó là dư thừa, cho nên trong nguyên văn chữ Hán, bài kệ thứ 6 có tới sáu dòng thay vì bốn

dòng. Vì vậy đếm lại chỉ thấy có 12 bài kệ trong khi đó thực sự là 13. Bài kệ thứ bảy như sau:

Nhược năng ngộ ý niệm
Tri giải nhất tâm lạc
Ứng thời đẳng hành pháp
Thị độ lão tử nào.

Sở dĩ ta phục hồi được bài kệ này là nhờ có kinh *Pháp Tập Yếu Tụng*. Kinh này đã sử dụng bản dịch của kinh Pháp Cú và trong khi sao chép đã không đánh mất hai câu tưởng như là trùng lặp mà không phải trùng lặp.

Phẩm này liệt kê được những phép thiền quán căn bản của đạo Bụt nguyên thủy, được sử dụng chung cho các tông phái Phật giáo: Duy có phép tu Từ quán chưa nhắc tới, và sẽ được nhắc tới ở phẩm sau.

Bài kệ 1

Xuất tức nhập tức niệm	出息入息念
Cụ mãn đế tư tánh	具滿諦思惟
Tùng sơ cánh thông lợi	從初竟通利
An như Phật sở thuyết	安如佛所說

Phép tu quán niệm hơi thở vào ra nếu làm cho đến nơi đến chốn thì có thể đem lại sự thực chứng Chân Đế. Ngay buổi đầu thực tập cho đến khi thành tựu viên mãn luôn luôn có sự thông thoáng lợi ích. Phép thực tập này sẽ đem lại sự bình an như Bụt đã nói.

Bài kệ 2

Thị tắc chiếu thế gian	是則照世間
Như vân giải nguyệt hiện	如雲解月現
Khởi chỉ học tư duy	起止學思惟
Tọa ngoại bất phế vong	坐臥不廢忘

Phát khởi công phu thực tập chỉ và quán trong lúc ngồi cũng như trong lúc nằm, không lúc nào bỏ quên, sẽ làm phát sinh ra ánh sáng chiếu rọi trong thế gian, như mây tan trăng hiện.

Bài kệ 3

Tỳ-kheo lập thị niệm	比丘立是念
Tiền lợi hậu tức thắng	前利後則勝
Thủy đắc chung tất thắng	始得終必勝
Thệ bất đồ sanh tử	逝不覩生死

Vị tỳ kheo thiết lập được các pháp chánh niệm này sẽ được hưởng lợi lạc ngay trong lúc ban đầu thực tập, sau đó thì công phu càng ngày càng trở nên vững chãi. Hoa trái của công phu cũng càng ngày càng trở nên thù thắng. Công phu này sẽ giúp bậc hiền giả vượt qua được dòng sinh tử.

Bài kệ 4

Nhược kiến thân sở trụ	若見身所住
Lục cánh dĩ vi tối	六更以為最
Tỳ-kheo thường nhất tâm	比丘常一心
Tiên tự tri nê hoàn	便自知泥洹

Thành tựu được phép quán niệm về thân rồi thì hành giả sẽ nhiếp niệm được cả sáu giác quan. Duy trì được trạng thái nhất tâm, thì vị tỳ khưu có thể thực chứng được Niết Bàn.

Bài kệ 5

Dĩ hữu thị chư niệm	已有是諸念
Tự thân thường kiến hành	自身常建行
Nhược kỳ bất như thị	若其不如是
Chung bất đắc ý hành	終不得意行

Thực tập thành công các pháp quán niệm ấy thì tự thân sẽ thường xuyên đạt được trạng thái kiên hành. Chưa được như thế thì vẫn còn chưa cảm thấy thoải mái hoàn toàn.

Bài kệ 6

Thị tùy bốn hành giả	是隨本行者
Như thị độ ái lao	如是度愛勞
Nhược năng ngộ ý niệm	若能悟意念
Tri giải nhất tâm lạc	知解一心樂

Ai thực tập theo được các pháp môn căn bản này thì có thể vượt thoát được biển trần lao của ái dục. Ai có khả năng nhận diện được những tâm hành của mình (khi chúng phát hiện) sẽ có khả năng hiểu được (bản chất) của các tâm hành ấy và đạt tới được niềm hoan lạc do sức định của nhất tâm đem tới.

Bài kệ 7

Nhược năng ngộ ý niệm	若能悟意念
Tri giải nhất tâm lạc	知解一心樂
Ứng thời đẳng hành pháp	應時等行法
Thị độ lão tử nào	是度老死惱

Nếu có khả năng nhận diện được các tâm hành thì sẽ đạt tới giải thoát và hưởng được những pháp lạc do cái định của nhất tâm đem lại. Nếu thực tập được đúng lúc và đều đặn thì sẽ vượt thoát được phiền não trong cuộc sinh tử.

Bài kệ 8

Tỳ-kheo ngộ ý hành	比丘悟意行
Đương lệnh ưng thị niệm	當令應是念
Chư niệm sanh tử khí	諸念生死棄
Vi năng tác khổ tế	為能作苦際

Vị tỳ kheo ý thức được các tâm hành và làm cho tâm mình tương ứng với chánh niệm thì sẽ có khả năng buông bỏ được các ý niệm, như ý niệm sinh tử v.v... và vượt thoát được thế giới khổ đau.

Bài kệ 9

Thường đương thính vi diệu	常當聽微妙
Tự giác ngộ kỳ ý	自覺悟其意
Năng giác giả vi hiền	能覺者為賢
Chung thủy vô sở hội	終始無所會

Ta hãy thường nên học hỏi giáo pháp vi diệu (của Phật) và giác ngộ được ý chỉ (thâm sâu) của các giáo pháp ấy. Có giác ngộ như thế mới có thể gọi là bậc hiền giả, trước sau không còn bị sự sợ hãi trấn ngự.

Bài kệ 10

Di giác ý năng ưng	以覺意能應
Nhật dạ vụ học hành	日夜務學行
Đương giải cam lồ yếu	當解甘露要
Lệnh chư lậu đắc tận	令諸漏得盡

Để tâm tương ứng với chánh niệm, đêm ngày thực tập chuyên cần như thế, thì sẽ liễu giải được yếu chỉ Cam Lồ và làm cho tất cả các lậu hoặc chấm dứt.

Bài kệ 11

Phu nhân đắc thiện lợi	夫人得善利
Nãi lai tự quy Phật	乃來自歸佛
Thị cố đương trú dạ	是故當晝夜
Thường niệm Phật Pháp Chúng	常念佛法眾

Ai có được cơ duyên lành và cơ hội thuận lợi thì nên thực tập ngay phép quy y Bụt, đêm ngày niệm Bụt, niệm Pháp và niệm Tăng.

Bài kệ 12

Kỷ tri tự giác ý	己知自覺意
Thị vi Phật đệ tử	是為佛弟子
Thường đương trú dạ niệm	常當晝夜念
Phật dữ Pháp cập Tăng	佛與法及僧

Đã là một người con Bụt thì phải nuôi dưỡng tâm tự giác, đêm ngày thực tập phát khởi và duy trì chánh niệm về Bụt, Pháp và Tăng.

Bài kệ 13

Niệm thân niệm phi thường	念身念非常
Niệm giới bố thí đức	念戒布施德
Không bất nguyện vô tướng	空不願無相
Trú dạ đương niệm thị	晝夜當念是

Hãy tinh chuyên thực tập các phép quán niệm về Thân, về Vô Thường, về Giới, về Bố Thí, về Không, về Vô Tướng và về Vô Nguyện, đêm cũng như ngày.



Kinh Nuôi Lớn Tình Thương

Dù có bỏ cả cuộc đời để chuyên cần làm việc xã hội hoặc tế trời bằng voi và ngựa, cũng không bằng trong một phút tu tập quán từ bi.

Từ Nhân Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thất
慈仁品法句經第七

Kinh Nuôi Lớn Tình Thương

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 7

Phẩm này có 18 bài kệ. Bài thứ 16 nói tới Từ như một trong bốn tâm vô lượng, là Từ, Bi, Hỷ và Xả: năng lượng thương yêu có thể bao trùm được tất cả mọi loài, đó là tình yêu thương không có biên giới. Bài thứ 18 nói: chỉ một giây phút phát khởi tâm từ cũng có giá trị hơn cả một đời chuyên cần cúng tế cầu đảo hoặc làm việc xã hội. Bài thứ 11 nói về sự thực tập bất bạo động (*ahimsa*), buông bỏ mọi ý muốn trừng phạt, buông bỏ tâm niệm oán cừu. Bài thứ tư căn dặn là tình thương cần được biểu lộ bằng cả ba nghiệp thân, khẩu và ý. Bài thứ nhất cho ta thấy từ bi là năng lượng bảo hộ hữu hiệu nhất, giúp ta sống trong an ổn, không gặp tai ương hoạn nạn. Bài thứ 15 nói tới 11 cái lợi ích của sự thực tập từ bi.

Bài kệ 1

Vi nhân bất sát

Thường năng nhiếp thân

Thị xứ bất tử

Sở thích vô hoạn

為仁不殺

常能攝身

是處不死

所適無患

Có lòng từ bi thì không bao giờ muốn làm hại đến mạng sống, lại có khả năng bảo hộ mạng sống, luôn cư trú trong thế giới bất tử và đi đến đâu cũng không gặp tai ương hoạn nạn.

Bài kệ 2

Bất sát vi nhân	不殺為仁
Thận ngôn thủ tâm	慎言守心
Thị xứ bất tử	是處不死
Sở thích vô hoạn	所適無患

Hành trì giới bất sát, đó chính là bản chất của từ bi, hành trì ngay trong lời nói thận trọng của mình và trong tâm ý chánh niệm của mình, do đó luôn luôn được cư trú trong thế giới bất tử và đi đâu cũng không gặp tai ương hoạn nạn.

Bài kệ 3

Bĩ loạn dĩ chỉnh	彼亂已整
Thủ dĩ từ nhân	守以慈仁
Kiến nộ năng nhẫn	見怒能忍
Thị vi phạm hạnh	是為梵行

Kẻ kia thác loạn nhưng ta vẫn nghiêm chỉnh, bởi vì ta duy trì được tâm từ ái. Ta thực tập giữ được hạnh nhẫn nhục mỗi khi gặp trường hợp người ta nổi cơn thịnh nộ. Đó chính là nếp sống phạm hạnh.

Bài kệ 4

Chí thành an từ	至誠安徐
Khẩu vô vô ngôn	口無麤言
Bất sân bỉ sở	不瞋彼所
Thị vi phạm hạnh	是謂梵行

Tâm dạ chí thành, phong độ an nhiên từ tốn, miệng không nói lời thô ác, không nổi giận với kẻ khác, đó là nếp sống phạm hạnh.

Bài kệ 5

Thùy cùng vô vi	垂拱無為
Bất hại chúng sanh	不害眾生
Vô sở nhiễu惱	無所撓惱
Thị ứng phạm hạnh	是應梵行

Tỏ bày thái độ cung kính, tinh mặc vô vi, không gây tàn hại đối với các loài chúng sanh, không gây phiền não và nhiễu hại cho bất cứ loài nào, đó là nếp sống phạm hạnh.

Bài kệ 6

Thường dĩ từ ai	常以慈哀
Tịnh như Phật giáo	淨如佛教
Tri túc tri chí	知足知止
Thị độ sanh tử	是度生死

Thường lấy lòng từ bi thương xót chúng sanh, tịnh hóa tự tâm như lời Phật dạy, thực tập tri túc, biết dừng lại lúc cần dừng lại, như vậy là có cơ duyên vượt được sinh tử.

Bài kệ 7

Thiểu dục hảo học	少欲好學
Bất hoặc ư lợi	不惑於利
Nhân nhi bất phạm	仁而不犯
Thế thượng sở xưng	世上所稱

Biết thực tập thiểu dục, biết ham muốn học hỏi, không bị lợi lộc thế gian làm mê hoặc, không làm tổn hại đến đức từ bi của mình, như thế thì trên đời ai cũng ngợi khen.

Bài kệ 8

Nhân thọ vô phạm
 Bất hưng biến khoái
 Nhân vi tránh nhiễu
 Tuệ dĩ mặc an

仁壽無犯
 不興變快
 人為諍擾
 慧以嘿安

Hành giả không xâm phạm đến thọ mạng của người, không tạo ra tranh chấp và tai biến. Người đời vì tranh chấp cho nên tạo ra cảnh nhiễu nhương. Kẻ hành giả nhờ tuệ giác mà đem lại được tình trạng tĩnh mặc an ổn.

Bài kệ 9

Phổ ưu hiền hữu
 Ai gia chúng sanh
 Thường hành từ tâm
 Sở thích giả an

普憂賢友
 哀加眾生
 常行慈心
 所適者安

Yêu mến tất cả mọi người, xem ai cũng là bạn hiền, thương xót mọi loài chúng sanh, luôn luôn hành xử với tâm từ bi thì đi đến đâu cũng gặp an lành.

Bài kệ 10

Nhân nho bất tà
 An chỉ vô ưu
 Thượng thiên vệ chi
 Trí giả lạc từ

仁儒不邪
 安止無憂
 上天衛之
 智者樂慈

Kẻ sĩ biết thực tập từ bi sẽ không đi lạc vào tà đạo, được sống an lành và lắng dịu, được chư thiên bảo hộ, bởi vì ai có trí tuệ đều yêu thích lòng từ.

Bài kệ 11

Trú dạ niệm từ
 Tâm vô khắc phạt
 Bất hại chúng sanh
 Thị hành vô cừ

晝夜念慈
 心無剋伐
 不害眾生
 是行無仇

Nếu ngày đêm đều có thực tập chánh niệm về Từ thì trong tâm không còn ý muốn trách phạt ai nữa. Thực tập pháp vô hại đối với tất cả chúng sanh, đó là hạnh nguyện không oán cừu.

Bài kệ 12

Bất từ tắc sát
 Vì giới ngôn vọng
 Quá bất dữ tha
 Bất quán chúng sanh

不慈則殺
 違戒言妄
 過不與他
 不觀眾生

Không có tâm từ mới nhẫn tâm sát hại chúng sanh, làm trái với giới luật và đưa tới sự nói dối. Ngưu si không biết hiến tặng sự sống, đó là tại vì không quán chiếu về tâm ý của mọi loài (là tâm ý ham sống sợ chết).

Bài kệ 13

Tửu trí thất chí
 Vì phóng dật hành
 Hậu đọa ác đạo
 Vô thành bất chân

酒致失志
 為放逸行
 後墮惡道
 無誠不真

Uống rượu say rồi thì mất sáng suốt, do đó có thể làm những hành động sai trái đưa mình về con đường xấu ác, không thành tâm cũng không chân thật.

Bài kệ 14

Lý nhân hành từ
 Bác ái tế chúng
 Hữu thập nhất dự
 Phước thường tùy thân

履 仁 行 慈
 博 愛 濟 眾
 有 十 一 譽
 福 常 隨 身

Thực tập nhân từ, đem lòng bác ái mà tế độ chúng sanh thì sẽ thành tựu được mười một điều đáng khen ngợi, do đó phước và đức sẽ đi theo mình suốt đời.

Bài kệ 15

Ngọa an giác can
 Bất kiến ác mộng
 Thiên hộ nhân ái
 Bất độc bất binh
 Thủy hỏa bất tang
 Tại sở đắc lợi
 Tử thăng phạm thiên
 Thị vi thập nhất

臥 安 覺 安
 不 見 惡 夢
 天 護 人 愛
 不 毒 不 兵
 水 火 不 喪
 在 所 得 利
 死 昇 梵 天
 是 為 十 一

Mười một điều ấy là ngủ yên, thức dậy an lành, không có ác mộng, được chư thiên bảo hộ, được loài người yêu mến, không bị đầu độc, không trở thành nạn nhân của binh hỏa, không bị chết trôi, không bị lửa cháy, hiện tại được hưởng nhiều phúc lợi, qua đời sẽ sinh lên cõi Phạm thiên.

Bài kệ 16

Nhược niệm từ tâm
 Vô lượng bất phế
 Sanh tử tiệm bạc
 Đắc lợi độ thế

若 念 慈 心
 無 量 不 廢
 生 死 漸 薄
 得 利 度 世

Nếu tu tập từ niệm trở thành vô lượng tâm mà không phớt bỏ nửa chừng thì sẽ dần dần thoát cảnh sinh tử và làm được nhiều việc lợi ích cho đời.

Bài kệ 17

Nhân vô loạn chí

仁無亂志

Từ tối khả hành

慈最可行

Mẫn thương chúng sanh

愍傷眾生

Thử phước vô lượng

此福無量

Tâm Từ làm cho ta nhất tâm, tâm Bi đưa tới hành động quảng đại. Thương xót và cứu độ chúng sanh, phước đức này quả là vô lượng.

Bài kệ 18

Giả lệnh tận thọ mạng

假令盡壽命

Cần sự thiên hạ nhân

懃事天下人

Tượng mã dĩ từ thiên

象馬以祠天

Bất như hành nhất từ

不如行一慈

Dù có bỏ cả cuộc đời để chuyên cần làm việc xã hội hoặc tế trời bằng voi và ngựa, cũng không bằng trong một phút tu tập quán từ bi.



Kinh Thực Tập Ái Ngữ

Nếu ta buông bỏ được ý muốn trừng phạt, tâm ta chỉ thành muốn cho ai cũng bớt khổ thì tự khắc lời nói của ta trở nên giọt cam lộ. " Đó là thứ ngôn ngữ cao nhất của mọi ngôn ngữ".

Ngôn Ngữ Phẩm Pháp Cú Kinh đệ bát

言語品法句經第八

Kinh Thực Tập Ái Ngữ

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 8

Phẩm này có 12 bài kệ. Bài kệ thứ 12 dạy ta nên học nói năng theo kiểu nói năng của Bụt: Mỗi lời nói đều có thể đưa tới an lành, có công năng xây dựng tăng thân và môi trường tốt cho sự thực tập. “Đó là thứ ngôn ngữ cao nhất của các thứ ngôn ngữ”. Nếu ta thực tập buông bỏ được ý muốn trừng phạt, nếu tâm ta chỉ thành muốn cho ai cũng bớt khổ thì tự khắc lời nói của ta trở nên lời nói cam lộ. Đó là ý chính của bài kệ thứ 11, ái ngữ đi với lắng nghe sẽ giúp ta và kẻ khác tái lập được truyền thông và đưa tới nếp sống thuận thảo an lành. Bài kệ thứ 3 là một tiếng chuông chánh niệm: Sử dụng ác ngữ thì cũng như ngậm một cái búa trong miệng mình; chiếc búa ấy sẽ chặt đứt sinh mạng của chính mình. Bài kệ thứ 5 nói lên được cách hành xử đẹp nhất trên đời: lấy oán báo oán, oán oán chập chùng, lấy đức báo oán, oán ấy tiêu tan.

Bài kệ 1

Ác ngôn mạ li
 Kiêu lăng miệt nhân
 Hưng khởi thị hành
 Tật oán tư sanh

惡言罵詈
 憍陵蔑人
 興起是行
 疾怨滋生

Kiêu căng, sử dụng những lời ác độc để chửi mắng, lăng mạ và tỏ ý khinh miệt người khác, làm như thế thì sẽ gây ra nhiều thù oán.

Bài kệ 2

Tốn ngôn thuận từ
 Tôn kính ư nhân
 Khí kết nhẫn ác
 Tật oán tự diệt

遜言順辭
 尊敬於人
 棄結忍惡
 疾怨自滅

Sử dụng lời nói từ tốn, thuận thảo và lịch sự đối với người khác thì có thể dập tắt được những oán kết. Nhẫn nhục được trong những trường hợp bức xúc, làm như thế thì ganh ghét và hờn oán sẽ tự tiêu tan.

Bài kệ 3

Phu sĩ chi sanh
 Phủ tại khẩu trung
 Sở dĩ trảm thân
 Do kỳ ác ngôn

夫士之生
 斧在口中
 所以斬身
 由其惡言

Con người sinh ra trên đời nếu sử dụng ác ngữ thì cũng như có một lưỡi búa trong miệng mình. Chính lưỡi búa ấy sẽ chặt đứt thân mạng của mình.

Bài kệ 4

Tránh vi thiếu lợi
 Như yếm thất tài
 Tòng bỉ trí tránh
 Lệnh ý hướng ác

諍為少利
 如掩失財
 從彼致諍
 令意向惡

Cãi cọ không đem lại một chút lợi ích nào, chỉ có tác dụng bít lấp truyền thông, làm hao thất tài sản mình và đưa tới tranh chấp khiến cho tâm ý hướng về nẻo xấu.

Bài kệ 5

Dự ác ác sở dự
 Thị nhị câu vi ác
 Hảo dĩ khẩu quái đấu
 Thị hậu giai vô an

譽惡惡所譽
 是二俱為惡
 好以口憎鬪
 是後皆無安

Khen ngợi cái ác cũng như nói lời ghét bỏ những người được xưng tụng, cả hai đều là chuyện không nên làm. Ưa thích tranh cãi và đấu lý sẽ đem lại tình trạng không có bình an sau này.

Bài kệ 6

Vô đạo đọa ác đạo
 Tự tăng địa ngục khổ
 Viễn ngu tu nhẫn ý
 Niệm đế tắc vô phạm

無道墮惡道
 自增地獄苦
 遠愚修忍意
 念諦則無犯

Lời nói không phù hợp đạo lý sẽ làm cho mình sa đọa vào các con đường dữ, chỉ có công dụng làm lớn thêm cái khổ địa ngục của mình. Biết lánh xa kẻ ngu phu, biết tu hạnh nhẫn nhịn và luôn nhớ tới sự hành trì trên con đường tứ đế và bát chánh đạo thì sẽ không phạm vào lầm lỗi ấy.

Bài kệ 7

Tùng thiện đắc giải thoát

從善得解脫

Vi ác bất đắc giải

為惡不得解

Thiện giải giả vi hiền

善解者為賢

Thị vi thoát ác nã

是為脫惡惱

Hành xử hiền lành thì đạt tới giải thoát, hành xử dữ dằn thì không tự rời trói cho mình được. Kẻ biết khéo léo hóa giải là bậc hiền nhân, có khả năng vượt ra ngoài mọi não phiền hung dữ.

Bài kệ 8

Giải tự bảo tổn ý

解自抱損意

Bất táo ngôn đắc trung

不躁言得中

Nghĩa thuyết như pháp thuyết

義說如法說

Thị ngôn nhu nhuyễn cam

是言柔軟甘

Đừng ôm ấp ý muốn làm tổn hại và trừng phạt người khác. Không có tiết tháo thì lời nói không trung thực. Nói lời có nghĩa, có lý thì cũng giống như nói pháp, những lời như thế có vị ngọt của Cam lộ.

Bài kệ 9

Thị di ngôn ngữ giả

是以言語者

Tất sử kỷ vô hoạn

必使己無患

Diệc bất khắc chúng nhân

亦不尅眾人

Thị vi năng thiện ngôn

是為能善言

Ai có khả năng sử dụng ngôn ngữ tốt lành ấy thì sẽ không tạo tai họa cho chính mình, cũng không gây xung đột với người.

Bài kệ 10

Ngôn sử đầu ý khả	言使投意可
Diệc lệnh đắc hoan hỉ	亦令得歡喜
Bất sử chí ác ý	不使至惡意
Xuất ngôn chúng tất khả	出言眾悉可

Lời nói gây ra được sự tâm đầu ý hợp có tác dụng làm cho người ta hoan hỷ, không đưa tới ác ý. Nói năng được như thế có thể giúp cho mọi người chấp nhận hài hòa.

Bài kệ 11

Chí thành cam lộ thuyết	至誠甘露說
Như pháp nhi vô quá	如法而無過
Đế như nghĩa như pháp	諦如義如法
Thị vi cận đạo lập	是為近道立

Tâm chí thành đưa tới lời nói cam lộ, đúng như giáo pháp mà không ai có thể trách cứ được. Lời nói ấy phù hợp với chân nghĩa, với chánh pháp, đi đúng vào con đường chánh đạo.

Bài kệ 12

Thuyết như Phật ngôn giả	說如佛言者
Thị cát đắc diệt độ	是吉得滅度
Vì năng tác hạo tế	為能作浩際
Thị vị ngôn trung thượng	是謂言中上

Nên sử dụng ngôn ngữ của Phật sử dụng, nói những lời an lành có công năng đưa tới Niết Bàn và có công năng xây dựng được môi trường tu tập chánh pháp. Đó là thứ ngôn ngữ cao nhất của tất cả các ngôn ngữ.



Kinh Đối Chiếu

Không cần chê trách kẻ khác, chỉ biết tu tỉnh lại thân tâm mình, ai biết được pháp hành xử này thì viễn viễn sẽ không còn tai họa.

Song Yếu Phẩm Pháp Cú Kinh đệ cửu

雙要品法句經第九二十有二章

Kinh Đối Chiếu

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 9

Phẩm này có 22 bài kệ. Bên phía tiếng Pāli thì chỉ có 20 bài. Bắt đầu từ phẩm này ta có thể tham chiếu với kinh Pháp Cú tiếng Pāli. Đối chiếu ở đây có nghĩa là so sánh các nghiệp thân, khẩu và ý về hai phía thiện ác. Cái thiện đưa tới cái tốt lành, cái ác đưa tới cái xấu xa.

Bốn bài kệ đầu nói về vai trò lãnh đạo của tâm ý. Hành động và lời nói bao giờ cũng đi theo tư duy. Cho nên, chánh tư duy là thực tập căn bản. Hai bài kệ trước nói về tâm. Hai bài sau nói về ý. Hai bài sau (bài 3 và 4, không có trong bản Pāli – các bài 13 và 14 cũng nói về ý). Hình ảnh mái nhà bị dột, bị nước mưa lọt vào ví dụ cho tâm ý không được nhiếp phục, để cho các hành vi phóng đăng lọt vào, là một hình ảnh rất thực.

Hai bài kệ thứ 15 và 16 nói đến sự gần gũi người hiền; gần kẻ ngu phu thì lây thói mê lầm và làm điều sai trái. Hai bài kệ này cũng thiếu trong văn bản Pāli.

Bài kệ 1

Tâm vi pháp bản
 Tâm tôn tâm sử
 Trung tâm niệm ác
 Tức ngôn tức hành
 Tội khổ tự truy
 Xa lịch vu triệt

心為法本
 心尊心使
 中心念惡
 即言即行
 罪苦自追
 車轢于轍

Tâm là gốc các pháp, tâm làm chủ, tâm sai sử. Nếu tâm nghĩ ác thì lời nói và hành động làm theo, tội ác và khổ đau tự khắc đi theo sau đó như bánh xe lăn trên đường tạo thành vết bánh xe.

Bài kệ 2

Tâm vi pháp bản
 Tâm tôn tâm sử
 Trung tâm niệm thiện
 Tức ngôn tức hành
 Phước lạc tự truy
 Như ảnh tùy hình

心為法本
 心尊心使
 中心念善
 即言即行
 福樂自追
 如影隨形

Tâm là gốc các pháp, tâm làm chủ, tâm sai sử. Nếu tâm nghĩ thiện thì lời nói và hành động làm theo, phước lạc tự khắc đi theo như bóng đi theo hình.

Bài kệ 3

Tùy loạn ý hành
 Câu ngu nhập minh
 Tự đại vô pháp
 Hà giải thiện ngôn

隨亂意行
 拘愚入冥
 自大無法
 何解善言

Ý đi theo đường loạn, xui người u mê đi vào chỗ tối. Tự tôn tự đại không có phép tắc gì, thì làm sao mà hiểu, làm sao mà nói được lời lành?

Bài kệ 4

Tùy chánh ý hành	隨正意行
Khai giải thanh minh	開解清明
Bất vi đồ tặc	不為妬嫉
Mẫn đạt thiện ngôn	敏達善言

Ý đi theo đường chính, thì sẽ có khả năng khai mở đi vào nơi trong sáng. Không còn tật đố, có khả năng nói được lời lành.

Bài kệ 5

Uẩn ư oán giả	慍於怨者
Vị thường vô oán	未嘗無怨
Bất uẩn tự trừ	不慍自除
Thị đạo khả tông	是道可宗

Đối với người đang oán hận mình, biết sử dụng cái không hận thù, không oán giận mới có thể diệt trừ được cái hận thù, cái oán giận. Đó là con đường đạo, đáng làm tông chỉ cho mọi hành động.

Bài kệ 6

Bất hảo trách bỉ	不好責彼
Vụ tự tỉnh thân	務自省身
Như hữu tri thử	如有知此
Vĩnh diệt vô hoạn	永滅無患

Không cần chê trách kẻ khác, chỉ biết tu tỉnh lại thân phận mình, ai biết được phép hành xử này thì vĩnh viễn sẽ không còn tai họa.

Bài kệ 7

Hành kiến thân tịnh	行見身淨
Bất nhiếp chư căn	不攝諸根
Ẩm thực bất tiết	飲食不節
Mạn đọa khiếp nhược	慢墮怯弱
Vi tà sở chế	為邪所制
Như phong mị thảo	如風靡草

Kẻ nào không thấy được thân là bất tịnh, không thu nhiếp được các căn, ăn uống không chừng mực, kiêu mạn, đọa lạc, khiếp nhược, kẻ ấy sẽ bị cái tà chế ngự như gió thổi làm cho cỏ nằm rạp xuống.

Bài kệ 8

Quán thân bất tịnh	觀身不淨
Năng nhiếp chư căn	能攝諸根
Thực tri tiết độ	食知節度
Thường lạc tinh tấn	常樂精進
Bất vi tà động	不為邪動
Như phong đại sơn	如風大山

Kẻ nào quán được thân là bất tịnh, có khả năng thu nhiếp được các căn, ăn uống biết chừng mực, thường có hạnh phúc trong sự tinh tấn tu học, kẻ ấy sẽ không bị cái tà lay chuyển, như ngọn núi cao không bị gió làm cho lay động.

Bài kệ 9

Bất thổ độc thái	不吐毒態
Dục tâm tri sinh	欲心馳騁
Vị năng tự điều	未能自調
Bất ứng Pháp y	不應法衣

Kẻ nào không lấy ra khỏi tự thân những chất độc hại, lòng dục còn rong ruổi, chưa có khả năng điều phục được tự thân thì kẻ ấy không xứng đáng được khoác lên chiếc áo pháp.

Bài kệ 10

Năng thổ độc thái

能吐毒態

Giới ý an tĩnh

戒意安靜

Hàng tâm dĩ điều

降心已調

Thử ưng Pháp y

此應法衣

Kẻ nào lấy ra được khỏi tự thân những chất độc hại, giữ giới luật và tâm ý thanh tịnh, an ổn, hành phục được tâm mình và chế ngự được thân mình, kẻ ấy xứng đáng được khoác lên chiếc áo pháp.

Bài kệ 11

Dĩ chân vi ngụy

以真為偽

Dĩ ngụy vi chân

以偽為真

Thị vi tà kế

是為邪計

Bất đắc chân lợi

不得真利

Cho chân là ngụy, cho ngụy là chân, đó là kẻ đi theo tà tư duy, không bao giờ đạt tới lợi ích chân thực.

Bài kệ 12

Tri chân vi chân

知真為真

Kiến ngụy tri ngụy

見偽知偽

Thị vi chánh kế

是為正計

Tất đắc chân lợi

必得真利

Biết chân là chân, thấy nguy là nguy, đó là kẻ đi theo chánh tư duy, chắc chắn sẽ đạt tới lợi ích chân thực.

Bài kệ 13

Cái ốc bất mật	蓋屋不密
Thiên vũ tắc lậu	天雨則漏
Ý bất duy hành	意不惟行
Dâm dật vi xuyên	淫佚為穿

Mái lá không kín, nước mưa lọt vào, nếu không nhiếp phục tâm ý để hành trì thì những hành vi phóng dăng sẽ lọt vào được.

Bài kệ 14

Cái ốc thiện mật	蓋屋善密
Vũ tắc bất lậu	雨則不漏
Nhiếp ý duy hành	攝意惟行
Dâm dật bất sanh	淫佚不生

Mái lá lành kín, mưa không lọt vào, nếu biết nhiếp phục tâm ý để hành trì thì những hành vi phóng dăng sẽ không phát sinh.

Bài kệ 15

Bỉ phu nhiễm nhân	鄙夫染人
Như cận xú vật	如近臭物
Tiệm mê tập phi	漸迷習非
Bất giác thành ác	不覺成惡

Thân cận với những người hủ lậu, thô bỉ thì sẽ bị ảnh hưởng xấu như ngồi gần vật thối bị lây mùi hôi, sẽ từ từ đi vào mê lầm và học thói quen sai trái.

Bài kệ 16

Hiền phu nhiễm nhân	賢夫染人
Như cận hương huân	如近香熏
Tiến trí tập thiện	進智習善
Hành thành khiết phương	行成潔芳

Thân cận những bậc hiền giả thì được ảnh hưởng tốt, như gần hương hoa được thấm mùi thơm, trí tuệ tăng trưởng, học được thói lành, công hạnh sẽ tinh khiết và thơm tho.

Bài kệ 17

Tạo ưu hậu ưu	造憂後憂
Hành ác lưỡng ưu	行惡兩憂
Bỉ ưu duy cụ	彼憂惟懼
Kiến tội tâm cụ	見罪心懼

Tạo ưu phiền đưa tới ưu phiền, làm điều ác đức lại khiến cho lo buồn tăng gấp đôi. Sau cái lo buồn lại còn có cái sợ hãi, thấy mình gây tội thì tâm mình lo sợ

Bài kệ 18

Tạo hỉ hậu hỉ	造喜後喜
Hành thiện lưỡng hỉ	行善兩喜
Bỉ hỉ duy hoan	彼喜惟歡
Kiến phúc tâm an	見福心安

Tạo niềm vui sẽ có niềm vui đi theo, làm điều lành sẽ khiến cho hạnh phúc tăng gấp đôi. Sau niềm vui lại còn có nỗi mừng, thấy mình làm được chuyện phúc đức thì tâm mình an ổn.

Bài kệ 19

Kim hối hận hối
 Vì ác lương hối
 Quyết vi tự ương
 Thọ tội nhiệt nảo

今悔後悔
 為惡兩悔
 厥為自殃
 受罪熱惱

Bây giờ hối thì sau này cũng hối, làm điều ác đức thì sẽ khiến cho cái hối hận tăng gấp đôi. Điều này tạo tai ương cho bản thân mình, trong tương lai mình sẽ phải nhận chịu tội báo nóng bức.

Bài kệ 20

Kim hoan hậu hoan
 Vì thiện lương hoan
 Quyết vi tự hữu
 Thọ phúc duyệt dự

今歡後歡
 為善兩歡
 厥為自祐
 受福悅豫

Bây giờ hoan hỷ thì sau hoan hỷ, làm điều lành thì mừng vui tăng gấp đôi. Điều này đem tới an tường cho bản thân, trong tương lai mình sẽ nhận được nhiều phúc đức và niềm vui sống.

Bài kệ 21

Xảo ngôn đa cầu
 Phóng đảng vô giới
 Hoài dâm nộ si
 Bất duy chỉ quán
 Tụ như quần ngư
 Phi Phật đệ tử

巧言多求
 放蕩無戒
 懷姪怒癡
 不惟止觀
 聚如群牛
 非佛弟子

Nói lời xảo trá, ham muốn nhiều điều, sống phóng đảng không nghiêm trì giới luật, mang trong người tham, sân và si thì không

có Chỉ cũng không có Quán. Tụ họp như một đàn trâu, không phải là đệ tử Bụt.

Bài kệ 22

Thời ngôn thiếu cầu

Hành đạo như pháp

Trừ tâm nộ si

Giác chánh ý giải

Kiến đối bất khởi

Thị Phật đệ tử

時言少求

行道如法

除婬怒癡

覺正意解

見對不起

是佛弟子

Nói năng đúng thời đúng lúc, sống thiếu dục, hành đạo như pháp, trừ tâm sân si, biết được con đường chánh và tâm ý có liễu giải, khi bị chống đối không khởi tâm sân hận, đó mới đích thực là đệ tử Bụt.



Kinh Tinh Chuyên

Thực tập không buông lung nghĩa là tự kiểm chế và điều phục được tâm mình. Kẻ có trí tuệ thì có khả năng làm cho định tâm chiếu sáng. Và do đó không bao giờ còn trở lại vào vực sâu đen tối.

Phóng Dật Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập

放逸品法句經第十

Kinh Tinh Chuyên

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 10

Phẩm này có 20 bài kệ. Phóng dật là buông lung, là thiếu sự siêng năng, cần mẫn. Bài kệ thứ 12 dạy rằng muốn chế ngự được sự buông lung thì thực tập giới luật và uy nghi là cách hay nhất. Bài thứ 4 dạy rằng phải thường xuyên phát khởi năng lượng chánh niệm để có thể nhận diện tập khí. Đây là căn bản cho phép hành trì chánh tinh tấn. Tâm hành tiêu cực chưa sinh thì đừng cho phát sinh. Tâm hành tiêu cực đã phát sinh thì giúp nó trở về trạng thái tiềm ẩn (chủng tử) để nó không có cơ hội tăng trưởng. Tâm hành tích cực chưa phát sinh thì thực tập như lý tác ý để giúp chúng phát sinh. Tâm hành tích cực đã phát sinh thì duy trì chúng để chúng lớn mạnh. Điều phục được tâm ý mình là do năng lượng chánh niệm. Chánh niệm giúp ta hộ trì được sáu căn, như bài kệ thứ 6 nhắc nhở. Bài thứ 17 có hình ảnh rất đẹp: Xuất gia từ khi còn trẻ mà tu tập theo giáo pháp của Phật một cách đầy đủ thì sẽ chiếu sáng được cho thế gian như một vầng trăng trong một bầu trời không mây. Bài này tương đương với bài kệ số 382 trong kinh Pháp Cú tiếng Pāli, phẩm Bí Sô (*Bhikkhu Vagga*). Bài kệ 18 bày tỏ thái độ từ bi đối với những người đã

có lỗi lầm phạm giới: Trước kia từng có lỗi lầm nhưng bây giờ đã chỉnh đốn lại, không còn phạm giới, thì cũng có thể chiếu sáng được cho thế gian như một mặt trăng trong bầu trời không mây. Bài này cũng có mặt trong phẩm Thế Tục (*Loka Vagga*) trong văn bản Pāli. Đó là bài kệ số 172.

Bài kệ 1

Giới vi cam lộ đạo	戒為甘露道
Phóng dật vi tử kính	放逸為死徑
Bất tham tắc bất tử	不貪則不死
Thất đạo vi tự tang	失道為自喪

Giới là con đường đi tới bất tử (cam lộ đạo). Phóng dật (buông lung) là con đường đi vào nẻo chết. Không tham đắm thì không sa vào cái chết. Đánh mất hướng đi của mình thì làm hư hỏng cuộc đời mình.

Bài kệ 2

Tuệ trí thủ đạo thắng	慧智守道勝
Chung bất vi phóng dật	終不為放逸
Bất tham trí hoan hỉ	不貪致歡喜
Tùng thị đắc đạo lạc	從是得道樂

Kẻ có trí tuệ nhờ giữ cho được sự thực tập cho nên vượt thắng được tất cả, đó là do không để cho sự buông lung lôi kéo. Con đường không tham dục đưa tới niềm vui và hạnh phúc của sự tu tập.

Bài kệ 3

Thường đương duy niệm đạo	常當惟念道
Tự cường thủ chánh hạnh	自強守正行
Kiên giả đắc độ thế	健者得度世
Cát tường vô hữu thượng	吉祥無有上

Phải thường xuyên nhớ tới con đường (bát chánh) đạo, dũng mãnh nắm giữ sự hành trì chân chính. Người có sức mạnh của sự thực tập tâm linh có khả năng vượt thoát thời gian và đạt tới sự an lành cao nhất.

Bài kệ 4

Chánh niệm thường hưng khởi	正念常興起
Hành tịnh ác dịch diệt	行淨惡易滅
Tự chế dĩ pháp thọ	自制以法壽
Bất phạm thiện danh tăng	不犯善名增

Phải nhớ thường xuyên phát khởi năng lượng chánh niệm. Nhờ đời sống phạm hạnh mà các tập khí tiêu cực dễ được chuyển hóa. Biết tiết chế bản thân cho nên sự thực tập giáo pháp của mình được tồn tại lâu dài. Nhờ không vi phạm giới luật cho nên các pháp lành cứ tiếp tục được lớn mạnh.

Bài kệ 5

Phát hạnh bất phóng dật	發行不放逸
Uớc dĩ tự điều tâm	約以自調心
Tuệ năng tác định minh	慧能作定明
Bất phản minh uyên trung	不返冥淵中

Thực tập không buông lung nghĩa là tự kiểm chế được mình, tự điều phục được tâm mình. Kẻ có trí tuệ thì có khả năng làm cho

định tâm chiếu sáng và do đó không bao giờ còn bị rơi trở lại vào vực sâu đen tối.

Bài kệ 6

Ngũ nhân ý nan giải	愚人意難解
Tham loạn hảo tranh tụng	貪亂好諍訟
Thượng trí thường trọng thận	上智常重慎
Hộ tư vi bảo tôn	護斯為寶尊

Kẻ u mê vì tâm trí không có khả năng lý giải được sự việc cho nên cứ để cho lòng tham của mình đưa tới chỗ thác loạn, ưa tranh cãi với kẻ khác. Những bậc có trí tuệ thì luôn luôn thận trọng, biết hộ trì các căn cho nên bảo trì được những gì quý giá và đáng tôn trọng.

Bài kệ 7

Mạc tham mạc hảo tránh	莫貪莫好諍
Diệc mạc thị dục lạc	亦莫嗜欲樂
Tư tâm bất phóng dật	思心不放逸
Khả di hoạch đại an	可以獲大安

Đừng tham lam, đừng ưa tranh cãi, cũng đừng để cho thị dục kéo mình đi. Phải biết quán chiếu tâm tư mình, đừng để phóng dật, như thế mới đạt được cái an ổn lớn.

Bài kệ 8

Phóng dật như tự cấm	放逸如自禁
Năng khước chi vi hiền	能却之為賢
Di thăng trí tuệ các	已昇智慧閣
Khứ nguy vi tức an	去危為即安

Ai chế ngự được thói phóng dật thì có khả năng trở thành bậc hiền nhân. Đã leo lên được lầu tuệ giác rồi là thoát được mọi tai nạn và đạt được sự an ổn.

Bài kệ 9

Minh trí quán ư ngu	明智觀於愚
Thí như sơn dữ địa	譬如山與地
Cư loạn nhi thân chánh	居亂而身正
Bì vi độc giác ngộ	彼為獨覺悟
Thị lực quá sư tử	是力過師子
Khí ác vi đại trí	棄惡為大智

Quan sát kẻ trí với người ngu, ta thấy có sự cách biệt lớn như núi cao và đồng bằng. Trong hoàn cảnh tao loạn, người trí vẫn giữ được mình trên con đường chánh đạo. Đó là sự có mặt của sức mạnh giác ngộ còn lại trong nhân gian. Sức mạnh ấy còn lớn hơn sức mạnh của con sư tử. Nhờ buông bỏ được những hệ lụy cho nên người ấy trở nên bậc đại trí.

Bài kệ 10

Thụy miên trọng nhược sơn	睡眠重若山
Si minh vi sở tệ	癡冥為所弊
An ngọa bất kế khổ	安臥不計苦
Thị dĩ thường thụ thai	是以常受胎

Những kẻ ngủ li bì suốt ngày, thân tâm nặng nề như trái núi, bị si mê che lấp tâm trí, không thấy được những khổ đau của cuộc đời, những kẻ ấy thế nào cũng sẽ phải gánh chịu luân hồi trong nhiều kiếp.

Bài kệ 11

Bất vi thời tự tứ
 Năng chế lậu đắc tận
 Tự tứ ma đắc tiên
 Như sư tử bách lộc

不為時自恣
 能制漏得盡
 自恣魔得便
 如師子搏鹿

Buông lung không kể gì đến thì giờ đang thấm thoát đi qua, không có khả năng chế ngự bản thân và chấm dứt lậu hoặc thì sẽ trở thành con mồi của ma quân, cũng như con nai làm mồi cho con sư tử.

Bài kệ 12

Năng bất tự tứ giả
 Thị vi giới Tỳ-kheo
 Bỉ tư chánh tịnh giả
 Thường đương tự hộ tâm

能不自恣者
 是為戒比丘
 彼思正淨者
 常當自護心

Người có khả năng chế ngự được phóng dật là vị tỳ khưu đang thực tập giới luật tinh chuyên. Đó là người biết thực tập chánh tư duy và biết tự bảo hộ cho tâm ý của mình.

Bài kệ 13

Tỳ-kheo cần thận lạc
 Phóng dật đa ưu khiên
 Biến tránh tiểu trí đại
 Tích ác nhập hỏa diệm

比丘謹慎樂
 放逸多憂愆
 變諍小致大
 積惡入火焰

Vị tỳ khưu đề cao cảnh giác về các đối tượng dục lạc, biết rằng phóng dật đưa tới nhiều lo lắng và khổ nạn. Cái tệ nạn nhỏ có thể trở thành cái tệ nạn lớn; cứ chất chứa mãi những cái hệ lụy nhỏ thì sẽ có cái hệ lụy lớn, rốt cuộc là sa vào hầm lửa cháy.

Bài kệ 14

Thủ giới phước trí thiện
 Phạm giới hữu cụ tâm
 Năng đoạn tam giới lậu
 Thử nãi cận nê hoàn

守戒福致善
 犯戒有懼心
 能斷三界漏
 此乃近泥洹

Hành trì giới luật nghiêm chỉnh đưa tới chốn an lành. Phạm giới làm phát sinh tâm sợ hãi. Có khả năng đoạn trừ những phiền não và lậu hoặc trong ba cõi thì mới có thể tiếp cận được Niết Bàn.

Bài kệ 15

Nhược tiên phóng dật
 Hậu năng tự cấm
 Thị chiếu thế gian
 Niệm định kỳ nghi

若前放逸
 後能自禁
 是炤世間
 念定其宜

Nếu trước đây có phóng dật mà sau đó lại có thể tiết chế được mình thì cũng sẽ có được đủ chánh niệm và chánh định để soi sáng cho thế gian.

Bài kệ 16

Quá thất vi ác
 Truy phúc dĩ thiện
 Thị chiếu thế gian
 Niệm thiện kỳ nghi

過失為惡
 追覆以善
 是炤世間
 念善其宜

Nếu trước đây có vi phạm, có lỗi lầm mà bây giờ biết trở về với con đường thánh thiện thì cũng sẽ có được đủ chánh niệm và chánh định để soi sáng cho thế gian.

Bài kệ 17

Thiếu trang xả gia
 Thịnh tu Phật giáo
 Thị chiếu thế gian
 Như nguyệt vân tiêu

少莊捨家
 盛修佛教
 是炤世間
 如月雲消

Xuất gia từ khi còn trẻ tuổi mà tu tập theo giáo pháp của Phật một cách đầy đủ thì sẽ chiếu sáng được cho thế gian như một vầng trăng trong bầu trời không mây.

Bài kệ 18

Nhân tiền vi ác
 Hậu chi bất phạm
 Thị chiếu thế gian
 Như nguyệt vân tiêu

人前為惡
 後止不犯
 是炤世間
 如月雲消

Trước kia đã từng có lỗi lầm nhưng bây giờ đã chỉnh đốn lại, không còn phạm giới thì cũng chiếu sáng được cho thế gian như một mặt trăng trong bầu trời không mây (nguyệt vân tiêu).

Bài kệ 19

Sanh bất thí não
 Tử nhi bất thích
 Thị kiến đạo hãn
 Ứng trung vật ưu

生不施惱
 死而不感
 是見道憚
 應中勿憂

Khi sống không gây đau khổ nào phiền cho ai thì đến khi chết cũng sẽ không lo buồn hối hận. Biết mình đã đi vào được con đường chính cho nên không còn lo ngại gì nữa.

Bài kệ 20

Đoạn trục hắc pháp
 Học duy thanh bạch
 Độ淵 bất phản
 Khí y hành chỉ
 Bất phục nhiễm lạc
 Dục đoạn vô ưu

斷濁黑法
 學惟清白
 度淵不反
 棄猗行止
 不復染樂
 欲斷無憂

Đoạn trừ những gì đen tối uế trước, chỉ học theo những gì thanh bạch, làm như thế thì có thể vượt qua được hố thẳm một cách vĩnh viễn. Khi làm cũng như khi nghỉ, buông bỏ được mọi vướng bận ý lại, không còn vướng víu vào vòng ái nhiễm. Bởi vì một khi ái dục đã được đoạn trừ thì hành giả sẽ không còn phải bận tâm lo lắng gì nữa.



Kinh Điều Phục Tâm Ý

Như con rùa bảo hộ sáu vóc của nó, ta phải phòng hộ tâm ý ta như phòng hộ thành quách của mình.

Tâm Ý Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập nhất

心意品法句經第十一

Kinh Điều Phục Tâm Ý

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 11

Phẩm này có 12 bài kệ. Biết tâm ý là đầu mối của ngôn ngữ và hành động cho nên phải học cách điều phục tâm ý. Vì thế, phẩm này bổ sung cho phẩm Song Yếu (phẩm thứ 9). Bốn bài kệ đầu nói về ý như một cái gì khó nắm bắt. Nếu có chánh niệm (tuệ giác) thì mình mới có thể điều phục được ý, và làm cho tâm trở nên sáng chói. Bài kệ đầu đã có ý xiển dương giáo lý *tâm tính bản tịnh*. Bài thứ 6 nói về sự thực tập chánh niệm để điều phục tâm ý và giúp cho tâm ý không bị kẹt vào cái nhìn lưỡng nguyên (thiện ác, có không, sinh diệt, một nhiều,...). Bài kệ thứ 12 đưa ra hình ảnh con rùa giấu đi sáu vóc của nó để đừng bị tấn công, cũng như hành giả sử dụng chánh niệm để bảo hộ sáu căn, sáu thức, không để cho những thế lực ma quái làm hại. Hai bài số 7 và 8 không có trong bản Pāli. Hai chữ *kiến pháp* của bài số 8 có thể dịch hoặc là “thấy được chánh pháp”, hoặc “thấy được chân tướng các pháp”.

Bài kệ 1

Ý sử tác cầu

意使作狗

Nan hộ nan cấm

難護難禁

Tuệ chánh kỳ bốn

慧正其本

Kỳ minh nãi đại

其明乃大

Ý thức lăng xăng như một con vượn, khó kiểm soát. Có tuệ giác thì chuyển hóa được nó tận gốc rễ, khi ấy nó sẽ sáng chói ra một cách vĩ đại.

Bài kệ 2

Khinh táo nan trì

輕躁難持

Duy dục thị tùng

唯欲是從

Chế ý vi thiện

制意為善

Tự điều tắc ninh

自調則寧

Ý bốn chôn, khó mà nắm bắt, (chỉ có thể đi theo quán sát nó). Nếu chế ngự được ý, tự điều phục được tâm mình thì sẽ có bình an.

Bài kệ 3

Ý vi nan kiến

意微難見

Tùy dục nhi hành

隨欲而行

Tuệ thường tự hộ

慧常自護

Năng thủ tức an

能守即安

Ý vi tế khó thấy, thường đi theo tham dục. Người có tuệ giác nhờ biết tự bảo hộ bản thân thường xuyên cho nên có thể chế ngự và đạt tới an lạc.

Bài kệ 4

Độc hành viễn thế
 Phúc tạng vô hình
 Tổn ý cận đạo
 Ma hệ nãi giải

獨行遠逝
 覆藏無形
 損意近道
 魔繫乃解

Ý đi một mình, có thể đi rất xa, che dấu vô hình. Khép nó đi được vào con đường đạo thì mới thoát được những ràng buộc của ma quân.

Bài kệ 5

Tâm vô trụ tức
 Diệc bất tri Pháp
 Mê ư thế sự
 Vô hữu chánh trí

心無住息
 亦不知法
 迷於世事
 無有正智

Nếu tâm không biết an trú, không biết dừng lại, cũng không am tường chân tướng của các pháp thì sẽ bị thế sự mê hoặc, không có được chánh trí.

Bài kệ 6

Niệm vô thích chỉ
 Bất tuyệt vô biên
 Phước năng át ác
 Giác giả vi hiền

念無適止
 不絕無邊
 福能遏惡
 覺者為賢

Nếu biết thực tập chánh niệm để dừng tâm lại, giữ cho nó không bị kẹt vào hai thái cực, thì phước đức sẽ có khả năng ngăn chặn được cái ác và giác ngộ thành bậc hiền giả.

Bài kệ 7

Phật thuyết tâm Pháp	佛說心法
Tuy vi phi chân	雖微非真
Đương giác dật ý	當覺逸意
Mạc tùy phóng tâm	莫隨放心

Bụt dạy, tâm ý tuy mầu nhiệm vi tế, nhưng không có gì chắc thật. Ta phải ý thức về cái bên ba của nó, đừng để cho nó phóng túng.

Bài kệ 8

Kiến Pháp tối an	見法最安
Sở nguyện đắc thành	所願得成
Tuệ hộ vi ý	慧護微意
Đoạn khổ nhân duyên	斷苦因緣

Thấy được chân tướng các pháp thì đạt tới an ổn tối thượng, thành đạt được sở nguyện. Người có trí tuệ biết hộ trì tâm ý vi tế của mình và chấm dứt các điều kiện đưa tới khổ đau.

Bài kệ 9

Hữu thân bất cửu	有身不久
Giai đương quy thổ	皆當歸土
Hình hoại thần khứ	形壞神去
Ký trụ hà tham	寄住何貪

Thân này không tồn tại lâu dài, sẽ trở lại thành đất. Khi hình hài hủy hoại thì thần thức phải đi, đó là chuyện phó thác, gửi gắm tạm thời, đừng có tham đắm.

Bài kệ 10

Tâm dự tạo xứ
 Vãng lai vô đoan
 Niệm đa tà tích
 Tự vi chiêu ác

心豫造處
 往來無端
 念多邪僻
 自為招惡

Tâm tạo ra xứ sở, tới lui không đâu mỗi, cái liên tưởng thường đưa ta đi về hướng tà quấy để rồi tự mình chiêu lấy nghiệp quả ác.

Bài kệ 11

Thị ý tự tạo
 Phi phụ mẫu vi
 Khả miễn hướng chánh
 Vi phước vật hồi

是意自造
 非父母為
 可勉向正
 為福勿回

Tất cả đều do tâm ý mình tự tạo tác ra, cha mẹ không làm gì để giúp mình được. Phải cố gắng hướng về nẻo chính, để làm việc phước đức, đừng đi ngược lại.

Bài kệ 12

Tạng lục như quy
 Phòng ý như thành
 Tuệ dữ ma chiến
 Thắng tắc vô hoạn

藏六如龜
 防意如城
 慧與魔戰
 勝則無患

Như con rùa bảo hộ sáu vóc của nó, ta phải phòng hộ tâm ý ta như phòng hộ thành quách của mình. Chỉ có tuệ giác mới có khả năng chiến thắng ma quân và sau chiến thắng đó sẽ không còn hoạn nạn nữa.



Kinh Hoa Hương

Hương thơm của hoa tuy là vi diệu, nhưng chưa chân thật bằng hương thơm của giới hạnh.

Hoa Hương Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập nhị

華香品法句經第十二

Kinh Hoa Hương

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 12

Phẩm này có 16 bài kệ. Có hoa lại còn có hương. Hoa mà không hương thì chưa phải là cái mà ta mong ước. Hương là hương đức hạnh, hương tuệ giác; gần người hiền, ta được thưởng thức và được thấm nhuần. Bài kệ thứ 8 và thứ 9 nhấn mạnh về điểm ấy.

Hoa cũng có hoa thật và hoa giả. Những tràng hoa giả là những tràng hoa cắm bầy của dục lạc do ma vương hóa hiện để đánh lừa ta, như những con mồi hấp dẫn trong ấy có giấu một lưỡi câu. Hoa thật là những đóa hoa có hương thơm đức hạnh. Bài kệ thứ 4 và thứ 5 cho ta thấy tuy hình hài kia xinh đẹp như một bông hoa, nhưng nó vô thường như bọt nước, ta phải tìm cầu một cái gì có giá trị cao khiết hơn, đó là đóa hoa giác ngộ, đóa hoa giải thoát sinh tử.

Bài kệ thứ 7 nói về phong thái cần có của một vị xuất gia: Vị Sa Môn đi vào xóm làng để khất thực phải như một con ong đi thăm hoa, chỉ lấy chút vị ngọt của hoa mà không làm hại đến sắc hương của hoa, không nên la cà, lợi dụng, khai thác, vướng mắc. Bài kệ này đã được đưa vào Giới kinh để các vị xuất gia đọc tụng mỗi tháng hai lần.

Bài kệ thứ hai nói rằng ai trong chúng ta nếu hết lòng tu học thì cũng có khả năng tuyển chọn Pháp cú, giảng giải Pháp cú và hái được những đóa hoa đức hạnh. Ta không cần phải đợi đến khi chúng đắc mới làm được điều này. Một người đang tu học (*sekha*, hữu học) nếu có tâm tu học là đã có khả năng làm việc này, chứ không phải chỉ khi tu học thành công và chúng đắc rồi (*asekha*, vô học) mới có thể làm được. Hai bài kệ 15 và 16 khuyên ta nên tu học tinh chuyên để trở thành những đóa sen tinh khiết hiến tặng cái đẹp và hương thơm đức hạnh cho cuộc đời đầy dẫy khổ đau hệ lụy. Sự có mặt của những người Phật tử chân chính trong cuộc đời là sự có mặt của hoa sen giữa chốn bùn lầy nước đọng. Đây chính là sứ mạng của người con Bụt.

Bài kệ 1

Thực năng trạch địa	孰能擇地
Xả giám thủ thiên	捨鑑取天
Thùy thuyết pháp cú	誰說法句
Như trạch thiện hoa	如擇善華

Ai là người tuyển chọn được các cõi, bỏ các vùng địa ngục mà chỉ giữ lại các tầng trời? Ai là người có thể tuyển chọn được Pháp Cú như một kẻ chuyên nghiệp có tài chọn hoa và kết thành tràng hoa?

Bài kệ 2

Học giả trạch địa	學者擇地
Xả giám thủ thiên	捨鑑取天
Thiện thuyết pháp cú	善說法句
Năng thái đức hoa	能採德華

Một người đang thực tập tu học có thể hiểu thấu được các cõi, chọn lựa, giám sát được cả các tầng trời, có thể nói Pháp Cú, có thể hái được những đóa hoa đức hạnh.

Bài kệ 3

Tri thế khôì dụ	知世坏喻
Huyễn pháp hốt hữu	幻法忽有
Đoạn ma hoa phu	斷魔華敷
Bất đồ sanh tử	不覩生死

Biết rằng cuộc đời cũng như đồ gốm chưa nung và các pháp đều như huyễn không thật có, thì có thể phá tan được tràng hoa mà ma vương đã phô diễn ra và chấm dứt được sinh tử.

Bài kệ 4

Kiến thân như bọt	見身如沫
Huyễn pháp tự nhiên	幻法自然
Đoạn ma hoa phu	斷魔華敷
Bất đồ sanh tử	不覩生死

Thấy hình hài này như bọt nước, thấy thực chất các pháp là huyễn hóa thì có thể phá tan được tràng hoa của ma vương đã phô bày và chấm dứt được sinh tử.

Bài kệ 5

Thân bệnh tắc nuy	身病則萎
Nhược hoa linh lạc	若華零落
Sanh mạng lai chí	死命來至
Như thủy thoan sậu	如水湍驟

*Thân mà bị bệnh thì héo úa cũng giống như bông hoa rơi rụng.
Cái chết đến như một cơn lũ kéo phăng tất cả đi rất nhanh.*

Bài kệ 6

Tham dục vô yếm	貪欲無厭
Tiêu tán nhân niệm	消散人念
Tà trí chi tài	邪致之財
Vi tự xâm khi	為自侵欺

Cứ để tham dục lôi cuốn, không biết nhàm chán thì tâm ý con người sẽ bị tán loạn, đưa đến bao nhiêu tà niệm để cho tự thân mình bị lừa gạt và xâm chiếm.

Bài kệ 7

Như phong tập hoa	如蜂集華
Bất nhiều sắc hương	不饒色香
Đản thủ muội khứ	但取昧去
Nhân nhập tụ nhiên	仁入聚然
Bất vụ quan bỉ	不務觀彼
Tác dữ bất tác	作與不作
Thường tự tỉnh thân	常自省身
Tri chánh bất chánh	知正不正

Như những con ong đi thăm hoa, không làm nhiều hại đến sắc hương của bông hoa, chỉ lấy chút vị ngọt của nhị hoa. Vị khất sĩ nhân từ vào xóm làng cũng thế, không mãi nhìn kẻ khác, biết cái gì cần làm và cái gì không cần làm, biết tự tỉnh, biết cái gì là chính, cái gì là bất chính.

Bài kệ 8

Như khả ý hoa
 Sắc hảo vô hương
 Công ngữ như thị
 Bất hành vô đắc

如可意華
 色好無香
 工語如是
 不行無得

Như một đóa hoa ưng ý, có sắc mà không hương, nói lý thuyết suông cũng như thế, không thực tập thì làm gì có chứng đắc?

Bài kệ 9

Như khả ý hoa
 Sắc mỹ thả hương
 Công ngữ hữu hành
 Tất đắc kỳ phước

如可意華
 色美且香
 工語有行
 必得其福

Như một đóa hoa ưng ý, có sắc đẹp mà cũng có hương thơm, có nói có làm thì chắc chắn sẽ đạt được phước đức.

Bài kệ 10

Đa tác bảo hoa
 Kết bộ diêu ý
 Quảng tích đức giả
 Sở sanh chuyển hảo

多作寶花
 結步搖綺
 廣積德者
 所生轉好

Biết trồng nhiều loại hoa quý kết thành những tràng hoa đẹp, những ai biết chất chứa phước đức, sẽ chuyển sinh được trong những đời sống tốt đẹp.

Bài kệ 11

Kỳ thảo phương hoa	奇草芳花
Bất nghịch phong huân	不逆風熏
Cận đạo phu khai	近道敷開
Đức nhân bức hương	德人逼香

Những kỳ hoa dị thảo thơm tho, khi đứng không ngược chiều gió thì mình được hưởng hương thơm, gần gũi với các bậc có đạo đức, thì ta được hưởng lây hương thơm đức hạnh của các vị ấy.

Bài kệ 12

Chiên đàn đa hương	旃檀多香
Thanh liên phương hoa	青蓮芳花
Tuy nhật thị chân	雖曰是真
Bất như giới hương	不如戒香

Hương thơm chiên đàn, hương thơm sen xanh, tuy là có thật cũng chẳng sánh được với hương thơm giới hạnh.

Bài kệ 13

Hoa hương khí vi	華香氣微
Bất khả vị chân	不可謂真
Trì giới chi hương	持戒之香
Đáo thiên thù thắng	到天殊勝

Hương thơm của hoa tuy là vi diệu, nhưng chưa chân thật bằng hương thơm của giới hạnh.

Bài kệ 14

Giới cụ thành tựu
Hành vô phóng dật
Định ý độ thoát
Trường ly ma đạo

戒具成就
行無放逸
定意度脫
長離魔道

Thành tựu giới hạnh một cách đầy đủ, tu tập không buông lung, tâm ý để hết vào thiền định thì có thể độ thoát được bản thân và viễn ly được ma đạo.

Bài kệ 15

Như tác điền câu
Cận vu đại đạo
Trung sanh liên hoa
Hương khiết khả ý

如作田溝
近于大道
中生蓮華
香潔可意

Như ngồi bên một cái hồ gần sát đại lộ, trong ấy mọc lên mấy đóa sen xinh đẹp, ta được mãn ý thường thức hương thơm tinh khiết của các đóa sen.

Bài kệ 16

Hữu sanh tử nhiên
Phàm phu xứ biên
Tuệ giả lạc xuất
Vi Phật đệ tử

有生死然
凡夫處邊
慧者樂出
為佛弟子

Ngay trong cõi sinh tử, giữa đám phàm phu có các bậc tuệ giác xuất hiện, tạo ra được niềm vui cho sự sống. Làm được như thế là xứng đáng với danh hiệu Phật tử.



Kinh Người Ngủ Muội

Kẻ ngoan cố dù ở gần kẻ trí thì cũng như cái thìa múc canh, múc hoài hoài mà cái thìa không biết canh là ngon hay dở. Có cơ hội gần được người trí thì cũng như cái lưỡi nếm được thức ăn, chỉ trong khoảnh khắc là biết được thức ăn ngon hay dở.

Ngũ Âm Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập tam

愚闇品法句經第十三

Kinh Người Ngủ Muội

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 13

Phẩm này có 21 bài kệ. Ngũ âm đây là chỉ cho những kẻ si mê, ngu phu. Tiếng Pāli là *bala*. Mỗi bài kệ trong phẩm này là một tiếng chuông chánh niệm cho người tại gia và cho cả người xuất gia. Bài kệ đầu nói về đêm sinh tử, một đêm kéo dài bất tận, bởi vì trong đêm dài ấy ánh sáng không chịu về. Ánh sáng đây là ánh sáng trí tuệ, hiểu biết, giác ngộ. Ánh sáng chưa chịu về thì đêm còn kéo dài mãi mãi. Mình phải tự hỏi mình có đang chìm đắm trong cái đêm sinh tử ấy không? Nếu chung quanh mình toàn là những người ngủ mê, chỉ biết bồn ba bận rộn về con cái và tài sản, về những tiện nghi vật chất và tình cảm hàng ngày, thì mình biết họ là những người đang đi trong trong đêm. Mình thử hỏi: mình có phải là một trong những người ấy không? Bài kệ thứ 6 cho ta biết: Nếu ta biết được ta là một trong những người đang mê ngủ thì đó là ta đã tỉnh dậy. Biển khổ tuy mênh mông, nhưng quay đầu lại thì thấy được bến bờ ngay. Bài kệ thứ 8 khuyên ta nên tìm cách gần gũi người có trí tuệ để có cơ hội thức tỉnh và nếm được hương vị của giác ngộ. Các bài kệ 17, 18, 19, 20 và 21 là

đặc biệt để dành cho người xuất gia. Bài thứ 19 khuyên người xuất gia đừng đóng vai trò của một người *sa môn tại gia* nữa. Sa môn tại gia là một người chỉ có hình tướng xuất gia mà không có nội dung xuất gia.

Bài kệ 1

Bất寐 dạ trường	不寐夜長
Bì quyền đạo trường	疲倦道長
Ngu sanh tử trường	愚生死長
Mạc tri chánh pháp	莫知正法

Kẻ mất ngủ thấy đêm dài. Kẻ lữ hành mệt nhọc thấy đường xa hun hút. Đối với kẻ ngu muội, đêm sinh tử là dài nhất cũng bởi vì kẻ ấy không biết đến chánh pháp.

Bài kệ 2

Si ý thường minh	癡意常冥
Thệ như lưu xuyên	逝如流川
Tại nhất hành cương	在一行彊
Độc nhi vô ngẫu	獨而無偶

Tâm ý kẻ si mê mãi mãi mờ ám, trôi hoài như nước sông. Vì vậy, thà rằng mình đi một mình, đừng đi với những kẻ ngu muội.

Bài kệ 3

Ngu nhân khán số	愚人着數
Ưu thích cửu trường	憂感久長
Dữ ngu cư khổ	與愚居苦
Ư ngã do oán	於我猶怨

Người ngu muội kẹt vào những con số, niềm lo lắng kéo dài, chung đụng với người ngu là khó, lại còn gây ra thêm oán hận.

Bài kệ 4

Hữu tử hữu tài
 Ngu duy cấp cấp
 Ngã thả phi ngã
 Hà ưu tử tài

有子有財
 愚惟汲汲
 我且非我
 何憂子財

Người ngu muội cứ bôn ba bận rộn (về con cái và tài sản). "Đây là con trai của tôi. Đây là tài sản của tôi." Cái thân này chưa chắc là của ta, huống nữa là con cái và tài sản.

Bài kệ 5

Thử đương chỉ thử
 Hàn đương chỉ thử
 Ngu đa vụ lự
 Mạc tri lai biến

暑當止此
 寒當止此
 愚多務慮
 莫知來變

Nóng quá, làm sao cho hết nóng. Lạnh quá, làm sao cho hết lạnh. Kẻ ngu phụ lo từ chuyện này tới chuyện khác, không biết cái gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Bài kệ 6

Ngu môn ngu cực
 Tự vị ngã trí
 Ngu nhi thắng trí
 Thị vị cực ngu

愚矇愚極
 自謂我智
 愚而勝智
 是謂極愚

Kẻ ngu mà cho mình là kẻ trí, đó là ngu tới mức cùng cực. Kẻ ngu mà biết là mình ngu thì đó đã là kẻ trí rồi.

Bài kệ 7

Ngoan ám cận trí
 Như biều châm vị
 Tuy cửu hiệp tập
 Do bất tri Pháp

頑闇近智
 如瓢斟味
 雖久狎習
 猶不知法

Kẻ ngoan cố dù ở gần kẻ trí thì cũng như cái thìa múc canh, múc hoài hoài mà cái thìa không biết canh là ngon hay dở.

Bài kệ 8

Khai đạt cận trí
 Như thiệt thường vị
 Tuy tu du tập
 Tức giải đạo yếu

開達近智
 如舌嘗味
 雖須臾習
 即解道要

Có cơ hội mà gần được người trí thì cũng như cái lưỡi nếm được thức ăn, chỉ trong khoảnh khắc mà biết được thức ăn ngon hay dở.

Bài kệ 9

Ngu nhân thí hành
 Vi thân chiêu hoạn
 Khoái tâm tác ác
 Tự trí trọng ương

愚人施行
 為身招患
 快心作惡
 自致重殃

Hành động của kẻ ngu muội đem lại tai hoạn cho bản thân mình, vì ưa làm việc ác cho nên tự đưa mình đến tai ương.

Bài kệ 10

Hành vi bất thiện
Thoái kiến hối lẫn
Trí thể lưu diện
Báo do túc tập

行為不善
退見悔慙
致涕流面
報由宿習

Làm xong một cái gì bất thiện, nhìn lại thấy hối hận rồi thì khóc thương đầm đìa nước mắt, quả báo đến từ thói quen lâu đời dồn lại.

Bài kệ 11

Hành vi đức thiện
Tiến đồ hoan hỷ
Ứng lai thọ phước
Hỉ tiểu duyệt tập

行為德善
進覩歡喜
應來受福
喜笑悅習

Làm được một điều gì hiền thiện, nhìn lại thấy hoan hỷ, biết rằng mình sẽ tiếp nhận phước đức, niềm vui và nụ cười sẽ đến với mình.

Bài kệ 12

Quá tội vị thực
Ngu dĩ điềm đàm
Chí kỳ thực xứ
Tự thọ đại tội

過罪未熟
愚以恬憒
至其熟處
自受大罪

Lỗi lầm làm trong quá khứ chưa đến lúc chín, kẻ ngu muội vì thế cứ việc nhờn nhơ, nhưng khi nghiệp quả đã chín muồi thì sẽ tự mình nhận chịu tội báo lớn.

Bài kệ 13

Ngu sở vọng xứ
 Bất vị thích khổ
 Lâm đoạ ách địa
 Nãi tri bất thiện

愚 所 望 處
 不 謂 適 苦
 臨 墮 厄 地
 乃 知 不 善

Chỗ sai lầm của người ngu là không nhận diện được cái khổ là cái khổ, khi nào rơi vào tình trạng nguy ngập thì mới biết là mình đã làm sai.

Bài kệ 14

Ngu xuẩn tác ác
 Bất năng tự giải
 Ương truy tự phần
 Tội thành sí nhiên

愚 蠢 作 惡
 不 能 自 解
 殃 追 自 焚
 罪 成 熾 燃

Ngu xuẩn làm ác, không có khả năng tự biết, tai ương do đó đi theo đốt cháy chính mình, tội báo cháy bùng.

Bài kệ 15

Ngu hảo mỹ thực
 Nguyệt nguyệt tư thậm
 Ư thập lục phần
 Vị nhất tư Pháp

愚 好 美 食
 月 月 滋 甚
 於 十 六 分
 未 一 思 法

Người ngu chỉ biết lo ăn ngon, chỉ biết hưởng thụ, càng ngày càng đi sâu vào lầm lỗi, trong mười sáu phần hạnh phúc đích thực, người ngu không hưởng được đến một phần.

Bài kệ 16

Ngu sanh niệm lự
 Chí chung vô lợi
 Tự chiêu đao trượng
 Báo hữu ấn chương

愚生念慮
 至終無利
 自招刀杖
 報有印章

Cái ngu sinh ra cái lo lắng, cuối cùng chẳng có lợi lạc gì, và người ngu tự chuốc lấy đao trượng (hình phạt) của báo ứng, có chứng cứ rõ ràng không thể chối cãi.

Bài kệ 17

Quán xứ tri kỳ ngu
 Bất thí nhi quảng cầu
 Sở đọa vô đạo trí
 Vãng vãng hữu ác hành

觀處知其愚
 不施而廣求
 所墮無道智
 往往有惡行

Quán sát ngay tại chỗ và nhận diện ra sự có mặt của kẻ ngu mê: đó là những người không tu tập mà chỉ biết đòi hỏi, những kẻ ấy sẽ đọa lạc vào chỗ vô đạo và thường thường làm những điều xấu ác.

Bài kệ 18

Viễn đạo cận dục giả
 Vi thực tại học danh
 Tham y gia cư cố
 Đa thủ cúng dị tính

遠道近欲者
 為食在學名
 貪猗家居故
 多取供異姓

Xa đạo, gần kẻ nhiều tham dục, mang tên là người tu mà chỉ nghĩ tới chuyện ăn, cứ la cà nơi nhà người cư sĩ để mong cầu sự cúng dường càng nhiều càng tốt.

Bài kệ 19

Học mạc đọa nhị vọng
 Mạc tác gia sa môn
 Tham gia vi Thánh giáo
 Vi hậu tự quỹ pháp

學莫墮二望
 莫作家沙門
 貪家違聖教
 為後自匱乏

Tu thì đừng để tự rơi vào hai cái sai lầm. Đừng đóng vai trò vị sa môn tại gia, la cà nhà cư sĩ là sai với lời Bụt dạy, sau này sẽ cảm thấy thiệt thòi.

Bài kệ 20

Thử hành dữ ngu đồng
 Dân lệnh dục mạn tăng
 Lợi cầu chi nguyện dị
 Cầu đạo ý diệc dị

此行與愚同
 但令欲慢增
 利求之願異
 求道意亦異

Hành xử như trên thì thấy chẳng khác gì cách hành xử của kẻ ngu phu, chỉ làm cho dục vọng và kiêu mạn tăng trưởng. Cái ước nguyện chỉ là cái tài lợi, không phải là tâm ý cầu đạo thành khẩn.

Bài kệ 21

Thị dĩ hữu thức giả
 Xuất vi Phật đệ tử
 Khí ái xả thế tập
 Chung bất đọa sanh tử

是以有識者
 出為佛弟子
 棄愛捨世習
 終不墮生死

Cho nên đã là bậc thức giả, là người xuất gia đệ tử Bụt thì phải buông bỏ ái dục và những tập khí ngoài đời, cuối cùng mới khỏi đọa vào sinh tử.



Kinh Bạc Minh Triết

Người bắn cung điều phục góc độ, người đi biển điều phục sóng thuyền, người thợ mộc điều phục gỗ, kẻ trí giả điều phục tự thân.

Minh Triết Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập tứ

明哲品法句經第十四

Kinh Bạc Minh Triết

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 14

Phẩm này có 17 bài kệ, bài kệ nào cũng như một tiếng chuông trong, một viên bảo châu sáng ngời. Bạc minh triết là bậc hiền giả, có tuệ giác và tình thương. Tiếng Pāli là pandita. Bài kệ thứ 6 nói đến bậc minh triết như một vầng trăng hiện giữa các vì sao, chiếu sáng cả thế gian. Bài kệ thứ 7 so sánh bậc minh triết với người bắn cung, biết điều phục góc độ để bắn cho trúng đích, với người đi biển biết điều phục các con sóng để thuyền đi tới và người thợ mộc điều phục được các khúc gỗ: bậc minh triết điều phục được tự thân. Bài thứ 8 ví bậc minh triết với một tảng đá lớn không bị các cơn gió thổi làm lay động. Bài kệ thứ 9 ví bậc minh triết với một mặt hồ tĩnh lặng. Toàn là những hình ảnh rất đẹp.

Bài kệ 1

Thâm quán thiện ác

深觀善惡

Tâm tri úy kỵ

心知畏忌

Úy nhi bất phạm

畏而不犯

Chung cát vô ưu

終吉無憂

Nhìn sâu vào bản chất thiện ác, tâm mình biết sợ hãi. Nhờ sợ

hãi mà mình không phạm lỗi, cuối cùng được an lành, không lo lắng ưu phiền.

Bài kệ 2

Cố thể hữu phước	故世有福
Niệm tư thiệu hành	念思紹行
Thiện trí kỳ nguyện	善致其願
Phước lộc chuyển thắng	福祿轉勝

Cho nên những người có phước trên đời biết thực tập chánh niệm và chánh tư duy, tiếp tục hành trì để khéo thành tựu được ý nguyện của mình.

Bài kệ 3

Tín thiện tác phước	信善作福
Tích hành bất yếm	積行不厭
Tín tri âm đức	信知陰德
Cửu nhi tất chương	久而必彰

Tin vào điều lành và tạo tác phước đức, tiếp tục đi tới không chịu bỏ cuộc, niềm tin ấy dựa vào âm đức, lâu dài và sáng tỏ.

Bài kệ 4

Thường tị vô nghĩa	常避無義
Bất thân ngu nhân	不親愚人
Tư tùng hiền hữu	思從賢友
Áp phụ thượng sĩ	押附上士

Thường tránh những nghị luận vô bổ, không thân cận với kẻ ngu phu, tâm tư hướng về bạn hiền, đi theo cận kề các bậc thượng sĩ.

Bài kệ 5

Hỉ Pháp ngộ an	喜 法 臥 安
Tâm duyệt ý thanh	心 悅 意 清
Thánh nhân diễn Pháp	聖 人 演 法
Tuệ thường lạc hành	慧 常 樂 行

*Yêu thích chánh pháp thì đêm ngủ rất yên, tâm vui ý trong.
Thường nghe các bậc thánh nhân giảng bày chánh pháp thì sẽ có
tuệ giác và luôn luôn bước đi trong hạnh phúc.*

Bài kệ 6

Nhân nhân trí giả	仁 人 智 者
Trai giới phụng đạo	齋 戒 奉 道
Như tinh trung nguyệt	如 星 中 月
Chiếu minh thế gian	照 明 世 間

*Là bậc hiền trí biết trai giới phụng đạo thì cũng như vầng trăng
hiện giữa các vì sao, chiếu sáng cả thế gian.*

Bài kệ 7

Cung công điều giác	弓 工 調 角
Thủy nhân điều thuyền	水 人 調 船
Tài tượng điều mộc	材 匠 調 木
Trí giả điều thân	智 者 調 身

*Người bắn cung điều phục góc độ, người đi biển điều phục sóng
thuyền, người thợ mộc điều phục gỗ, kẻ trí giả điều phục tự thân.*

Bài kệ 8

Thí như hậu thạch
 Phong bất năng di
 Trí giả ý trọng
 Hủy dự bất khuynh

譬如厚石
 風不能移
 智者意重
 毀譽不傾

Như tảng đá lớn gió không thể dời, kẻ có trí tâm ý vững vàng không bị lời khen chê khuynh đảo.

Bài kệ 9

Thí như thâm uyên
 Trừng tĩnh thanh minh
 Tuệ nhân văn đạo
 Tâm tịnh hoan nhiên

譬如深淵
 澄靜清明
 慧人聞道
 心淨歡然

Cũng như đầm sâu lắng tĩnh trong sáng, kẻ tuệ nhân nhờ học đạo mà tâm ý thanh tịnh và hoan lạc.

Bài kệ 10

Đại nhân thể vô dục
 Tại sở chiếu nhiên minh
 Tuy hoặc tạo khổ lạc
 Bất cao hiện kỳ trí

大人體無欲
 在所照然明
 雖或遭苦樂
 不高現其智

Các bậc đại nhân bản lĩnh vốn là vô dục, ở đâu cũng chiếu sáng ngời, dù có gặp khổ vui, tâm các vị cũng không lên không xuống.

Bài kệ 11

Dại hiền vô thế sự	大賢無世事
Bất nguyện tử tài quốc	不願子財國
Thường thủ giới tuệ đạo	常守戒慧道
Bất tham tà phú quý	不貪邪富貴

Bậc đại hiền nhân không màng thế sự, không mong cầu con trai, tài sản, vương quốc, chỉ giữ giới tu đạo và đi theo con đường tuệ giác, không ham phú quý thế gian.

Bài kệ 12

Trí nhân tri động dao	智人知動搖
Thí như sa trung thọ	譬如沙中樹
Bằng hữu chí vị cường	朋友志未強
Tùy sắc nhiễm kỳ tố	隨色染其素

Kẻ trí nhân biết cách hành xử, như cây đứng trong bãi cát, đối với các bằng hữu mà ý chí chưa vững mạnh thì tùy theo từng người mà giúp ảnh hưởng họ.

Bài kệ 13

Thế giai một uyên	世皆沒淵
Tiên khắc độ ngạn	鮮尅度岸
Như hoặc hữu nhân	如或有人
Dục độ tất bồn	欲度必奔

Người đời đa số đều tự đánh mất mình trong cơn lũ tham dục, ít ai qua được bờ bên kia, chỉ quanh quẩn ở bờ bên này.

Bài kệ 14

Thành tham đạo giả
 Lãm thọ chánh giáo
 Thử cận bỉ ngạn
 Thoát tử vi thượng

誠貪道者
 覽受正教
 此近彼岸
 脫死為上

Những kẻ thành tâm ưa thích đạo lý tiếp thu được chánh giáo sẽ tới gần được bờ bên kia, xem cái liễu sinh thoát tử là mục đích cao nhất.

Bài kệ 15

Đoạn ngũ uẩn Pháp
 Tĩnh tư trí tuệ
 Bất phản nhập uyên
 Khí y kỳ minh

斷五陰法
 靜思智慧
 不反入淵
 棄猗其明

Đoạn trừ năm thủ uẩn, thiền tập để đạt tới tuệ giác, không trở vào lại dòng lũ lụt thì buông bỏ sự bám víu và đạt tới minh triết.

Bài kệ 16

Ức chế tình dục
 Tuyệt lạc vô vi
 Năng tự chứng tế
 Sử ý vi tuệ

抑制情欲
 絕樂無為
 能自拯濟
 使意為慧

Chế ngự tình dục, dứt bỏ đam mê, học theo vô vi, có khả năng tự độ, sử dụng tâm ý để đạt tới tuệ giác.

Bài kệ 17

Học thủ chánh trí
 Ý duy chánh đạo
 Nhất tâm thọ đế
 Bất khởi vi lạc
 Lậu tận tập trừ
 Thị đắc độ thế

學取正智
 意惟正道
 一心受諦
 不起為樂
 漏盡習除
 是得度世

Tu tập để đạt tới chánh trí, tâm ý chỉ nương vào chánh đạo, một lòng tìm cầu chân lý, không đi tìm dục lạc thì đạt tới lậu tận, diệt trừ được tập khí và vượt được thời gian.



Kinh Vị La Hán

Tâm ý đã thanh tịnh, chánh niệm đã đạt, không còn vướng vào một tham dục nào nữa, vị A La Hán qua được vượt sâu u mê như con thiên nga đã rời bỏ chiếc hồ.

La Hán Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập ngũ

羅漢品法句經第十五

Kinh Vị La Hán

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 15

Phẩm này có 11 bài tụng. La Hán là bậc đã được giải thoát ra khỏi mọi hệ lụy, đáng được mọi người tôn kính. Tiếng Pāli là *arahanta*. Bài kệ thứ tư tả vị La Hán như con chim trở về hư không, cao bay vô ngại. Bài thứ 7 nói vị La Hán bình tĩnh như đất, bất động như núi. Bài thứ 2 ví vị La Hán như con thiên nga đã rời bỏ chiếc hồ. Bài thứ 10 nói nơi đâu có một vị A La Hán thì nơi ấy trở nên mát mẻ linh thiêng. Bài thứ nhất định nghĩa vị A La Hán là người đã lìa bỏ mọi ưu tư hoạn nạn, thoát ra ngoài mọi hệ lụy, tháo tung được mọi sợi dây ràng buộc, đạt tới sự mát mẻ (Niết Bàn), không còn bị các cơn sốt phiền não thiêu đốt.

Bài kệ 1

Khứ ly ưu hoạn

去離憂患

Thoát ư nhất thiết

脫於一切

Phược kết dĩ giải

縛結已解

Lãnh nhi vô noãn

冷而無煖

Lìa bỏ mọi ưu tư hoạn nạn, thoát ra ngoài mọi hệ lụy, tất cả các sợi dây ràng buộc đều đã được tháo tung, mất mẻ, không còn bị một cơn sốt não phiền nào đốt cháy nữa.

Bài kệ 2

Tâm tịnh đắc niệm	心淨得念
Vô sở tham lạc	無所貪樂
Đi độ si uyên	已度癡淵
Như nhạn khí trì	如鴈棄池

Tâm ý đã thanh tịnh, chánh niệm đã đạt, không còn vướng vào một tham dục nào nữa, vị A la hán đã qua được vực sâu u mê như con thiên nga đã rời bỏ chiếc hồ.

Bài kệ 3

Lượng phước nhi thực	量腹而食
Vô sở tàng tích	無所藏積
Tâm không vô tướng	心空無想
Độ chúng hành địa	度眾行地

Ăn uống chừng mực, không chất chứa của cải, tâm ý trống rỗng không còn vọng tưởng, vượt qua được mọi hành và mọi địa.

Bài kệ 4

Như không trung điều	如空中鳥
Viễn thệ vô ngại	遠逝無礙
Thế gian tập tận	世間習盡
Bất phục ngưỡng thực	不復仰食

Như con chim bay về hư không, cao bay vô ngại, các tập khí thế gian đã chấm dứt, không còn lo lắng về chuyện ăn uống.

Bài kệ 5

Hư tâm vô hoạn

虛心無患

Diáo thoát xứ

已到脫處

Thí như phi điểu

譬如飛鳥

Tạm hạ triếp thệ

暫下輒逝

Tâm ý thanh thoi, không còn hoạn nạn, đã tới được chốn giải thoát như con chim bay tạm thời đáp xuống mà đi.

Bài kệ 6

Chế căn tùng chỉ

制根從止

Như mã điều ngự

如馬調御

Xả kiêu mạn tập

捨憍慢習

Vi thiên sở kính

為天所敬

Điều phục các căn, làm cho an tĩnh như con ngựa hay, buông bỏ được mọi tập khí kiêu mạn, cả chư thiên cũng phải kính ngưỡng.

Bài kệ 7

Bất nộ như địa

不怒如地

Bất động như sơn

不動如山

Chân nhân vô cấu

真人無垢

Sanh tử thế tuyệt

生死世絕

Không giận, bình tĩnh như đất, bất động như núi, đã là vị chân nhân thì không còn bị cấu nhiễm, vì sinh tử và thời gian đã chấm dứt.

Bài kệ 8

Tâm dĩ hưu tức

心已休息

Ngôn hành diệc chánh

言行亦正

Tùng chánh giải thoát

從正解脫

Tịch nhiên quy diệt

寂然歸滅

Tâm tư ngưng nghỉ, ngôn và hành cũng thế, đi theo con đường chánh đạo, đã được giải thoát, yên lặng và trở về Niết Bàn.

Bài kệ 9

Khí dục vô khán

棄欲無着

Khuyết tam giới chương

缺三界障

Vọng ý dĩ tuyệt

望意已絕

Thị vị thượng nhân

是謂上人

Buông bỏ tham dục, không còn dính mắc, vượt mọi chương ngại ba cõi, vọng tâm đã hết, đó là một bậc thượng nhân.

Bài kệ 10

Tại tụ nhược dã

在聚若野

Bình địa cao ngạn

平地高岸

Ứng chân sở quá

應真所過

Mạc bất mônh hữu

莫不蒙祐

Nơi đông quê hay ở chốn xóm làng, dưới bình nguyên hay trên cao nguyên, địa phương nào có các vị ấy đi tới đều trở nên linh thiêng.

Bài kệ 11

Bỉ lạc không nhàn

彼樂空閑

Chúng nhân bất năng

眾人不能

Khoái tai vô vọng

快哉無望

Vô sở dục cầu

無所欲求

*Ưa những nơi nhàn vắng, ít người lui tới, hạnh phúc thay khi đã
đạt tới trình độ không còn vọng động, không còn mong cầu.*



Kinh Vượt Thắng

Chiến thắng được hàng ngàn quân địch cũng không bằng tự chiến thắng được mình. Tự thắng là chiến công oanh liệt nhất.

Thuật Thiên Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập lục
述千品法句經第十六

Kinh Vượt Thắng

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 16

Phẩm này có 17 bài kệ. Thuật thiên là nói về con số ngàn. Tiếng Pāli, *sahassa* là ngàn, là số nhiều. Đứng về phương diện phẩm chất thì không cần nói tới số lượng. Con số trăm, con số ngàn không có giá trị nếu không có chất liệu nội dung. Bài kệ thứ nhất nói dù có tụng đọc cả ngàn lời kinh, nhưng nếu các lời kinh ấy không chuyên chở được chánh pháp, cũng không bằng chỉ đọc một lời kinh thôi. Bài thứ 3 nói một câu Pháp cú tuy ít, nhưng nếu đem ra thực tập thì cũng có thể đắc đạo.

Bài thứ 4 là một bài kệ nổi tiếng nhất về chuyện thắng bại: chiến thắng được hàng ngàn quân địch cũng không bằng tự mình chiến thắng được mình. Tự thắng là chiến công oanh liệt nhất. Bài thứ 16 nói sống một trăm tuổi thọ mà không nếm được vị cam lộ của đạo pháp, thì không bằng sống một ngày mà nếm được cam lộ. Làng Mai có câu: *Chẳng biết rong chơi miền Tịnh độ, làm người một kiếp cũng như không*, nói về cái hạnh phúc của sự thực tập thiền đi, cũng lấy từ ý ấy.

Các bài 4, 5 và 6 đều nói tới chủ đề tự vượt thắng mình để trở

thành một vị anh hùng đích thực. Vì vậy, kinh này được đặt tên là kinh Vượt thắng. Vượt thắng chính mình.

Bài kệ 1

Tuy tụng thiên ngôn	雖 誦 千 言
Cú nghĩa bất chánh	句 義 不 正
Bất như nhất yếu	不 如 一 要
Văn khả diệt ý	聞 可 滅 意

Dẫu có tụng đọc ngàn đời, nhưng nếu câu văn và nghĩa lý không phải là chánh đạo, thì không bằng chỉ tụng một lời mà khi nghe có cơ hội làm tỉnh lặng được tâm ý.

Bài kệ 2

Tuy tụng thiên ngôn	雖 誦 千 言
Bất nghĩa hà ích	不 義 何 益
Bất như nhất nghĩa	不 如 一 義
Văn hành khả độ	聞 行 可 度

Dù có tụng đọc ngàn lời, nhưng nếu nghĩa lý không có thì không bằng chỉ tụng đọc một lời mà có ý nghĩa (thâm sâu) để khi nghe thì có thể đem ra thực hành và vượt qua được đau khổ.

Bài kệ 3

Tuy đa tụng kinh	雖 多 誦 經
Bất giải hà ích	不 解 何 益
Giải nhất pháp cú	解 一 法 句
Hành khả đắc đạo	行 可 得 道

Dù có tụng đọc nhiều kinh mà không hiểu được thì cũng vô ích, không bằng chỉ đọc và hiểu được một câu Pháp cú, vì nếu đem ra thực hành thì có thể đắc đạo.

Bài kệ 4

Thiên thiên vi địch
 Nhất phu thắng chi
 Vị nhược tự thắng
 Vi chiến trung thượng

千 千 為 敵
 一 夫 勝 之
 未 若 自 勝
 為 戰 中 上

Chiến thắng được hàng ngàn quân địch thì cũng không bằng tự mình chiến thắng được chính mình. Tự thắng là chiến công oanh liệt nhất.

Bài kệ 5

Tự thắng tối hiền
 Cố viết nhân hùng
 Hộ ý điều thân
 Tự tổn chí chung

自 勝 最 賢
 故 曰 人 雄
 護 意 調 身
 自 損 至 終

Tự thắng được mình thì gọi là bậc hiền giả tối thượng. Đó là người anh hùng trong nhân gian, có khả năng điều phục và bảo hộ thân tâm, đạt tới mục tiêu cuối cùng.

Bài kệ 6

Tuy viết tôn thiên
 Thần ma Phạm Thích
 Giai mạc năng thắng
 Tự thắng chi nhân

雖 曰 尊 天
 神 魔 梵 釋
 皆 莫 能 勝
 自 勝 之 人

Thắng được các vị thiên giả, tôn thần, quý vương, Đế Thích cũng không bằng tự thắng được mình.

Bài kệ 7

Nguyệt thiên phản từ
 Chung thân bất xuyết
 Bất như tu du
 Nhất tâm niệm Pháp

月千反祠
 終身不輟
 不如須臾
 一心念法

Ngàn tháng cầu đạo, suốt cả một đời không ngừng nghỉ, cũng không bằng trong một khoảnh khắc đem hết lòng thực tập niệm Pháp.

Bài kệ 8

Nhất niệm đạo phước
 Thắng bỉ chung thân
 Tuy chung bách tuế
 Phụng sự hỏa từ

一念道福
 勝彼終身
 雖終百歲
 奉事火祠

Chỉ thực tập phát khởi một niệm cung kính cúng dường bậc có phước đức thì công đức còn nhiều hơn suốt đời thờ phụng thần lửa.

Bài kệ 9

Bất như tu du
 Cung dưỡng tam tôn
 Nhất cung dưỡng phước
 Thắng bỉ bách niên

不如須臾
 供養三尊
 一供養福
 勝彼百年

Cúng dường trong một khoảnh khắc cho Tam Bảo còn có phúc đức nhiều hơn tề lễ cầu phước trong suốt cả một trăm năm.

Bài kệ 10

Tế thần dĩ cầu phước	祭神以求福
Tùng hậu quán kỳ báo	從後觀其報
Tứ phân vị vọng nhất	四分未望一
Bất như lễ hiền giả	不如禮賢者

Tế thần để cầu phước, cứ quan sát mà thấy thì phúc báo tới sau đó cũng chưa được bằng một phần tư của người cung kính bậc hiền nhân.

Bài kệ 11

Năng thiện hành lễ tiết	能善行禮節
Thường kính trưởng lão giả	常敬長老者
Tứ phước tự nhiên tăng	四福自然增
Sắc lực thọ nhi an	色力壽而安

Nếu biết tổ chức lễ lược theo đường hướng thiện lành, nếu biết thường cung kính các bậc trưởng lão (trong đạo) thì bốn thứ phước đức sẽ tự nhiên tăng trưởng. Sắc đẹp và sức khỏe, cũng như tuổi thọ cũng tăng lên.

Bài kệ 12

Nhược nhân thọ bách tuế	若人壽百歲
Viễn chánh bất trì giới	遠正不持戒
Bất như sanh nhất nhật	不如生一日
Thủ giới chánh ý thiên	守戒正意禪

Sống một trăm tuổi thọ mà xa lìa con đường chính, không biết giữ giới, thì không bằng sống một ngày mà biết trì giới và thực tập đưa tâm ý vào thiền định.

Bài kệ 13

Nhược nhân thọ bách tuế	若人壽百歲
Tà ngụy vô hữu trí	邪偽無有智
Bất như sanh nhất nhật	不如生一日
Nhất tâm học chánh trí	一心學正智

Sống một trăm tuổi thọ mà nếp sống tà ngụy, không có trí tuệ thì không bằng sống một ngày mà hết lòng tu học theo chánh trí.

Bài kệ 14

Nhược nhân thọ bách tuế	若人壽百歲
Giải đãi bất tinh tấn	懈怠不精進
Bất như sanh nhất nhật	不如生一日
Miễn lực hành tinh tấn	勉力行精進

Sống một trăm tuổi thọ mà giải đãi không tinh tiến thì không bằng sống một ngày mà nỗ lực tu hành tinh tiến.

Bài kệ 15

Nhược nhân thọ bách tuế	若人壽百歲
Bất tri thành bại sự	不知成敗事
Bất như sanh nhất nhật	不如生一日
Kiến vi tri sở kị	見微知所忌

Sống một trăm tuổi thọ mà không hiểu được chuyện thành bại thì không bằng sống một ngày mà thấy được cái vi diệu của chánh pháp và thấy được nguyện vọng của mình.

Bài kệ 16

Nhược nhân thọ bách tuế	若人壽百歲
Bất kiến cam lồ đạo	不見甘露道
Bất như sanh nhất nhật	不如生一日
Phục hành cam lộ vị	服行甘露味

Sống một trăm tuổi thọ mà không thấy được đạo Cam Lộ thì không bằng sống một ngày mà nếm được vị Cam Lộ.

Bài kệ 17

Nhược nhân thọ bách tuế	若人壽百歲
Bất tri đại đạo nghĩa	不知大道義
Bất như sanh nhất nhật	不如生一日
Học thôi Phật pháp yếu	學推佛法要

Sống một trăm tuổi thọ mà không biết nghĩa lý của đạo lớn thì không bằng sống một ngày mà thực tập và tư duy theo giáo pháp tinh yếu của Phật.



Kinh Quả Báo

*Không phải ở trên trời cao, không phải ở dưới biển sâu,
không phải ở trong hốc núi đá mà có thể tránh được
nghiệp báo tai ương mình đã tạo ra.*

Ác Hành Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập thất 惡行品法句經第十七

Kinh Quả Báo

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 17

Phẩm này có 22 bài kệ. Ác hành (*pāpa*) là hành động xấu ác.

Bài kệ 1

Kiến thiện bất tùng	見善不從
Phản tùy ác tâm	反隨惡心
Cầu phước bất chánh	求福不正
Phản lạc tà dâm	反樂邪淫

*Thấy cái lành không đi theo, lại để tâm đi theo cái ác, đi tìm hạnh
phúc một cách sai lạc thì đã không có hạnh phúc mà lại còn bị lạc
vào chuyện tà dâm.*

Bài kệ 2

Phàm nhân vi ác	凡人為惡
Bất năng tự giác	不能自覺
Ngu si khoái ý	愚癡快意
Lệnh hậu uất độc	令後鬱毒

Thường thường, người làm điều sai trái thì không có khả năng tự

giác, kẻ ngu si cứ tiếp tục chạy theo khoái lạc, sau này sẽ hứng chịu sự đôn chứa của những cái độc hại.

Bài kệ 3

Hung nhân hành ngược	凶人行虐
Trầm tiệm sắc sắc	沈漸數數
Khoái dục vì nhân	快欲為人
Tội báo tự nhiên	罪報自然

Kẻ hung ác cứ tiếp tục làm điều bạo ngược và có thích thú trong khi làm như thế thì tội báo sẽ tự nhiên tới.

Bài kệ 4

Cát nhân hành đức	吉人行德
Tướng tùy tích tăng	相隨積增
Cam tâm vì chi	甘心為之
Phước ứng tự nhiên	福應自然

Người hiền làm chuyện phúc đức, càng ngày càng tích lũy thêm điều lành, có niềm vui khi làm như thế thì phúc đức sẽ tự nhiên tới.

Bài kệ 5

Yêu nghiệt kiến phước	妖孽見福
Kỳ ác vị thực	其惡未熟
Chí kỳ ác thực	至其惡熟
Tự thọ tội ngược	自受罪虐

Mình làm việc yêu nghiệt mà tưởng là đang có phúc, trong khi các quả báo xấu của hành động ác kia chưa chín. Khi nó chín rồi thì mình mới nhận chịu tội báo.

Bài kệ 6

Trình tường kiến họa
 Kỳ thiện vị thực
 Chí kỳ thiện thực
 Tất thọ kỳ phước

貞祥見禍
 其善未熟
 至其善熟
 必受其福

Làm việc lành mà vẫn thấy phải chịu đựng hoàn cảnh khó khăn, đó là kết quả việc lành chưa chín. Khi nó chín rồi thì mình sẽ được hưởng cái phúc báo của việc làm ấy đem lại.

Bài kệ 7

Kích nhân đắc kích
 Hành oán đắc oán
 Mạ nhân đắc mạ
 Thí nộ đắc nộ

擊人得擊
 行怨得怨
 罵人得罵
 施怒得怒

Đánh người thì bị người đánh, gây oán thì chịu oán, mắng chửi người thì bị người mắng chửi lại, giận người thì bị người giận lại.

Bài kệ 8

Thế nhân vô văn
 Bất tri chánh pháp
 Sanh thử thọ thiểu
 Hà nghi vi ác

世人無聞
 不知正法
 生此壽少
 何宜為惡

Người đời vì không học hỏi cho nên không biết chánh pháp. Phải biết rằng mạng sống trong đời ngắn ngủi, tại sao mình lại đi làm chuyện ác độc?

Bài kệ 9

Mạc khinh tiểu ác	莫輕小惡
Dĩ vi vô ương	以為無殃
Thủy đế tuy vi	水滸雖微
Tiệm doanh đại khí	漸盈大器
Phàm tội sung mãn	凡罪充滿
Tùng tiểu tích thành	從小積成

Đừng xem thường những cái ác nhỏ, cho chúng là không nguy hiểm. Nước nhỏ giọt tuy ít nhưng dần dần bình lớn cũng đầy tràn. Thói thường cái ác mà đầy tràn là do những cái ác nhỏ hàng ngày tích tụ mà thành.

Bài kệ 10

Mạc khinh tiểu thiện	莫輕小善
Dĩ vi vô phúc	以為無福
Thủy tích tuy vi	水滴雖微
Tiệm doanh đại khí	漸盈大器
Phàm phúc sung mãn	凡福充滿
Tùng tiêm tiêm tích	從纖纖積

Đừng xem thường cái thiện nhỏ, cho nó là không phải phúc đức. Nước giọt tuy ít nhưng lâu cũng đầy bình lớn, nếu phúc đức sung mãn là do tích lũy từng chút lâu ngày.

Bài kệ 11

Phu sĩ vi hành	夫士為行
Hảo chi dữ ác	好之與惡
Các tự vi thân	各自為身
Chung bất bại vong	終不敗亡

Những kẻ phạm phu ưa làm việc ác, phải biết hành động ác nào cũng trở về tự thân, không có cái nào rơi mất.

Bài kệ 12

Hảo thủ chi sĩ	好取之士
Tự dĩ vi khả	自以為可
Một thủ bỉ giả	沒取彼者
Nhân diệt một chi	人亦沒之

Những bậc hảo nhân tự mình làm hết khả năng của mình, không mưu toan chiếm đoạt của kẻ khác thì kẻ khác cũng sẽ không mưu toan chiếm đoạt của mình.

Bài kệ 13

Ác bất tức thời	惡不即時
Như cấu ngư nhũ	如搆牛乳
Tội tại âm từ	罪在陰祠
Như hôi phúc hỏa	如灰覆火

Kết quả của cái ác không đến tức thời như sữa không đóng thành tô ngay được. Tội ác nằm âm i như lửa nằm trong bếp tro.

Bài kệ 14

Hí tiếu vi ác	戲笑為惡
Di tác thân hành	以作身行
Hiệu khấp thọ báo	號泣受報
Tùy hành tội chí	隨行罪至

Vui giỡn trong khi làm ác, tự mình tạo tác, sau này sẽ phải khóc than mà nhận chịu quả báo của cái tội đi theo cái hành động ác của mình.

Bài kệ 15

Tác ác bất phú	作惡不覆
Như binh sở tiết	如兵所截
Khiên vãng nãi tri	牽往乃知
Di đoạ ác hành	已墮惡行
Hậu thọ khổ báo	後受苦報
Như tiền sở tập	如前所習

Làm ác không che giấu cũng như một toán quân sau khi bị chặn đánh và áp giải làm tù binh mới biết là mình bị thua. Những hành động tàn ác thế nào cũng đưa tới quả báo khổ đau sau này.

Bài kệ 16

Như độc ma sang	如毒摩瘡
Thuyền nhập hồi phúc	船入洄復
Ác hành lưu diễn	惡行流衍
Mĩ bất thương khắc	靡不傷剋

Như vết thương bị chất độc thấm vào, như chiếc thuyền đang đi vào vùng biển nguy hiểm, hành động độc ác cứ tiếp tục lưu diễn, không nơi nào là không tạo ra xung khắc và đau thương.

Bài kệ 17

Gia ác vu vãng nhân	加惡誣罔人
Thanh bạch do bất ô	清白猶不污
Ngu ương phản tự cập	愚殃反自及
Như trần nghịch phong bộn	如塵逆風坩

Người ác vu cáo muốn làm hại người thanh bạch và không ô nhiễm thì tai ương sẽ trở lại hại mình, như tung bụi vào người khác khi ngược gió.

Bài kệ 18

Quá thất phạm phi ác
 Năng truy hối vi thiện
 Thị minh chiếu thế gian
 Như nhật vô vân ê

過失犯非惡
 能追悔為善
 是明照世間
 如日無雲嗒

Người nào trong quá khứ đã lỡ có lỗi lầm, đã lỡ làm những điều không phải, mà bây giờ có khả năng hối hận bỏ ác làm lành, thì cũng như một mặt trời vượt ra khỏi các đám mây, chiếu sáng được cho thế gian.

Bài kệ 19

Phu sĩ sở dĩ hành
 Nhiên hậu thân tự kiến
 Vi thiện tắc đắc thiện
 Vi ác tắc đắc ác

夫士所以行
 然後身自見
 為善則得善
 為惡則得惡

Nhìn vào hành động của mình, mình có thể tự thấy được sự thực: làm thiện thì được thiện, làm ác thì gặp ác.

Bài kệ 20

Hữu thức đọa bào thai
 Ác giả nhập địa ngục
 Hành thiện thượng thăng thiên
 Vô vi đắc nê hoàn

有識墮胞胎
 惡者入地獄
 行善上昇天
 無為得泥洹

Thần thức đi luân hồi, kẻ ác vào địa ngục, người hiền sinh lên cõi trời. Thực tập đi vào được trạng thái vô vi thì chứng đắc Niết Bàn.

Bài kệ 21

Phi không phi hải trung
 Phi ẩn sơn thạch gian
 Mạc năng ư thử xứ
 Tị miễn túc ác ương

非空非海中
 非隱山石間
 莫能於此處
 避免宿惡殃

Không phải ở trên trời cao, không phải ở dưới biển sâu, không phải ở trong hốc núi đá mà có thể tránh được nghiệp báo tai ương mình đã tạo ra.

Bài kệ 22

Chúng sanh hữu khổ não
 Bất đắc miễn lão tử
 Duy hữu nhân trí giả
 Bất niệm nhân phi ác

眾生有苦惱
 不得免老死
 唯有仁智者
 不念人非惡

Chúng sinh có khổ não chưa thoát ra khỏi cái già cái chết, chỉ có bậc nhân trí mới vượt thoát được ý niệm về thiện ác.



Kinh Bất Hại

Ai cũng sợ chết, không ai không sợ đau đớn do vũ khí gây ra. Hãy quán sát để thấy người ta ai cũng có cái sợ như mình, để ngừng lại sự bất hại và buông bỏ ý tưởng trừng phạt.

Đao Trượng Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập bát

刀杖品法句經第十八

Kinh Bất Hại

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 18

Phẩm này có 12 bài kệ. Đao trượng là vũ khí, là bạo lực, tiếng Pāli là *danda*. Kinh này nói về sự thực tập bất bạo động, bất hại (*ahimsa*). Ba bài kệ đầu nói về tâm lý bất hại: Thấy được cái khổ của người khác thì mình có thể buông bỏ được ý muốn trừng phạt. Ba bài kệ kế tiếp nói về lời nói bất hại. Những bài sau nói về hành động bất hại. Các bài thứ 9 và 10 cho ta biết muốn nuôi dưỡng tâm từ bi và thực tập bất hại, thì phải có tâm tầm quý, biết hổ thẹn, phải có đức tin, phải hành trì giới luật, thiền tập và tinh cần. Bài 12 kết luận: Thực tập bất hại sẽ không có kẻ thù.

Bài kệ 1

Nhất thiết giai cù tử
Mạc bất úy trượng thống
Thứ kỷ khả vi thí
Vật sát vật hành trượng

一切皆懼死
莫不畏杖痛
恕己可為譬
勿殺勿行杖

Ai cũng sợ chết, không ai không sợ cái đau đớn do vũ khí gây ra. Hãy quán sát để thấy người ta ai cũng có cái sợ như mình, để

có thể ngừng lại sự sát hại và buông bỏ ý tưởng trừng phạt.

Bài kệ 2

Năng thường an quần sanh	能常安群生
Bất gia chư sở độc	不加諸楚毒
Hiện thế bất phùng hại	現世不逢害
Hậu thế trường an ẩn	後世長安隱

Hãy luôn luôn có ý muốn đem tới sự an lành cho quần sinh, mà đừng đem tới thêm cho họ những tổn hại của bạo động. Để cho trong hiện tại không ai bị tàn hại và để cho sau này ai cũng được sống an ổn lâu dài.

Bài kệ 3

Bất đương thô ngôn	不當麤言
Ngôn đương úy báo	言當畏報
Ác vãng họa lai	惡往禍來
Đao trượng quy khu	刀杖歸軀

Đừng nói lời thô ác với ai. Khi nói phải thấy được hậu quả của lời nói mình. Lời nói ác nào được phát ra cũng sẽ đem tai họa tới, và gươm giáo sẽ trở về hủy hoại chính thân thể mình.

Bài kệ 4

Xuất ngôn dĩ thiện	出言以善
Như khấu chung khánh	如叩鐘磬
Thân vô luận nghị	身無論議
Độ thế tắc dị	度世則易

Khi nói chỉ nên sử dụng những lời lành. Như một cái chuông câm, nên chấm dứt mọi tranh luận. Như thế ta sẽ độ đời dễ dàng hơn.

Bài kệ 5

Âu trượng lương thiện
 Vọng sàm vô tội
 Kỳ ương thập bội
 Tai tấn vô xá

歐杖良善
 妄讒無罪
 其殃十倍
 災迅無赦

Sát hại người hiền lương, dèm pha kẻ vô tội, tai ương sẽ trở về với mình mười lần lớn hơn, và khi quả báo về tới, không có cách gì tránh thoát hay giải cứu.

Bài kệ 6

Sanh thọ khổ thống
 Hình thể hủy chiết
 Tự nhiên não bệnh
 Thất ý hoảng hốt
 Nhân sở vu cữu
 Hoặc huyện quan ách
 Tài sản hao tận
 Thân thích ly biệt
 Xá trạch sở hữu
 Tai hỏa phân thiêu
 Tử nhập địa ngục
 Như thị vi thập

生受酷痛
 形體毀折
 自然惱病
 失意恍惚
 人所誣咎
 或縣官厄
 財產耗盡
 親戚離別
 舍宅所有
 災火焚燒
 死入地獄
 如是為十

Người hành xử bạo động thì kiếp sau khi sinh ra sẽ gánh chịu mười thứ hoạn nạn: đau nhức dữ dội, hình hài tật nguyên, đột nhiên mà bị khổ bệnh, quên lãng, hoảng hốt, bị người ta vu cáo oan ức, bị giam cầm tù đầy, tài sản tiêu tán, nhà cửa và gia sản tan nát, thân thích ly biệt, đi tiêu chảy và khi chết thì đi vào địa ngục.

Bài kệ 7

Tuy khóa tiến phát
 Trường phục thảo y
 Mộc dục cứ thạch
 Nại si kết hà

雖 俛 剪 髮
 長 服 草 衣
 沐 浴 踞 石
 奈 癡 結 何

Dù có bện tóc, dù chỉ mặc áo cỏ suốt ngày, dù có ngồi xẩm trên tảng đá, hoặc đi tắm gội mỗi ngày (dưới sông Hằng) cũng không thể nào diệt trừ được những khối si mê của mình.

Bài kệ 8

Bất phạt sát thiêu
 Diệt bất cầu thắng
 Nhân ái thiên hạ
 Sở thích vô oán

不 伐 殺 燒
 亦 不 求 勝
 人 愛 天 下
 所 適 無 怨

Không trừng phạt, không giết hại, không đốt cháy, cũng không mong cầu vượt thắng kẻ khác, biết thương yêu mọi người thì sẽ cảm thấy thoải mái không còn oán hận.

Bài kệ 9

Thế đảng hữu nhân
 Năng tri tầm quý
 Thị danh dụ tấn
 Như sách lương mã

世 黨 有 人
 能 知 慚 愧
 是 名 誘 進
 如 策 良 馬

Trên đời có những người biết tầm biết quý: những người ấy có cơ hội được khuyên bảo và sách tấn dễ dàng, giống như con ngựa giỏi khi có cây roi chạm nhẹ vào.

Bài kệ 10

Như sách thiện mã
 Tiến đạo năng viễn
 Nhân hữu tín giới
 Định ý tinh tấn
 Thọ đạo tuệ thành
 Tiệt diệt chúng khổ

如策善馬
 進道能遠
 人有信戒
 定意精進
 受道慧成
 便滅眾苦

Như chạm nhẹ cây roi vào con ngựa giỏi có thể làm cho nó đi tới, đi xa. Kẻ nào có tín, có giới, có định, có tinh cần, thì sẽ học tập và thành tựu tuệ giác dễ dàng, sẽ có khả năng diệt trừ được mọi khổ não.

Bài kệ 11

Tự nghiêm dĩ tu pháp
 Diệt tổn thọ tịnh hạnh
 Trượng bất gia quần sanh
 Thị sa môn đạo nhân

自嚴以修法
 滅損受淨行
 杖不加群生
 是沙門道人

Lấy sự thực tập để làm đẹp cho chính mình, không làm tổn hại đến sinh mạng của ai, sống đời tịnh hạnh, không hành xử bạo động đối với các loài chúng sinh, đó đích thực là bậc sa môn đạo nhân.

Bài kệ 12

Vô hại ư thiên hạ
 Chung thân bất ngộ hại
 Thường từ ư nhất thiết
 Thực năng dĩ vi oán

無害於天下
 終身不遇害
 常慈於一切
 孰能與為怨

Thường biết thực tập phép bất hại, thì suốt đời mình sẽ không bị

hại. Nếu cứ tiếp tục hành xử với lòng từ bi đối với tất cả, thì không còn có ai sẽ là kẻ thù của mình.



Kinh Tuổi Già

Lão Hao Phẩm Pháp Cú Kinh đệ thập cửu

老耗品法句經第十九

Kinh Tuổi Già

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 19

Phẩm này có 14 bài kệ. Lão là già, Hao là hư hao, giảm bớt, *Jara* là cái già. Kinh này nhắc nhở ta nhớ hình hài là vô thường, mạng sống đang từ từ giảm bớt, đừng đi tìm cái lâu dài trong ấy, phải sớm tìm cách vượt khỏi sinh tử. Tuổi già như một cỗ xe đã cũ, như lá mùa thu, nếu không tu tập từ bây giờ đến khi khí lực không còn thì khó mà tu tập thành công.

Bài kệ 1

Hà hỉ hà tiếu

何喜何笑

Mạng thường sí nhiên

命常熾然

Thâm tệ u minh

深弊幽冥

Như bất cầu đĩnh

如不求錠

Vui gì cười gì khi thế giới và mạng sống đang cứ tiếp tục bị bốc cháy? Trong cõi thâm sâu u tối sao không đi tìm sự an định?

Bài kệ 2

Kiến thân hình phạm

見身形範

Ỡ dĩ vi an

倚以為安

Đa tưởng trí bệnh

多想致病

Khởi tri phi chân

豈知非真

Hãy nhìn lại hình hài này thì biết: ta cứ tưởng là có sự an ổn lâu dài trong ấy, nhưng thật ra nó có rất nhiều vấn đề. Há ta không biết rằng nó chỉ là một cái gì tạm bợ, không chắc thật?

Bài kệ 3

Lão tắc sắc suy

老則色衰

Bệnh vô quang trạch

病無光澤

Bi hoãn cơ súc

皮緩肌縮

Tử mạng cận xúc

死命近促

Một khi cái già đã đến thì sắc diện suy thoái, cơ thể đầy dẫy bệnh tật, không còn mượt mà, da nhăn, bắp thịt rút lại, cái chết cận kề.

Bài kệ 4

Thân tử thần đồ

身死神徒

Như ngự khí xa

如御棄車

Nhục tiêu cốt tán

肉消骨散

Thân hà khả hổ

身何可怕

Khi thân xác tan rã thì thân thức bỏ đi, như con ngựa bỏ chiếc xe. Thịt tiêu, xương tán, thân hình khô héo.

Bài kệ 5

Thân vi như thành

身為如城

Cốt cán nhục đồ

骨幹肉塗

Sanh chí lão tử

生至老死

Đãn tạng khuể mạn

但藏慚慢

Thân hình ta cũng như một bức thành, phần cốt cán là xương thịt cũng chỉ như bùn đất trét lên. Từ khi sinh ra cho đến lúc chết đi cứ chất chứa những sân nhuế và kiêu mạn.

Bài kệ 6

Lão tác hình biến

老則形變

Dụ như cổ xe

喻如故車

Pháp năng trừ khổ

法能除苦

Nghĩ dĩ lực học

宜以力學

Tuổi già thì hình hài biến đổi, như một cỗ xe đã cũ. Chỉ có giáo pháp mới có khả năng diệt trừ khổ não, cho nên ta cần phải nỗ lực tu học.

Bài kệ 7

Nhân chi vô văn

人之無聞

Lão nhược đặc ngư

老若特牛

Đãn trường cơ phì

但長肌肥

Vô hữu phước tuệ

無有福慧

Người mà không học hỏi thì đến khi lớn tuổi cũng như một con bò đực; cơ bắp thì lớn mà phước tuệ thì không.

Bài kệ 8

Sanh tử vô liêu

生死無聊

Vãng lai gian nan

往來艱難

Ý y tham thân

意猗貪身

Sanh khổ vô đoan

生苦無端

Vấn đề sinh tử không lo liệu thì sẽ phải gian nan qua lại trong cõi sinh tử. Tâm ý cứ tham trước vào hình hài thì cái khổ sinh tử không có cơ hội nào được chấm dứt.

Bài kệ 9

Tuệ dĩ kiến khổ
Thị cố khí thân
Diệt ý đoạn hành
Ái tận vô sanh

慧以見苦
是故棄身
滅意斷行
愛盡無生

Đạt được tuệ giác, thấy được bản chất khổ đau, mới buông bỏ được ý niệm hình hài này (là ta), thanh lọc được tâm ý, chuyển hóa được tâm hành mới chấm dứt được ái nhiễm và đạt tới vô sinh.

Bài kệ 10

Bất tu phạm hạnh
Hựu bất phú tài
Lão như bạch lộ
Thủ tỷ không trì

不修梵行
又不富財
老如白鷺
守伺空池

Không tu phạm hạnh, cũng không phải là kẻ giàu có, nhiều tiền nhiều của, thì đến khi già cũng như con hạc trắng chỉ biết bám lấy cái hồ không nước không cá.

Bài kệ 11

Ký bất thủ giới
Hựu bất tích tài
Lão luy khí kiệt
Tư cố hà đãi

又不積財
又不積財
老羸氣竭
思故何逮

Đã không trì giới, lại không giàu có, thì khi tuổi già tới, khí lực khô kiệt, làm gì mà giữ được sự khương kiện?

Bài kệ 12

Lão như thu diệp

老如秋葉

Hà uest giám lục

何穢鑑錄

Mạng tật thoát chí

命疾脫至

Diệc dụng hậu hối

亦用後悔

*Tuổi già cũng như là mùa Thu, làm sao giữ được sắc tươi xanh?
Bệnh tật nhiều và giờ đi sắp tới, hối tiếc làm sao cho kịp?*

Bài kệ 13

Mạng dục nhật dạ tận

命欲日夜盡

Cập thời khả cần lực

及時可勲力

Thế gian đế phi thường

世間諦非常

Mạc hoặc đoạ minh trung

莫惑墮冥中

*Đời sống theo đêm ngày tàn lụi, hãy nỗ lực kịp thời, phải thấy sự
thực cuộc đời là vô thường, đừng để cái mê hoặc đưa mình vào
trong cõi tối tăm.*

Bài kệ 14

Đương học nhiên ý đăng

當學燃意燈

Tự luyện cầu trí tuệ

自練求智慧

Ly cấu vật nhiễm ô

離垢勿染污

Chấp chúc quán đạo địa

執燭觀道地

*Phải học cách thắp sáng ngọn đèn tâm lên, tự luyện tập để tìm
cầu trí tuệ, lìa bỏ cấu uế, đừng để bị nhiễm ô. Hãy cầm đuốc lên
mà soi lấy đường đi.*

Kinh Thương Thân

Thân mình chưa có lợi lạc, làm sao làm lợi lạc cho người; tâm điều phục, thân ngay vững, thì nguyện nào không thành?

Ái Thân Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập

愛身品法句經第二十

Kinh Thương Thân

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 20

Phẩm này có 14 bài kệ. Thân đây không có nghĩa là hình hài, mà là bản thân (*atta*). Kinh này dạy phải lo cho tự thân trước khi có thể giúp đời. Lo cho tự thân là phải tìm ra con đường chánh, phải biết tri giới, học hỏi chánh pháp, đừng lo lắng, thực tập để chuyển hóa những tập khí xấu nơi mình. Hành động xấu nghiến nát ta như kim cương chà một viên ngọc, không tri giới sẽ như cỏ dại leo đầy.

Bài kệ 1

Tự ái thân giả

自愛身者

Thận hộ sở thủ

慎護所守

Hy vọng dục giải

悵望欲解

Học chánh bất寐

學正不寐

Thương thân thì phải cẩn thận bảo hộ cho thân biết mong cầu giải thoát, biết thực tập theo con đường chính và giữ cho đừng bị hôn trầm.

Bài kệ 2

Vi thân đệ nhất
 Thường tự miễn học
 Lợi nãi hối nhân
 Bất quyền tắc trí

為身第一
 常自勉學
 利乃誨人
 不倦則智

Lo cho thân thì trước hết phải gắng sức thực tập, lúc đó dạy người mới có lợi lạc, thực tập không mỏi mệt mới đạt tới trí tuệ.

Bài kệ 3

Học tiên tự chánh
 Nhiên hậu chánh nhân
 Điều thân nhập tuệ
 Tất thiên vi thượng

學先自正
 然後正人
 調身入慧
 必遷為上

Phải tự sửa mình trước khi dạy người, điều phục được thân và phát khởi tuệ giác là việc phải làm trước.

Bài kệ 4

Thân bất năng lợi
 An năng lợi nhân
 Tâm điều thể chánh
 Hà nguyện bất chí

身不能利
 安能利人
 心調體正
 何願不至

Thân mình chưa có lợi lạc, làm sao làm lợi lạc cho người; tâm điều phục, thân ngay vững, thì nguyện nào không thành?

Bài kệ 5

Bổn ngã sở tạo

本我所造

Hậu ngã tự thọ

後我自受

Vi ác tự cánh

為惡自更

Như cương toản châu

如剛鑽珠

Cái gì ta tự tạo ra, sau này ta phải thọ báo, cái ác nghiền nát ta ra như kim cương chà ngọc.

Bài kệ 6

Nhân bất trì giới

人不持戒

Tư mạn như đằng

滋蔓如藤

Sinh tình cực dục

逞情極欲

Ác hành nhật tăng

惡行日增

Người không trì giới thì để cho cái dục cái tình làm cho hành vi xấu ác càng ngày càng lớn mạnh, cũng giống cỏ hoang mọc đầy như giây leo.

Bài kệ 7

Ác hành nguy thân

惡行危身

Ngu dĩ vi dị

愚以為易

Thiện tối an thân

善最安身

Ngu dĩ vi nan

愚以為難

Hành động xấu làm nguy hại thân, người ngu cho là việc dễ làm; hành động tốt lành làm thân an ổn, người ngu cho là việc khó làm.

Bài kệ 8

Như chân nhân giáo	如真人教
Dĩ đạo pháp thân	以道法身
Ngu giả tật chi	愚者疾之
Kiến nhi vi ác	見而為惡

Như bậc chân nhân dạy, phải lấy đạo làm phép tắc cho thân, dù kẻ ngu ganh tỵ, thấy mình thì ghét.

Bài kệ 9

Hành ác đắc ác	行惡得惡
Như chủng khổ chủng	如種苦種
Ác tự thọ tội	惡自受罪
Thiện tự thọ phước	善自受福

Làm ác thì gặt hái ác, như gieo giống đắng, gieo giống ác thì gặt hái tội; gieo giống thiện gặt hái phúc.

Bài kệ 10

Diệc các tu thực	亦各須熟
Bỉ bất tự đại	彼不自代
Tập thiện đắc thiện	習善得善
Diệc như chủng điền	亦如種甜

Mỗi người phải biết hành động cho chín chắn, thì kẻ kia không trừng phạt được mình. Làm lành được lành, cũng như gieo hạt giống ngọt thì được quả ngọt.

Bài kệ 11

Tự lợi lợi nhân
 Ích nhi bất phí
 Dục tri lợi thân
 Giới văn vi tối

自利利人
 益而不費
 欲知利身
 戒聞為最

Tự lợi hay lợi người đều có lợi ích cho mình mà không mất đi đâu cả. Muốn thực sự làm lợi cho mình, trì giới và học hỏi là quý nhất.

Bài kệ 12

Như hữu tự ưu
 Dục sanh thiên thượng
 Kính lạc văn Pháp
 Đương niệm Phật giáo

如有自憂
 欲生天上
 敬樂聞法
 當念佛教

Nếu biết thương mình, muốn sinh về cõi trời, thì phải kính yêu và ham thích học hỏi Phật pháp và phải nhớ lời Bụt dạy.

Bài kệ 13

Phàm dụng tất dự lự
 Vật dĩ tổn sở vụ
 Như thị ý nhật tu
 Sự vụ bất thất thời

凡用必豫慮
 勿以損所務
 如是意日修
 事務不失時

Đừng để cho sự lo toan thái quá làm hại tới công việc đang làm. Mỗi ngày nếu để tâm ý tu học thì công việc sẽ không làm mất thì giờ của mình.

Bài kệ 14

Phu trì sự chi sĩ

夫治事之士

Năng chí chung thành lợi

能至終成利

Chân kiến thân ưng hành

真見身應行

Như thị đắc sở dục

如是得所欲

Nếu gặp bậc minh vương thì hãy đem hết lòng phụng sự. Thấy rõ được công việc mới nên bắt tay vào, như vậy mới được mãn ý.



Kinh Thoát Tục

Như những con nhạn khôn ngoan giúp cả bầy nhạn vượt lưới bay cao; cũng như thế, có những bậc cao minh có tu, có học, có trí tuệ cao vời, có khả năng dẫn dắt người đời người đời vượt thoát lưới tà.

Thế Tục Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập nhất

世俗品法句經第二十一

Kinh Thoát Tục

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 21

Phẩm này có 14 bài kệ. Thế tục đây là cuộc đời tục lụy (*loka*). Bài kệ thứ 4 đưa ra những hình ảnh về thế giới tục lụy: mọi hiện tượng đều mong manh như những chùm bọt nổi trên mặt nước, như những con mộng huyền, như những hóa thành (*maricika*), và tâm ý ta thì lại như một con ngựa hoang chưa được điều phục. Bài thứ 8 đưa ra hình ảnh rất đẹp của những con nhạn khôn ngoan giúp cả bầy nhạn vượt lưới bay cao; cũng như thế, có những bậc cao minh có tu, có học, có trí tuệ cao vời, có khả năng dẫn dắt người đời vượt khỏi lưới tà. Đó là những người có mắt tuệ, phải hết lòng yểm trợ cho những nhóm người như thế. Ba bài kệ đầu nói tới sự cần thiết của con đường chánh đạo: phải giữ vững hướng đi, đừng bao giờ bỏ con đường lớn và bằng phẳng ấy để đi vào một lối nhỏ gập ghềnh. Trục xe đời sẽ gãy, vì thế mà mình không có cơ hội vượt thoát cõi sinh tử.

Bài kệ 1

Như xa hành đạo
 Xả bình đại đồ
 Tùng tà kính bại
 Sanh chiết trục ưu

如車行道
 捨平大途
 從邪徑敗
 生折軸憂

Một chiếc xe bỏ con đường lớn và bằng phẳng để đi vào một đường hẻm gập ghềnh ắt phải chịu cái khổ làm gãy trục xe.

Bài kệ 2

Ly Pháp như thị
 Tùng phi pháp tăng
 Ngu thủ chí tử
 Diệc hữu chiết hoạn

離法如是
 從非法增
 愚守至死
 亦有折患

Rời bỏ con đường chánh pháp cũng thế: những gì trái với đạo lý càng ngày càng lớn mạnh sẽ đưa người ngu phu tới chỗ chết. Đó là một thứ tai nạn gãy trục xe đời.

Bài kệ 3

Thuận hành chánh đạo
 Vật tùy tà nghiệp
 Hành trụ ngọa an
 Thế thế vô hoạn

順行正道
 勿隨邪業
 行住臥安
 世世無患

Vậy nên ta phải tiếp tục hành trì theo chánh đạo, đừng theo đuổi những công việc có tính cách trái với chánh pháp. Có như thế thì trong bốn tư thế đi, đứng, nằm và ngồi ta sẽ có sự an ổn và tai nạn sẽ không xảy tới, trong đời này cũng như trong các đời sau.

Bài kệ 4

Vạn vật như phao
 Ý như dã mã
 Cư thế nhược huyễn
 Nại hà lạc thử

萬物如泡
 意如野馬
 居世若幻
 奈何樂此

Những gì xảy ra trong cuộc đời đều mong manh như chùm bọt nổi trên mặt nước, trong khi ấy thì tâm ý của ta lại như một con ngựa hoang. Ở đời cái gì cũng (vô thường) như mộng huyễn, tại sao ta lại đi tìm lạc thú trong những gì mong manh ấy?

Bài kệ 5

Nhược năng đoạn thử
 Phạt kỳ thụ căn
 Nhật dạ như thị
 Tất chí vu định

若能斷此
 伐其樹根
 日夜如是
 必至于定

Nếu chặt đứt được gốc rễ của tham dục thì ngày cũng như đêm sẽ thành tựu được chánh định.

Bài kệ 6

Nhất thí như tín
 Như lạc chi nhân
 Hoặc tùng não ý
 Dĩ phạn thực chúng
 Thử bối nhật dạ
 Bất đắc định ý

一施如信
 如樂之人
 或從惱意
 以飯食眾
 此輩日夜
 不得定意

Dù đang thực tập bố thí, dù đang cung cấp thức ăn cho người, dù có tin rằng làm như thế là đang đem lại hạnh phúc cho người; nhưng nếu trong khi đang làm những công việc ấy mà tâm ý

mình còn mang nặng những phiền não thì những hành động ấy cũng chưa đem lại được cho mình chánh định, ngày cũng như đêm.

Bài kệ 7

Thế tục vô nhân	世俗無眼
Mạc kiến đạo chân	莫見道真
Như thiếu kiến minh	如少見明
Đương dưỡng thiện ý	當養善意

Trong cuộc đời, người có con mắt tuệ rất hiếm, cho nên ít ai thấy được cái chân thật của đạo lý. Vì vậy nếu có được một nhóm người còn sáng suốt thì phải giúp nuôi dưỡng thiện ý của nhóm người này.

Bài kệ 8

Như nhạn tướng quần	如鴈將群
Tị la cao tường	避羅高翔
Minh nhân đạo thế	明人導世
Độ thoát tà chúng	度脫邪眾

Như những con nhạn khôn ngoan giúp cả bầy nhạn vượt lưới bay cao, những con người cao minh phải dẫn dắt người đời vượt thoát lưới tà.

Bài kệ 9

Thế giai hữu tử	世皆有死
Tam giới vô an	三界無安
Chư thiên tuy lạc	諸天雖樂
Phước tận diệt tang	福盡亦喪

Ai rồi cũng phải chết. Cả ba cõi đều không an ổn. Chư thiên tuy đang hưởng lạc thú ở các cõi trời, nhưng khi phước báo đã hết cũng phải đọa lạc trở lại.

Bài kệ 10

Quán chư thế gian	觀諸世間
Vô sanh bất chung	無生不終
Dục ly sanh tử	欲離生死
Đương hành đạo chân	當行道真

Phải quán sát thế gian: hễ có sinh là có tử. Muốn lìa bỏ sinh tử, phải hành trì chánh đạo.

Bài kệ 11

Si phú thiên hạ	癡覆天下
Tham lệnh bất kiến	貪令不見
Tà nghi khước đạo	邪疑却道
Khổ ngu từng thị	苦愚從是

Vô minh bao phủ thế gian, lòng tham che lấp không cho người ta thấy được sự thực, tà kiến khiến cho người ta xa lìa con đường chính, do đó mà khổ đau cứ tiếp tục trong u mê.

Bài kệ 12

Nhất pháp thoát quá	一法脫過
Vị vọng ngữ nhân	謂妄語人
Bất miễn hậu thế	不免後世
Mi ác bất cánh	靡惡不更

Còn một cái tệ hại lớn nữa của thế gian: đó là sự nói dối. Người đã lỡ nói dối một lần rồi thì cứ tiếp tục nói dối mãi, và cứ lặp lại

mãi những lỗi lầm mà mình đã phạm.

Bài kệ 13

Tuy đa tích trân bảo	雖多積珍寶
Tung cao chí vu thiên	嵩高至于天
Như thị mãn thế gian	如是滿世間
Bất như kiến đạo tích	不如見道迹

Dù có chất chứa châu báu cao đến tận trời, tràn ngập cả thế gian thì cũng không bằng thấy được con đường đạo.

Bài kệ 14

Bất thiện tượng như thiện	不善像如善
Ái như tự vô ái	愛如似無愛
Đi khổ vì lạc tượng	以苦為樂像
Cuồng phu vì sở yếm	狂夫為所厭

Cái bất thiện mà nói là cái thiện, cái tham ái mà nói không phải là cái tham ái, cái khổ mà nói là cái vui, kẻ ngu phu đại dốt bị hại vì những nhận thức đảo ngược như thế.



Kinh Phật Bảo

Người đi thuyền biết cách điều phục con nước, người tu lấy tinh tấn làm cầu để bước sang, con người lấy chủng tánh để nối kết, nếu muốn độ người phải có sức kiên hùng.

Thuật Phật Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập nhị
 述佛品法句經第二十二

Kinh Phật Bảo

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 22

Phẩm này có 21 bài kệ, có mục đích xưng tán đức Thế Tôn bằng cách nói ra được những gì mà Bụt đã có thể thực hiện như một con người. Trước hết, Bụt là người đã đạt được chiến thắng, một thứ chiến thắng oanh liệt nhất: đó là chiến thắng bản thân, chiến thắng phiền não, đạt tới tự do lớn. Bụt là người đã xé toang được màn lưới ái ân, màn lưới vô minh phiền não, là người mà trí tuệ và từ bi không còn có thể đo lường được. Bụt vốn là một con người, nhờ tu tập mà đạt tới vô sinh. Cho nên, là con người ta có thể đi theo Bụt, nương tựa nơi Bụt, nơi giáo pháp và nơi tăng đoàn của người. Bài kệ thứ 21 xưng tán Tam Bảo: Hạnh phúc thay, có Bụt ra đời! Hạnh phúc thay, có chánh pháp đó cho chúng ta tu tập! Hạnh phúc thay, có tăng đoàn đó để hướng dẫn, bảo hộ và soi sáng cho ta trên đường tu học!

Bài kệ 1

Kỷ thắng bất thọ ác
 Nhất thiết thắng thế gian
 Duệ trí khuếch vô cường
 Khai môn lệnh nhập đạo

己勝不受惡
 一切勝世間
 叡智廓無疆
 開矇令入道

Đã chiến thắng phiến não, để phiến não không còn làm gì được người, sự chiến thắng này vượt lên tất cả các thứ chiến thắng khác trong thế gian. Trí tuệ thông duệ hoàn toàn không còn có biên cương, Bụt đã mở lối để cho những kẻ u mê có thể đi vào được con đường đạo.

Bài kệ 2

Quyết vông vô quái ngại
 Ái tận vô sở tích
 Phật ý thâm vô cực
 Vị tiền tích lệnh tiền

決網無罣礙
 愛盡無所積
 佛意深無極
 未踐迹令踐

Xé toang màn lưới, không còn chướng ngại, ân ái đã tận diệt, không còn sót lại gì, tâm ý của Bụt thâm sâu không cùng, chẳng có thể tìm được dấu tích.

Bài kệ 3

Dũng kiên lập nhất tâm
 Xuất gia nhật dạ diệt
 Căn đoạn vô dục ý
 Học chánh niệm thanh minh

勇健立一心
 出家日夜滅
 根斷無欲意
 學正念清明

Dũng kiên một lòng, xuất gia đêm ngày qua, quyết đoạn trừ gốc rễ của mọi dục ý, thực tập chánh niệm trong sáng.

Bài kệ 4

Kiến đế tịnh vô uế
 Di độ ngũ đạo uyên
 Phật xuất chiếu thế gian
 Vi trừ chúng ưu khổ

見諦淨無穢
 已度五道淵
 佛出照世間
 為除眾憂苦

Thấy chân lý, đạt thanh tịnh, vô uế, vượt qua năm dòng sông phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi kiến). Phật xuất hiện, chiếu sáng thế gian để giúp trừ diệt mọi ưu khổ của cuộc đời.

Bài kệ 5

Đắc sanh nhân đạo nan
 Sanh thọ diệc nan đắc
 Thế gian hữu Phật nan
 Phật Pháp nan đắc văn

得生人道難
 生壽亦難得
 世間有佛難
 佛法難得聞

Được sinh làm người là dịp hiếm có. Sinh ra và sống lâu cũng hiếm. Sự kiện có một vị Phật ra đời trên thế gian là chuyện rất hiếm. Được có cơ hội học hỏi pháp Phật cũng là một dịp rất hiếm.

Bài kệ 6

Ngã ký vô quy bảo
 Diệc độc vô bạn lữ
 Tích nhất hành đắc Phật
 Tự nhiên thông thánh đạo

我既無歸保
 亦獨無伴侶
 積一行得佛
 自然通聖道

Ta vốn không có thầy dạy, cũng không được bạn ta chỉ dẫn, chỉ một mình tu tập mà thành công, tự nhiên mà thông đạt được con đường thánh đạo.

Bài kệ 7

Thuyền sư năng độ thủy
 Tinh tấn vì kiều lương
 Nhân dĩ chủng tính hệ
 Độ giả vi kiện hùng

船師能渡水
 精進為橋梁
 人以種姓繫
 度者為健雄

Người đi thuyền biết cách điều phục con nước, người tu lấy tinh tấn làm cầu để bước sang, con người lấy chủng tánh để nối kết, nếu muốn độ người phải có sức kiện hùng.

Bài kệ 8

Hoại ác độ Phật
 Chỉ địa vi Phạm chí
 Trừ cặn vi học Pháp
 Đoạn chủng vi đệ tử

壞惡度為佛
 止地為梵志
 除糞為學法
 斷種為弟子

Chỉ có một vị Bụt mới phá hủy được ác đạo và bước qua bờ bên kia. Chỉ có một bậc Phạm chí mới dừng lại được sự tái sinh vào các cõi luân hồi. Chỉ có những pháp môn tu học mới trừ diệt được những cơn đói kém tâm linh. Chỉ có người đệ tử giỏi mới có khả năng đoạn trừ được những hạt giống xấu trong tâm điên.

Bài kệ 9

Quán hành nhẫn đệ nhất
 Phật thuyết nê hoàn tối
 Xả tội tác sa môn
 Vô nhiều hại ư bỉ

觀行忍第一
 佛說泥洹最
 捨罪作沙門
 無饒害於彼

Quán sát cho kỹ thì trong các hạnh, nhẫn nhục là hạnh đầu. Bụt dạy Niết Bàn là cái tối thắng (trong tất cả các cái mà ta có thể tìm cầu). Đã là một vị sa môn thì phải buông bỏ mọi tội chướng,

không làm hại kẻ khác.

Bài kệ 10

Bất nhiều diệc bất nảo	不 矯 亦 不 惱
Như giới nhất thiết trì	如 戒 一 切 持
Thiểu thực xả thân tham	少 食 捨 身 貪
Hữu hành u ẩn xứ	有 行 幽 隱 處
Ý để di hữu hiệt	意 諦 以 有 黠
Thị năng phụng Phật giáo	是 能 奉 佛 教

Không nhiều hại, không làm phiền kẻ khác, mỗi hành động đều phù hợp với giới luật, ăn uống có tiết độ, buông bỏ tham dục bản thân, biết sống nơi yên tĩnh, tâm ý vững chãi hướng về chứng đắc chân lý, như vậy mới thực sự là làm theo lời Phật dạy.

Bài kệ 11

Chư ác mạc tác	諸 惡 莫 作
Chư thiện phụng hành	諸 善 奉 行
Tự tịnh kỳ ý	自 淨 其 意
Thị chư Phật giáo	是 諸 佛 教

Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, thanh lọc tâm ý mình, đó là lời chư Phật dạy.

Bài kệ 12

Phật vi tôn quý	佛 為 尊 貴
Đoạn lậu vô dâm	斷 漏 無 婬
Chư thích trung hùng	諸 釋 中 雄
Nhất quần tùng tâm	一 群 從 心

Phật là bậc tôn quý, đã đoạn trừ mọi lậu hoặc và không còn phóng

đăng, đó là bậc anh hùng trong dòng họ Thích, tất cả quần chúng đều hết lòng đi theo Ngài.

Bài kệ 13

Khoái tai phước báo	快哉福報
Sở nguyện giai thành	所願皆成
Mẫn ư thượng tịch	敏於上寂
Tự trí nê hoàn	自致泥洹

Hạnh phúc thay, phúc báo và sở nguyện đều đã thành tựu, đến được nơi vắng lặng cao nhất, tự mình đi tới Niết Bàn.

Bài kệ 14

Hoặc đa tự quy	或多自歸
Sơn xuyên thọ thần	山川樹神
Miếu lập đồ tượng	廟立圖像
Tế tự cầu phước	祭祠求福

Có những người đi tìm chỗ nương tựa nơi núi, sông, thần cây, miếu vũ, tượng thần, tế tự, cầu phước.

Bài kệ 15

Tự quy như thị	自歸如是
Phi cát phi thượng	非吉非上
Bỉ bất năng lai	彼不能來
Độ ngã chúng khổ	度我眾苦

Những chỗ nương tựa như thế không phải là những chỗ nương tựa tốt lành, siêu việt, bởi vì những cái ấy không thể che chở ta và giúp cho người ta bớt khổ.

Bài kệ 16

Như hữu tự quy	如 有 自 歸
Phật Pháp thánh chúng	佛 法 聖 眾
Đạo đức Tứ đế	道 德 四 諦
Tất kiến chánh tuệ	必 見 正 慧

Nếu biết trở về nương tựa nơi Phật, Pháp và thánh chúng, nơi con đường Tứ đế đạo đức thì có thể đạt được ân huệ chân chính.

Bài kệ 17

Sanh tử cực khổ	生 死 極 苦
Tùng đế đắc độ	從 諦 得 度
Độ thế bát đạo	度 世 八 道
Tư trừ chúng khổ	斯 除 眾 苦

Cái khổ sinh tử là cái khổ lớn nhất. Nhờ tuệ giác về Tứ diệu đế mà đi đến được giải thoát. Con đường Bát chánh có khả năng độ đời, trừ diệt mọi khổ đau.

Bài kệ 18

Tự quý tam tôn	自 歸 三 尊
Tối cát tối thượng	最 吉 最 上
Duy độc hữu thị	唯 獨 有 是
Độ nhất thiết khổ	度 一 切 苦

Quy y Tam bảo là lành nhất, cao nhất, chỉ có con đường ấy mới giúp ta vượt qua được tất cả khổ đau.

Bài kệ 19

Sĩ như trung chánh
 Chí đạo bất xan
 Lợi tai tư nhân
 Tự quy Phật giả

士如中正
 志道不慳
 利哉斯人
 自歸佛者

Bậc nhân sĩ cũng như giới trung lưu, nên hết lòng đi theo chánh đạo, đừng chỉ lo bo bo giữ gìn tiền của. Những người như thế quy y theo Phật sẽ có nhiều lợi lạc.

Bài kệ 20

Minh nhân nan trị
 Diệc bất bỉ hữu
 Kỳ sở sanh xứ
 Tộc thân mông khánh

明人難值
 亦不比有
 其所生處
 族親蒙慶

Rất ít có dịp gặp được bậc minh triết, cũng rất hiếm có những địa phương có thể sản sinh ra một bậc minh triết. Khi có một người như thế ra đời thì tất cả các thân tộc đều vui sướng ăn mừng.

Bài kệ 21

Chư Phật hưng khoái
 Thuyết kinh đạo khoái
 Chúng tụ hòa khoái
 Hòa tắc thường an

諸佛興快
 說經道快
 眾聚和快
 和則常安

Hạnh phúc thay có chư Phật ra đời, hạnh phúc thay được nghe kinh pháp, hạnh phúc thay chúng tăng đang sống hòa hợp. Có sự hòa hợp thì sẽ mãi mãi có niềm an vui.



Kinh An Lạc

An Ninh Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập tam

安寧品法句經第二十三

Kinh An Lạc

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 23

Phẩm này có 14 bài kệ. An ninh ở đây là an lạc, là hạnh phúc (*sukha*). An ninh đây cũng có nghĩa là an lành. Hạnh phúc và an lành là khi ta không bị những ngọn lửa phiền não như thèm khát, hận thù, tuyệt vọng, lo lắng và sợ hãi đốt cháy. Bài kệ thứ 8 dạy ta đừng đi tìm những cái vui nhỏ mà phải đi tìm cái vui lớn : đó là cái bình an lớn của Niết Bàn, của sự dập tắt các ngọn lửa phiền não. Đó là vị ngọt của cam lộ. Hạnh phúc chân chính là được đi trên con đường chánh đạo, được thực tập giới luật, học hỏi chánh pháp (kệ 11), là được sống với người hiền (kệ 12), được gặp và nương tựa vào các bậc có đức hạnh (kệ 10).

Bài kệ 1

Ngã sanh dĩ an

我生已安

Bất uẩn ư oán

不慍於怨

Chúng nhân hữu oán

眾人有怨

Ngã hành vô oán

我行無怨

Ta sống an lành không có thù hận, người kia có thù hận nhưng ta không thù hận ai.

Bài kệ 2

Ngã sanh dĩ an	我生已安
Bất bệnh ư bệnh	不病於病
Chúng nhân hữu bệnh	眾人有病
Ngã hành vô bệnh	我行無病

Ta sống an lành không có bệnh hoạn, người kia có bệnh nhưng ta không bệnh.

Bài kệ 3

Ngã sanh dĩ an	我生已安
Bất thích ư ưu	不戚於憂
Chúng nhân hữu ưu	眾人有憂
Ngã hành vô ưu	我行無憂

Ta sống an lành không có lo lắng, người kia lo lắng nhưng ta bước đi lòng không lo lắng.

Bài kệ 4

Ngã sanh dĩ an	我生已安
Thanh tịnh vô vi	清淨無為
Dĩ lạc vi thực	以樂為食
Như Quang Âm thiên	如光音天

Ta sống an lành, thanh tịnh, vô vi, lấy niềm vui làm thức ăn, cũng như ở cõi trời Quang Âm.

Bài kệ 5

Ngã sanh dĩ an
 Đạm bạc vô sự
 Di tân quốc hỏa
 An năng thiêu ngã

我生已安
 澹泊無事
 彌薪國火
 安能燒我

Ta sống an lành, đạm bạc, hiền lành, vô sự, không có thứ lửa nào thiêu đốt được ta.

Bài kệ 6

Thắng tức sanh oán
 Phụ tức tự bỉ
 Khứ thắng phụ tâm
 Vô tranh tự an

勝則生怨
 負則自鄙
 去勝負心
 無爭自安

Thắng thì gây thù, bại thì bẽ mặt; bỏ tâm hơn thua, không còn tranh chấp nữa thì tự nhiên được an.

Bài kệ 7

Nhiệt vô quá dâm
 Độc vô quá nộ
 Khổ vô quá thân
 Lạc vô quá diệt

熱無過淫
 毒無過怒
 苦無過身
 樂無過滅

Không có gì nóng hơn dâm, không có gì độc hơn hận, không có gì khổ hơn thủ uẩn, không có gì hạnh phúc hơn Niết Bàn.

Bài kệ 8

Vô lạc tiểu lạc
 Tiểu biện tiểu tuệ
 Quán cầu đại giả
 Nãi hoạch đại an

無樂小樂
 小辯小慧
 觀求大者
 乃獲大安

Không tìm cái vui nhỏ, không bình luận về cái biết nhỏ, phải quán sát và tìm cầu cái lớn thì mới đạt tới được bình an lớn.

Bài kệ 9

Ngã vi Thế Tôn
 Trường giải vô ưu
 Chánh độ tam hữu
 Độc hàng chúng ma

我為世尊
 長解無憂
 正度三有
 獨降眾魔

Ta nhờ Thế Tôn mà hiểu thấu được vô ưu, vượt qua được tam hữu và hàng phục được chúng ma.

Bài kệ 10

Kiến Thánh nhân khoái
 Đắc y phụ khoái
 Đắc ly ngu nhân
 Vi thiện độc khoái

見聖人快
 得依附快
 得離愚人
 為善獨快

Được gặp các bậc thánh nhân là hạnh phúc, được nương tựa vào các vị ấy là hạnh phúc, không chung đụng với kẻ ngu phu là hạnh phúc, được làm việc lành là hạnh phúc.

Bài kệ 11

Thủ chánh đạo khoái	守正道快
Công thuyết Pháp khoái	工說法快
Dữ thế vô tránh	與世無諍
Giới cụ thường khoái	戒具常快

Được đi trên con đường chánh đạo là hạnh phúc, được nói (và nghe) pháp là hạnh phúc, không tranh đua với đời là hạnh phúc, được trì giới đầy đủ là hạnh phúc.

Bài kệ 12

Y hiền cư khoái	依賢居快
Như thân thân hội	如親親會
Cận nhân trí giả	近仁智者
Đa văn cao viễn	多聞高遠

Nương vào người hiền mà sống là hạnh phúc, như người thương ở với người thương, gần gũi các bậc trí và bậc nhân, ta được nghe những điều thật cao viễn.

Bài kệ 13

Thọ mạng tiên thiếu	壽命鮮少
Nhi khí thế đa	而棄世多
Học đương thủ yếu	學當取要
Lệnh chí lão an	令至老安

Đời sống thì ngắn ngủi mà kẻ làm hoang phí sự sống thì nhiều. Người tu học chỉ nên giữ lấy cái cốt yếu, để khi tuổi cao vẫn còn được an lành.

Bài kệ 14

Chư dục đắc cam lộ
 Khí dục diệt đế khoái
 Dục độ sanh tử khổ
 Đương phục cam lộ vị

諸欲得甘露
 棄欲滅諦快
 欲度生死苦
 當服甘露味

Thiếu dục thì đạt được vị ngọt của cam lộ và đạt tới hạnh phúc Niết Bàn. Nếu muốn vượt qua khổ sinh tử thì phải biết thưởng thức vị ngọt cam lộ ấy.



Kinh Luyến Ái

Những ai không chạy theo những gì hòa nhoáng bên ngoài của tham dục, những ai biết tư duy, nói năng theo chánh pháp và tâm không bị cuốn theo tham ái, những vị ấy thế nào cũng cắt ngang được dòng lũ sinh tử.

Hảo Hi Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập tứ

好喜品法句經第二十四

Kinh Luyến Ái

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 24

Phẩm này có 12 bài kệ. *Piya* là luyến ái. Luyến ái ở đây không phải là tình thương chân thật làm bằng các chất liệu từ, bi, hỷ và xả. Luyến ái ở đây là sự vướng mắc, mất tự do. Cái vướng mắc này tạo ra cái lo, cái sợ, cái ghen, cái giận ghét và cái thù hận. Cho nên bài kệ thứ 3 nói: cái thương là nguyên nhân sinh ra cái ghét. Bài kệ thứ 8 dạy ta không nên để cho cái bóng sắc bên ngoài lôi kéo. Phải tập tư duy cho chính xác, nói năng và hành động cho đúng phép thì mới cắt ngang được dòng lũ sinh tử.

Bài kệ 1

Vi đạo tắc tự thuận

Thuận đạo tắc tự vi

Xả nghĩa thủ sở hảo

Thị vi thuận ái dục

違道則自順

順道則自違

捨義取所好

是為順愛欲

Những gì ngược với đạo lý mình lại thích, những gì thuận với đạo lý thì mình lại không ưa; bỏ cái đạo nghĩa mà theo cái mình đam mê, đó gọi là đi theo ái dục.

Bài kệ 2

Bất đương thú sở ái
 Diệc mạc hữu bất ái
 Ái chi bất kiến ưu
 Bất ái kiến diệc ưu

不當趣所愛
 亦莫有不愛
 愛之不見憂
 不愛見亦憂

Đừng tìm tới cái đối tượng mình thương, đừng tìm cách xa lánh cái đối tượng mình ghét. Thương đem lại ưu phiền mà ghét cũng đem lại ưu phiền.

Bài kệ 3

Thị dĩ mạc tạo ái
 Ái tăng ác sở do
 Dĩ trừ phược kết giả
 Vô ái vô sở tăng

是以莫造愛
 愛憎惡所由
 已除縛結者
 無愛無所憎

Cho nên đừng đàn dặt luyện ái, cũng đừng đàn dặt thù ghét. Cái thương là nguyên nhân sinh ra cái ghét. Kẻ không muốn ràng buộc thì không ghét cũng không thương.

Bài kệ 4

Ái hỷ sanh ưu
 Ái hỷ sanh úy
 Vô sở ái hỷ
 Hà ưu hà úy

愛喜生憂
 愛喜生畏
 無所愛喜
 何憂何畏

Luyện ái sinh lo, luyện ái sinh sợ, không có luyện ái, thì còn lo gì sợ gì?

Bài kệ 5

Hảo lạc sanh ưu

好樂生憂

Hảo lạc sanh úy

好樂生畏

Vô sở hảo lạc

無所好樂

Hà ư hà úy

何憂何畏

Ham vui sinh lo, ham vui sinh sợ, không có ham vui, thì còn lo gì sợ gì?

Bài kệ 6

Tham dục sanh ưu

貪欲生憂

Tham dục sanh úy

貪欲生畏

Giải vô tham dục

解無貪欲

Hà ưu hà úy

何憂何畏

Tham dục sinh lo, tham dục sinh sợ, không có tham dục, thì còn lo gì sợ gì?

Bài kệ 7

Tham pháp giới thành

貪法戒成

Chí thành tri tâm

至誠知慚

Hành thân cận đạo

行身近道

Vi chúng sở ái

為眾所愛

Những kẻ ham học ham tu theo giới và pháp, đem tất cả tâm dạ chí thành để học hỏi, những kẻ ấy biết hổ thẹn là gì và cách hành xử của họ rất gần với chánh đạo, và họ được quần chúng thương mến.

Bài kệ 8

Dục thái bất xuất
 Tư chánh nãi ngữ
 Tâm vô tham ái
 Tất tiết lưu độ

欲態不出
 思正乃語
 心無貪愛
 必截流渡

Những ai không chạy theo những gì hào nhoáng bên ngoài của tham dục, những ai biết tư duy, nói năng theo chánh pháp và tâm không bị cuốn theo tham ái, những vị ấy thế nào cũng cắt ngang được dòng lũ sinh tử.

Bài kệ 9

Thí nhân cửu hành
 Tùng viễn cát hoàn
 Thân hậu phổ an
 Quy lai hoan hỉ

譬人久行
 從遠吉還
 親厚普安
 歸來歡喜

Có người đi xa lâu ngày trở về nhà được bình an, tất cả bà con quyến thuộc đều ra mừng rỡ đón chào.

Bài kệ 10

Hảo hành phước giả
 Tòng thử đáo bỉ
 Tự thọ phước tộ
 Như thân lai hỉ

好行福者
 從此到彼
 自受福祐
 如親來喜

Thì những kẻ tu tập thành công cũng thế, đi tới đâu cũng tiếp nhận ân phước, đi đến đâu cũng được mừng rỡ đón chào như một người thân nhân.

Bài kệ 11

Khởi tùng Thánh giáo	起從聖教
Cấm chế bất thiện	禁制不善
Cận đạo kiến ái	近道見愛
Ly đạo mạc thân	離道莫親

Khởi sự tu tập theo thánh giáo, tự chế ngự được bản thân, không dính vào những chuyện bất thiện, kẻ hành giả rất gần với thánh đạo và được mọi người yêu mến. Còn nếu tách xa khỏi con đường đạo thì không còn ai là người thân thích yêu mến mình nữa.

Bài kệ 12

Cận dữ bất cận	近與不近
Sở trụ giả dị	所住者異
Cận đạo thăng thiên	近道昇天
Bất cận đọa ngục	不近墮獄

Những kẻ gần gũi đạo pháp và những kẻ xa lìa đạo pháp không ở chung với nhau. Kẻ gần đạo thì đang ở thiên đường, còn kẻ xa đạo thì đang ở địa ngục.



Kinh Chế Ngự Phẫn Nộ

Chế ngự được cơn giận thì cũng như thắng được cỗ xe khi nó đang bon bon tuột dốc. Chỉ có người lái xe giỏi mới làm được như thế. Làm được như thế thì ra khỏi được vùng tăm tối và đi được vào vùng ánh sáng.

Phẫn Nộ Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập ngũ

忿怒品法句經第二十五

Kinh Chế Ngự Phẫn Nộ

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 25

Phẩm này có 26 bài kệ. Tiếng Pāli, *kodha* là sự giận dữ. Kinh này cho ta thấy nhẫn nhục là sức mạnh lớn nhất, là sự chiến thắng vinh quang nhất, là quà tặng quý nhất. Khi một chiếc xe đang bon bon tuột dốc mà người lái xe làm cho xe dừng lại được, thì đó mới là một người lái xe giỏi. Chế ngự được cơn giận cũng như thế, đó là hình ảnh trong bài kệ thứ 3.

Các bài kệ thứ 7, 12, 13, 14 và 15 cho biết cần phải duy trì chánh niệm (sự tỉnh thức) để quán sát và bảo hộ thân, miệng và ý. Làm được như thế, ta có thể nhiếp phục được tâm mình và buông bỏ được hờn giận, chế tác được năng lượng nhẫn nhục rất hùng tráng.

Cái đam mê thường đi đôi với cái sân hận, cho nên ta phải biết đối trị cái si mê cùng lúc với cái sân hận. Cái hiểu và cái thương do chánh niệm đem lại có thể làm phát sinh năng lượng nhẫn nhục. Với nhẫn nhục, ta chiến thắng được cái giận trong ta và giúp được người kia. Bị giận mà không giận

lại, đó là kẻ chiến thắng, chiến thắng bằng cái hiểu và cái thương. Cái im lặng của người chiến thắng là một thứ im lặng hào hùng. Đó là ý của hai bài kệ chót.

Bài kệ 1

Phần nộ bất kiến Pháp	忿怒不見法
Phần nộ bất tri đạo	忿怒不知道
Năng trừ phần nộ giả	能除忿怒者
Phước hi thường tùy thân	福喜常隨身

*Phần nộ thì không thấy Pháp, không biết đạo
Trừ được phần nộ thì hạnh phúc và niềm vui sẽ đi theo ta.*

Bài kệ 2

Tham dâm bất kiến Pháp	貪婬不見法
Ngu si ý diệc nhiên	愚癡意亦然
Trừ dâm khứ si giả	除婬去癡者
Kỳ phước đệ nhất tôn	其福第一尊

*Tham dục thì không thấy Pháp, si mê cũng như thế
Trừ được tham và si, đó là phước đức lớn nhất.*

Bài kệ 3

Khuể năng tự chế	恚能自制
Như chỉ bôn xa	如止奔車
Thị vi thiện ngự	是為善御
Khí minh nhập minh	棄冥入明

Chế ngự được cơn giận thì cũng như thắng lại được cỗ xe khi nó đang bôn bôn tuột dốc. Chỉ có người lái xe giỏi mới làm được như thế. Làm được như thế thì ra khỏi được vùng tăm tối và đi được vào vùng ánh sáng.

Bài kệ 4

Nhẫn nhục thắng khuất
 Thiện thắng bất thiện
 Thắng giả năng thí
 Chí thành thắng khi

忍辱勝患
 善勝不善
 勝者能施
 至誠勝欺

*Nhẫn nhục thắng được sân nhuế, cái lành thắng được cái dữ.
 Người thắng là kẻ có khả năng hiến tặng. Cái thành thật có thể
 thắng được cái lừa dối.*

Bài kệ 5

Bất khi bất nộ
 Ý bất đa cầu
 Như thị tam sự
 Tử tắc thượng thiên

不欺不怒
 意不多求
 如是三事
 死則上天

*Không lừa dối, không giận dữ, tâm ý không tham cầu. Có được ba
 cái ấy thì khi chết thế nào cũng được sinh lên các cõi trên.*

Bài kệ 6

Thường tự nhiếp thân
 Từ tâm bất sát
 Thị sanh thiên thượng
 Đáo bỉ vô ưu

常自攝身
 慈心不殺
 是生天上
 到彼無憂

*Thường tự nhiếp phục tự thân, có tâm từ bi không sát hại, thì sẽ
 được sinh lên các cõi trời và qua tới bờ vô ưu.*

Bài kệ 7

Ý thường giác ngộ
 Minh mộ cần học
 Lộ tận ý giải
 Khả trí nê hoàn

意常覺寤
 明慕勤學
 漏盡意解
 可致泥洹

Tâm ý thường tỉnh giác, mến chuộng ánh sáng, biết tinh cần tu học thì các lậu sẽ chấm dứt và đạt tới Niết Bàn.

Bài kệ 8

Nhân tướng báng hủy
 Tự cổ chí kim
 Ký hủy đa ngôn
 Hựu hủy nộ nhẫn
 Diệc hủy trung hòa
 Thế vô bất hủy

人相謗毀
 自古至今
 既毀多言
 又毀訥忍
 亦毀中和
 世無不毀

Từ xưa tới nay bao giờ cũng thế, người đời thường ưa chê trách và hủy báng nhau. Nói nhiều cũng bị chê trách, nói ít cũng bị chê trách, không nói cũng bị chê trách. Ở đời không ai là không bị chê bai.

Bài kệ 9

Dục ý phi Thánh
 Bất năng chế trung
 Nhất hủy nhất dự
 Đăn vi lợi danh

欲意非聖
 不能制中
 一毀一譽
 但為利名

Hễ còn dục ý thì chưa phải là Thánh nhân, không có khả năng tự chế ngự và cứ bị lên xuống hoặc theo lời khen chê của kẻ khác. Tất cả đều do tâm lợi danh mà sinh ra cả.

Bài kệ 10

Minh trí sở dự	明智所譽
Duy xưng thị hiền	唯稱是賢
Tuệ nhân thủ giới	慧人守戒
Vô sở ky báng	無所譏謗

Kẻ có trí tuệ thì biết giữ giới, biết ngợi khen các bậc minh triết, biết xưng tụng các bậc hiền giả, không nói những lời phi báng.

Bài kệ 11

Như La hán tịnh	如羅漢淨
Mạc nhi vu báng	莫而誣謗
Chư nhân tư ta	諸人咨嗟
Phạm Thích sở xưng	梵釋所稱

Người trong sạch như bậc A la hán, đừng nên phi báng. Chính Chư Thiên, Phạm Vương và Đế Thích cũng còn xưng tán người ấy nữa là.

Bài kệ 12

Thường thủ thận thân	常守慎身
Dĩ hộ sân khuể	以護瞋恚
Trừ thân ác hành	除身惡行
Tấn tu đức hạnh	進修德行

Phải cẩn trọng giữ gìn hình hài của mình để có thể đối phó với tâm niệm sân hận của mình. Chấm dứt các ác hành của thân thì sẽ tiến tu được về mặt đức hạnh.

Bài kệ 13

Thường thủ thận ngôn	常守慎言
Di hộ sân khuể	以護瞋恚
Trừ khẩu ác ngôn	除口惡言
Tụng tập Pháp ngôn	誦習法言

Phải thận trọng giữ gìn lời nói của mình để có thể đối phó với tâm niệm sân hận của mình, chấm dứt được những ác hành của khẩu và khi nói năng chỉ sử dụng ngôn từ chánh pháp.

Bài kệ 14

Thường thủ thận tâm	常守慎心
Di hộ sân khuể	以護瞋恚
Trừ tâm ác niệm	除心惡念
Tư tánh niệm đạo	思惟念道

Phải thận trọng giữ gìn tâm tư của mình để đối phó với tâm niệm sân hận của mình, chấm dứt được những ác niệm của tâm và thực tập tư duy, quán niệm về Đạo để.

Bài kệ 15

Tiết thân thận ngôn	節身慎言
Thủ nhiếp kỳ tâm	守攝其心
Xả khuể hành đạo	捨恚行道
Nhẫn nhục tối cường	忍辱最強

Để có khả năng chế ngự được hình hài, để biết thận trọng khi nói năng, nhiếp phục tâm mình, buông bỏ sân hận và hành đạo, thì nhẫn nhục là phương pháp hùng tráng nhất.

Bài kệ 16

Xả khuể ly mạn

捨 恚 離 慢

Tị chư ái hội

避 諸 愛 會

Bất trước danh sắc

不 著 名 色

Vô vi diệt khổ

無 為 滅 苦

Buông bỏ sân hận, lìa xa kiêu mạn, tránh xa tham ái, không vướng vào danh và vào sắc thì có thể đạt tới vô vi diệt khổ.

Bài kệ 17

Khởi nhi giải nộ

起 而 解 怒

Dâm sanh tự cấm

婬 生 自 禁

Xả bất minh kiện

捨 不 明 健

Tư giai đắc an

斯 皆 得 安

Cởi bỏ được phần nộ, chặn đường được tham dục, buông bỏ được si mê, những cái ấy đưa mình tới an ổn.

Bài kệ 18

Sân đoạn ngoạ an

瞋 斷 臥 安

Khuể diệt dâm ưu

恚 滅 婬 憂

Nộ vi độc bổn

怒 為 毒 本

Nhuyễn ý Phạm chí

軟 意 梵 志

Ngôn thiện đắc dự

言 善 得 譽

Đoạn vi vô hoạn

斷 為 無 患

Diệt trừ được sân hận sẽ có giấc ngủ an lành. Sân hận diệt trừ thì không còn lo lắng. Sân hận là gốc rễ của mọi độc hại. Người tu thì luôn mềm mỏng dễ thương. Nói lời lành thì luôn luôn được khen ngợi và sẽ không bao giờ đem lại tai họa.

Bài kệ 19

Đồng chí tướng cận
 Tường vì tác ác
 Hậu biệt dư khuể
 Hỏa tự thiêu não

同志相近
 詳為作惡
 後別餘恚
 火自燒惱

Những người cùng có chí hướng thì cảm thấy gần nhau. Họ biết rõ ràng rằng làm việc thất đức thì thế nào sau này cũng gây ra hận thù, và cái lửa hận thù đó sẽ trở lại thiêu đốt tự thân mình.

Bài kệ 20

Bất tri tầm quý
 Vô giới hữu nộ
 Vi nộ sở牽
 Bất yếm hữu vụ

不知慚愧
 無戒有怒
 為怒所牽
 不厭有務

Kẻ không biết hổ thẹn và không trì giới thì khi cơn giận nổi lên sẽ kéo họ đi theo, bị nó sai sử, như đi trong đêm mà mất cây đèn soi.

Bài kệ 21

Hữu lực cận binh
 Vô lực cận nhuyển
 Phu nhẫn vi thượng
 Nghi thường nhẫn luy

有力近兵
 無力近軟
 夫忍為上
 宜常忍羸

Có sức thì ưa sử dụng binh khí, không có sức thì cần tới sự mềm dẻo. Nhẫn nhục là trên hết, vì vậy phải học nhẫn nại.

Bài kệ 22

Cử chúng khinh chi	舉眾輕之
Hữu lực giả nhẫn	有力者忍
Phu nhẫn vi thượng	夫忍為上
Nghi thường nhẫn luy	宜常忍羸

Nâng lên một vật nặng mà vẫn thấy nhẹ, người đã có sức mạnh mà lại có nhẫn lực nữa thì thấy nhẫn nhục là không có gì cao hơn. Vì vậy, phải biết thường xuyên nhẫn nại.

Bài kệ 23

Tự ngã dữ bỉ	自我與彼
Đại úy hữu tam	大畏有三
Như tri bỉ tác	如知彼作
Nghi diệt kỷ trung	宜滅己中

Giữa ta và người kia có ba cái sợ lớn: hoặc mình, hoặc người kia, hoặc cả hai sẽ bị tổn thất bởi cái giận. Do đó, nếu ta biết được là người kia đang giận thì ta phải dập tắt cái giận trong ta. Tuy bị thiên hạ coi nhẹ, bậc có nhẫn là người có thực lực. Có nhẫn là không ai hơn được. Do đó, phải luôn luôn thực tập nhẫn hay hơn nữa để mà chiến thắng.

Bài kệ 24

Câu lưỡng hành nghĩa	俱兩行義
Ngã vi bỉ giáo	我為彼教
Như tri bỉ tác	如知彼作
Nghi diệt kỷ trung	宜滅己中

Nếu cả hai bên đều thực tập được như thế, thì là người thực tập ta giúp được người kia, nếu ta biết được người kia đang giận thì ta phải dập tắt cái giận trong ta trước đã.

Bài kệ 25

Khổ trí thắng ngu

苦智勝愚

Thô ngôn ác thuyết

麤言惡說

Dục thường thắng giả

欲常勝者

Ở ngôn nghị mặc

於言宜默

Người ngu nghĩ có thể thắng người trí bằng những lời thô ác của mình. Nếu mình muốn thắng kẻ ấy thì cách hay nhất là mình im lặng.

Bài kệ 26

Phu vi ác giả

夫為惡者

Nộ hữu nộ báo

怒有怒報

Nộ bất báo nộ

怒不報怒

Thắng bỉ đấu phụ

勝彼鬪負

Thường thì kẻ vũ phu khi bị giận thì giận trở lại. Cái giận này đem tới cái giận kia. Bị giận mà không giận lại thì mình là kẻ thắng.



Kinh Thanh Lọc Tâm Ý

Trần Cấu Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập lục

塵垢品法句經第二十六

Kinh Thanh Lọc Tâm Ý

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 26

Phẩm này có 19 bài kệ. Trần cấu ở đây là ô nhiễm, là cấu uế (*mala*). Bài kệ thứ 2 dạy ta phải tắt ngọn đèn tâm lên, nghĩa là phải học sống với chánh niệm để từ từ làm hiển lộ tuệ giác, và diệt trừ được mọi ô nhiễm của tâm ý. Cụm từ “nhiễm ý định” trong bài kệ này có nghĩa là tắt lên ngọn đuốc của tâm ý. Chữ định 定 ở đây phải hiểu là định quang 定光 hay 錠光 những từ đã từng được sử dụng để dịch từ *dipamkara*. *Dipamkara* có nghĩa là đèn hay đuốc. Quý vị hãy tắt đuốc lên mà đi, đó là một lời nói rất nổi tiếng của Phật. *Dipamkara* cũng có nghĩa là hải đảo (của tự thân). Bản Pháp cú Pāli đã được hiểu theo nghĩa này.

Lười biếng, sắc dục, xan tham, si mê, bạo động, phạm giới... đều là những gì tạo ra ô nhiễm, đó là những ngọn lửa đốt cháy rất kinh khiếp. Bài kệ thứ 17 dạy: không có lửa nào nóng bằng lửa dâm, không có lửa nào cháy nhanh bằng lửa giận, không có lưới nào sít sao bằng lưới si, và không có dòng sông nào chảy xiết bằng dòng sông ái.

Hai bài kệ 18 và 19 dạy các vị xuất gia phải nỗ lực tiến tu, đừng đi tìm những lạc thú bên ngoài. Phải thực tập hết lòng để đạt được cái thấy vô ngã.

Bài kệ 1

Sanh vô thiện hành
 Tử đạo ác đạo
 Tru tật Vô gián
 Đáo vô tư dụng

生無善行
 死墮惡道
 往疾無間
 到無資用

Còn sống đây mà không chịu làm điều lành thì sau khi chết sẽ rơi vào những nẻo ác. Rơi vào một cách nhanh chóng, không có thời gian để có thể tạm dừng lại. Và khi đã rơi vào rồi thì cũng chẳng có hành trang nào mang theo được để giúp cho mình bớt khổ.

Bài kệ 2

Đương cầu trí tuệ
 Dĩ nhiên ý định
 Khứ cầu vật ô
 Khả ly khổ hình

當求智慧
 以然意定
 去垢勿汙
 可離苦形

Phải phát tâm tìm cầu tuệ giác, phải thắp sáng ngọn đuốc của tâm ý, phải trừ khử cầu uế, đừng bị ô nhiễm, như vậy thì có thể buông bỏ được những đau khổ của hình hài.

Bài kệ 3

Tuệ nhân dĩ tiệm
 An từ sảo tiến
 Tẩy trừ tâm cấu
 Như công luyện kim

慧人以漸
 安徐稍進
 洗除心垢
 如工煉金

Người có trí tuệ biết từ từ đi tới một cách an lành, diệt trừ được những cấu uế trong tâm, như người thợ luyện kim (lọc ra ngoài những chất dơ trong quặng).

Bài kệ 4

Ác sanh ư tâm

惡生於心

Hoàn tự hoại hình

還自壞形

Như thiết sanh cấu

如鐵生垢

Phản thực kỳ thân

反食其身

Những ác hành đều phát sinh từ cái tâm, và trở lại hủy hoại cái hình, như chất rỉ của thép từ thép sinh ra trở lại ăn hư cả thỏi thép.

Bài kệ 5

Bất tụng vi ngôn cấu

不誦為言垢

Bất cần vi gia cấu

不勤為家垢

Bất nghiêm vi sắc cấu

不嚴為色垢

Phóng dật vi sự cấu

放逸為事垢

Không siêng năng tụng đọc và học hỏi kinh điển thì sẽ đi tới sự cấu uế của cách nói năng, cũng như không siêng năng dọn dẹp nhà cửa thì sẽ đi tới sự cấu uế của nhà cửa. Sắc dục đưa tới sự cấu uế của cách hành xử không đoan nghiêm. Biếng lười đưa tới cái cấu uế của sự tan tành cơ nghiệp.

Bài kệ 6

Xan vi huệ thí cấu

慳為惠施垢

Bất thiện vi hành cấu

不善為行垢

Kim thế diệc hậu thế

今世亦後世

Ác pháp vi thường cấu

惡法為常垢

Cái xan tham đem lại sự cấu uế cho ân huệ và rộng lượng. Cái bất thiện đem lại sự cấu uế cho hành vi. Đời này cũng như đời sau, cái ác nào cũng luôn luôn đem tới sự cấu uế.

Bài kệ 7

Cầu trung chi cầu
 Mạc thậm ư si
 Học đương xả ác
 Tỳ-kheo vô cầu

垢中之垢
 莫甚於癡
 學當舍惡
 比丘無垢

Cái cầu uế nhất trong các cầu uế không có gì bằng sự si mê. Vì tỳ khưu phải thực tập buông bỏ những tâm hành bất thiện để đạt tới vô cầu.

Bài kệ 8

Cầu sanh vô sỉ
 Như điều trường uế
 Cường nhan nại nhục
 Danh viết uế sanh

苟生無恥
 如鳥長喙
 強顏耐辱
 名曰穢生

Người sống cầu tha, khinh suất, không có liêm sỉ thì cũng như một con quạ mỏ dài, mổ ăn tạp nhạp, đó thật là một nếp sống cầu uế.

Bài kệ 9

Liêm sỉ tuy khổ
 Nghĩa thủ thanh bạch
 Tì nhục bất vọng
 Danh viết khiết sanh

廉恥雖苦
 義取清白
 避辱不妄
 名曰潔生

Kẻ có liêm sỉ tuy sống thanh bản nhưng nghĩa khí thanh bạch, không bao giờ chịu nhục, không bao giờ dối trá, đó gọi là một nếp sống tinh khiết.

Bài kệ 10

Ngu nhân hảo sát
 Ngôn vô thành thật
 Bất dữ nhi thủ
 Hảo phạm nhân phụ

愚人好殺
 言無誠實
 不與而取
 好犯人婦

Kẻ ngu hiếu sát, lời nói không thật, không cho mà lấy, xâm phạm vào vợ con của kẻ khác.

Bài kệ 11

Sính tâm phạm giới
 Mê hoặc ư tửu
 Tư nhân thế thế
 Tự quật thân bốn

逞心犯戒
 迷惑於酒
 斯人世世
 自掘身本

Mặc ý phạm giới, cứ mãi say sưa, những kẻ ấy đời đời kiếp kiếp tự đào gốc bản thân mình.

Bài kệ 12

Nhân như giác thị
 Bất đương niệm ác
 Ngu cận phi pháp
 Cữu tự thiêu một

人如覺是
 不當念惡
 愚近非法
 久自燒沒

Thấy được như thế người ta sẽ không còn dám nghĩ tới việc làm ác, cũng không muốn gần gũi những kẻ ngu phu mà làm điều phi pháp để tự mình đốt cháy mình một cách lâu dài.

Bài kệ 13

Nhược tín bố thí
 Dục dương danh dự
 Hội nhân hư sức
 Phi nhập tịnh định

若信佈施
 欲揚名譽
 會人虛飾
 非入淨定

Có người bố thí vì niềm tin, có người bố thí vì muốn được tiếng khen. Nếu mình còn ham tham dự vào những cái phù phiếm trang sức bên ngoài của thiên hạ thì mình vẫn chưa có cơ hội đi vào những cõi thiền định thanh tịnh.

Bài kệ 14

Nhất thiết đoạn dục
 Tiệt ý căn nguyên
 Trú dạ thủ nhất
 Tất nhập định ý

一切斷欲
 截意根原
 晝夜守一
 必入定意

Phải đoạn trừ mọi dục, phải cắt đứt gốc nguồn của dục nơi tâm ý, đêm ngày một lòng, thì mới đi vào được thiền định an tĩnh.

Bài kệ 15

Trước cấu vi trần
 Tùng nhiễm trần lậu
 Bất nhiễm bất hành
 Tịnh nhi ly ngu

著垢為塵
 從染塵漏
 不染不行
 淨而離愚

Dục là đối tượng của tâm, vướng mắc vào dục là bị nhiễm ô bởi trần lậu. Hành giả không để bị nhiễm ô, không đi theo dục, biết tịnh hóa tâm mình và lìa xa vô minh trần lậu.

Bài kệ 16

Kiến bỉ tự xâm

見彼自侵

Thường nội tự tỉnh

常內自省

Hành lậu tự khi

行漏自欺

Lậu tận vô cấu

漏盡無垢

Thấy kẻ kia sa đoạ thì mình phải thường nội tỉnh: còn đi vào trần lậu thì còn bị lừa gạt dối trá. Hết trần lậu thì mới thành vô cấu.

Bài kệ 17

Hỏa mạc nhiệt ư dâm

火莫熱於淫

Tiệp mạc tật ư nộ

捷莫疾於怒

Võng mạc mật ư si

網莫密於癡

Ái lưu sử hồ hà

愛流駛乎河

Không có lửa nào nóng bằng lửa dâm. Không có gì cháy nhanh hơn lửa nộ. Không có lưới nào sít sao bằng lưới si. Không có dòng sông nào chảy cuộn cuộn bằng dòng sông ái.

Bài kệ 18

Hư không vô triệt tích

虛空無轍迹

Sa môn vô ngoại ý

沙門無外意

Chúng nhân tận lạc ác

眾人盡樂惡

Duy Phật tịnh vô ố

唯佛淨無穢

Nếu hư không không có dấu tích thì vị sa môn cũng không hề có ý tìm cầu bên ngoài. Phần lớn người đời đều đi theo những gì trời buộc gây chướng ngại (triền sử) mà lại ưa thích làm như thế. Chỉ có đạo Phật mới chủ trương phải thanh lọc thân tâm, đừng cho

cấu uế xâm nhập.

Bài kệ 19

Hư không vô triệt tích	虛空無轍迹
Sa môn vô ngoại ý	沙門無外意
Thế gian giai vô thường	世間皆無常
Phật vô ngã sở hữu	佛無我所有

Nếu hư không không để lại dấu vết thì vị sa môn cũng không hề có ý tìm cầu bên ngoài. Phần lớn người đời đều chạy theo những cái vô thường. Chỉ có Bụt mới nói rằng không có cái ta, cũng không có cái của ta.



Kinh Phụng Trì

Người tu đích thực đang thực sự phục trì chánh pháp không hẳn là người đang nói nhiều về Phật pháp. Có thể kiến thức Phật pháp của người ấy còn ít, nhưng người ấy đang thật sự nương tựa vào chánh pháp để hành trì.

Phụng Trì Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập thất

奉持品法句經第二十七

Kinh Phụng Trì

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 27

Phẩm này có 15 bài kệ. Phụng trì có nghĩa là vâng theo lời chỉ giáo và thực tập theo những lời chỉ giáo ấy. Các bài kệ thứ 3 và thứ 4 dạy ta thực tập mà đừng ham lý luận và phô trương kiến thức, dù là kiến thức Phật học. Bài 12 dạy rằng sự im lặng chưa hẳn đã là dấu hiệu của minh triết: im lặng chỉ là cái vỏ minh triết nếu bên trong tâm ý còn có những dự tính không trong sáng. Bài 13 định nghĩa một vị Mâu ni: đạt được vô vi, tâm ý thanh khiết, không còn vướng bận, an trú Niết Bàn trong giây phút hiện tại.

Các bài 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 cho thấy thế nào là một vị xuất gia đích thực.

Bài kệ 1

Hảo kinh đạo giả

好經道者

Bất cạnh ư lợi

不競於利

Hữu lợi vô lợi

有利無利

Vô dục bất hoặc

無欲不惑

Người ưa thích học kinh và hành đạo thì không ham tranh đua về mặt lợi lộc. Dù những cái kia có lợi hay không có lợi thì mình cũng không ham muốn chạy theo, không bị mê hoặc bởi chúng.

Bài kệ 2

Thường mẫn hảo học	常 愍 好 學
Chánh tâm dĩ hành	正 心 以 行
Ứng hoài bảo tuệ	擁 懷 寶 慧
Thị vị vi đạo	是 謂 為 道

Thường có tâm lân mẫn, ưa tu tập học hỏi, đem tâm chính trực của mình để hành trì, ôm ấp chí nguyện đạt tới kho tàng quý báu của tuệ giác, như thế mới gọi là kẻ hành đạo chân chính.

Bài kệ 3

Sở vị trí giả	所 謂 智 者
Bất tất biện ngôn	不 必 辯 言
Vô khủng vô懼	無 恐 無 懼
Thủ thiện vi trí	守 善 為 智

Người có trí không phải là người ưa biện luận. Không hề sợ hãi, luôn luôn biết bảo hộ cái thiện, đó mới là người trí.

Bài kệ 4

Phụng trì Pháp giả	奉 持 法 者
Bất dĩ đa ngôn	不 以 多 言
Tuy tố thiểu văn	雖 素 少 聞
Thân y Pháp hành	身 依 法 行

Người tu đích thực đang thực sự phụng trì chánh pháp không hẳn là người đang nói nhiều về Phật pháp. Có thể kiến thức Phật pháp của người ấy còn ít, nhưng người ấy đang thực sự nương

tựa vào chánh pháp để hành trì.

Bài kệ 5

Thủ đạo bất kị	守道不忌
Khả vị phụng Pháp	可謂奉法
Sở vị lão giả	所謂老者
Bất tất niên kì	不必年耆
Hình thực phát bạch	形熟髮白
Xuẩn ngu nhi dĩ	憊愚而已

Không xao lãng công phu tu tập mới là người phụng trì chánh pháp. Không phải do sống lâu mà người ta trở thành một vị trưởng lão trong Phật pháp. Tuy có hình tướng thân già tóc bạc, nhưng người ấy không phải là một vị đạo cao đức trọng, mà vẫn chỉ là một kẻ ngu phu.

Bài kệ 6

Vị hoài để Pháp	謂懷諦法
Thuận điều từ nhân	順調慈仁
Minh viễn thanh khiết	明遠清潔
Thị vi Trưởng lão	是為長老

Ôm được chánh pháp vào lòng, tu tập theo nếp sống nhân từ, người có đạo hạnh chiếu sáng và thấy xa, nếp sống thanh khiết, mới có thể được gọi là một vị thượng tọa, đại đức hay trưởng lão.

Bài kệ 7

Sở vị đoan chánh	所謂端政
Phi sắc như hoa	非色如花
Xan tật hư sức	慳嫉虛飾
Ngôn hành hữu vi	言行有違

Như một bông hoa chỉ có sắc không hương, xan lẩn, tật đố, chỉ có giả trang hình tướng bên ngoài, lời nói và hành động đi ngược lại với nhau thì chưa có thể gọi là một người thực sự đoan chính.

Bài kệ 8

Vị năng xả ác	謂能捨惡
Căn nguyên dĩ đoạn	根原已斷
Tuệ nhi vô khuể	慧而無患
Thị vị đoan chánh	是謂端政
Sở vị Sa môn	所謂沙門
Phi tất trừ phát	非必除髮
Vọng ngữ tham thủ	妄語貪取
Hữu dục như phàm	有欲如凡

Buông bỏ được tà hạnh, cắt đứt được gốc rễ của ác, có tuệ giác, không còn sân nhuế, đó mới thực sự là người đoan chính. Một người cạo tóc mà còn vọng ngữ, tham đắm, chấp thủ, có nhiều tham dục như một kẻ phàm tục, thì không phải là một vị Sa môn đích thực.

Bài kệ 9

Vị năng chỉ ác	謂能止惡
Khôi khuếch hoàng đạo	恢廓弘道
Tức tâm diệt ý	息心滅意
Thị vị Sa môn	是為沙門

Chấm dứt được những hành động sai trái, làm sống dậy và quảng bá được chánh pháp, làm lắng dịu nội tâm và diệt trừ được mọi tà ý, đó mới thật là một vị Sa môn.

Bài kệ 10

Sở vị Tỳ-kheo
Phi thời khát thực
Tà hành dâm bĩ
Xưng danh nhi dĩ

所謂比丘
非時乞食
邪行婬彼
稱名而已

Là một vị Tỳ khưu mà đi khát thực phi thời, mà vẫn còn tà hạnh và vọng ngữ thì chỉ là một vị Tỳ khưu hữu danh vô thực.

Bài kệ 11

Vị xả tội phước
Tĩnh tu phạm hạnh
Tuệ năng phá ác
Thị vị Tỳ-kheo

謂捨罪福
淨修梵行
慧能破惡
是為比丘

Buông bỏ được ý niệm về tội phước, tu tập thanh tịnh theo nếp sống phạm hạnh, tuệ giác đủ lớn để phá trừ được mọi ác kiến, đó mới đích thực là một vị Tỳ-khưu.

Bài kệ 12

Sở vị nhân minh
Phi khẩu bất ngôn
Dụng tâm bất tịnh
Ngoại thuận nhi dĩ

所謂仁明
非口不言
用心不淨
外順而已

Nhà minh triết không phải là một kẻ chỉ biết im lặng không nói, trong khi đó thì tâm mình vẫn còn có những chủ ý không sạch. Im lặng như thế chỉ là cái vỏ bề ngoài.

Bài kệ 13

Vị tâm vô vi	謂心無為
Nội hành thanh hư	內行清虛
Thử bỉ tịch diệt	此彼寂滅
Thị vi nhân minh	是為仁明

Nội tâm thực sự đã đạt tới vô vi, thanh khiết, không còn vướng bận gì, biết an trú Niết Bàn, đó mới thật là một bậc Mâu ni.

Bài kệ 14

Sở vị hữu đạo	所謂有道
Phi cứu nhất vật	非救一物
Phổ tế thiên hạ	普濟天下
Vô hại vi đạo	無害為道

Không phải chỉ biết lo cứu độ cho một người, mà biết lo cứu độ cho tất cả mọi loài trong thiên hạ, không bao giờ làm tổn hại đến ai, đó mới thật là một bậc đạo hạnh.

Bài kệ 15

Giới chúng bất ngôn	戒眾不言
Ngã hành đa thành	我行多誠
Đắc định ý giả	得定意者
Yếu do bế tổn	要由閉損
Ý giải cầu an	意解求安
Mạc tập phạm nhân	莫習凡人
Sử kết vị tận	使結未盡
Mạc năng đắc thoát	莫能得脫

Dù có giữ giới, có thực tập tịnh khẩu, dù có thành khẩn tu tập, đạt được các định nhưng vẫn còn giữ thái độ cầu an, vẫn còn có

nhu yếu khép kín, sợ tổn hại đến mình, vẫn còn giữ tập khí của người đời, thì kẻ ấy vẫn không thể nói là đã đạt tới giải thoát thật sự.



Kinh Con Đường

Không có con đường đưa tới hạnh phúc. Hạnh phúc chính là con đường. Không có con đường đưa tới niết bàn. Niết Bàn chính là con đường.

Đạo Hành Phẩm Pháp Cú Kinh đệ nhị thập bát
道行品法句經第二十八

Kinh Con Đường

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 28

Phẩm này có 28 bài kệ. Đạo ở đây là đường đạo (*magga*). Bài kệ thứ nhất nói ngay rằng Bát chánh đạo là con đường tối thượng và Tứ đế là dấu ấn của chánh pháp. Đã được đi trên con đường này thì mình không còn lý do gì phải e ngại và sợ hãi nữa. Đó là nội dung bài thứ 2. Ở Làng Mai ai cũng biết câu: “Đã có đường đi rồi, con không còn lo sợ.” Câu này được trích từ “Bài tụng hạnh phúc” trong sách *Nhật Tụng Thiên Môn*.

Bài thứ 7 nhắc rằng chánh niệm là trái tim của sự thực tập. Có chánh niệm thì tà niệm được nhận diện, không còn phát khởi. Chánh niệm thành công sẽ đem tới sự thành công của 7 chi phần khác trong Bát chánh đạo.

Bài 17 dạy rằng sự nghiệp lớn lao nhất là trí tuệ. Đây cũng là một trong tám điều mà các bậc giác ngộ đã đạt tới trong kinh Bát Đại Nhân Giác (Duy tuệ thị nghiệp: sự nghiệp duy nhất là trí tuệ). Các bài 19, 20 và 21 nói tới ba pháp ấn là khổ, không và vô ngã. Bài thứ 23 nhắc lại câu nói của Bụt vào giờ phút thành đạo: người xây cất nhà tù cho ta không còn.

Ba phép quán niệm nói tới trong bài kệ thứ 26 có thể là ba phép quán niệm về vô thường, không và vô ngã; cũng có thể là ba phép tùy niệm: niệm Bụt, niệm Pháp và niệm Tăng. Bài thứ 28 nói tiếp về phép tùy niệm thứ tư là niệm Giới. Ba định nói trong bài kệ thứ 27 có thể là không, vô tướng và vô tác, còn gọi là ba cánh cửa giải thoát. Ba chữ *hành vô lượng* có thể là hành trì bốn vô lượng tâm tức là từ, bi, hỷ và xả; cũng có thể có nghĩa là đạt tới chỗ cao nhất của chứng ngộ. Câu “đắc tam tam quật trừ” trong nguyên văn có thể được hiểu là đạt tới ba định ấy thì giải thoát được ba cõi dục, sắc và vô sắc; hoặc thoát được ba con đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Chữ khuất hay quật (tam khuất) có nghĩa là hang động.

Bài kệ 1

Bát trực tối thượng đạo	八直最上道
Tứ đế vi Pháp tích	四諦為法迹
Bất dâm hành chi tôn	不婬行之尊
Thí đăng tất đắc nhãn	施燈必得眼

Bát chánh là con đường tối thượng. Tứ đế là dấu tích của Pháp. Nếp sống tịnh hạnh là đáng tôn kính nhất. Cúng dường đèn thì sẽ được pháp nhãn (có ánh sáng).

Bài kệ 2

Thị đạo vô phục úy	是道無復畏
Kiến tịnh nãi độ thế	見淨乃度世
Thử năng hoại ma binh	此能壞魔兵
Lực hành diệt tà khổ	力行滅邪苦

Được đi trên con đường này rồi thì không còn phải lo sợ nữa. Được thanh tịnh hóa rồi thì mới có thể độ đời. Đạo pháp này có

thể đánh bại ma quân, tận lực hành trì theo đây thì sẽ diệt được mọi tà khổ.

Bài kệ 3

Ngã dĩ khai chánh đạo	我已開正道
Vĩ đại hiện dị minh	為大現異明
Dĩ văn đương tự hành	已聞當自行
Hành nãi giải tà phược	行乃解邪縛

Ta đã mở được con đường chánh đạo. Đó là một sự biểu hiện vĩ đại, sáng chói dị thường. Đã có cơ duyên nghe được thì phải tự mình hành trì, hành trì thì cởi bỏ được những dây ràng buộc tà quấy.

Bài kệ 4

Sanh tử phi thường khổ	生死非常苦
Năng quán kiến vi tuệ	能觀見為慧
Dục ly nhất thiết khổ	欲離一切苦
Hành đạo nhất thiết trừ	行道一切除

Sinh tử là cái khổ phi thường, có khả năng quán chiếu và thấy được thì đạt được tuệ giác. Nếu muốn lìa bỏ tất cả các khổ đau thì phải chuyên cần hành đạo.

Bài kệ 5

Sanh tử phi thường không	生死非常空
Năng quán kiến vi tuệ	能觀見為慧
Dục ly nhất thiết khổ	欲離一切苦
Đãn đương cần hành đạo	但當勤行道

Sinh tử là cái không phi thường, có khả năng quán chiếu và thấy được thì đạt tới tuệ giác. Nếu muốn lìa bỏ tất cả các khổ đau thì

phải chuyên cần hành đạo.

Bài kệ 6

Khởi thời đương tức khởi	起時當即起
Mạc như ngu phú uyên	莫如愚覆淵
Dữ đọa dữ chiêm tụ	與墮與瞻聚
Kế bãi bất tiến đạo	計罷不進道

Tới giờ thức dậy thì phải dậy, đừng như bọn ngu phu cứ muốn che lấp vực sâu, sống đời sa đọa không có dũng khí; sợ mệt thì không thể đi tới được trên con đường đạo.

Bài kệ 7

Niệm ưng niệm tắc chánh	念應念則正
Niệm bất ưng tức tà	念不應則邪
Tuệ nhi bất khởi tà	慧而不起邪
Tư chánh đạo nãi thành	思正道乃成

Khi nhớ nghĩ thì phải sử dụng chánh niệm, không thể là tà niệm. Có tuệ thì tà niệm không khởi, không có chánh niệm thì tà niệm mới khởi. Phải thực tập tư duy về (bát) chánh đạo thì mới thành tựu được (công phu).

Bài kệ 8

Thận ngôn thủ ý niệm	慎言守意念
Thân bất thiện bất hành	身不善不行
Như thị tam hành trừ	如是三行除
Phật thuyết thị đắc đạo	佛說是得道

Nói năng phải thận trọng, giữ ý cho chánh niệm, cái gì bất thiện thì thân mình không làm, như vậy ba nghiệp được thanh trừ. Bụt

nói, nếu được như thế là ta đã nắm được đạo lý.

Bài kệ 9

Đoạn thọ vô phật bốn	斷樹無伐本
Căn tại do phục sanh	根在猶復生
Trừ căn nãi vô thọ	除根乃無樹
Tỳ-kheo đắc nê hoàn	比丘得泥洹

Chặt cây không bứng gốc, rễ lại mọc thành cây, bứng gốc mới hết cây, do đó vị Tỳ-kheo chứng đắc được Niết Bàn.

Bài kệ 10

Bất năng đoạn thọ	不能斷樹
Thân thích tướng luyến	親戚相戀
Tham ý tự phược	貪意自縛
Như độc mộ nhũ	如犢慕乳

Nếu không đốn được cây (ái dục), nếu vẫn còn vướng bận trong lòng luyến ái thân thuộc, nếu còn tự trói mình bằng dục ý thì cũng vẫn như một con bê con suốt ngày quanh quẩn bên vú mẹ.

Bài kệ 11

Năng đoạn ý bốn	能斷意本
Sanh tử vô cường	生死無彊
Thị vi cận đạo	是為近道
Tật đắc nê hoàn	疾得泥洹

Có khả năng cắt đứt được gốc (của dục ý) thì lãnh thổ của sinh tử không còn. Sự thực tập này đưa mình tới gần đạo, chứng đạt Niết Bàn.

Bài kệ 12

Tham dâm trí lão
 Sân khuể trí bệnh
 Ngu si trí tử
 Trừ tam đắc đạo

貪婬致老
 瞋恚致病
 愚癡致死
 除三得道

Tham dục đem tới cái già, sân nhuế đem tới cái bệnh, si mê đem tới cái chết; trừ diệt được ba cái ấy thì đắc đạo.

Bài kệ 13

Thích tiên giải hậu
 Thoát trung độ bỉ
 Nhất thiết niệm diệt
 Vô phục lão tử

釋前解後
 脫中度彼
 一切念滅
 無復老死

Chú thích xong mới nên bình giảng, tự độ thoát rồi mới độ thoát cho người khác; một khi tất cả các (tà) niệm đều đã diệt trừ thì không còn lão tử nữa.

Bài kệ 14

Nhân doanh thê tử
 Bất quán bệnh pháp
 Tử mạng tốt chí
 Như thủy thoan sậu

人營妻子
 不觀病法
 死命卒至
 如水湍驟

Con người bận lo âu việc vợ con, không có thời giờ quán chiếu pháp môn điều trị bệnh (khổ), khi cái chết đến thì cũng giống như nước lụt, nó cuốn trôi đi tất cả một cách mau chóng.

Bài kệ 15

Phụ tử bất cứu
 Dư thân hà vọng
 Mạng tận hốt thân
 Như manh thủ đăng

父子不救
 餘親何望
 命盡怙親
 如盲守燈

Cha con mà còn không cứu được nhau thì làm sao cứu được thân tộc? Khi mạng hết, cầu cứu và đến nương tựa vào một người thân để khỏi chết thì cũng như một người mù đang cầm đèn.

Bài kệ 16

Tuệ giải thị ý
 Khả tu kinh giới
 Cần hành độ thế
 Nhất thiết trừ khổ

慧解是意
 可修經戒
 勤行度世
 一切除苦

Tâm ý biết đi theo tuệ giải, có khả năng tu tập, biết đọc kinh, trì giới, siêng năng tu học và độ đời thì ai cũng có thể diệt trừ được khổ đau.

Bài kệ 17

Viễn ly chư uyên
 Như phong khước vân
 Dĩ diệt tư tưởng
 Thị vi tri kiến

遠離諸淵
 如風却雲
 已滅思想
 是為知見

Xa lìa các dòng lũ lụt, như gió thổi tan mây, biết diệt trừ các vọng tưởng thì sẽ đạt tới tri kiến chân chính.

Bài kệ 18

Trí vi thể trường
 Đàm lạc vô vi
 Tri thọ chánh giáo
 Sanh tử đắc tận

智為世長
 憒樂無為
 知受正教
 生死得盡

Xem trí tuệ là sự nghiệp quan trọng nhất trong đời, biết thờ ơ với dục lạc, biết thực tập vô vi, biết tiếp nhận chánh giáo thì có thể chấm dứt được sinh tử.

Bài kệ 19

Tri chúng hành không
 Thị vi tuệ kiến
 Bã yếm thế khổ
 Tòng thị đạo trừ

知眾行空
 是為慧見
 罷厭世苦
 從是道除

Biết được các hành là không, đó là tuệ giác, biết nhàm chán khổ đau của cuộc đời thì sẽ tìm ra được con đường diệt trừ đau khổ.

Bài kệ 20

Tri chúng hành khổ
 Thị vi tuệ kiến
 Bã yếm thế khổ
 Tòng thị đạo trừ

知眾行苦
 是為慧見
 罷厭世苦
 從是道除

Biết được các hành là khổ, đó là tuệ kiến, có tâm ý chấm dứt khổ đau trong cuộc đời thì sẽ tìm ra được con đường diệt trừ đau khổ.

Bài kệ 21

Chúng hành phi thân
 Thị vi tuệ kiến
 Bải yếm thế khổ
 Tùng thị đạo trừ

眾行非身
 是為慧見
 罷厭世苦
 從是道除

Biết được các hành là vô ngã (phi thân), đó là tuệ giác, có tâm ý chấm dứt đau khổ trong cuộc đời thì sẽ tìm ra được con đường diệt trừ đau khổ.

Bài kệ 22

Ngô ngữ như Pháp
 Ái tiến vi xạ
 Nghi dĩ tự húc
 Thọ Như Lai ngôn

吾語汝法
 愛箭為射
 宜以自勗
 受如來言

Tôi nói cho quý vị nghe về các phép tu ấy để quý vị có thể sử dụng mà bắn rơi mũi tên ái dục. Các vị nên tự mình khích lệ và tiếp nhận lời dạy ấy của Như Lai.

Bài kệ 23

Ngô vi đô dĩ diệt
 Vãng lai sanh tử tận
 Phi nhất tình dĩ giải
 Sở diễn vi đạo nhãn

吾為都以滅
 往來生死盡
 非一情以解
 所演為道眼

Người xây cất nhà tù cho ta không còn. Chuyện qua lại trong cõi sinh tử do đó cũng đã chấm dứt. Không có sợi dây ràng buộc nào mà chưa được mở ra. Những gì được diễn bày ra đều phát xuất từ con mắt đạo.

Bài kệ 24

Sử lưu chú vu hải	駛流澍于海
Phan thủy dạt tạt mãn	潘水漾疾滿
Cố vi trí giả thuyết	故為智者說
Khả thú phục cam lộ	可趣服甘露

Sông chảy ra biển, các dòng nước đã đầy, giáo pháp này đã vì các bậc trí giả mà được nói lên, (ai tiếp nhận được) sẽ có khả năng nếm được vị cam lộ.

Bài kệ 25

Tiền vị văn Pháp luân	前未聞法輪
Chuyển vì ai chúng sanh	轉為哀眾生
Ưu thị phụng sự giả	於是奉事者
Lễ chi độ tam hữu	禮之度三有

Trước chưa từng được nghe ai chuyển pháp luân. Sở dĩ có chuyển cũng vì thương chúng sinh, những ai biết nghe theo thì có thể vượt được tam hữu.

Bài kệ 26

Tam niệm khả niệm thiện	三念可念善
Tam diệc nan bất thiện	三亦難不善
Tùng niệm nhi hữu hành	從念而有行
Diệt chi vi chánh đoạn	滅之為正斷

Nếu thực tập được ba phép niệm thì rất tốt, bởi vì ba phép này có thể giúp ta thoát khỏi con đường bất thiện. Từ niệm mà có hành, chấm dứt được cái bất thiện là Niết Bàn chân chính.

Bài kệ 27

Tam định vi chuyển niệm
 Khí y hành vô lượng
 Đắc tam tam quật trừ
 Giải kết khả ứng niệm

三 定 為 轉 念
 棄 猗 行 無 量
 得 三 三 窟 除
 解 結 可 應 念

Tam định là để chuyển niệm, buông bỏ cái rườm rà bên ngoài để thực hành vô lượng tâm (dũng mãnh đạt tới đạo vô thượng). Ba định trừ diệt được ba cõi, muốn cõi bỏ nội kết phải thực tập (ba định) này.

Bài kệ 28

Tri dĩ giới cấm ác
 Tư tánh tuệ lạc niệm
 Dĩ tri thế thành bại
 Tức ý nhất thiết giải

知 以 戒 禁 惡
 思 惟 慧 樂 念
 已 知 世 成 敗
 息 意 一 切 解

Biết sử dụng giới luật để ngăn cản tội lỗi, biết tư duy thiền tập để đạt tới an lạc, trí tuệ và chánh niệm. Đã biết được bản chất của cái thành bại trong cuộc đời, dừng được sự rong ruổi của tâm ý thì tất cả mọi hệ lụy đều được giải thoát.



Kinh Tuyệt Trên Đỉnh Núi

Gần đạo thì danh dự hiển bày như tuyết trên đỉnh núi cao, xa đạo thì ám muội như mũi tên bắn đi trong đêm tối.

Quảng Diễn Phẩm Pháp Cú Kinh
đệ nhị thập cửu chương
 廣衍品法句經第二十九

Kinh Tuyệt Trên Đỉnh Núi

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 29

Phẩm này có 14 bài kệ. Quảng diễn, có nghĩa là diễn bày cho rộng rãi hơn. Phẩm này bổ túc cho phẩm đi trước. Những bài kệ trong phẩm này nói tới năm căn và năm lực: tín (13), tấn (4), niệm (8, 9), định (9) và tuệ (5 và 6). Bài kệ thứ 7 là một bài thơ có hình ảnh rất đẹp: gần đạo thì danh dự hiển bày như tuyết trên đỉnh núi cao, xa đạo thì ám muội như mũi tên bắn đi trong đêm tối.

Bài kệ 1

Thí an tuy tiểu

施安雖小

Kỳ báo di đại

其報彌大

Tuệ tùng tiểu thí

慧從小施

Thọ kiến cảnh phước

受見景福

Hiển tặng sự bình an, dù cho rất ít, cũng đem lại phước báo lớn lao. Hiển tặng tuệ giác, dù cho rất ít, quả phúc nhận được cũng rất lớn lao.

Bài kệ 2

Thí lao ư nhân
 Nhi dục vọng hữu
 Ương cữu quy thân
 Tự cấu quang oán

施勞於人
 而欲望祐
 殃咎歸身
 自遘廣怨

Trong khi làm cho kẻ khác lao đao mà lại mong cầu mình có được sự bảo hộ phò trợ thì tai ương sẽ trở lại với mình và mình sẽ gặp thù oán lớn.

Bài kệ 3

Dĩ vi đa sự
 Phi sự diệc tạo
 Kĩ nhạc phóng dật
 Ác tập nhật tăng

已為多事
 非事亦造
 伎樂放逸
 惡習日增

Đã làm quá nhiều việc trong đó có những việc không đáng làm, lười biếng chỉ lo nghe nhạc và chơi bời thì thói xấu càng ngày càng tăng trưởng.

Bài kệ 4

Tinh tấn duy hành
 Tập thị xả phi
 Tu thân tự giác
 Thị vi chánh tập

精進惟行
 習是捨非
 修身自覺
 是為正習

Biết hành trì tinh tấn, tập làm những điều nên làm và không làm nữa những điều không nên làm, thực tập phép niệm thân mới được gọi là sự thực tập chính đáng.

Bài kệ 5

Ký tự giải tuệ	既自解慧
Hựu đa học vấn	又多學問
Tiệm tiến phổ quảng	漸進普廣
Du tô đầu thủy	油酥投水

Đã biết tự mình thực tập để nuôi lớn tuệ giác, lại còn biết học hỏi cho nhiều thì nhân cách của mình càng ngày càng lớn lao, càng rộng rãi, như dầu loang đi vào trong nước.

Bài kệ 6

Tự vô tuệ ý	自無慧意
Bất hảo học vấn	不好學問
Ngưng súc hiệp tiểu	凝縮狹小
Lạc tô đầu thủy	酪酥投水

Tâm đã không có tuệ mà còn làm biếng học hỏi nữa thì nhân cách mình càng ngày càng ngưng đọng và co rút lại như cục bơ bỏ vào trong nước.

Bài kệ 7

Cận đạo danh hiển	近道名顯
Như cao sơn tuyết	如高山雪
Viễn đạo ám muội	遠道闇昧
Như dạ phát tiến	如夜發箭

Gần đạo thì danh dự hiển bày như tuyết trên đỉnh núi cao, xa đạo thì ám muội như mũi tên bắn đi trong đêm tối.

Bài kệ 8

Vi Phật đệ tử	為佛弟子
Thường ngụ tự giác	常寤自覺
Trú dạ niệm Phật	晝夜念佛
Duy Pháp tư chúng	惟法思眾

Là đệ tử Phật, phải thường tỉnh thức, đêm ngày niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tăng.

Bài kệ 9

Vi Phật đệ tử	為佛弟子
Đương ngụ tự giác	當寤自覺
Nhật mộ tư thiền	日暮思禪
Lạc quán nhất tâm	樂觀一心

Là đệ tử Phật, phải thường tỉnh thức, sớm chiều tu tập thiền quán, thực tập nhất tâm an trú, có hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại.

Bài kệ 10

Nhân đương hữu niệm ý	人當有念意
Mỗi thực tri tự thiếu	每食知自少
Tắc thị thống dục bạc	則是痛欲薄
Tiết tiêu nhi bảo thọ	節消而保壽

Người nào có thực tập chánh niệm thì mỗi khi ăn biết ăn ít lại. Người ấy sẽ ít khổ đau vì ham muốn, biết tiêu thụ có chừng mực và bảo trì được tuổi thọ.

Bài kệ 11

Học nan xả tội nan
 Cư tại gia diệc nan
 Hội chỉ đồng lợi nan
 Nan nan vô quá hữu

學難捨罪難
 居在家亦難
 會止同利難
 難難無過有

Tu học là chuyện khó, buông bỏ tội chương là chuyện khó, sống đời tại gia là khó và cùng hưởng lợi lộc chung cũng khó; nhưng cái khó nhất trong tất cả các cái khó là đừng tiếp tục gây ra lầm lỗi nữa.

Bài kệ 12

Tỳ-kheo khát cầu nan
 Hà khả bất tự miễn
 Tinh tấn đắc tự nhiên
 Hậu vô dục ư nhân

比丘乞求難
 何可不自勉
 精進得自然
 後無欲於人

Vị Tỳ-kheo phải đi xin xỏ người ta là một chuyện khó. Tại sao không tự mình cố gắng, tinh tiến và tự tại để sau này sẽ không cần cầu cạnh ai?

Bài kệ 13

Hữu tín tắc giới thành
 Tùng giới đa trí bảo
 Diệc tùng đắc hài ngẫu
 Tại sở kiến cúng dường

有信則戒成
 從戒多致寶
 亦從得諧偶
 在所見供養

Có niềm tin thì giới pháp sẽ thành tựu. Hành trì giới pháp sẽ làm phát sinh ra những châu báu quý giá nhất và cũng sẽ có những cuộc gặp gỡ tốt đẹp. Ngay tại nơi mình ở, mình không cần phải lo lắng về việc cúng dường.

Bài kệ 14

Nhất tọa nhất xứ ngoại
 Nhất hành vô phóng tứ
 Thủ nhất dĩ chánh thân
 Tâm lạc cư thọ gian

一坐一處臥
 一行無放恣
 守一以正身
 心樂居樹間

*Một mình ngồi, một mình nằm, một mình đi, không buông lung,
 một mình điều phục tự thân, vị Tỳ-khưu tìm được cái an lạc
 trong cảnh núi rừng.*



Kinh Địa Ngục

Địa ngục có mặt ngay trong hiện tại, nếu mình phạm giới, nếu mình làm chứng nhân gian dối, nếu mình gây ra oan ức cho người vô tội.

Địa Ngục Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập

地獄品法句經第三十

Kinh Địa Ngục

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 30

Phẩm này có 16 bài kệ. Các bài kệ 2, 3, 6, 7 và 8 đặc biệt nói tới sự hành trì của người xuất gia, là những tiếng chuông chánh niệm gióng lên cho người xuất gia. Những bài khác là để răn dạy cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Địa ngục có mặt ngay trong hiện tại, nếu mình phạm giới, nếu mình làm chứng nhân gian dối, nếu mình gây ra oan ức cho người vô tội. Bốn bài kệ chốt đưa ra những tiêu chuẩn hành động chính xác để đừng tạo nhân địa ngục.

Bài thứ 8 nêu lên phương châm thật đơn giản: những gì thường nhật cần làm thì phải nên làm và làm hết lòng. Nên tránh xa những tập tục dị đoan, đừng học thói quen tung lên bụi mờ.

Bài kệ 1

Vọng ngữ địa ngục cận
Tác chi ngôn bất tác
Nhị tội hậu câu thọ
Thị hành tự khiên vãng

妄語地獄近
作之言不作
二罪後俱受
是行自牽往

Nói dối sẽ đi vào địa ngục. Có làm mà nói không làm, cả hai tội ấy đều sẽ đưa tới sự tiếp nhận quả báo. Tự mình gây nghiệp, nghiệp kéo mình đi.

Bài kệ 2

Pháp y tại kỳ thân	法衣在其身
Vi ác bất tự cấm	為惡不自禁
Cầu một ác hành giả	苟沒惡行者
Chung tắc đọa địa ngục	終則墮地獄

Pháp y còn khoác trên thân mà cứ tiếp tục làm điều ác, không biết tự chế, khinh suất, tự đánh mất mình trong hành động xấu, cuối cùng vị Tỳ-khưu sẽ phải rơi vào địa ngục.

Bài kệ 3

Vô giới thọ cúng dường	無戒受供養
Lý khởi bất tự tổn	理豈不自損
Tử đạh thiêu thiết hoàn	死噉燒鐵丸
Nhiên nhiệt kịch hỏa thán	然熱劇火炭

Phạm giới mà vẫn tiếp nhận sự cúng dường thì làm sao mà tránh khỏi sự tổn hại của phước đức tự thân? Chết đi sẽ phải nuốt viên sắt nóng và hình hài sẽ bị lửa đốt cháy thành than.

Bài kệ 4

Phóng dật hữu tứ sự	放逸有四事
Hảo phạm tha nhân phụ	好犯他人婦
Ngọa hiểm phi phước lợi	臥險非福利
Hủy tam dâm dật tứ	毀三淫佚四

Phóng túng và có ý muốn xâm phạm đến tiết hạnh của người sẽ đưa tới bốn tai hại: thứ nhất là gặp tai họa, thứ hai là đánh mất

tất cả mọi phúc lợi, thứ ba là bị chê bai, thứ tư là trở nên dâm dật.

Bài kệ 5

Bất phúc lợi đọa ác	不福利墮惡
Úy ác úy lạc quả	畏惡畏樂寡
Vương pháp trọng phạt gia	王法重罰加
Thân tử nhập địa ngục	身死入地獄

Những kẻ ấy đánh mất phúc đức, đi về nẻo tối tăm, sợ hãi, mất an vui, bị pháp luật trừng phạt và khi chết sẽ đọa xuống địa ngục.

Bài kệ 6

Thí như bạt gian thảo	譬如拔菅草
Chấp hoãn tức thương thủ	執緩則傷手
Học giới bất cấm chế	學戒不禁制
Ngục lục nãi tự tặc	獄錄乃自賊

Nắm quá chặt một nắm cỏ Kusa thì sẽ bị đứt tay, kẻ thọ giới rồi mà không hành trì giới thì thế nào cũng tự làm hại mình, sổ sách địa ngục thế nào cũng có ghi chép những gì mình đã phạm.

Bài kệ 7

Nhân hành vi mạn nọa	人行為慢惰
Bất năng trừ chúng lao	不能除眾勞
Phạm hạnh hữu điểm khuyết	梵行有玷缺
Chung bất thọ đại phúc	終不受大福

Hành đạo mà kiêu mạn và lười biếng thì không có khả năng diệt trừ được trần lao. Đời sống phạm hạnh mà bị hoen ố thì cuối cùng người hành đạo cũng không đạt được hạnh phúc lớn.

Bài kệ 8

Thường hành sở đương hành	常行所當行
Tự tri tất lệnh cường	自持必令強
Viễn ly chư ngoại đạo	遠離諸外道
Mạc tập vi trần cấu	莫習為塵垢

Những gì thường nhật cần làm thì phải nên làm và phải làm với tất cả khả năng mình. Nên tránh xa những tập tục dị đoan, đừng học thói quen tung lên bụi mờ.

Bài kệ 9

Vi sở bất đương vi	為所不當為
Nhiên hậu trí uất độc	然後致鬱毒
Hành thiện thường cát thuận	行善常吉順
Sở thích vô hối hận	所適無悔悵

Làm những việc không nên làm thì sau này sẽ gánh chịu nhiều độc hại. Làm điều lành thì đem tới nhiều điều may mắn và thuận lợi, sau đó cảm thấy thoải mái và sẽ không bao giờ hối hận.

Bài kệ 10

Kỳ ư chúng ác hành	其於眾惡行
Dục tác nhược dĩ tác	欲作若已作
Thị khổ bất khả giải	是苦不可解
Tội cận nan đắc tị	罪近難得避

Những hành vi sai trái mà mình định làm hoặc đã làm, các khổ đau do chúng gây ra khó mà giải trừ được. Khi quả báo đến thì khó mà tránh thoát.

Bài kệ 11

Vọng chứng cầu bại
 Hành dĩ bất chánh
 Oán trảm lương nhân
 Dĩ uổng trị sĩ
 Tội phục tư nhân
 Tự đầu vu khanh
 Như bị biên thành
 Trung ngoại lao cố

妄證求敗
 行已不正
 怨譖良人
 以枉治士
 罪縛斯人
 自投于坑
 如備邊城
 中外牢固

Làm chứng nhân gian dối để cho kẻ khác bị hại, làm những việc bất chánh, gây ra oan ức cho người vô tội, dùng những biện pháp không ngay thẳng để hại người, những việc làm như thế sẽ trói buộc mình và làm cho mình rơi xuống hầm hố của địa ngục.

Bài kệ 12

Tự thủ kỳ tâm
 Phi pháp bất sanh
 Hành khuyết trí ưu
 Lệnh đọa địa ngục

自守其心
 非法不生
 行缺致憂
 令墮地獄

Như kẻ cố thủ thành quách ở biên ải, trong ngoài đều phải kiên cố, ta phải giữ gìn tâm ta để cho những việc phi pháp đừng có dịp phát sinh. Bởi vì mọi sơ sót đều có thể đem tới lo âu và làm cho mình rơi vào địa ngục.

Bài kệ 13

Khả tu bất tu
 Phi tu phản tu
 Sanh vi tà kiến
 Tử đọa địa ngục

可羞不羞
 非羞反羞
 生為邪見
 死墮地獄

Cái sai lạc mà nói không sai lạc, cái không sai lạc mà nói là sai lạc, lúc sống cứ mang tà kiến này thì khi chết sẽ sa vào địa ngục.

Bài kệ 14

Khả úy bất úy	可畏不畏
Phi úy phản úy	非畏反畏
Tín hướng tà kiến	信向邪見
Tử đọa địa ngục	死墮地獄

Cái đáng sợ mà không sợ, cái không đáng sợ mà sợ, tin tưởng vào cái thấy sai lạc ấy thì khi chết sẽ sa vào địa ngục.

Bài kệ 15

Khả tị bất tị	可避不避
Khả tựu bất tựu	可就不就
Ngoạn tập tà kiến	翫習邪見
Tử đọa địa ngục	死墮地獄

Cái đáng trách mà không chịu trách, cái không đáng trách mà cứ trách, cứ theo cái thói quen ấy thì khi chết sẽ sa vào địa ngục.

Bài kệ 16

Khả cận tắc cận	可近則近
Khả viễn tắc viễn	可遠則遠
Hằng thủ chánh kiến	恒守正見
Tử đọa thiên đạo	死墮善道

Cái đáng thân cận thì nên thân cận, cái cần lánh xa thì nên lánh xa, thường xuyên duy trì chánh kiến thì khi chết sẽ đi về nẻo an lành.



Kinh Điều Phục Chính Mình

*Là người tu phải như voi ra trận, không sợ trúng tên.
Đã có chí nguyện và đức tin thì không còn e ngại
những khó khăn trên con đường học đạo.*

Tượng Dụ Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập nhất

象喻品法句經第三十一十有八章

Kinh Điều Phục Chính Mình

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 31

Phẩm này có 18 bài kệ. Tượng là con voi. Voi và ngựa là những loài có thể được huấn luyện để phục vụ cho con người. Có những con voi rất giỏi và có những con ngựa rất giỏi, có thể ra trận, có thể chiến thắng, có thể giúp con người làm được những gì con người không làm nổi. Bài kệ thứ nhất nói rằng, là người tu ta phải như voi ra trận, không sợ trúng tên. Đã có chí nguyện và đức tin thì không còn e ngại những khó khăn trên con đường học đạo. Bài kệ thứ hai dạy ta là muốn trở thành pháp khí thì phải đi qua một quá trình luyện tập, như những con voi đã được huấn luyện thành thực mồi để cho vua cỡi lên. Bài thứ ba lại nói: những con voi con ngựa đã được điều phục ấy dù có hay có giỏi mấy cũng không so sánh được với cái hay cái giỏi của người điều phục được chính mình. Bài thứ 14 cho ta thấy rằng trong quá trình tu tập, ta chế tác được nhiều hạnh phúc để nuôi dưỡng ta. Bài thứ 17 dạy rằng chính nhờ cái hạnh phúc ấy mà hành giả thực tập thành công các thiền định. Tu thiền là hạnh phúc chứ không phải là khổ hạnh. Đó là ý chỉ của hai chữ *thiền duyệt*.

Bài kệ 1

Ngã như tượng đấu
 Bất khùng trung tiến
 Thường dĩ thành tín
 Độ vô giới nhân

我如象鬪
 不恐中箭
 常以誠信
 度無戒人

Là người tu, ta phải như voi ra trận, không sợ súng tên. Phải biết sử dụng tâm thành và đức tin để độ cho được những người không biết hành trì giới luật.

Bài kệ 2

Thí tượng điều chánh
 Khả trung vương thừa
 Điều vi tôn nhân
 Nãi thọ thành tín

譬象調正
 可中王乘
 調為尊人
 乃受誠信

Những con voi đã được huấn luyện thuần thục mới để cho vua cưỡi lên. Những ai có trải qua sự luyện tập mới thành được bậc tôn quý, mới trở nên đối tượng của tâm thành và đức tin.

Bài kệ 3

Tuy vi thường điều
 Như bỉ tân tri
 Diệc tối thiện tượng
 Bất như tự điều

雖為常調
 如彼新馳
 亦最善象
 不如自調

Những con ngựa và những con voi kia tuy đã được huấn luyện thật hay, thật giỏi, nhưng những cái hay, cái giỏi ấy cũng không sánh được bằng cái hay, cái giỏi có được khi mình tự điều phục được chính mình.

Bài kệ 4

Bỉ bất năng thích

彼不能適

Nhân sở bất chí

人所不至

Duy tự điều giả

唯自調者

Năng đáo điều phương

能到調方

Những phương tiện chuyên chở kia dù có hay giỏi cách mấy cũng không đưa mình tới được nơi mình muốn tới. Chỉ khi nào mình tự điều phục được mình thì mình mới có thể tới được nơi ấy.

Bài kệ 5

Như tượng danh tài thủ

如象名財守

Mãnh hại nan cấm chế

猛害難禁制

Hệ bán bất dữ thực

繫絆不與食

Nhi do bạo dật tượng

而猶暴逸象

Con voi Dhanapalaka khi phát dục, trở nên hung hăng không thể kiềm chế, dù bị trói lại, dù bị bỏ đói.

Bài kệ 6

Một tại ác hành giả

沒在惡行者

Hằng dĩ tham tự hệ

恒以貪自繫

Kỳ tượng bất tri yếm

其象不知厭

Cố số nhập bào thai

故數入胞胎

Những kẻ tự đánh mất mình trong hành động xấu ác là do họ lấy sợ dấy tham dục mà tự trói lấy mình, cũng như con voi hoang hung hăng không biết dừng lại, do đó cứ tiếp tục đi vào sinh tử.

Bài kệ 7

Bản ý vi thuần hành	本意為純行
Cập thường hành sở an	及常行所安
Tất xả hàng phục kết	悉捨降伏結
Như câu chế tượng điều	如鉤制象調

Bản nguyện của ta là thực tập cho thuần thực, để có được sự an ổn bất cứ nơi nào ta tới, vì vậy ta phải buông bỏ tất cả những thói hư tật xấu, hàng phục các kết sử như người luyện voi sử dụng móc và xích để điều phục con voi.

Bài kệ 8

Lạc đạo bất phóng dật	樂道不放逸
Năng thường tự hộ tâm	能常自護心
Thị vi bạt thân khổ	是為拔身苦
Như tượng xuất vu thao	如象出于埒

Có niềm vui trong đời sống tu tập, không phóng dật, thường xuyên bảo hộ tâm ý mình thì có thể nhổ được mọi gốc rễ của khổ đau bản thân, như con voi ra khỏi hố sinh lũy.

Bài kệ 9

Nhược đắc hiền năng bạn	若得賢能伴
Câu hành hành thiện hân	俱行行善懃
Năng phục chư sở văn	能伏諸所聞
Chí đáo bất thất ý	至到不失意

Nếu may mắn có được một bậc hiền nhân làm bạn thì hãy cùng với người ấy dũng mãnh đi trên con đường hành trì tốt đẹp, để có thể nắm vững được tất cả những điều mình có cơ duyên học hỏi và để tâm ý đạt tới được trạng thái không còn thất niệm.

Bài kệ 10

Bất đắc hiền năng bạn	不得賢能伴
Câu hành hành ác hãn	俱行行惡悍
Quảng đoạn vương ấp lý	廣斷王邑里
Ninh độc bất vi ác	寧獨不為惡

Nếu không đủ may mắn có được một bậc hiền nhân làm bạn thì không nên làm bạn với kẻ xấu để sự hành trì càng lúc càng trở nên tồi tệ. Thà rằng ở một mình để đừng đi vào con đường xấu, như một ông vua mất nước cần bỏ thành trì của mình mà ra đi.

Bài kệ 11

Ninh độc hành vi thiện	寧獨行為善
Bất dữ ngu vi lũ	不與愚為侶
Độc nhi bất vi ác	獨而不為惡
Như tượng kinh tự hộ	如象驚自護

Thà sống một mình để có thể tiếp tục đi trên con đường lành hơn là có bạn đồng hành không tốt, như con voi trong cơn nguy biến biết sống một mình trong rừng để tự bảo hộ lấy mình.

Bài kệ 12

Sanh nhi hữu lợi an	生而有利安
Bạn nhuyễn hòa vi an	伴軟和為安
Mạng tận vi phước an	命盡為福安
Chúng ác bất phạm an	眾惡不犯安

Sống có ích cho đời là hạnh phúc, có bạn hiền là hạnh phúc, được làm chuyện phúc thiện cho đến cuối đời là hạnh phúc, không bao giờ bị buộc phải làm chuyện ác đức là hạnh phúc.

Bài kệ 13

Nhân gia hữu mẫu lạc
 Hữu phụ tư diệc lạc
 Thế hữu sa môn lạc
 Thiên hạ hữu đạo lạc

人家有母樂
 有父斯亦樂
 世有沙門樂
 天下有道樂

Được chăm sóc mẹ là hạnh phúc, được phục vụ cho cha là hạnh phúc, được cúng dường cho các bậc sa môn là hạnh phúc, được chia sẻ sự thực tập đạo lý giải thoát với người trong xã hội là hạnh phúc.

Bài kệ 14

Trì giới chung lão an
 Tín chánh sở chánh thiện
 Trí tuệ tối an thân
 Bất phạm ác tối an

持戒終老安
 信正所正善
 智慧最安身
 不犯惡最安

Được hành trì giới luật suốt đời là hạnh phúc, được có niềm tin và đi trên con đường chánh là hạnh phúc, đạt được trí tuệ để sống an ổn là hạnh phúc, không bị ép buộc phải làm điều tàn ác là hạnh phúc.

Bài kệ 15

Như mã điều nhuyển
 Tùy ý sở như
 Tín giới tinh tấn
 Định pháp yếu cụ

如馬調軟
 隨意所如
 信戒精進
 定法要具

Như con ngựa đã được điều phục thuần thục, biết ý của chủ, người hành giả có đủ các pháp như niềm tin, giới luật, tinh tiến và thiền định.

Bài kệ 16

Minh hạnh thành lập
 Nhẫn hòa ý định
 Thị đoạn chư khổ
 Tùy ý sở như

明行成立
 忍和意定
 是斷諸苦
 隨意所如

Đã có đủ cái hiểu, cái hành, cái kiên nhẫn, cái an hòa và cái định tâm thì hành giả sẽ đoạn diệt được mọi khổ đau và thành thoi tùy ý rong chơi.

Bài kệ 17

Tùng thị vãng định
 Như mã điều ngự
 Đoạn khuể vô lậu
 Thị thọ thiên lạc

從是往定
 如馬調御
 斷患無漏
 是受天樂

Nhờ hạnh phúc đó mà hành giả đi tới và thành tựu được các thiền định, như con ngựa đã thuần, diệt trừ được sân hận, đạt tới vô lậu và hưởng thụ được niềm vui của các cõi trời.

Bài kệ 18

Bất tự phóng tứ
 Tùng thị đa ngụ
 Luy mã bỉ lương
 Khí ác vi hiền

不自放恣
 從是多寤
 羸馬比良
 棄惡為賢

Nhờ không lười biếng mà hành giả đạt được giác ngộ, như con ngựa giỏi, lìa bỏ được phiền não, trở nên bậc hiền nhân.



Kinh Chiếu Lưới Ái Ân

Tâm ái dục là một dòng chảy thường xuôi theo dòng tập khí và dòng kiêu nạn. Tự nhốt mình trong sắc dục thì cũng như con tằm kéo chiếc kén tự mình giam hãm lấy mình.

Ái dục phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập nhị

愛欲品法句經第三十二

Kinh chiếu lưới ái ân

Dịch từ Kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 32

*Vì gì chút phận bèo mây,
Làm cho biến ái khi đầy khi vơi.*

Nguyễn Du (Truyện Kiều)

Một bao máu máu mủ, bao năm khổ luyện ân tình!

Vua Trần Thái Tông (Khóa Hư Lục)

Ái ân lưới nọ giang tay xé.

Nhất Hạnh (Kệ truyền đăng)

Bài kệ 1

Tâm phóng tại dâm hành

心放在姪行

Dục ái tăng chi điều

欲愛增枝條

Phân bố sanh sí thịnh

分布生熾盛

Siêu dục tham quả hầu

超躍貪果猴

Tâm ý đi về hướng ái dục thì cây ái dục sẽ đâm chồi trở nhánh rất mau. Tâm ý phân tán vì đối tượng ái dục sẽ làm cho lửa ái dục bùng cháy trong ta. Kẻ đi tìm ái dục cũng giống như một con vượn chuyền cành tìm trái, từ cành này sang cành khác.

Bài kệ 2

Dĩ vi ái nhẫn khổ
 Tham dục trước thế gian
 Ưu hoạn nhật dạ trường
 Diên như mạn thảo sanh

以為愛忍苦
 貪欲著世間
 憂患日夜長
 莚如蔓草生

Ái dục buộc mình phải gánh chịu khổ đau, ái dục làm cho mình bị vướng mắc vào cuộc sống trần tục. Những lo lắng và hoạn nạn do ái dục đem tới cứ tăng trưởng đêm ngày, mọc kín như cỏ tranh.

Bài kệ 3

Nhân vi ân ái hoặc
 Bất năng xả tình dục
 Như thị ưu ái đa
 Sàn sàn doanh vu trì

人為恩愛惑
 不能捨情欲
 如是憂愛多
 潺潺盈于池

Bị ái ân mê hoặc người ta sớm muộn gì cũng bị vướng vào dục tình. Cái lo lắng kia càng ngày càng lớn giống như dòng nước rỉ, rỉ mãi cũng đầy hồ.

Bài kệ 4

Phù sở dĩ ưu bi
 Thế gian khổ phi nhất
 Đăn vi duyên ái hữu
 Ly ái tắc vô ưu

夫所以憂悲
 世間苦非一
 但為緣愛有
 離愛則無憂

Ở đời có nhiều thứ lo lắng và đau buồn, nhưng không có thứ lo buồn nào lớn hơn cái lo buồn do ái dục đem lại. Buông bỏ được ái dục mới hết lo buồn.

Bài kệ 5

Dĩ ý an khi ưu	己意安棄憂
Vô ái hà hữu thế	無愛何有世
Bất ưu bất nhiễm cầu	不憂不染求
Bất ái yên đắc an	不愛焉得安

Muốn tâm ý được an vui thì phải quyết tâm vứt bỏ ái ân. Không ân ái thì không đi vòng quanh trong cõi luân hồi, không còn phải mang nặng ưu tư, không còn thấp thỏm mong cầu những gì ô nhiễm, không còn ái nhiễm thì sẽ được thật sự an vui.

Bài kệ 6

Hữu ưu dĩ tử thời	有憂以死時
Vì trí thân chúc đa	為致親屬多
Thiếp ưu chi trường đồ	涉憂之長塗
Ái khổ thường đọa nguy	愛苦常墮危

Án ái thâm trọng thì đến giờ lâm chung bao quanh bởi những người thân thuộc sẽ thấy con đường của lo lắng và sầu khổ dài như thế nào. Cái khổ do ân ái gây nên thường đưa ta tới những hoàn cảnh không an toàn, đầy tai ách.

Bài kệ 7

Vi đạo hành giả	為道行者
Bất dữ dục hội	不與欲會
Tiên tru ái bản	先誅愛本
Vô sở thực căn	無所植根
Vật như ngải vi	勿如刈葦
Lệnh tâm phục sanh	令心復生

Là người tu đạo, ta không nên đi về hướng ái dục, phải bắt đầu

bằng cách tìm diệt tận gốc cái cây ái dục để cho những cái rễ của nó không còn có thể đâm chồi lên được. Đừng làm như cắt cỏ lau để sau khi được cắt rồi lau lại mọc lên như cũ.

Bài kệ 8

Như thọ căn thâm cố	如樹根深固
Tuy tài do phục sinh	雖裁猶復生
Ái ý bất tận trừ	愛意不盡除
Triếp đương hoàn thọ khổ	輒當還受苦

Gốc cây ái dục sâu và vững, tuy cây đã bị đốn nhưng các cành lá vẫn có thể sinh ra trở lại. Tâm ái dục chưa dứt trừ thì theo lẽ thường cái khổ do ái dục đem tới vẫn còn trở lại như thường.

Bài kệ 9

Viên hâu đắc ly thọ	猿猴得離樹
Đắc thoát phục thú thọ	得脫復趣樹
Chúng nhân diệc như thị	眾人亦如是
Xuất ngục phục nhập ngục	出獄復入獄

Như con vượn nhảy ra khỏi cây này thì lại nhảy vào cây khác, người đời cũng thế, ra khỏi được ngục tù ái dục này rồi lại lao vào ngục tù ái dục khác.

Bài kệ 10

Tham ý vi thường lưu	貪意為常流
Tập dữ kiêu mạn tinh	習與憍慢并
Tư tưởng ý dâm dục	思想猗姪欲
Tự phú vô sở kiến	自覆無所見

Tâm ái dục là một dòng chảy thường xuôi theo dòng tập khí và

dòng kiêu mạn. Những trông cầu và nhận thức của ta đều có thể được tô điểm theo màu sắc ái dục và do đó chính mình tự che lấp sự thật và không thấy được sự thật.

Bài kệ 11

Nhất thiết ý lưu diễn	一切意流衍
Ái kết như cát đằng	愛結如葛藤
Duy tuệ phân biệt kiến	唯慧分別見
Năng đoạn ý căn nguyên	能斷意根原

Dòng tâm ý tham dục ấy cứ mặc tình trôi chảy khiến cho những nút thắt ái dục đan kết lại với nhau chằng chịt. Chỉ có tuệ giác chân thật mới có thể có khả năng phân biệt và thấy rõ điều này, giúp ta đoạn trừ được căn nguyên của nó nơi tâm ý.

Bài kệ 12

Phù tùng ái nhuận trạch	夫從愛潤澤
Tư tưởng vi tư mạn	思想為滋蔓
Ái dục thâm vô để	愛欲深無底
Lão tử thị dụng tăng	老死是用增

Dòng suối ái dục thấm vào tư duy, mong cầu và nhận thức để lớn mạnh và quấn vào nhau. Nguồn suối ái dục sâu không đáy kia làm cho cái già và cái chết tăng trưởng một cách rất là mau chóng.

Bài kệ 13

Sở sinh chi bất tuyệt	所生枝不絕
Đăn dụng thực tham dục	但用食貪欲
Dưỡng oán ích khư trung	養怨益丘塚
Ngũ nhân thường cấp cấp	愚人常汲汲

Những cành nhánh của cây ái dục cứ tiếp tục sinh trưởng không ngừng nghỉ cũng bởi vì chúng được nuôi dưỡng bằng thực phẩm ái dục. Thực phẩm này nuôi dưỡng oán hận, un thành từng gò từng đống, người thiếu trí tuệ thì cứ miệt mài đi về hướng ấy.

Bài kệ 14

Tuy ngục hữu câu diệp	雖獄有鉤鑠
Tuệ nhân bất vị lao	慧人不謂牢
Ngu kiến thê tử tức	愚見妻子息
Nhiễm trước ái thậm lao	染著愛甚牢

Trong ngục thất có gông có cùm. Nhưng người có trí tuệ không thấy những dụng cụ này là thứ gông cùm vững chắc nhất. Cái loại gông cùm ái nhiễm cột người ta vào hệ lụy mới là loại gông cùm kiên cố.

Bài kệ 15

Tuệ thuyết ái vi ngục	慧說愛為獄
Thâm cố nan đắc xuất	深固難得出
Thị cố đương đoạn khí	是故當斷棄
Bất thị dục năng an	不視欲能安

Người có trí tuệ thấy ái dục là một ngục tù kiên cố khó thoát ra khỏi. Người ấy biết rõ rằng, phải đoạn trừ ái dục thì mới thật sự được an vui.

Bài kệ 16

Kiến sắc tâm mê hoặc
 Bất duy quán vô thường
 Ngủ dĩ vi mỹ thiện
 An tri kỳ phi chân

見色心迷惑
 不惟觀無常
 愚以為美善
 安知其非真

Thấy sắc mà bị mê hoặc, đó là vì không biết quán vô thường. Kẻ mê tưởng rằng cái sắc ấy là một cái gì lành và đẹp, không biết rằng cái bóng dáng bên ngoài kia không chứa đựng được một cái gì bền bỉ và chắc thật bên trong nó.

Bài kệ 17

Di dâm lạc tự lý
 Thí như tầm tác kiến
 Trí giả năng đoạn khí
 Bất hể trừ chúng khổ

以婬樂自裹
 譬如蠶作繭
 智者能斷棄
 不盼除眾苦

Tự nhốt mình trong sắc dục thì cũng như con tằm kéo chiếc kén tự mình giam hãm lấy mình. Bậc trí giả có khả năng đoạn trừ và buông bỏ dục tưởng, không thiết tha gì đến cái đối tượng ái dục cho nên mới tránh thoát khỏi mọi khổ nạn.

Bài kệ 18

Tâm niệm phóng dật giả
 Kiến dâm dĩ vi tịnh
 Ân ái ý thịnh tăng
 Tùg thị tạo ngục lao

心念放逸者
 見婬以為淨
 恩愛意盛增
 從是造獄牢

Kẻ có tâm ý phóng dật khi nhìn vào một đối tượng ái dục thì có thể cho đó là một cái gì tinh khiết, không biết rằng sự tăng trưởng lớn mạnh của ái ân sẽ đem tới bao nhiêu hệ lụy, tù ngục kiên cố sau này.

Bài kệ 19

Giác ý diệt dâm già	覺意滅婬者
Thường niệm dục bất tịnh	常念欲不淨
Tùng thị xuất tà ngục	從是出邪獄
Năng đoạn lão tử hoạn	能斷老死患

Những ai thực tập chánh niệm sẽ có khả năng thấy được rằng cái đối tượng ái dục kia là bất tịnh, do đó diệt trừ được dục ý, ra khỏi ngục tù và thoát khỏi tai nạn già và chết.

Bài kệ 20–21

Dĩ dục võng tự tế	以欲網自蔽
Dĩ ái cái tự phủ	以愛蓋自覆
Tự tứ phược ư ngục	自恣縛於獄
Như ngư nhập cú khẩu	如魚入筍口
Vì lão tử sở tứ	為老死所伺
Nhược độc cầu mẫu nhũ	若犢求母乳
Ly dục diệt ái tích	離欲滅愛迹
Xuất võng vô sở tệ	出網無所弊

Tự cuốn lấy mình trong chiếc lưới ái dục, tự che mình bằng chiếc dù ái dục là tự trời mình trong vòng hệ lụy như con cá tự chui vào trong một chiếc nơm, bị cái già và cái chết bắt theo và luẩn quẩn bên cạnh đối tượng ấy như một con bê đi tìm vú mẹ. Là bỏ được dục, không đi theo vết xe của ái thì có thể vượt thoát ra ngoài chiếc lưới ái ân, không còn bị bắt cứ một cái gì làm hại mình nữa.

Bài kệ 22

Tận đạo trừ ngục phược
 Nhất thiết thử bỉ giải
 Dĩ đắc độ biên hành
 Thị vi đại trí sĩ

盡道除獄縛
 一切此彼解
 已得度邊行
 是為大智士

Đi trọn được con đường, cởi bỏ được mọi ràng buộc hệ lụy, giải phóng được mọi phân biệt kỳ thị, vượt qua được các ý niệm lưỡng nguyên, đó mới thật là bậc xuất sĩ đại trí.

Bài kệ 23

Vật thân viển pháp nhân
 Diệc vật vi ái nhiễm
 Bất đoạn tam thế giả
 Hội phục đọa biên hành

勿親遠法人
 亦勿為愛染
 不斷三世者
 會復墮邊行

Đừng thân cận với những kẻ đi ngược chánh pháp, cũng đừng để bị lôi kéo theo con đường ái nhiễm. Nếu chưa vượt thoát được thời gian thì hành giả vẫn còn bị kẹt vào cái thấy nhị nguyên.

Bài kệ 24

Nhược giác nhất thiết pháp
 Năng bất trước chư pháp
 Nhất thiết ái ý giải
 Thị vi thông thánh ý

若覺一切法
 能不著諸法
 一切愛意解
 是為通聖意

Thấy và hiểu được tự tánh các pháp, không còn bị vướng vào một pháp nào, biết cách gỡ ra mọi sợi dây ái dục trong tâm ý, như thế là đã nắm được ý chỉ của Bụt.

Bài kệ 25

Chúng thí Kinh thí thắng
 Chúng vị Đạo vị thắng
 Chúng lạc Pháp lạc thắng
 Ái tận thắng chúng khổ

眾施經施勝
 眾味道味勝
 眾樂法樂勝
 愛盡勝眾苦

Trong các thứ hiến tặng, hiến tặng chánh pháp là quý hơn cả. Trong các mùi hương, hương đạo đức là thơm tho hơn hết. Trong các thứ hạnh phúc, hạnh phúc được sống trong chánh pháp là hạnh phúc lớn nhất. Không có phương pháp nào chiến thắng được khổ đau một cách tận cùng bằng sự thực tập dứt trừ ái dục.

Bài kệ 26-27

Ngu dĩ tham tự phược
 Bất cầu độ bỉ ngạn
 Ái dục ý vi điền
 Dâm oán si vi chủng
 Tham vi bại xứ cố
 Hại nhân diệc tự hại
 Cố thí độ thế giả
 Đắc phước vô hữu lượng

愚以貪自縛
 不求度彼岸
 愛欲意為田
 姪怨癡為種
 貪為敗處故
 害人亦自害
 故施度世者
 得福無有量

Người u mê thường lấy sợi dây tham dục để tự trói mình, người ấy chưa có ước mong vượt sang bờ bên kia. Tâm tham dục là ruộng đất, tham sân si là hạt giống. Cái tham dục đó gây bại hoại cho mình và cho người khác. Trái lại, đối với người có khả năng bố thí và độ đời thì những phước đức thu hoạch được không thể đo lường.

Bài kệ 28

Bạn thiếu nhi hóa đa	伴少而貨多
Thương nhân truật dịch cụ	商人怵惕懼
Thị dục tặc hại mạng	嗜欲賊害命
Cố tuệ bất tham dục	故慧不貪欲

Người đồng hành thì ít, hàng hóa chuyên chở thì nhiều, kẻ thương nhân lâm vào trạng thái lo lắng, kinh sợ. Biết rằng cái đam mê dục lạc là tên giặc có thể làm tổn hại thân mạng của mình, bậc trí giả không còn chạy theo tham dục.

Bài kệ 29

Tâm khả tắc vi dục	心可則為欲
Hà tất độc ngũ dục	何必獨五欲
Vi khả tuyệt ngũ dục	違可絕五欲
Thị nãi vi dũng sĩ	是乃為勇士

Năm thứ tham dục phát sinh khi tâm mình cảm thấy có sự khả ý. Phải mau chóng chấm dứt cả năm thứ tham dục, đó mới thật là người dũng sĩ.

Bài kệ 30

Vô dục vô hữu úy	無欲無有畏
Diễm đam vô ưu hoạn	恬憚無憂患
Dục trừ sử kết giải	欲除使結解
Thị vi trường xuất uyên	是為長出淵

Hết tham dục thì không còn sợ hãi, lúc ấy ta mới được thanh thoi an lạc. Dục hết thì kết sử cũng hết, do đó hành giả ra khỏi được vực sâu.

Bài kệ 31

Dục ngã tri như bốn

欲我知汝本

Ý dĩ tư tưởng sanh

意以思想生

Ngã bất tư tưởng như

我不思想汝

Tắc như nhi bất hữu

則汝而不有

Nầy ái dục ta ơi, ta biết gốc gác của mi rồi! Dục ý là từ ước muốn và nhận thức sai lầm mà phát khởi. Nay ta không còn ước muốn và nhận thức sai lầm về mi thì làm sao mi còn có thể phát sinh.

Bài kệ 32

Phạt thọ hốt hưu

伐樹忽休

Thọ sanh chư ác

樹生諸惡

Đoạn thọ tận chu

斷樹盡株

Tỳ-kheo diệt độ

比丘滅度

Đốn cây ái dục mà không đốn tận gốc thì cây ái dục sẽ mọc trở lại. Đốn cây ái dục mà tận gốc thì vị xuất sĩ đạt tới Niết Bàn.

Bài kệ 33

Phu bất phạt thọ

夫不伐樹

Thiếu đa dư thân

少多餘親

Tâm hệ ư thử

心繫於此

Như độc cầu mẫu

如懷求母

Nếu không chịu chặt cây ái dục thì cành lá ái dục ít nhiều sẽ còn phát sinh. Tâm còn vướng vào ái dục thì người vẫn còn như một con bê, luôn luôn cần đến vú mẹ.



Kinh Lợi Dưỡng

Dù trời có rơi mưa thất bảo xuống thì cái ham muốn của con người cũng không thỏa mãn. Cái vui ít mà cái khổ thì nhiều, biết được như thế thì có thể trở thành bậc hiền nhân.

Lợi Dưỡng Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập tam

利養品法句經第三十三

Kinh Lợi Dưỡng

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 33

Phẩm này có 20 bài kệ. Phẩm này không có trong bản Pháp Cú tiếng Pāli. Trong Xuất Diệu Kinh (Đại Chánh 212), phẩm này là phẩm thứ 14, và trong Pháp Tập Yếu Tụng Kinh (Đại Chánh 213) phẩm này là phẩm thứ 13.

Lợi dưỡng ở đây là sự hưởng thụ tiện nghi. Người tu phải để hết thì giờ và tâm lực để tìm cầu giải thoát, chứ không phải để chạy theo lợi dưỡng. Hai mươi bài kệ trong kinh này là hai mươi tiếng chuông chánh niệm cho người xuất gia. Bài kệ thứ 20 dạy: thà nuốt viên sắt cháy, thà uống nước đồng sôi, còn hơn là phá giới mà cứ tiếp tục tiếp nhận của tín thí cúng dường. Tăng đoàn xuất gia phải được tổ chức và giáo hóa cho hết lòng và khéo léo mới tránh được sự hư hỏng của người xuất gia, dù lớn tuổi hay còn nhỏ tuổi

Bài kệ 1

Ba tiêu dĩ thật tử
 Trúc lô thật diệc nhiên
 Cự lư tọa nhâm tử
 Sĩ dĩ tham tự tang

芭蕉以實死
 竹蘆實亦然
 詎驢坐妊死
 士以貪自喪

Cây chuối có hoa có trái rồi chết, cây tre và cây lau có hoa rồi cũng chết, con lừa có thai cũng chết. Con người vì tham lam cũng tự chôn mình.

Bài kệ 2

Như thị tham vô lợi
 Đương tri tùng si sanh
 Ngu vi thử hại hiền
 Thủ lãnh phần vu địa

如是貪無利
 當知從癡生
 愚為此害賢
 首領分于地

Tham như vậy là thực sự không có lợi ích. Cái tham do cái si sinh ra. Người u mê vì tham lam mà đang tâm làm hại người hiền. Cả đến các vị thủ lĩnh cũng đã phải rơi rụng như thế.

Bài kệ 3

Thiên vũ thất bảo
 Dục do vô yếm
 Lạc thiếu khổ đa
 Giác giả vi hiền

天雨七寶
 欲猶無厭
 樂少苦多
 覺者為賢

Dù trời có rơi mưa thất bảo xuống thì cái ham muốn của con người cũng không thỏa mãn. Cái vui ít mà cái khổ thì nhiều, biết được như thế thì có thể trở thành bậc hiền nhân.

Bài kệ 4

Tuy hữu thiên dục
 Tuệ xả vô tham
 Lạc ly ân ái
 Vi Phật đệ tử

雖有天欲
 慧捨無貪
 樂離恩愛
 為佛弟子

Tuy có những cõi trời ở dục giới, nhưng người có trí tuệ vẫn biết buông bỏ mà không ham sinh lên. Biết vui cái vui của sự xa lìa ân ái, đó mới là đệ tử của Phật.

Bài kệ 5

Viễn đạo thuận tà
 Tham dưỡng Tỳ-kheo
 Chỉ hữu san ý
 Dĩ cung bỉ tính

遠道順邪
 貪養比丘
 止有慳意
 以供彼姓

Đi theo hướng tà, tham đắm lợi dưỡng, chỉ có ý mong cầu được người ta cúng dường cho mình, vị Tỳ-kheo dần dần bỏ xa con đường đạo.

Bài kệ 6

Vật y thử dưỡng
 Vi gia xả tội
 Thử phi chí ý
 Dụng dụng hà ích

勿猗此養
 為家捨罪
 此非至意
 用用何益

Đừng vì phẩm vật cúng dường mà làm lễ cầu an xả tội cho người tại gia. Làm như thế không đúng đạo pháp và không đem lại lợi ích nào cho cả hai phía.

Bài kệ 7

Ngu vi ngu kế

愚為愚計

Dục mạn dụng tăng

欲慢用增

Dị tai thất lợi

異哉失利

Nê hoàn bất đồng

泥洹不同

Những kẻ si mê thì tính toán một cách u mê, do đó cái tham dục và cái kiêu mạn càng ngày càng tăng. Tính toán như vậy thì thật là lạ quá, bởi vì làm như thế thì lợi ích chân thực cũng không đạt được mà Niết Bàn cũng trở nên xa vời.

Bài kệ 8-9

Đế tri thị giả

諦知是者

Tỳ-kheo Phật tử

比丘佛子

Bất lạc lợi dưỡng

不樂利養

Nhàn cư khước ý

閑居却意

Tự đắc bất thị

自得不恃

Bất tòng tha vọng

不從他望

Vọng bỉ Tỳ-kheo

望彼比丘

Bất chí chánh định

不至正定

Người thấy được sự thực đó mới là một vị Tỳ-khưu đích thực, đệ tử của Phật. Người ấy không tìm cái vui nơi sự tìm cầu lợi dưỡng; trái lại, biết sống thông dong một mình, dẹp bỏ dục ý, tự mình là mình, không nhờ cậy ai, cũng không mong cầu cái gì từ một kẻ khác. Một vị Tỳ-khưu mà cứ trông cầu nơi người khác thì không bao giờ đạt được chánh định.

Bài kệ 10

Phu dục an mạng
 Tức tâm tự tỉnh
 Bất tri kế số
 Y phục ẩm thực

夫欲安命
 息心自省
 不知計數
 衣服飲食

Nếu muốn an tâm lập mạng phải biết tự tỉnh, làm lắng dịu tâm ý, đừng quá lo lắng về chuyện ăn uống và y phục.

Bài kệ 11

Phu dục an mạng
 Tức tâm tự tỉnh
 Thủ đắc tri túc
 Thủ hành nhất pháp

夫欲安命
 息心自省
 取得知足
 守行一法

Nếu muốn an tâm lập mạng phải biết tự tỉnh, làm lắng dịu tâm ý, biết tri túc khi tiếp nhận cúng dường, quyết tâm bảo hộ và hành trì một phép tri túc ấy.

Bài kệ 12

Phu dục an mạng
 Tức tâm tự tỉnh
 Như thử tạng huyệt
 Tiềm ẩn tập giáo

夫欲安命
 息心自省
 如鼠藏穴
 潛隱習教

Nếu muốn an tâm lập mạng, thì phải như con chuột đất ẩn mình trong hang để chuyên lo thực tập.

Bài kệ 13

Ước lợi ước nhĩ
Phụng giới tư tánh
Vi tuệ sở xưng
Thanh cát vật đãi

約利約耳
奉戒思惟
為慧所稱
清吉勿怠

Đừng thọ dụng nhiều, đừng nghe và nói chuyện thế gian, phải sử dụng thì giờ mà thực tập giới luật và thiền định. Đừng có lười biếng thì mới xứng đáng với đời sống phạm hạnh và mới có cơ hội đạt được tuệ giác.

Bài kệ 14

Như hữu tam minh
Giải thoát vô lậu
Quả trí tiên thức
Vô sở ức niệm

如 有 三 明
解 脫 無 漏
寡 智 鮮 識
無 所 憶 念

Phải nuôi ý đạt cho được tam minh và đi đến quả vị giải thoát vô lậu. Nếu kiến thức hẹp hòi và trí tuệ thô lậu thì sẽ không ghi nhớ được những gì mình học hỏi.

Bài kệ 15

Kỳ ư thực ẩm
Tùng nhân đắc lợi
Nhi hữu ác pháp
Tùng cúng dường tạt

其 於 食 飲
從 人 得 利
而 有 惡 法
從 供 養 嫉

Những kẻ chỉ vì ẩm thực, chỉ đi theo người để tìm cầu lợi dưỡng sẽ làm phát sinh ra nhiều điều xấu. Bởi vì cái ganh ghét cũng được phát sinh từ sự tranh giành lợi dưỡng.

Bài kệ 16

Đa kết oán lợi	多結怨利
Cường phục pháp y	強服法衣
Đăn vọng ẩm thực	但望飲食
Bất phụng Phật giáo	不奉佛教

Tranh giành, tìm cầu lợi dưỡng tạo thành nhiều oán hận. Khoác chiếc pháp y mà chỉ cầu chuyện lợi dưỡng thì không thể nào nói rằng mình đang phụng hành theo lời Bụt dạy.

Bài kệ 17

Đương tri thị quá	當知是過
Dưỡng vi đại úy	養為大畏
Quả thủ vô ưu	寡取無憂
Tỳ-kheo thích tâm	比丘釋心

Phải biết hành xử như thế là một lỗi lầm rất lớn, phải biết sợ hãi khi thấy có người hành xử như thế. Vị Tỳ-kheo chỉ cần tiếp nhận phẩm vật cúng dường một cách chừng mực, do đó mà luôn luôn được mãn ý và đạt tới vô ưu.

Bài kệ 18

Phi thực mạng bất tế	非食命不濟
Thực năng bất sủy thực	孰能不揣食
Phu lập thực vi tiên	夫立食為先
Tri thị bất nghi tật	知是不宜嫉

Đã đành rằng không có thức ăn thì không có sinh mạng, ai cũng cần phải ăn mới sống. Dù phải công nhận nguyên tắc “đi thực vi tiên”, nhưng nếu ta biết thực hành phép tri túc thì không bao giờ còn có xảy ra sự ganh ghét.

Bài kệ 19

Tật tiên sang kỷ

嫉先創己

Nhiên hậu sang nhân

然後創人

Kích nhân đắc kích

擊人得擊

Thị bất đắc trừ

是不得除

Cái ganh ghét hại ta trước rồi lại hại người. Đánh người thì bị người đánh, điều đó bao giờ cũng đúng.

Bài kệ 20

Ninh đạh thiêu thạch

寧噉燒石

Thôn ẩm dương đồng

吞飲洋銅

Bất dĩ vô giới

不以無戒

Thực nhân tín thí

食人信施

Thà nuốt viên sắt cháy, thà uống nước đồng sôi, còn hơn phá giới mà cứ tiếp nhận của tín thí cúng dường.



Kinh Người Xuất Sĩ

*Người xuất sĩ dù là còn trẻ nhưng hết lòng thực tập
Phật pháp thì cũng giống như một mặt trăng soi sáng
thế gian trong khung trời không có mây ám.*

Sa Môn Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập tứ

沙門品法句經第三十四

Kinh Người Xuất Sĩ

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 34

Phẩm này có 32 bài kệ. Kinh này hoàn toàn để dành cho người xuất gia, nhưng người tại gia cũng cần phải học hỏi để có thể phân biệt được ai là người xuất gia chân chính. Người cư sĩ học kinh này sẽ thấy mình cũng có khả năng làm được như người xuất sĩ, nếu tâm bồ đề của mình đủ lớn mạnh. Mỗi bài kệ trong kinh này là một tấm gương soi sáng, rất tỏ tường. Ta hãy đọc các bài kệ thứ 5, thứ 6 và thứ 7 thì biết. Bài thứ 8 dạy các vị xuất sĩ làm lắng dịu các tâm hành, đạt tới bình an và thâm nhập được thiền định. Bài 15 dạy người xuất sĩ không cần làm sở hữu chủ của bất cứ cơ sở hay của cải nào. Bài 21 nhắc nhở rằng người xuất sĩ phải có hạnh phúc trong đời sống xuất gia, có khả năng chế tác hỷ lạc. Bài 22 dạy: người xuất sĩ dù là còn trẻ nhưng nếu hết lòng thực tập Phật pháp thì cũng giống như một mặt trăng soi sáng thế gian trong khung trời không mây u ám. Các bài 23 và 24 ví vị xuất sĩ như một đóa sen, tinh khiết, vượt qua mặc cảm, buông bỏ ý niệm lưỡng nguyên, cắt đứt ân ái, chiến thắng ái dục, vượt qua được dòng lũ lụt. Đối với người xuất gia, kinh này cần nên tụng đọc ít nhất mỗi tháng một lần.

Bài kệ 1

Đoan mục nhĩ tỳ khẩu
 Thân ý thường thủ chánh
 Tỳ-kheo hành như thị
 Khả dĩ miễn chúng khổ

端目耳鼻口
 身意常守正
 比丘行如是
 可以免眾苦

Giữ gìn sáu căn là mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý của mình cho đoan chính, thực tập được như thế thì vị khất sĩ có khả năng diệt trừ được hết mọi khổ đau.

Bài kệ 2

Thủ túc mạc vọng phạm
 Tiết ngôn thuận sở hành
 Thường nội lạc định ý
 Thủ nhất hành tịch nhiên

手足莫妄犯
 節言順所行
 常內樂定意
 守一行寂然

Tay chân không vọng động, lời nói được tiết chế, hành động thận trọng, thường ưa thích thiền tập, đó là tư cách của một vị hành giả tỉnh lặng.

Bài kệ 3

Học đương thủ khẩu
 Hựu ngôn an từ
 Pháp nghĩa vi định
 Ngôn tất nhu nhuyển

學當守口
 宥言安徐
 法義為定
 言必柔軟

Kẻ hành giả giữ gìn khẩu nghiệp, nói lời an lành từ tốn, sử dụng ái ngữ để giảng bày yếu nghĩa của Phật pháp.

Bài kệ 4

Lạc pháp dục Pháp
 Tư tánh an Pháp
 Tỳ-kheo y Pháp
 Chánh nhi bất phí

樂法欲法
 思惟安法
 比丘依法
 正而不費

Ưa thích học hỏi Phật pháp, chiêm nghiệm về Phật pháp, có niềm vui khi học hỏi và hành trì Phật pháp, vị Tỳ-khưu nương vào Phật pháp, đứng vững trong Phật pháp và không đánh mất cơ hội của mình.

Bài kệ 5

Học vô cầu lợi
 Vô ái tha hành
 Tỳ-kheo hảo tha
 Bất đắc định ý

學無求利
 無愛他行
 比丘好他
 不得定意

Hành trì mà không tìm cầu lợi dưỡng, vị Tỳ-khưu không thêm muốn cái người ta đang có. Tâm ý nếu còn thêm muốn cái người ta đang có, vị khất sĩ không thành tựu được thiền định.

Bài kệ 6

Tỳ-kheo thiếu thủ
 Dĩ đắc vô tích
 Thiên nhân sở dự
 Sanh tịnh vô uế

比丘少取
 以得無積
 天人所譽
 生淨無穢

Tiếp nhận của cúng dường vừa phải, không có ý chất chứa cho riêng mình, vị Tỳ-khưu được các giới trời và người ca ngợi, làm phát sinh được sự thanh tịnh và trừ diệt được sự ô nhiễm.

Bài kệ 7

Nhất thiết danh sắc
Phi hữu mạc hoặc
Bất cận bất ưu
Nãi vi Tỳ-kheo

一切名色
非有莫惑
不近不憂
乃為比丘

Thấy được tất cả các hiện tượng sắc và tâm đều không thật có, không bị chúng mê hoặc, không nắm bắt chúng, cũng không lo buồn khi không có chúng, đó đích thực là một vị khất sĩ.

Bài kệ 8

Tỳ-kheo vi từ
Ái kính Phật giáo
Thâm nhập chỉ quán
Diệt hành nãi an

比丘為慈
愛敬佛教
深入止觀
滅行乃安

Thực tập tâm từ, yêu kính Phật pháp, thâm nhập được các pháp chỉ và quán, vị khất sĩ làm lắng dịu được mọi tâm hành và đạt tới bình an.

Bài kệ 9

Tỳ-kheo hỷ thuyền
Trung hư tắc khinh
Trừ dâm nộ si
Thị vi nê hoàn

比丘扈船
中虛則輕
除婬怒癡
是為泥洹

Cũng như tát nước ra khỏi chiếc thuyền cho chiếc thuyền được nhẹ, vị khất sĩ buông bỏ ái dục, sân hận và si mê, tới được Niết Bàn.

Bài kệ 10

Xả ngũ đoạn ngũ

捨五斷五

Tư tánh ngũ căn

思惟五根

Năng phân biệt ngũ

能分別五

Nãi độ hà uyên

乃渡河淵

Buông bỏ năm sử, cắt đứt năm triền, nuôi lớn năm lực, vị khát sĩ vượt năm kiến, thoát ra ngoài cơn lũ lụt.

Bài kệ 11

Thiền vô phóng dật

禪無放逸

Mạc vi dục loạn

莫為欲亂

Ất thôn dương đồng

不吞洋銅

Tự nảo tiêu hình

自惱焦形

Vị khát sĩ thực tập thiền quán không hề phóng dật, không để cho ái dục làm loạn tâm mình, không nuốt hòn sắt nóng của ái dục và không tự đốt cháy hình hài mình bằng lửa ái dục.

Bài kệ 12

Vô thiền bất trí

無禪不智

Vô trí bất thiền

無智不禪

Đạo tùng thiền trí

道從禪智

Đắc chí nê hoàn

得至泥洹

Không thiền thì không tuệ, không tuệ thì không thiền, có thiền có tuệ mới có con đường đưa tới Niết Bàn.

Bài kệ 13

Đương học nhập không
 Tĩnh cư chỉ ý
 Lạc độc bình xứ
 Nhất tâm quán pháp

當學入空
 靜居止意
 樂獨屏處
 一心觀法

Vị hành giả tìm tới chỗ yên vắng, ở lại nơi thanh tịnh, ngưng tụ tâm ý, ở một mình, cách biệt thế gian, đem hết tâm trí quán chiếu về các pháp.

Bài kệ 14

Thường chế ngũ uẩn
 Phục ý như thủy
 Thanh tịnh hòa duyệt
 Vi cam lộ vị

常制五陰
 伏意如水
 清淨和悅
 為甘露味

Chế ngự được năm uẩn, điều phục được tâm ý như nước, trong sáng và hòa vui, vị khát sĩ nếm được hương vị của cam lộ tịnh thủy.

Bài kệ 15

Bất thọ sở hữu
 Vi tuệ Tỳ-kheo
 Nhiếp căn tri túc
 Giới luật tất trì

不受所有
 為慧比丘
 攝根知足
 戒律悉持

Không làm sở hữu chủ (của bất cứ cơ sở hay của cái nào), một vị khát sĩ thông tuệ biết nhiếp phục các căn, thực tập tri túc, giới luật nghiêm minh.

Bài kệ 16

Sanh đương hành tịnh	生 當 行 淨
Cầu thiện sư hữu	求 善 師 友
Trí giả thành nhân	智 者 成 人
Độ khổ trí hi	度 苦 致 喜

Suốt đời sống tịnh hạnh, tìm cầu thầy giỏi, bạn lành, bậc trí giả hoàn thành được nhân cách của mình, vượt qua biển khổ, tới được bờ vui.

Bài kệ 17

Như vệ sư hoa	如 衛 師 華
Thụ như tự đọa	熟 如 自 墮
Thích dâm nộ si	釋 姪 怒 癡
Sanh tử tự giải	生 死 自 解

Như một người bán hoa nhài, rũ cho những cánh hoa tàn rụng xuống, vị khát si làm rơi rụng tham ái, hận thù và si mê, và tự tháo gỡ ra được những sợi dây sinh tử từng trói buộc mình.

Bài kệ 18

Chỉ thân chỉ ngôn	止 身 止 言
Tâm thủ huyền mặc	心 守 玄 默
Tỳ-kheo khí thế	比 丘 棄 世
Thị vi thọ tịch	是 為 受 寂

Vị khát si làm lắng dịu được thân và miệng, đưa tâm tới chỗ yên lắng diệu huyền, buông bỏ hết được chuyện thế gian, được xưng tán là một bậc tĩnh lặng.

Bài kệ 19

Đương tự sắc thân
 Nội dữ tâm tranh
 Hộ thân niệm đế
 Tỷ-kheo duy an

當自勅身
 內與心爭
 護身念諦
 比丘惟安

Tự mình làm chủ được hình hài, lắng được tâm ý, hộ trì được tự thân, quán niệm về chân đế, vị khất sĩ tìm thấy được sự bình an.

Bài kệ 20

Ngã tự vi ngã
 Kế vô hữu ngã
 Cố đương tổn ngã
 Điều nãi vi hiền

我自為我
 計無有我
 故當損我
 調乃為賢

Tự mình bảo hộ được cho mình, nhưng không còn cố chấp vào một cái ngã và không tự làm hư hại cho bản thân, điều phục được như thế thì vị khất sĩ được gọi là một bậc hiền giả.

Bài kệ 21

Hỉ tại Phật giáo
 Khả dĩ đa hỉ
 Chí đáo tịch mịch
 Hành diệt vĩnh an

可以多喜
 可以多喜
 至到寂寞
 行滅永安

Có hạnh phúc trong đời sống xuất gia, có khả năng chế tác niềm vui lớn, đến được cõi tĩnh lặng, nơi ấy các pháp hữu vi đều được nhiếp phục thì sẽ được hưởng an ổn lâu dài.

Bài kệ 22

Thắng hữu thiếu hành	儻有少行
Ứng Phật giáo giới	應佛教戒
Thử chiếu thế gian	此照世間
Như nhật vô ô	如日無暘

Người xuất sĩ dù là còn trẻ nhưng hết lòng thực tập Phật pháp thì cũng giống như một mặt trăng soi sáng thế gian trong khung trời không có mây ám.

Bài kệ 23

Khí mạn vô dư kiêu	棄慢無餘憍
Liên hoa thủy sanh tịnh	蓮華水生淨
Học năng xả thử bỉ	學能捨此彼
Tri thị thắng ư cố	知是勝於故

Bỏ mặc cảm tự tôn và tất cả các mặc cảm khác, giống như hoa sen sinh ra trong sạch từ nước, người hành giả có thể buông bỏ bỉ và thử, biết rằng nếp sống này là cao đẹp nhất.

Bài kệ 24

Cát ái vô luyến mộ	割愛無戀慕
Bất thọ như liên hoa	不受如蓮華
Tỳ-kheo độ hà lưu	比丘渡河流
Thắng dục minh ư cố	勝欲明於故

Cắt đứt ân ái, không còn lưu luyến gì, như hoa sen không dính bùn, vị khất sĩ vượt qua dòng lũ, chiến thắng được ái dục và đạt tới minh triết.

Bài kệ 25

Tiết lưu tự thị
Thệ tâm khước dục
Nhân bất cắt dục
Nhất ý do tẩu

截流自恃
逝心却欲
仁不割欲
一意猶走

Hãy nỗ lực chặn đứng dòng chảy, tự mình nương cậy vào mình, quyết tâm buông bỏ ái dục. Ái dục chưa dứt thì tâm ý vẫn còn rong ruổi.

Bài kệ 26

Vi chi vi chi
Tất cường tự chế
Xả gia nhi giải
Ý do phục nhiễm

為之為之
必強自制
捨家而懈
意猶復染

Tinh tiến lên đi! Phải gắng tự nhiếp phục mình, xuất gia mà giải đãi thì tâm ý vẫn còn trở lại tình trạng ô nhiễm.

Bài kệ 27

Hành giải hoãn giả
Lao ý phất trừ
Phi tịnh phạm hạnh
Yên trí đại bảo

行懈緩者
勞意弗除
非淨梵行
焉致大寶

Người tu còn giải đãi, chưa có quyết tâm diệt trừ phiền não thì chưa phải là đang thực sự sống đời sống phạm hạnh thanh tịnh, như thế thì làm sao mong tới được kho tàng châu báu lớn?

Bài kệ 28

Sa môn hà hành
 Như ý bất cấm
 Bộ bộ trước niêm
 Dẫn tùy tư tẩu

沙門何行
 如意不禁
 步步著粘
 但隨思走

Vị sa môn tại sao lại đi theo ý dục của mình mà không hành trì theo giới cấm? Bước chân nào cũng làm mình vướng mắc, tại sao lại cứ để cho tư dục kéo mình đi như thế?

Bài kệ 29

Ca sa phi kiên
 Vi ác bất tổn
 Ác ác hành giả
 Tư đọa ác đạo

袈裟披肩
 為惡不損
 惡惡行者
 斯墮惡道

Ca sa vắt vai, làm những điều phi pháp mà không dừng lại được, vị sa môn phải nhớ rằng kẻ làm điều phi pháp thế nào cũng phải sa đọa vào ác đạo.

Bài kệ 30

Bất điều nan giới
 Như phong khô thọ
 Tác tự vi thân
 Hạt bất tinh tấn

不調難誠
 如風枯樹
 作自為身
 曷不精進

Không biết tự điều phục, mà còn khó rắn khó dạy, thì cũng như ngọn gió thổi vào cây khô. Đã biết là mình làm thì mình chịu, vậy tại sao mình lại không lo tinh tấn tu tập?

Bài kệ 31

Tức tâm phi dịch
 Mạn di vô giới
 Xả tham tư đạo
 Nãi ưng tức tâm

息心非易
 慢弛無戒
 捨貪思道
 乃應息心

Phải học cách làm cho tâm ý dừng lại. Không cần phải cắt bỏ bất cứ cái gì. Tất cả những mặc cảm, những vướng mắc, những điều trái chống với giới pháp đều có thể được chuyển hóa khi mình biết buông bỏ đam mê để thực tập Thiên đạo. Như vậy mới đúng là làm cho tâm ý dừng lại.

Bài kệ 32

Tức tâm phi dịch
 Phóng dật vô tín
 Năng diệt chúng khổ
 Vi thượng sa môn

息心非易
 放逸無信
 能滅眾苦
 為上沙門

Phải học cách làm cho tâm ý dừng lại. Không cần phải cắt bỏ bất cứ cái gì. Nếu buông bỏ được sự lười biếng và phát khởi được niềm tin thì mình sẽ có khả năng trừ diệt được mọi khổ nạn. Làm như thế mới thực sự là một vị xuất sĩ xuất sắc.



Kinh Vị Phạm Chí

Phạm Chí Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập ngũ

梵志品法句經第三十五

Kinh Vị Phạm Chí

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 35

Phẩm này có tới 38 bài kệ. Phạm Chí (*Brahmana*) là một vị đạo sĩ đã thành công trong sự nghiệp tâm linh, ra khỏi vòng trần lụy. Đây là hình ảnh lý tưởng của một người tu hành thành đạt trong thời của Phật. Kinh này có nội dung tương đương với kinh Người Xuất Sĩ và bổ túc cho kinh Người Xuất Sĩ. Ta hãy đọc hai bài kệ 36 và 37 để thấy được điều đó: không vướng vào quá khứ, không vướng vào tương lai, cũng không vướng vào hiện tại, không nắm bắt cũng không xua đuổi, đó là Phạm Chí. Rất hào hùng, rất dũng cảm, có khả năng tự cõi trời và vượt qua, tâm ý bất động, đó là Phạm Chí.

Bài kệ 1

Tiết lưu nhi độ

截流而渡

Vô dục như phạm

無欲如梵

Tri hành dĩ tận

知行已盡

Thị vị Phạm Chí

是謂梵志

Thu nhỏ dòng chảy của ái dục, vượt qua dòng chảy của ái dục, đạt tới trạng thái vô dục, thấy được chân như của vạn pháp, chấm dứt được ràng buộc vào các hiện tượng hữu vi, người nào làm được như thế, ta gọi đó là một vị Phạm Chí.

Bài kệ 2

Di vô nhị Pháp
 Thanh tịnh độ uyên
 Chư dục kết giải
 Thị vị Phạm Chí

以無二法
 清淨渡淵
 諸欲結解
 是謂梵志

Sử dụng được cái thấy bất nhị, đạt tới thanh tịnh, vượt được vực sâu sinh tử, tháo gỡ được mọi ràng buộc vào ái dục, đó là Phạm Chí.

Bài kệ 3

Thích bỉ vô bỉ
 Bỉ bỉ di không
 Xả ly tham dâm
 Thị vị Phạm Chí

適彼無彼
 彼彼已空
 捨離貪婬
 是謂梵志

Không vướng bờ bên này, cũng không vướng bờ bên kia, thấy cả bên này và bên kia đều là không, buông bỏ được tham ái, ta gọi đó là một vị Phạm Chí.

Bài kệ 4

Tư tánh vô cấu
 Sở hạnh bất lậu
 Thượng cầu bất khởi
 Thị vị Phạm Chí

思惟無垢
 所行不漏
 上求不起
 是謂梵志

Biết thiên tập, không ô nhiễm, hành xử không tỳ vết, đạt được tịch tịnh vô thượng, không còn mong cầu gì nữa, đó là Phạm Chí.

Bài kệ 5

Nhật chiếu ư trú	日照於晝
Nguyệt chiếu ư dạ	月照於夜
Giáp binh chiếu quân	甲兵照軍
Thiền chiếu đạo nhân	禪照道人
Phật xuất thiên hạ	佛出天下
Chiếu nhất thiết minh	照一切冥

Ban ngày mặt trời chiếu rọi, ban đêm mặt trăng sáng tỏ, quân lính có vũ khí lấp lánh, người hành đạo cũng tỏa chiếu ra ánh sáng của thiên định. Bụt ra đời trong nhân gian làm cho bóng tối khắp nơi tan biến.

Bài kệ 6

Phi thế vi Sa môn	非剃為沙門
Xưng cát vi Phạm chí	稱吉為梵志
Vị năng xả chúng ác	謂能捨眾惡
Thị tắc vi đạo nhân	是則為道人

Không phải vì cạo tóc mà người ta trở thành một vị Sa môn, không phải nói cho hay mà người ta trở thành một vị Phạm chí. Có khả năng buông bỏ tà hạnh thì đó mới là bậc đạo nhân.

Bài kệ 7

Xuất ác vi Phạm chí	出惡為梵志
Nhập chánh vi Sa môn	入正為沙門
Khí ngã chúng uế hành	棄我眾穢行
Thị tắc vi xả gia	是則為捨家

Ra khỏi vòng phiền lụy thì gọi là Phạm chí. Đi vào được con đường chánh thì gọi là Sa môn. Buông bỏ được cái ta và những

hành động uế trước mới đích thực là người xuất sĩ.

Bài kệ 8

Nhược y ư ái	若 猗 於 愛
Tâm vô sở trước	心 無 所 著
Đĩ xả dĩ chánh	已 捨 已 正
Thị diệt chúng khổ	是 滅 眾 苦
Thân khẩu dữ ý	身 口 與 意
Tịnh vô quá thất	淨 無 過 失
Năng xả tam hành	能 捨 三 行
Thị vị Phạm Chí	是 謂 梵 志

Lìa xa ái dục, tâm không vương vấn, buông bỏ hệ lụy, đi vào đường chánh, những cái ấy đưa tới sự diệt trừ khổ đau. Thân, khẩu và ý trở nên thanh tịnh, không còn lỗi lầm, nhiếp phục được ba nghiệp, đó là Phạm chí.

Bài kệ 9

Nhược tâm hiểu liễu	若 心 曉 了
Phật sở thuyết pháp	佛 所 說 法
Quán tâm tự quy	觀 心 自 歸
Tịnh ư vi thủy	淨 於 為 水
Phi thốc kết phát	非 族 結 髮
Danh vị Phạm chí	名 為 梵 志

Tâm trí khai thông, đối với giáo pháp Phật dạy biết quán chiếu và đem tâm trở về nương tựa, trong sáng như nước, đó là Phạm chí. Không phải vì huyết thống, không phải vì búi tóc mà người ta trở nên Phạm chí.

Bài kệ 10

Thành hành Pháp hành	誠 行 法 行
Thanh bạch tắc hiền	清 白 則 賢
Sức phát vô tuệ	飾 髮 無 慧
Thảo y hà thí	草 衣 何 施
Nội bất ly trước	內 不 離 著
Ngoại xả hà ích	外 捨 何 益

Thực tập với tâm dạ chí thành, hành xử đúng theo chánh pháp, sống đời sống thanh bạch của một vị hiền sĩ. Có cái búi tóc mà không có tuệ giác, mặc chiếc áo cỏ mà chẳng có hành trì, bên trong không thực sự có sự buông bỏ thì cái vỏ buông bỏ bên ngoài không có ích lợi.

Bài kệ 11

Bị phục tộ ác	被 服 弊 惡
Cung thừa Pháp hành	躬 承 法 行
Nhàn cư tư tánh	閑 居 思 惟
Thị vị Phạm chí	是 謂 梵 志

Ăn mặc đơn sơ, tự mình hành trì đúng theo chánh pháp, cư trú nơi yên tĩnh, thực tập thiền quán, đó mới là Phạm chí.

Bài kệ 12

Phật bất giáo bỉ	佛 不 教 彼
Tán kỷ tự xưng	讚 己 自 稱
Như đế bất vọng	如 諦 不 妄
Nãi vi Phạm chí	乃 為 梵 志

Bụt không bao giờ bảo người ta tự xưng tán mình. Hành xử theo chân lý, không dối gạt bằng hình thức bên ngoài, đó là Phạm chí.

Bài kệ 13

Tuyệt chư khả dục

絕諸可欲

Bất dâm kỳ chí

不婬其志

Ủy khí dục ố

委棄欲數

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Chấm dứt mọi đối tượng ham muốn, quyết tâm không đi về hướng ái dục, buông bỏ được lưới ái ân, đó là Phạm chí.

Bài kệ 14

Đoạn sanh tử hà

斷生死河

Năng nhẫn khởi độ

能忍起度

Tự giác xuất tiệt

自覺出塹

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Chận đứng dòng sông sinh tử, có sức nhẫn chịu để vượt qua bờ, có đủ tuệ giác của tự thân để nhảy ra khỏi hào sâu hiểm nạn, đó là Phạm chí.

Bài kệ 15

Kiến mạ kiến kích

見罵見擊

Mặc thọ bất nộ

默受不怒

Hữu nhẫn nhục lực

有忍辱力

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Bị nhục mạ, bị hành hung mà vẫn im lặng chịu đựng không hờn không oán, có năng lượng của nhẫn nhục, đó là Phạm chí.

Bài kệ 16

Nhược kiến xâm khi
 Đăn niệm thủ giới
 Đoan thân tự điều
 Thị vị Phạm chí

若見侵欺
 但念守戒
 端身自調
 是謂梵志

Thấy mình bị lấn ép, bị khinh khi, mà vẫn nhớ bảo trì giới luật, vẫn nhớ điều phục tự thân cho đoan chính, đó là Phạm chí.

Bài kệ 17

Tâm khí ác pháp
 Như xà thoát bì
 Bất vi dục ô
 Thị vị Phạm chí

心棄惡法
 如蛇脫皮
 不為欲汚
 是謂梵志

Buông bỏ hệ lụy như con rắn lột da, giữ tâm ý không để ái dục làm cho ô nhiễm, đó là Phạm chí.

Bài kệ 18

Giác sanh vi khổ
 Tùng thị diệt ý
 Năng hạ trọng đảm
 Thị vị Phạm chí

覺生為苦
 從是滅意
 能下重擔
 是謂梵志

Ý thức được cái khổ trong thế gian, từ đó mà phát tâm đạt tới Niết Bàn tịch tĩnh, có khả năng buông bỏ gánh nặng xuống, đó là Phạm chí.

Bài kệ 19

Giải vi diệu tuệ	解 微 妙 慧
Biện đạo bất đạo	辯 道 不 道
Thể hành thượng nghĩa	體 行 上 義
Thị vị Phạm chí	是 謂 梵 志

Có được tuệ giác vi diệu, phân biệt được cái gì hợp với đạo lý và cái gì trái chống đạo lý, đã hành trì và đạt tới mục tiêu cao cả nhất, đó là Phạm chí.

Bài kệ 20

Khí quyên gia cư	棄 捐 家 居
Vô gia chi úy	無 家 之 畏
Thiếu cầu quả dục	少 求 寡 欲
Thị vị Phạm chí	是 謂 梵 志

Người không gây hao tổn cho giới tại gia, cũng không vướng mắc vào kẻ xuất gia, người ít mong cầu, ít ham muốn, đó là Phạm chí.

Bài kệ 21

Khí phóng hoạt sanh	棄 放 活 生
Vô tặc hại tâm	無 賊 害 心
Vô sở nhiêu não	無 所 憍 惱
Thị vị Phạm chí	是 謂 梵 志

Buông bỏ gây gộc vũ khí, không có tâm ý bạo động và tàn hại đối với chúng sinh, không còn làm nhiều loạn và gây khổ não cho ai, đó là Phạm chí.

Bài kệ 22

Tị tranh bất tranh
 Phạm nhi bất uẩn
 Ác lai thiện đãi
 Thị vị Phạm Chí

避爭不爭
 犯而不慍
 惡來善待
 是謂梵志

Sử dụng thái độ không tranh chấp khi đối diện với tranh chấp, bị xúc phạm nhưng vẫn không hờn oán, đem cái lành để đối trị với cái ác, đó là Phạm chí.

Bài kệ 23

Khứ dâm nô si
 Kiêu mạn chư ác
 Như xà thoát bì
 Thị vị Phạm chí

去婬怒癡
 憍慢諸惡
 如蛇脫皮
 是謂梵志

Buông bỏ tham dục, sân hận, si mê, kiêu mạn và các phiền não khác như con rắn lột da, đó là Phạm chí.

Bài kệ 24

Đoạn tuyệt thế sự
 Khẩu vô thô ngôn
 Bát đạo thẩm đế
 Thị vị Phạm chí

斷絕世事
 口無麁言
 八道審諦
 是謂梵志

Chấm dứt thế sự, miệng không còn nói lời thô ác, quán chiếu bốn sự thật và thực tập con đường Bát chánh, đó là Phạm chí.

Bài kệ 25

Sở thế ác pháp

所世惡法

Tu đoản cự tế

修短巨細

Vô thủ vô xả

無取無捨

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Đối với các pháp trong đời, dù thiện dù ác, dù lớn dù nhỏ, dù ngắn dù dài, tâm vẫn giữ được thái độ không bám víu, cũng như không xua đuổi, đó là Phạm chí.

Bài kệ 26

Kim thế hành tịnh

今世行淨

Hậu thế vô uế

後世無穢

Vô tập vô xả

無習無捨

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Trong đời hiện tại, hành xử trong sạch, trong đời vị lai sẽ không có cấu uế, không có tâm ý chất chứa, cũng không có tâm ý ruồng bỏ xua đuổi, đó là Phạm chí.

Bài kệ 27

Khí thân vô y

棄身無猗

Bất tụng dị hành

不誦異行

Hành cam lộ diệt

行甘露滅

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Không bị kẹt vào hình hài, không lặp lại những lời quái dị, đi tới được vị ngọt Cam lộ của Niết Bàn, đó là Phạm chí.

Bài kệ 28

Ư tội dữ phước
 Lương hành vĩnh trừ
 Vô ưu vô trần
 Thị vị Phạm chí

於罪與福
 兩行永除
 無憂無塵
 是謂梵志

Đối với các ý niệm tội và phước, đã siêu việt lên được cả hai, không còn lo lắng, không còn trần lụy, đó là Phạm chí.

Bài kệ 29

Tâm hỉ vô cấu
 Như nguyệt thịnh mãn
 Báng hủy dĩ trừ
 Thị vị Phạm chí

心喜無垢
 如月盛滿
 謗毀已除
 是謂梵志

Trái tim đầy niềm vui, không một vết nhơ như mặt trăng rằm, không còn hủy báng ai, không còn trách móc ai, đó là Phạm chí.

Bài kệ 30

Kiến si vãng lai
 Đọa tiệt thọ khổ
 Dục đản độ ngạn
 Bất hảo tha ngữ
 Duy diệt bất khởi
 Thị vị Phạm chí

見癡往來
 墮墮受苦
 欲單渡岸
 不好他語
 唯滅不起
 是謂梵志

Thấy kẻ khác đang đi vòng trong si mê, rơi vào hố thẳm khổ đau, muốn giúp cho họ được lên bờ giải thoát, để họ đừng tiếp tục nghe theo những lời xúi giục, biết hướng về nẻo Niết Bàn, không còn trở về cõi sinh tử, đó là Phạm chí.

Bài kệ 31

Dĩ đoạn ân ái
 Ly gia vô dục
 Ái hữu dĩ tận
 Thị vị Phạm chí

已斷恩愛
 離家無欲
 愛有已盡
 是謂梵志

Đã dứt được ân ái, đã làm người xuất sĩ, không còn đam mê, đã chấm dứt được ái và hữu, đó là Phạm chí.

Bài kệ 32

Ly nhân tụ xứ
 Bất đoạ thiên tụ
 Chư tụ bất quy
 Thị vị Phạm chí

離人聚處
 不墮天聚
 諸聚不歸
 是謂梵志

Không đàn đúm vướng mắc cả trong hai cõi người và cõi trời, bỏ đi mọi hình thức đàn đúm vướng mắc, đó là Phạm chí.

Bài kệ 33

Khí lạc vô lạc
 Diệt vô uân nhũ
 Kiện vi chư thế
 Thị vị Phạm chí

棄樂無樂
 滅無熅燼
 健違諸世
 是謂梵志

Bỏ ưa, bỏ ghét, đạt tới sự thanh lương của Niết Bàn, ngọn lửa phiền não không còn âm i cháy, đã có sức mạnh chinh phục được thế gian, đó là Phạm chí.

Bài kệ 34

Sở sanh dĩ cật

所生已訖

Tử vô sở hứ

死無所趣

Giác an vô y

覺安無依

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Sở sinh đã hết, sau khi xác thân này tan hoại không còn đi về đâu nữa, giác ngộ đạt tới bình an, không còn cần nương tựa vào đâu nữa cả, đó là Phạm chí.

Bài kệ 35

Di độ ngũ đạo

已度五道

Mạc tri sở đọa

莫知所墮

Tập tận vô dư

習盡無餘

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Đã vượt khỏi năm nẻo về xấu ác, không còn trở lại, các tập khí đã được chuyển hóa tận gốc, không còn sót lại, đó là Phạm chí.

Bài kệ 36

Vu tiên vu hậu

于前于後

Nãi trung vô hữu

乃中無有

Vô thao vô xả

無操無捨

Thị vị Phạm chí

是謂梵志

Không vướng vào quá khứ, không vướng vào tương lai, cũng không vướng vào hiện tại, không nắm bắt cũng không xua đuổi, đó là Phạm chí.

Bài kệ 37

Tối hùng tối dũng
 Năng tự giải độ
 Giác ý bất động
 Thị vị Phạm chí

最雄最勇
 能自解度
 覺意不動
 是謂梵志

Rất hào hùng, rất dũng cảm, có khả năng tự cởi trói và vượt qua, giải thoát, tâm ý bất động, đó là Phạm chí.

Bài kệ 38

Tự tri túc mạng
 Bỏ sở cánh ai
 Đắc yếu sanh tận
 Duệ thông đạo huyền
 Minh như năng mặc
 Thị vị Phạm chí

自知宿命
 本所更來
 得要生盡
 叡通道玄
 明如能默
 是謂梵志

Vị Mâu ni nào thấy được đời trước, thấy được những cảnh giới hoan lạc và khổ đau đã từng trải qua, đạt tới chỗ chấm dứt sở sinh, đã thành tựu tuệ giác, thông suốt về những huyền diệu của đạo mâu, sáng như bậc năng nhân tĩnh mặc, ta gọi đó là Phạm chí.



Kinh Rong Chơi Trời Phương Ngoại

Kinh Rong Chơi Trời Phương Ngoại là một phẩm của Kinh Pháp Cú Hán tạng có tên là Nê Hoàn Phẩm. Nê Hoàn là Niết Bàn (Nirvana, Nibbana). Trong bản dịch, có chữ trời phương ngoại. Trời phương ngoại là cái không gian vượt ra ngoài không gian, chữ Hán gọi là thiên ngoại thiên hay phương ngoại phương. Phương là không gian, phương ngoại là ngoài không gian, nghĩa là không gian nằm ngoài không gian. Rong chơi trời phương ngoại là đi chơi trong thế giới không gian ngoài không gian. Trong không gian này không có sinh, không có diệt, không có tới, không có đi, không có còn, không có mất, không có ta, không có người, không có sự phân biệt kỳ thị. Không gian đó bao la vô cùng, gọi là Niết Bàn.

Nê Hoàn Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập lục

泥洹品法句經第三十六

Kinh Rong Chơi Trời Phương Ngoại

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 36

Phẩm này có 36 bài kệ. Nê Hoàn là Niết Bàn, kinh này không có trong văn bản Pháp Cú Pāli. Các kinh còn lại cũng thế.

Bài kệ 1

Nhẫn vi tối tự thủ

Nê hoàn Phật xưng thượng

Xả gia bất phạm giới

Tức tâm vô sở hại

忍為最自守

泥洹佛稱上

捨家不犯戒

息心無所害

Nhẫn là biện pháp hay nhất để tự bảo hộ. Niết Bàn là cái mà Bụt

khen ngợi là cao đẹp nhất. Buông bỏ nếp sống trần tục, sống đời phạm hạnh, không phạm giới. Làm lắng dịu được tâm ý, thì không có gì có thể xâm phạm được đến mình.

Bài kệ 2

Vô bệnh tối lợi	無病最利
Tri túc tối phú	知足最富
Hậu vi tối hữu	厚為最友
Nê hoàn tối khoái	泥洹最快

Không bệnh là cái lợi tức lớn nhất. Tri túc là cái giàu có to nhất. Trung thực là người bạn tốt nhất. Niết Bàn là cái hạnh phúc cao nhất.

Bài kệ 3

Cơ vi đại bệnh	飢為大病
Hành vi tối khổ	行為最苦
Di đế tri thử	已諦知此
Nê hoàn tối lạc	泥洹最樂

Đói là cái bệnh khó chịu đựng nhất. Các pháp hữu vi là cái gây khổ đau nhiều nhất. Cứ nhìn vào sự thực mà tìm hiểu thì Niết Bàn là cái lạc thú lớn nhất.

Bài kệ 4

Thiếu vãng thiện đạo	少往善道
Thú ác đạo đa	趣惡道多
Như đế tri thử	如諦知此
Nê hoàn tối an	泥洹最安

Ở đời, ít người được đi trên nẻo thiện. Trong khi ấy, kẻ đi trên đường ác thì nhiều. Cứ nhìn vào sự thực mà tìm hiểu, thì Niết

Bàn là nơi an toàn nhất.

Bài kệ 5

Tùng nhân sanh thiện	從 因 生 善
Tùng nhân đọa ác	從 因 墮 惡
Do nhân nê hoàn	由 因 泥 洄
Sở duyên diệc nhiên	所 緣 亦 然

Các cõi trời do tạo tác nhân lành mà mình được sinh lên. Các ác đạo cũng do ác nhân mà mình bị đọa xuống. Niết Bàn cũng như thế, do nhân duyên tu tập mà có Niết Bàn.

Bài kệ 6

Mi lộc y dã	麋 鹿 依 野
Điểu y hư không	鳥 依 虛 空
Pháp quy kỳ báo	法 歸 其 報
Chân nhân quy diệt	真 人 歸 滅

*Hươu nai nương đồng quê. Chim chóc nương trời mây.
Sự vật nương phân biệt mà biểu hiện. Các bậc chân nhân nương vào Niết Bàn để sống thanh thoi.*

Bài kệ 7

Trong Đại Tạng Tân Tu:

Thỉ vô như bất	始 無 如 不
Thỉ bất như vô	始 不 如 無
Thị vi vô đắc	是 為 無 得
Diệc vô hữu tư	亦 無 有 思

Trong một bản in khác:

Thỉ vô thỉ phủ	始 無 始 否
Như bất như vô	如 不 如 無
Thị vi vô đắc	是 為 無 得
Diệc vô hữu tư	亦 無 有 思

*Thấy được cái không trước, không sau, không là, không không là.
Cái đó là vô đắc, cũng là cái không thể tư duy được.*

Bài kệ 8

Tâm nan kiến tập khả đồ	心 難 見 習 可 觀
Giác dục giả nãi cụ kiến	覺 欲 者 乃 具 見
Vô sở lạc vi khổ tế	無 所 樂 為 苦 際
Tại ái dục vi tăng thống	在 愛 欲 為 增 痛

Tâm khó thấy, nhưng thói quen có thể nhận ra. Kẻ nhận diện được dục ý thấy được đầy đủ rằng: Không tìm thú vui trong dục lạc thì tránh được mọi thứ khổ, và ái dục luôn luôn làm tăng trưởng niềm đau.

Bài kệ 9

Minh bất thanh tịnh năng ngự	明 不 清 淨 能 御
Vô sở cận vi khổ tế	無 所 近 為 苦 際
Kiến hữu kiến văn hữu văn	見 有 見 聞 有 聞
Niệm hữu niệm thức hữu thức	念 有 念 識 有 識

Trong một bản in khác:

Minh bất nhiễm tịnh năng ngự	明 不 染 淨 能 御
Vô sở cận vi khổ tế	無 所 近 為 苦 際
Kiến hữu kiến văn hữu văn	見 有 見 聞 有 聞
Niệm hữu niệm thức hữu thức	念 有 念 識 有 識

Sáng suốt, không để cho tâm ý bị nhiễm ô. Một khi đã được thanh tịnh hóa thì chế ngự được mọi dục ý. Lúc ấy không còn phải tiếp cận với thế giới đau khổ nữa. Tuy rằng thấy thì vẫn thấy, nghe thì vẫn nghe, nhớ thì vẫn nhớ, và biết thì vẫn biết.

Bài kệ 10

Đố vô trước diệt vô thức	覩無著亦無識
Nhất thiết xả vi đắc tế	一切捨為得際
Trừ thân tướng diệt thống hành	除身想滅痛行
Thức di tận vi khổ cánh	識已盡為苦竟

Đạt được cái vô trước và vô phân biệt. Một khi buông bỏ được mọi ý niệm rồi thì sẽ vào được cõi ấy. Vượt thắng được ý niệm về ngã. Điều phục được các tâm hành có tác dụng gây đau nhức. Và dứt bỏ được hoàn toàn cái tập khí nhận thức phân biệt kỳ thị, thì khổ đau không còn.

Bài kệ 11

Ý tác động hư tác tịnh	猗則動虛則淨
Động phi cận phi hữu lạc	動非近非有樂
Lạc vô cận vi đắc tịch	樂無近為得寂
Tịch dĩ tịch dĩ vãng lai	寂已寂已往來

Trong một bản in khác:

Ý tác động hư tác tịnh	猗則動虛則靜
Động phi cận phi hữu lạc	動非近非有樂
Lạc vô cận vi đắc tịch	樂無近為得寂
Tịch dĩ tịch vô vãng lai	寂已寂無往來

Ở trong hoàn cảnh động mà giữ được tâm thanh hư thì vẫn là tĩnh. Trong cái động, không tiếp cận được Niết Bàn, cũng không

có an lạc. Ý niệm về cái vui và cái khổ đã vượt qua rồi thì mới thực sự có cái tịch tĩnh. Vượt qua được cái ý niệm tịch tĩnh thì sẽ không còn cái qua lại nữa.

Bài kệ 12

Vãng lai tuyệt vô sanh tử	往來絕無生死
Sanh tử đoạn vô thử bỉ	生死斷無此彼
Thử bỉ đoạn vi lưỡng diệt	此彼斷為兩滅
Diệt vô dư vi khổ trừ	滅無餘為苦除

*Cái qua lại đã hết, thì cái sinh tử cũng hết
 Sinh tử hết thì làm gì còn phân biệt cái này cái kia?
 Cái này và cái kia, cả hai ý niệm đều được chấm dứt
 Cái tịch diệt tuyệt đối là cái vắng mặt của cảnh giới đau khổ.*

Bài kệ 13

Tỳ-kheo hữu thế sanh	比丘有世生
Hữu hữu hữu tác hành	有有有作行
Hữu vô sanh vô hữu	有無生無有
Vô tác vô sở hành	無作無所行

Này các vị Tỳ Kheo, trên đời này có cái sinh, có cái hữu, có cái tác, có cái hành. Nhưng cũng có cái không sinh, có cái không hữu, có cái không tác, có cái không hành để làm nẻo thoát cho những cái có sinh, có hữu, có tác, có hành ấy.

Bài kệ 14

Phu duy vô niệm giả	夫唯無念者
Vì năng đắc tự trí	為能得自致
Vô sanh vô phục hữu	無生無復有
Vô tác vô hành xứ	無作無行處

Chỉ khi đạt được vô niệm, mới có thể tới được Niết Bàn. Nếu đã là vô sinh thì không còn hữu nữa. Lúc ấy không còn tác, cũng không còn hành

Bài kệ 15

Sanh hữu tác hành giả	生有作行者
Thị vi bất đắc yếu	是為不得要
Nhược dĩ giải bất sanh	若已解不生
Bất hữu bất tác hành	不有不作行

Thấy có sinh, có hữu, có tác, có hành, là chưa đạt tới chỗ thiết yếu. Nếu hiểu được thế nào là bất sinh, thì không thấy còn hữu cũng không còn nhu yếu tác và hành.

Bài kệ 16

Tắc sanh hữu đắc yếu	則生有得要
Tùng sanh hữu dĩ khởi	從生有已起
Tác hành trí tử sanh	作行致死生
Vì khai vi pháp quả	為開為法果

Vì hữu nên mới phải có sinh. Và vì sinh cho nên hữu lại tiếp tục. Có tác, có hành, thì tử rồi lại sinh. Đó là cánh cửa sinh tử mở ra, để đưa đến sự phát khởi của các pháp.

Bài kệ 17

Tùng thực nhân duyên hữu	從食因緣有
Tùng thực trí ưu lạc	從食致憂樂
Nhi thử yếu diệt giả	而此要滅者
Vô phục niệm hành tích	無復念行迹

Cái gì cũng do thức ăn mà tồn tại. Ngay cả cái buồn, cái vui cũng phải cần thức ăn mới có. Nếu cái chất liệu thiết yếu ấy

không còn, thì không còn dấu vết nào của hành mà mình có thể nhận diện.

Bài kệ 18

Chư khổ pháp dĩ tận	諸苦法已盡
Hành diệt tận nhiên an	行滅湛然安
Tỷ-khưu ngô dĩ tri	比丘吾已知
Vô phục chư nhập địa	無復諸入地

Nếu khổ đau đã hết và các hành đã diệt, thì hạnh phúc sẽ có mặt một cách lặng lẽ và sẽ có bình an. Nay các vị Tỷ-kheo, ta đã thực chứng điều này. Cho nên ta không cần phải tìm đi vào một cõi nào nữa.

Bài kệ 19

Vô hữu hư không nhập	無有虛空入
Vô chư nhập dụng nhập	無諸入用入
Vô tướng bất tướng nhập	無想不想入
Vô kim thể hậu thế	無今世後世

Không đi vào cõi hư không. Không có cái nơi đi vào để đi vào. Không đi vào cõi tướng hay cõi vô tướng. Không đi vào đời này hay đời sau.

Bài kệ 20

Diệc vô nhật nguyệt tướng	亦無日月想
Vô vãng vô sở huyên	無往無所懸
Ngã dĩ vô vãng phản	我已無往反
Bất khứ nhi bất lai	不去而不來

Cũng không có ý niệm về mặt trời và mặt trăng đang có mặt. Không đi cũng không ở lại. Không có một cái ngã để đi và để về,

thì không có cái đi và cái về.

Bài kệ 21

Bất một bất phục sanh
Thị tế vi nê hoàn
Như thị tượng vô tượng
Khổ lạc vi dĩ giải

不沒不復生
是際為泥洹
如是像無像
苦樂為以解

Nơi không có cái mất đi cũng không có cái còn sinh ra. Nơi ấy là Niết Bàn. Như thế thì vấn đề có đối tượng tri giác hay không có đối tượng tri giác. Vì vấn đề bản chất của cái khổ và cái vui, mình đã hiểu thấu.

Bài kệ 22

Sở kiến bất phục khủng
Vô ngôn ngôn vô nghi
Đoạn hữu chi xạ tiễn
Cấu ngu vô sở y

所見不復恐
無言言無疑
斷有之射箭
遘愚無所猗

Cái mình thấy không còn làm cho mình sợ hãi nữa. Không còn nghi ngờ gì nữa về ngôn từ hay không ngôn từ. Mũi tên bắn rơi được cái hữu rồi, thì khi gặp kẻ ngu muội không cần diễn bày gì nữa cả.

Bài kệ 23

Thị vi đệ nhất khoái
Thử đạo tịch vô thượng
Thọ nhục tâm như địa
Hành nhẫn như môn quắc

是為第一快
此道寂無上
受辱心如地
行忍如門闕

Đó là cái lạc thú đệ nhất. Con đường tịch diệt này không có gì cao hơn. Lúc bấy giờ mình có khả năng nhẫn chịu được, tâm

mình cũng như đất, và cái hành nhẫn cũng như một thành quách.

Bài kệ 24

Tĩnh như thủy vô cầu	淨如水無垢
Sanh tận vô bỉ thọ	生盡無彼受
Lợi thắng bất túc恃	利勝不足恃
Tuy thắng do phục khổ	雖勝猶復苦

Thanh tịnh như nước trong không còn chút cấu uế. Hết chất liệu luân hồi (sở sinh) thì không tiếp nhận cái kia nữa. Cái thắng và cái lợi không còn làm tiêu chuẩn để đi theo. Bởi vì dù có thắng có lợi nhưng cái khổ vẫn còn đó.

Bài kệ 25

Đương tự cầu khứ thắng	當自求去勝
Di thắng vô sở sanh	已勝無所生
Tất cố bất tạo tân	畢故不造新
Yếm thai vô dâm hành	厭胎無姪行

Chỉ nên tự cầu cái thắng lợi về Pháp. Đã có pháp thắng thì không còn sở sinh. Hết sở sinh rồi thì không tạo tác thêm nữa. Muốn không còn luân hồi thì đừng nên có những hành động phóng dăng.

Bài kệ 26

Chủng tiêu bất phục sanh	種焦不復生
Ý tận như hỏa diệt	意盡如火滅
Bào thai vi uế hải	胞胎為穢海
Hà vi lạc dâm hành	何為樂姪行

Hạt giống một khi bị đốt cháy rồi thì không sinh lại. Tâm ý đã

dừng lại rồi thì cũng như lửa đã tắt. Chốn dâm căn là một biển ô uế. Tại sao lại đi tìm lạc thú ở nơi ấy?

Bài 27

Tuy thượng hữu thiện xứ	雖上有善處
Giai mạc như nê hoàn	皆莫如泥洹
Tất tri nhất thiết đoạn	悉知一切斷
Bất phục trước thế gian	不復著世間

Tuy phía trên kia có những cõi trời, nhưng cũng không đâu bằng Niết Bàn. Đã có nhất thiết trí thì cắt bỏ được tất cả. Ta không còn vướng mắc nữa vào thế gian.

Bài kệ 28

Đô khí như diệt độ	都棄如滅度
Chúng đạo trung tư thắng	眾道中斯勝
Phật di hiện để pháp	佛以現諦法
Trí dũng năng phụng trì	智勇能奉持

Buông bỏ hết, đã qua bờ diệt độ. Trong các con đường, đây là con đường đẹp nhất. Bụt đã diễn bày pháp chân đế. Kẻ có trí và có dũng có thể làm theo.

Bài kệ 29

Hành tịnh vô hà ố	行淨無瑕穢
Tự tri độ thế an	自知度世安
Đạo vụ tiên viễn dục	道務先遠欲
Tảo phục Phật giáo giới	早服佛教戒

Sống phạm hạnh, không một vết nhơ. Tự biết mình, vượt thời gian, đạt an ổn. Trong nếp sống tu tập, trước hết là xa lánh ái dục. Phải tự trang bị mình bằng giới luật của Bụt ngay từ bây

giờ.

Bài kệ 30

Diệt ác cực ác tế	滅惡極惡際
Dị như điểu thệ không	易如鳥逝空
Nhược dĩ giải pháp cú	若已解法句
Chỉ tâm thể đạo hành	至心體道行

Diệt phiền não, thoát ra khỏi thế giới hệ lụy. Dễ như con chim cất cánh bay lên không trung. Nếu hiểu được pháp cú này, thì hãy đem hết lòng mà đi tới trên con đường đạo.

Bài kệ 31

Thị độ sanh tử ngạn	是度生死岸
Khổ tận nhi vô hoạn	苦盡而無患
Đạo pháp vô thân sơ	道法無親疎
Chánh bất vấn doanh cường	正不問羸強

Đó là con đường vượt qua bờ sinh tử. Đưa tới chỗ chấm dứt khổ đau hoạn nạn. Trong đạo pháp, không còn sự phân biệt thân sơ. Không còn hỏi ai có thể lực nhiều, ai không có thể lực.

Bài kệ 32

Yếu tại vô thức tướng	要在無識想
Kết giải vi thanh tịnh	結解為清淨
Thượng trí yếm hủ thân	上智厭腐身
Nguy thúy phi thật chân	危脆非實真

Quan trọng nhất là đừng bám vào tri giác. Khi cả hai cái cột và mở đều đã thanh tịnh. Thì bậc thượng trí không còn bị kẹt vào cái hình hài dễ tan vỡ này, và thấy nó là một cái gì không chắc thật.

Bài kệ 33

Khổ đa nhi lạc thiếu
 Cửu khổng vô nhất tịnh
 Tuệ di nguy mậu an
 Khí y thoát chúng nạn

苦多而樂少
 九孔無一淨
 慧以危貿安
 棄猗脫眾難

Hình hài này đem lại khổ lụy nhiều mà an vui ít. Trong chín kẻ hở, không một kẻ hở nào thanh khiết. Người có trí tuệ biết bỏ nguy, giữ an. Chấm dứt ba hoa, trút được mọi khổ nạn.

Bài kệ 34

Hình hủ tiêu vi mạt
 Tuệ kiến xả bất tham
 Quán thân vi khổ khí
 Sinh lão bệnh vô thống

形腐銷為沫
 慧見捨不貪
 觀身為苦器
 生老病無痛

Hình hài này một khi đã hủy hoại sẽ trở thành tro bụi. Kẻ có tuệ biết buông bỏ không bám víu. Quán chiếu thấy được thân này là một công cụ mang toàn hệ lụy. Thì sinh, lão, bệnh, tử sẽ không còn là chuyện đau buồn.

Bài kệ 35

Khí cấu hành thanh tịnh
 Khả di hoạch đại an
 Y tuệ di khước tà
 Bất thọ lậu đắc tận

棄垢行清淨
 可以獲大安
 依慧以却邪
 不受漏得盡

Buông bỏ được cấu uế, đi trên đường thanh tịnh. Thì có thể đạt tới cái an tịnh lớn. Nuông tuệ giác, bỏ tà kiến. Không tiếp nhận gì nữa thì đạt được tới lậu tận.

Bài kệ 36

Hành tịnh trí độ thế
 Thiên nhân mạc bất lễ

行淨致度世
 天人莫不禮

Sống thanh tịnh, vượt thoát được thời gian, thì cả hai giới thiên nhân đều nghiêng mình kính nể.



Kinh Thoát Vòng Sinh Tử

Tâm diệt pháp cũng diệt, sinh diệt như mưa và như mưa đá, lưu chuyển không tự biết.

Sanh Tử Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập thất

生死品法句經第三十七

Kinh Thoát Vòng Sinh Tử

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 37

Phẩm này có 18 bài kệ. Kinh này nói về luân hồi sinh tử và cách vượt thoát luân hồi sinh tử. Có những bài kệ cho ta cảm tưởng là thân và tâm là hai thực thể riêng biệt và thần thức thì thường tại trong khi hình hài thì tạm bợ. Cái thấy ấy có thể làm người ta đi lạc vào thường kiến. Nhưng bài kệ thứ 7 nhắc ta rằng cả hai cái thấy đoạn diệt và thường tại đều là những tà kiến và cái thấy luân hồi sinh tử trong ánh sáng của vô thường và vô ngã mới đích thực là chánh kiến. Thức lấy căn làm tên gọi, như nhãn thức, thân thức, ý thức... Đó là lời nhắc nhở của bài kệ thứ 10, cho ta nhớ cả thân và tâm đều nương vào nhau mà biểu hiện. Bài kệ 11 đi sâu hơn: tâm và đối tượng của tâm vừa khởi lên thì diệt ngay. Tâm diệt pháp cũng diệt, sinh diệt như mưa và mưa đá, lưu chuyển không tự biết. Đó là một bài kệ rất sâu sắc. Trong khi ấy thì bài kệ thứ 12 lại đi về hướng nhận thức nhị nguyên; cho thân và tâm là hai cái có thể tách rời nhau: đây là kinh *chưa liễu nghĩa*, nhưng cũng có sứ mạng của nó: thần thức đi về năm nẻo, bỏ thân này rồi lại thọ thân khác. Bài thứ 13 và 14 đưa ra những hình ảnh bỏ nhà cũ đi về nhà mới và bình vữa chim bay đi.

Bài kệ 1

Mạng như quả đãi thực	命如菓待熟
Thường khủng hội linh lạc	常恐會零落
Dĩ sanh giai hữu khổ	已生皆有苦
Thực năng trí bất tử	孰能致不死

Mạng sống con người như trái cây đợi chín có thể rụng bất cứ lúc nào: có sinh ra thì phải có diệt. Có ai sống hoài được đâu.

Bài kệ 2

Tòng sơ lạc ân ái	從初樂恩愛
Khả dâm nhập phao ảnh	可姪入泡影
Thọ hình mạng như điện	受形命如電
Trú dạ lưu nan chỉ	晝夜流難止

Ban đầu vì có ân ái nên mới có luân hồi. Thân hình và mạng sống được tiếp nhận, trôi chảy ngày đêm như một dòng điện, không thể nào dừng lại được.

Bài kệ 3

Thị thân vi tử vật	是身為死物
Tinh thần vô hình pháp	精神無形法
Giả lệnh tử phục sanh	假令死復生
Tội phước bất bại vong	罪福不敗亡

Thân thể mà không có tâm thức thì không có sự sống, trong khi đó tinh thần là cái vô hình tướng, cho nên chết rồi lại phải sinh trở lại, tội và phước không bao giờ mất đi.

Bài kệ 4

Chung thủy phi nhất thế
 Tùng si ái cứu trường
 Tự thử thọ khổ lạc
 Thân tử thần bất tang

終始非一世
 從癡愛久長
 自此受苦樂
 身死神不喪

Sự sống đâu phải chỉ được giới hạn trong một đời người. Vì có si mê và ái thủ cho nên cứ phải luân hồi lâu dài để hưởng phúc lạc hay chịu khổ đau. Thân xác tuy tiêu hoại nhưng thần thức không mất.

Bài kệ 5

Thân tứ đại vi sắc
 Thức tứ uẩn viết danh
 Kỳ tình thập bát chủng
 Sở duyên khởi thập nhị

身四大為色
 識四陰曰名
 其情十八種
 所緣起十二

Thân tứ đại này là sắc. Bốn uẩn kia kể cả thức uẩn thuộc về danh. Vọng tình sinh từ mười tám giới, nối tiếp do mười hai nhân duyên.

Bài kệ 6

Thần chỉ phàm cửu xứ
 Sanh tử bất đoạn diệt
 Thế gian ngu bất văn
 Tế ám vô thiên nhãn

神止凡九處
 生死不斷滅
 世間愚不聞
 蔽闇無天眼

Thần thức đi qua sinh tử trong chín cõi cư trú, không dừng nghỉ. Người trần tục không có con mắt tuệ không thấy, không nghe được sự thật này. Con mắt của họ bị che ám.

Bài kệ 7

Tự đồ dĩ tam cấu
 Vô mục ý vọng kiến
 Vị tử như sanh thời
 Hoặc vị tử đoạn diệt

自塗以三垢
 無目意妄見
 謂死如生時
 或謂死斷滅

Tự làm ô nhiễm bởi ba loại trần cấu (tam cái), vì không có con mắt tuệ nên tâm ý họ chứa đầy những cái thấy sai lạc, cho nên họ bị vướng vào hoặc cái thấy đoạn diệt hoặc cái thấy thường tại.

Bài kệ 8

Thức thần tạo tam giới
 Thiện bất thiện ngũ xứ
 Uẩn hành nhi mặc đạo
 Sở vãng như hưởng ứng

識神造三界
 善不善五處
 陰行而默到
 所往如響應

Chính thần thức tạo ra ba cõi và năm đường, bao gồm cả những gì thiện và ác. Năm ấm và các hành cứ lặng lẽ mà biểu hiện, qua lại như âm theo hưởng, như bóng theo hình.

Bài kệ 9

Dục sắc bất sắc hữu
 Nhất thiết nhân túc hành
 Như chủng tùy bản tượng
 Tự nhiên báo như ý

欲色不色有
 一切因宿行
 如種隨本像
 自然報如意

Sinh vào ba cõi dục, sắc và vô sắc là do nhân nghiệp sẵn có từ kiếp trước, hạt nào thành cây ấy, quả báo đến một cách tự nhiên.

Bài kệ 10

Thần dĩ thân vi danh	神以身為名
Như hỏa tùy hình tự	如火隨形字
Trước chúc vi chúc hỏa	著燭為燭火
Tùy than thảo phần tân	隨炭草糞薪

Thức lấy căn làm tên gọi, cũng như lửa lấy tên nhiên liệu làm tên mình, như lửa nến, lửa than, lửa rơm, lửa củi hoặc lửa phân.

Bài kệ 11

Tâm pháp khởi tắc khởi	心法起則起
Pháp diệt nhi tắc diệt	法滅而則滅
Hưng suy như vũ bạc	興衰如雨雹
Chuyển chuyển bất tự thức	轉轉不自識

Tâm và đối tượng của tâm vừa khởi lên thì diệt ngay, tâm diệt pháp cũng diệt, sinh diệt như mưa và mưa đá, lưu chuyển không tự biết.

Bài kệ 12

Thức thần tẩu ngũ đạo	識神走五道
Vô nhất xứ bất cánh	無一處不更
Xả thân phục thọ thân	捨身復受身
Như luân chuyển trước địa	如輪轉著地

Thần thức đi về năm nẻo qua lại khắp mọi nơi, bỏ thân này rồi lại thọ thân khác nhanh như xe lăn trên mặt đất.

Bài kệ 13

Như nhân nhất thân cư
 Khứ kỳ cố thất trung
 Thần di hình vi lư
 Hình hoại thần bất vong

如 人 一 身 居
 去 其 故 室 中
 神 以 形 為 廬
 形 壞 神 不 亡

Như người ở trong nhà, bỏ nhà cũ đi vào nhà mới, thần thức lấy thân làm nhà, khi thân xác tiêu hoại thần thức vẫn tiếp tục.

Bài kệ 14

Tinh thần cư hình khu
 Do tước tạng khí trung
 Khí phá tước phi khứ
 Thân hoại thần thệ sanh

精 神 居 形 軀
 猶 雀 藏 器 中
 器 破 雀 飛 去
 身 壞 神 逝 生

Thần thức cư trú trong hình hài như con chim ẩn nấu trong ruột bình. Bình vỡ chim bay đi. Thân hoại thần thức đi đâu thai.

Bài kệ 15

Tánh si tịnh thường tưởng
 Lạc thân tưởng nghi tưởng
 Hiềm vọng phi thượng yếu
 Phật thuyết thị bất minh

性 癡 淨 常 想
 樂 身 想 疑 想
 嫌 望 非 上 要
 佛 說 是 不 明

Si mê nên cứ tưởng bất tịnh là tịnh, vô thường là thường, khổ là lạc. Đó là những tri giác sai lầm, do đó mà có những cái ưa cái ghét không chính xác. Phật bảo cái đó là vô minh.

Bài kệ 16

Nhất bản nhị triển chuyển
 Tam cấu ngũ di quảng
 Chư hải thập tam sự
 Uyên tiêu việt độ hoan

一本二展轉
 三垢五彌廣
 諸海十三事
 淵銷越度歡

Từ cái một căn bản mà chuyển thành cái hai (nhị chuyển), rồi tới cái tam cấu và cái ngã đi rộng lớn. (Từ căn bản trí đi đến sự thành tựu của nhị trí, hành giả vượt được vực sâu của tam cấu, nắm thủ uẩn và mười hai cơn lũ lụt, đạt tới niềm vui siêu việt).

Bài kệ 17

Tam sự đoạn tuyệt thời
 Tri thân vô sở trực
 Mạng khí uân noãn thức
 Xả thân nhi chuyển thế

三事斷絕時
 知身無所直
 命氣煨煖識
 捨身而轉逝

Ba yếu tố hơi thở, hơi nóng và thức không còn thì biết thân hình này không thể tồn tại nữa. Đây là lúc bỏ thân để đi qua.

Bài kệ 18

Đương kỳ tử ngọa địa
 Do thảo vô sở tri
 Quán kỳ trạng như thị
 Dẫn huyền nhi ngu tham

當其死臥地
 猶草無所知
 觀其狀如是
 但幻而愚貪

Hình hài đã nằm chết ở trên đất, như cỏ khô, người ta không hay biết gì nữa. Quán được như thế thì thấy tất cả đều như huyền. Chỉ có kẻ không có trí tuệ mới tham tiếc thân này.



Kinh Đời Sống Đạo Lý

Như đàn trâu qua sông, nếu con đầu đàn đi đúng thì tất cả đàn trâu đều qua sông an toàn, nếu thực thi pháp luật mà không có tà tâm thì khắp nơi dân chúng sẽ được an cư lập nghiệp.

Đạo Lợi Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập bát

道利品法句經第三十八

Kinh Đời Sống Đạo Lý

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 38

Phẩm này có 20 bài kệ. Đạo lợi là lợi ích của sự tu tập. Kinh này có vẻ hướng về các giới cư sĩ tại gia, từ vua cho tới dân, từ vị thủ tướng cho tới người trong thiên hạ. Những bài kệ thứ 2, 3, 4, 5, 6 và 7 là để giáo giới các vị lãnh đạo chính trị. Và bài kệ chót nhắc nhở những người đã lặn lội nhiều trong cuộc đời nên nhìn lại và bắt đầu đi vào nếp sống tâm linh để lo cho mai hậu: nay trên đầu ta tóc đã bạc, tuổi trẻ ta hầu như đã bị đánh cắp, thiên sứ đã đến báo tin, có lẽ đã đến lúc ta phải xuất gia.

Bài kệ 1

Nhân tri phụng kỳ thượng

人知奉其上

Quân phụ sư đạo sĩ

君父師道士

Tín giới thí văn tuệ

信戒施聞慧

Chung cát sở sanh an

終吉所生安

Những ai biết vâng theo lời chỉ giáo của các bậc trên mình như vua, cha, thầy và các vị xuất gia, những ai có đức tin, có trì giới, có thực tập cúng dường, bố thí, những ai biết học hỏi chánh pháp

để bồi đắp tuệ giác... những vị ấy suốt đời sẽ được sống an lành và luôn gặp may mắn.

Bài kệ 2

Túc mạng hữu phước khánh	宿命有福慶
Sanh thế vi nhân tôn	生世為人尊
Di đạo an thiên hạ	以道安天下
Phụng Pháp mạc bất tùng	奉法莫不從

Nhờ kiếp trước có gieo trồng phước đức nên kiếp này sinh ra được là người mà thiên hạ tôn quý. Phải biết sử dụng đạo lý để làm cho thiên hạ an ổn. Nếu mình biết hành trì đúng theo luật (Phật) pháp thì không ai lại không theo mình.

Bài kệ 3

Vương vi thần dân trường	王為臣民長
Thường dĩ từ ái hạ	常以慈愛下
Thân suất dĩ pháp giới	身率以法戒
Thị chi dĩ hưu cữu	示之以休咎

Vua là vị lớn nhất đứng trên quần thần, thường nên sử dụng tâm từ ái để ban bố ân huệ xuống cho nhân dân. Nếu Vua tự mình hành trì theo giáo pháp và giới luật làm gương mẫu cho mọi người, thì mọi xáo trộn sẽ được ngưng lại.

Bài kệ 4

Xứ an bất vong nguy	處安不忘危
Lự minh phước chuyển hậu	慮明福轉厚
Phước đức chi phản báo	福德之反報
Bất vấn tôn dĩ ti	不問尊以卑

Trong thời hòa bình phải nhớ tới thời loạn lạc, do đó phải tập tư

*duy cho sáng suốt, phải biết bồi đắp cho phước đức thêm dày.
Phước đức này sẽ là hoa trái cho mọi người cùng hưởng, không
phân biệt sang hèn.*

Bài kệ 5

Phu vi thế gian tướng	夫為世間將
Tu chánh bất a trụ	修正不阿柱
Tâm điều thắng chư ác	心調勝諸惡
Như thị vi pháp vương	如是為法王

*Là một vị thủ tướng, đứng trên thiên hạ mà biết tu tập theo
chánh pháp, không làm những điều tham nhũng, điều phục được
tâm mình và vượt thắng được mọi cám dỗ thì mình cũng đã là
một vị pháp vương.*

Bài kệ 6

Kiến chánh năng thí huệ	見正能施惠
Nhân ái hảo lợi nhân	仁愛好利人
Ký lợi dĩ bình quân	既利以平均
Như thị chúng phụ thân	如是眾附親

*Có cái thấy chính xác rồi thì mình sẽ có khả năng ban bố ân huệ
cho dân chúng, lòng nhân ái của mình đưa mình tới những hành
động ích nước lợi dân. Cái lợi ấy nếu được phân bố đồng đều
trong dân chúng thì tất cả mọi người đều trở nên thân cận với
mình, ủng hộ mình.*

Bài kệ 7

Như ngư lệ độ thủy	如牛厲渡水
Đạo chánh tùng diệc chánh	導正從亦正
Phụng Pháp tâm bất tà	奉法心不邪
Như thị chúng phổ an	如是眾普安

Như đàn trâu qua sông, nếu con đầu đàn đi đúng thì tất cả đàn trâu đều qua sông an toàn, nếu thực thi pháp luật mà không có tà tâm thì khắp nơi dân chúng sẽ được an cư lập nghiệp .

Bài kệ 8

Vật vọng nhiều thần tượng	勿妄燒神象
Dĩ chiêu khổ thống hoạn	以招苦痛患
Ác ý vi tự sát	惡意為自煞
Chung bất chí thiện phương	終不至善方

Đừng thờ cúng thần tượng, cái đó chỉ đem thêm thống khổ và hoạn nạn. Cái tâm mình đã có ý ác thì không thể nào đem lại chuyện lành.

Bài kệ 9

Giới đức khả thị hỷ	戒德可恃怙
Phước báo thường tùy kỷ	福報常隨己
Kiến Pháp vi nhân trường	見法為人長
Chung viễn tam ác đạo	終遠三惡道

Nếu ta biết nương tựa vào giới và đức thì phúc báo tốt đẹp thường đi theo ta. Thấy được con đường giáo pháp và dẫn đầu được cho người khác đi trên con đường ấy thì vinh viễn sẽ xa lìa được ba nẻo về xấu ác.

Bài kệ 10

Giới thận trừ khổ úy	戒慎除苦畏
Phước đức tam giới tôn	福德三界尊
Quý long tà độc hại	鬼龍邪毒害
Bất phạm trì giới nhân	不犯持戒人

Hành trì giới luật cho vững chãi thì sẽ chế ngự được khổ đau và sợ hãi, được hưởng phước đức và chỗ đứng đáng tôn quý trong ba cõi. Những loài quỷ thần, tà ma, rắn độc không thể nào xâm phạm được kẻ giữ giới.

Bài kệ 11

Vô nghĩa bất thành tín	無義不誠信
Khi vọng hảo đấu tranh	欺妄好鬪諍
Đương tri viễn ly thử	當知遠離此
Cận ngu hưng tội đa	近愚興罪多

Phải biết xa lánh những kẻ bất nghĩa, không thành tín, những kẻ dối trá và ưa tranh cãi. Gần gũi những kẻ ngu phu như thế chỉ làm cho cái xấu ác của mình lớn lên mà thôi.

Bài kệ 12

Nhân hiền ngôn thành tín	仁賢言誠信
Đa văn giới hành cụ	多聞戒行具
Đương tri thân phụ thử	當知親附此
Cận trí thành thiện đa	近智誠善多

Phải biết gần gũi những bậc hiền nhân, có lòng nhân từ, biết nói lời thành tín, học nhiều biết rộng, hành trì giới luật đầy đủ. Thân cận những người có trí tuệ như thế thì cái thiện của mình càng ngày càng lớn.

Bài kệ 13

Thiện ngôn bất thủ giới	善言不守戒
Chí loạn vô thiện hành	志亂無善行
Tuy thân xứ tiềm ẩn	雖身處潛隱
Thị vi phi học pháp	是為非學法

Nói thì thật hay nhưng không hành trì giới luật, tâm ý thác loạn, chưa làm được gì có ích cho đời thì dù có ẩn cư cũng không phải là người thật sự đang tu tập chánh pháp.

Bài kệ 14

Mỹ thuyết chánh vi thượng	美說正為上
Pháp thuyết vi đệ nhị	法說為第二
Ái thuyết khả bỉ tam	愛說可彼三
Thành thuyết bất khi tứ	誠說不欺四

Có bốn thứ ngôn từ đáng mến: thứ nhất là trình bày được sự thật một cách đẹp đẽ, thứ hai là thuyết pháp, thứ ba là nói lời ái ngữ, thứ tư là nói lời thành thật không dối trá.

Bài kệ 15

Vô tiền hoạch lợi nhận	無便獲利刃
Tự dĩ khắc kỳ thân	自以剋其身
Ngu học hảo vọng thuyết	愚學好妄說
Hành khiên thọ hạnh lệ	行牽受幸戾

Người phạm tục không biết sử dụng những ngôn từ ấy cho nên cứ nói những điều hư vọng dối trá, những lời như dao bén có công dụng làm tổn thương ngay chính thân mạng mình, những lời đưa tới hệ lụy.

Bài kệ 16

Tham dâm sân khuể si	貪婬瞋恚癡
Thị tam phi thiện bản	是三非善本
Thân dĩ tư tự hại	身以斯自害
Báo do si ái sanh	報由癡愛生

Thèm khát, sân hận và si mê là ba cái bất thiện căn bản, vì chúng mà ta tự hại mình, bởi vì quả báo xấu luôn luôn sinh ra từ tham ái và si mê.

Bài kệ 17

Hữu phước vì thiên nhân	有福為天人
Phi pháp thọ ác hình	非法受惡形
Thánh nhân minh độc kiến	聖人明獨見
Thường thiện thừa Phật lệnh	常善承佛令

Có phước đức thì được sinh lên các cõi thiên và nhân, sống ngược với giáo pháp thì mang hình hài xấu ác. Chỉ những người có con tim thánh thiện mới thấy rõ được điều này cho nên họ biết thực hành theo lời Phật chỉ dạy.

Bài kệ 18

Giới đức hậu thế nghiệp	戒德後世業
Dĩ tác phước truy thân	以作福追身
Thiên nhân xưng dự thiện	天人稱譽善
Tâm chánh vô bất an	心正無不安

Giới hạnh và đức độ tạo tác ra nghiệp lành, phước đức gây nên do đấy sẽ đi theo mình trong các đời sau. Tâm của mình chính trực thì đi đâu cũng được an vui, được hai giới thiên và nhân khen ngợi.

Bài kệ 19

Vì ác bất niệm chỉ	為惡不念止
Nhật phược bất tự hối	日縛不自悔
Mạng thế như xuyên lưu	命逝如川流
Thị khủng nghi thủ giới	是恐宜守戒

Những kẻ hành động thất đức mà không có ý thức, không biết dừng lại, càng ngày càng bị ràng buộc trong cái thế giới bưng bít của mình, không có cơ duyên tự hồi cải thì mạng sống sẽ trôi qua nhanh như một dòng sông. Thấy vậy cho nên ta sợ hãi và biết mình cần phải tri giới không làm chuyện thất đức.

Bài kệ 20

Kim ngã thượng thể thủ

今我上體首

Bạch sanh vi bị đạo

白生為被盜

Dĩ hữu thiên sứ triệu

已有天使召

Thời chánh nghi xuất gia

時正宜出家

Nay trên đầu ta đã bắt đầu có tóc bạc, tuổi trẻ ta hầu như đã bị đánh cắp, thiên sứ đã đến báo tin, có lẽ đã đến lúc ta phải xuất gia.



Kinh Điềm Lành Lớn Nhất

Chọn được môi trường tốt, có nhiều bạn hiền, có dịp làm những việc phúc đức, giữ lòng cho trinh bạch và chân chánh. Đó là điềm lành lớn nhất.

Cát Tường Phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập cửu
吉祥品法句經第三十九

Kinh Điềm Lành Lớn Nhất

Dịch từ kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 39

Phẩm này có 16 bài kệ. Kinh này xuất xứ từ Kinh Tập (*Suttanipata*) của văn hệ Pāli. Lời dạy rất thực tế. Ở các nước Phật giáo Nam tông, đa số các Phật tử cư sĩ đều thuộc lòng kinh này.

Bài kệ 1

Phật tôn quá chư thiên	佛尊過諸天
Như Lai thường hiện nghĩa	如來常現義
Hữu phạm chí đạo sĩ	有梵志道士
Lai vấn hà cát tường	來問何吉祥

Bụt được tôn quý hơn cả trong hai giới trời và người vì Ngài thường có khả năng đưa ra những giáo nghĩa mẫu nhiệm của một bậc Như Lai. Một ngày kia, có một vị đạo sư Bà la môn tới hỏi: Cái gì mới thật là điềm lành lớn nhất?

Bài kệ 2

Ư thị Phật mẫn thương
 Vị thuyết chân hữu yếu
 Dĩ tín lạc chánh pháp
 Thị vi tối cát tường

於是佛愍傷
 為說真有要
 已信樂正法
 是為最吉祥

Ngay lúc đó với lòng xót thương, Bụt đã thuyết giảng về những gì thiết yếu và chân thật. Ngài dạy: Có niềm tin nơi chánh pháp và có hạnh phúc trong khi học hỏi giáo pháp. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 3

Nhược bất tùng thiên nhân
 Hy vọng cầu kiều hạnh
 Diệc bất đáo thần từ
 Thị vi tối cát tường

若不從天人
 希望求僥倖
 亦不禱神祠
 是為最吉祥

Không chạy theo các giới trời và người để cầu mong ban phúc và tránh họa, cũng không đến cầu đảo ở các đền miếu. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 4

Hữu hiền trạch thiện cư
 Thường tiên vi phúc đức
 Sắc thân thừa trình chánh
 Thị vi tối cát tường

友賢擇善居
 常先為福德
 勅身承貞正
 是為最吉祥

Chọn được môi trường tốt, có nhiều bạn hiền, có dịp làm những việc phúc đức, giữ lòng cho trinh bạch và chân chánh. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 5

Khử ác tùng tụt thiện
 Tị tửu tri tự tiết
 Bất dâm ư nữ sắc
 Thị vi tối cát tường

去惡從就善
 避酒知自節
 不婬於女色
 是為最吉祥

Biết bỏ ác theo lành, không uống rượu, biết tiết chế, không đắm trong sắc dục. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 6

Đa văn như giới hành
 Pháp luật tinh tấn học
 Tu kỷ vô sở tranh
 Thị vi tối cát tường

多聞如戒行
 法律精進學
 修己無所爭
 是為最吉祥

Học rộng biết tri giới. Siêng năng tu tập theo giáo pháp và luật nghi. Biết tu dưỡng thân tâm, không vướng vào các cuộc tranh chấp. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 7

Cư hiếu sự phụ mẫu
 Trị gia dưỡng thê tử
 Bất vi không phạp hành
 Thị vi tối cát tường

居孝事父母
 治家養妻子
 不為空乏行
 是為最吉祥

Là người con hiếu thảo, có cơ hội phụng dưỡng mẹ cha. Biết chăm sóc gia đình, giữ cho trong nhà êm ấm, không để cho lâm vào cảnh nghèo đói. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 8

Bất mạn bất tự đại	不慢不自大
Tri túc niệm phản phúc	知足念反覆
Dĩ thời tụng tập kinh	以時誦習經
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Không kiêu mạn, không cho mình là hơn người. Biết tri túc, biết xét suy. Có thì giờ đọc tụng và thực tập kinh điển. Đó là phước đức lớn nhất.

Bài kệ 9

Sở văn thường dục nhận	所聞常欲忍
Nhạo dục kiến sa môn	樂欲見沙門
Mỗi giảng tiếp thính thọ	每講輒聽受
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Biết nhẫn nhục khi nghe điều bất như ý. Có hạnh phúc mỗi khi được gặp người xuất gia. Mỗi khi nghe pháp hết lòng tiếp nhận để hành trì. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 10

Tri trai tu phạm hạnh	持齋修梵行
Thường dục kiến hiền minh	常欲見賢明
Y phụ minh trí giả	依附明智者
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Biết ăn chay, biết tu theo phạm hạnh. Có hạnh phúc khi gặp các hiền đức. Biết nương vào các bậc có trí sáng. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 11

Di tín hữu đạo đức	已信有道德
Chánh ý hướng vô nghi	正意向無疑
Dục thoát tam ác đạo	欲脫三惡道
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Có niềm tin, có một đời sống tâm linh. Tâm ý ngay thẳng, không bị hoài nghi che lấp. Có quyết tâm lành xa ba nẻo về xấu ác. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 12

Đẳng tâm hành bố thí	等心行布施
Phụng chư đắc đạo giả	奉諸得道者
Diệc kính chư thiên nhân	亦敬諸天人
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Biết bố thí với tâm niệm bình đẳng. Biết phụng sự những bậc đắc đạo. Biết tôn quý những kẻ đáng tôn quý trong hai giới nhân và thiên. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 13

Thường dục ly tham dâm	常欲離貪婬
Ngộ si sân nhuế ý	遇癡瞋恚意
Năng tập thành đạo kiến	能習成道見
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Biết xa lìa tham dục, sân hận và si mê. Thường tu tập để mong đạt được chánh kiến. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 14

Nhược dĩ khí phi vụ	若以棄非務
Năng cần tu đạo dụng	能勤修道用
Thường sự ư khả sự	常事於可事
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Biết buông bỏ những nghiệp vụ phi nghĩa. Có khả năng áp dụng đạo pháp vào đời sống hằng ngày. Biết theo đuổi một lý tưởng đáng được theo đuổi. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 15

Nhất thiết vi thiên hạ	一切為天下
Kiến lập đại từ ý	建立大慈意
Tu nhân an chúng sinh	修人安眾生
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Vì tất cả nhân loại vun bón tâm đại từ. Nuôi dưỡng tình thương để đem lại an bình cho thế gian. Đó là điềm lành lớn nhất.

Bài kệ 16

Trí giả cư thế gian	智者居世間
Thường tập cát tường hạnh	常習吉祥行
Tự trí thành tuệ kiến	自致成慧見
Thị vi tối cát tường	是為最吉祥

Là bậc trí giả ở trong cuộc đời thường tập hạnh tạo tác những điềm lành cho đến khi chính mình thành tựu được tuệ giác lớn. Đó là điềm lành lớn nhất.



Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti

**SÁCH ẨM TỔNG
KHÔNG BÁN**